

TÙ BINH VÀ HÒA BÌNH

Phan Nhật Nam

LỜI MỞ ĐẦU HÒA BÌNH, 28.1.1973

Để mở đầu cho tập bi ký, tôi lấy ngày tháng này để làm dấu Ngày Hòa Bình. Một thứ hòa bình quái dị, đắng như thuốc mà quê hương trong cơn thập tử phải uống vào. Nhân Dân Tự Vệ đi đập cửa từng nhà hỏi thúc gia chủ treo cờ, Tổng Thống Thiệu đọc trên tivi gởi đến toàn dân thông điệp lịch sử. Thông điệp báo tin một hòa bình đe dọa. Thông điệp gồm những ngôn từ nóng, những thành ngữ giản dị đầy hình ảnh, thông điệp dồn dập không thể có được ở cấp Nguyên Thủ của bất cứ quốc gia nào...Quê hương Việt Nam đón nhận hòa bình trong trạng thái buốt sống lưng.

Tôi đi trong Sài Gòn ngày 28.1 với cảm giác xôn xao kỳ lạ. Tháng năm chinh chiến quá dài biến đổi chiến tranh nên thành một hiện tượng hằng có, thường trực, dứt ra, ngỡ ngàng như ra khỏi vùng quen thuộc. Sự quen thuộc khôn nạn. Ở Tây Ninh, cộng sản tứ bề vây kín Tòa Thánh, Quốc Lộ 15 bị đóng mấy "chốt" ở Bắc và Nam Long Thành, đường đi ra Trung, lên Đà Lạt bị kìm kẹp...Cộng sản cố giữ một đoạn Quốc Lộ 1 ở Trảng Bom, hòa bình được đón nhận bằng một loạt vi phạm ào ạt cùng xảy đến khắp bốn quân khu. Đã có hòa bình chưa ?

...Vẫn còn được an ủi lớn. Chưa có trận đánh quy mô cấp tiểu đoàn trở lên!! Sự an ủi tội nghiệp như hơi thở hồi dương của xác thân đã chết phần chân tay.

Nhưng "hòa bình" hình như được ráp nối dần. Những Phái Đoàn Nam Dương, Gia Nã Đại trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến đến Sài Gòn, những người mặc áo đại cán may bằng vải kaki Nam Định đã có mặt tại Tân Sơn Nhất. Những cán bộ cộng sản từ Hà Nội, Ba Lê, mặt khu lần đầu tiên tập trung tại trên đất Quốc Gia. Cuộc họp lịch sử khai diễn. Tổ Quốc bước qua một chặng đường mới. Con đường dài đầy đặc hỏa mù dấy lên ào ạt như khói súng của những trận đánh trên bốn quân khu. Hòa bình đến với những người chết ngỡ ngàng không nhắm mắt. Những buổi họp thành hình quanh chiếc bàn nỉ xanh trong căn phòng kín cửa. Bằng lời nói uyển chuyển, thái độ hòa nhã, những con người đối cực ngày hôm qua, hôm kia, trao đổi với nhau một đề tài bi thảm. Tù binh, vật thụ nạn trực tiếp đau đớn nhất của chiến tranh, món quà tội nghiệp của hòa bình bắt đầu được ngẫm giá.

Hôm nay, ngày khởi đầu màn bi kịch lặng lẽ, những người tù bắt đầu được thả để ở yên trong một khoảng trống nào đó hay sẽ mặc lại bộ áo chiến binh, nhận một thứ vũ khí để bắt đầu lại vở bi kịch trường thiên không dứt đoạn.

Được đi chứng kiến và sống cùng "chiến trường" bi thiết lặng lẽ này, người viết với trái tim trung tín, thẳng thắn cố gắng ghi lại sau đây những diễn tiến đã được một lần ghi nhận. Sự ghi nhận chủ quan. Lẽ tất nhiên, nhưng cũng không thể vượt khỏi chủ quan của một người. Người Việt Nam.

...Tôi mở cửa căn phòng, hơi lạnh tỏa ra dễ chịu. Tường gỗ đánh vec-ni nâu, sàn lót thảm, bàn nỉ xanh, vẻ yên tĩnh trang trọng của nơi tiện nghi theo lối Mỹ, trăm phần trăm Mỹ với không khí thơm thơm sạch sẽ của toàn khối vật chất được khử trùng lọc sạch. Trong căn phòng nhỏ đẹp gọn ghẽ trơn láng này, vấn đề gai góc nhất của hiệp định ngưng bắn. Ba mươi ngàn tù binh của hai bên và năm trăm sáu mươi mốt tù binh Mỹ sẽ được giải quyết, trả giá và cân nhắc từng trăm, từng chục, hoặc từng người tùy theo nghiệp độ khí hậu của bốn bên. Con người chỉ còn lại là một con số trống. Tù binh, giờ này anh nghĩ gì ?

... Xin giới thiệu với quý vị, Đại Úy Nam. Tôi đứng dậy cúi đầu chào. Những con mắt mở ra vừa phải dò dẫm...Tôi đang đối diện với cán bộ cộng sản thực thụ, những người đàn ông trung niên, nghiêm trọng cứng nhắc trong những bộ quân

Phiên họp bắt đầu, Đại Tá Đất, Đại Tá của những Đại Tá, thâm niên cấp bậc mười lăm năm, con người quen thuộc với tù binh và nhà giam từ những ngày cách đây hai mươi năm, một chuyên viên của tù, không thể ai hơn ông trong chức vụ này. Phiên họp mở đầu bằng thông báo của hoạt động trong ngày, bổ túc việc trao trả, trao đổi danh sách tù nhân của hai bên...

Thứ tự phát biểu xoay theo chiều kim đồng hồ Việt Nam Cộng Hòa, Mỹ, Mặt Trận Giải Phóng và Bắc Việt... Lý luận trao đổi qua những ngôn từ trầm lắng, kiểm soát và ngăn chặn. Lý luận không theo cùng hệ thống, không phải là câu trả lời những câu hỏi, nhưng tùy theo chiến pháp của hai bên, Việt Nam Cộng Hòa thông báo số tù binh được dự trù trao trả trong ngày, nhưng vì đến giờ họp, vẫn không thực hiện được vì người của Mặt Trận ở Thạch Hãn, Quảng Trị không chịu qua sông nhận tù và tù binh ở Biên Hòa không chịu lên máy bay đi Lộc Ninh. Đại Tá Russell của Mỹ nêu vấn đề Mặt Trận không trả tù Mỹ ở Lộc Ninh đúng như đã hẹn. Những vấn đề đặt ra rõ ràng gọn như một miếng bánh nhỏ. Tôi chờ đợi câu trả lời của hai phe cộng sản. Nhưng buổi họp đã lộ dần tính chất chạy trốn, sự tránh né lộ liễu buồn cười. Đại Tá Lê Trực, trưởng đoàn Mặt Trận xoay quanh vấn đề danh sách tù binh dân sự và Trung Tá Tấn, trưởng đoàn Bắc Việt thông báo nhà nước Hà Nội thả thêm một Trung Tá Phi Công Mỹ sáng nay ở Gia Lâm vì lý do nhân đạo: Mẹ ông ta bệnh nặng!!

Như những hòn bi được rơi tự do trên một độ dốc lồi lõm, các đề nghị, câu hỏi, vấn đề thảo luận do Việt Nam Cộng Hòa đưa ra được biến dạng thành những câu hỏi khác, những vấn đề tổng quát mà chỉ có thể giải quyết được trong thời gian tương lai. Các câu trả lời cho những câu hỏi trực tiếp không có trong suốt phiên họp.

Tôi lắng tai nghe, tay ghi và tinh thần giãn ra trong một niềm lạnh nhạt thú vị...À ra “chiến pháp” tân kỳ của cộng sản là thế. Không bao giờ trả lời một vấn đề trực tiếp, cứ xoay vòng một cách vô tích sự, càng lâu càng tốt, càng xa càng tốt, sự rõ ràng phải được bao bọc dưới lớp màn mù mờ khó khăn. Khó khăn hóa, mơ hồ hóa mọi vấn đề do đối phương đưa ra, dù chỉ là những vấn đề kỹ thuật, thủ tục, của trọng tâm lớn...Trịnh trọng như những công chức già, xoay xở như một anh đánh bạc thiện nghệ, người cộng sản kéo dài phiên họp trong một rã rời cố ý và đúng hệ thống. Hội nghị Ba Lê kéo dài trong bốn năm hay bốn mươi năm cũng có thể được với những chuyên viên hội họp này, họ tránh né và lật đổi vấn đề một cách sỗ sàng bằng những giọng nói nghiêm trọng bắt chấp sự hiện thực không thể chối bỏ được. Đại Tá Đất đưa ra tai nạn buổi sáng nay (12.2.73) tại Biên Hòa: Tù binh cộng sản không chịu lên xe ra phi trường, họ đòi phải gặp đại diện Bắc Việt đến để cam kết và bảo đảm sự nhận lãnh... Đại diện tù binh tuyên bố không tin thực chất của đại diện Mặt Trận (Đại Tá Lê Trực)...Sự thật rõ ràng: Tù binh Bắc Việt không tin vào đại diện Mặt

trận giải phóng... Đối diện với sự thật trên, Trần Tấn chậm rãi mở cuốn sổ nhỏ, đằng hắng lấy giọng: Thưa quý vị, theo điều 1 và 2 của Nghị Định Thư về Tù Binh chỉ xác định có ba loại tù: Tù của Hoa Kỳ và các nước ngoài, của Việt Nam Cộng Hòa và của chánh phủ lâm thời cộng hòa miền Nam... Vậy theo tinh thần này và thỏa thuận của hòa hội Ba Lê, chúng tôi xin xác nhận không có tù binh Bắc Việt tại miền Nam!! Đúng sách vở và chiến pháp! Tôi muốn phì cười vì vẻ mặt trang nghiêm, ánh mắt long lanh bằng lòng với phản ứng sắc bén đúng theo “tinh thần Nghị Định Thư” của Tấn...Tinh thần Hiệp

À, ra thế là cộng sản, cộng sản chính cống, hạng A, loại cán bộ nòng cốt hy vọng trở thành ủy viên trung ương trong tương lai, Lê Trực, bí thư của Tướng Trà, bộ trưởng quốc phòng của “Chính phủ” lâm thời chỉ là một “chuyên viên” đi đủ qua ba đề mục: Bỏ tước danh sách tù quân sự, nêu con số 140 tù dân sự của Việt Nam Cộng Hòa và đòi hỏi Việt Nam Cộng Hòa thêm vào con số bảy ngàn vì còn hằng vạn người nữa! Ba đề mục được Trực kéo đi kéo lại trong bốn tiếng đồng hồ không một lời bất chấp câu hỏi của Đại Tá Đất: Tại sao quý vị không trả tù chúng tôi đúng 8 giờ 30 ở Lộc Ninh như đã hứa? Mặc cho các câu hỏi rọi rõ như ánh mặt trời hắt vào mặt, Trực qua lại ung dung giữa ba vấn đề của mình như con cá vùng vẫy trong chiếc hồ bơi riêng rẽ. Bắc Thạch Hãn, nơi thuộc về Bắc quân làm sao Trực có thể cho và nhận chỉ thị trực tiếp? Tội nghiệp cho vẻ kiêu hãnh ốm yếu của Trực sau khi lập lại một đề tài tránh xa sự thật...Trực đã ở Ba Lê trong bao lâu?

Tôi ngồi đối diện với cộng sản, nghe những trả lời trống, những lý luận trơn, nghe những hần học đóng kịch và dễ dãi vô duyên. Thấy rõ toàn bộ cấu tạo và chiến pháp của cán bộ cao cấp đối phương. Một đối phương quá nhiều huyền thoại và huyền hoặc. Thấy rõ người để xét lại mình. Không tự tôn cũng chẳng nên tự ti. Tôi kết luận: Đây chỉ là những chuyên viên bình thường ở âm tượng ngôn ngữ, ở khí phách tia nhìn...Chỉ là những chuyên viên bàn giấy học thuộc bài, nhớ thuộc vở, biết nghe lời thượng cấp, theo đúng chỉ thị, làm việc bằng trí nhớ được tập luyện hơn phản ứng sôi nổi linh động của tâm lý. Đó là một đội cầu gồm nhiều cầu thủ trung bình chuyên lối chơi cộng đồng không có quyền nảy nở phản ứng cá nhân. Toàn thể đặc tính của cán bộ cộng sản có thể thu tóm một cách tổng quát không sợ sai lầm.

Chiến tranh, hòa bình đã được thực hiện và điều hành bởi lớp cán bộ cao cấp này. Những người vâng lời cứng nhắc, quyết chí như một mũi tên hạt hơi, những người nhìn lịch sử bi thương của dân tộc qua những sự kiện được đánh số và phân loại. Tôi đã đối diện với đối thủ tàn ác thô bạo ở chiến trường, nay lại gặp phải một đối phương cố chấp qua chiếc bàn rộng lót nỉ màu xanh. Sự tàn ác thô thiển nơi chiến địa hay cứng cỏi cực đoan trong căn phòng có chung một tính chất. Tính chất tổng quát của những phản ứng được hệ thống hóa sau thời gian dài định lượng và kiểm chứng. Tôi không gặp được Người trên hai chiến trận, đây chỉ là những cán bộ tốt biết vâng lời và che dấu tình cảm riêng tư tuyệt đối. Cảm giác lằng đằng kết tụ dần như hơi khói thuốc không tan được trong căn phòng kín cửa. Có một điều đau đớn chập chờn ám ảnh không rời dần lộ mặt. Chiến tranh đã xảy ra thật hợp lý. Người cộng sản quả tình chỉ sống được trong thế giới cường bạo và chấn động. Biện chứng pháp duy vật há không phải là luận lý xây dựng trên “sự nổ” hay sao? Căn phòng rì rầm máy lạnh bỗng chốc mang vẻ đe dọa như cơn im lặng của trái phá sau khi bay ra khỏi nòng...

CÂY BÚT KAULO

Đột nhiên thấy được cả một chuỗi ngày thơ ấu trải dài trước mặt như khi mở cuốn Album nhìn lại hình ảnh của ngày qua. Bên tay phải, hơi chéo về trước mặt, Trung Tá Tuấn Anh của phái đoàn Bắc Việt đặt lên trên chiếc thảm xanh cây viết nâu có những sọc ngang vàng đục. À! Viết Kaolo. Lâu lắm, hai mươi năm đi qua, ngày vừa đỗ tiểu học, món quà đắt giá nhất có được lần đầu: Cây viết Kaolo. Cây viết nặng và lớn so với bàn tay nhỏ bé, tôi cẩn thận vận khế từng vòng phần cuối của cây viết, ngòi bút thủy tinh hình tháp có những vòng xoắn ốc từ từ lộ ra khỏi ổ bút. Lũ trẻ chung quanh trầm trồ...Cây viết giá ba mươi lăm đồng, viết mấy cũng không “rè”,

viết chiều nào cũng được. Tôi hân hoan vặn ngược lại, ngòi bút rút dần vào ổ. Hai mươi năm, xã hội qua muôn ngàn biến đổi. Đứa bé chưa bao giờ uống nước đá bào ngày nào đã lớn, lớn để chứng kiến những đảo lộn đến chót cùng kinh ngạc, những biến đổi ngược ngạo, chớp nhoáng bưng bưng lạ lùng xảy ra hằng ngày qua, theo năm tới. Biến dạng ở tâm linh và thể giới chung quanh. Biến đổi hệ thống lý luận và cách nhìn. Biến đổi từng mẫu ý nghĩ, từng cái chắc lưỡi khể rung để che dấu niềm kinh ngạc sửng sờ.

Năm 1950 ông Nixon phản đối chính sách hòa hoãn với Trung Cộng của Ngoại Trưởng Dean Acheson. Năm 1972 con người đối nghịch với cộng sản đó khể sửa lại vạt áo Chu Ân Lai, hành động vượt xa lịch sự ngoại giao. Cũng năm ấy, Thượng Nghị Sĩ McCarthy nổi bật hẳn lên khỏi những đồng viên vì tính chất điều hâu siêu đẳng của mình. Năm 1968, tinh thần McCarthy lại biến tướng thành McGovern sau này. Những năm 50, chiếc xe đạp bánh đặc vẫn được xem là dấu hiệu của sung túc giàu có. Năm 1972 ở Sài Gòn xe gắn máy Sachs hoặc Solex đã được xem như vật cũ kỹ hết xài, xe hơi Ford Mustang chỉ là phương tiện di chuyển đắt giá bình thường. Đức Quốc Trưởng Bảo Đại năm xưa nay chỉ còn là một ông già hết thời dù báo Figaro mở chiến dịch thăm dò và báo Sài Gòn yểm trợ. Vua Bảo Đại đã là một điều của dĩ vãng. Hiện tượng Perón không thể nào có được ở Việt Nam, nơi hai mươi năm chiến tranh đảo lộn hết toàn thể giá trị tinh thần và đời sống. Người Việt Nam, giống dân chai lỳ chịu đựng nhất của nhân loại.

Nhưng người cộng sản ở miền Bắc “hình như” không thay đổi. Y phục, hệ thống tổ chức, phương cách chuyển đạt ý nghĩ, lý luận, hút thuốc, thở khói, để tay lên bàn, sửa cái kính... Tất cả đều có vẻ chung chung, quen quen hình như đã gặp, đã nghe, đã thấy. Năm 1950, tại chiến khu bên Tả Ngạn Sông Hương nay thuộc vùng Ashau, tôi hỏi đồng chí “Chú Nhan”... Sao sủng chú quá lớn ?” Đáp ngay: “Sủng chú dùng để bắn Tây!”. Phản ứng đối đáp nhanh chóng đúng “tinh thần kháng chiến” này sao quá giống với câu trả lời ở phi trường Lộc Ninh khi được hỏi vì sao ông quần quá rộng. Đáp: “Để dễ tác chiến chống Mỹ Ngụy!”. Hai mươi năm hơn đi qua đã không thay đổi gì ở trong những đầu óc đó. Vẫn chỉ là kháng chiến, chống lũ bán nước, đấu tranh công nông, cộng sản đại đồng, hỗn độn và chàm khô cứng vào nhau dưới một đầu tóc rẽ ngôi giữa, hai bên hớt cao trắng phều...

Trung Tá Tuấn Anh, người có khuôn mặt lạnh lẽ, trí thức nhất của phái đoàn Bắc Việt, tuy có một nụ cười tươi, nhưng nụ cười đó hình như có tính toán, có sửa soạn. Nụ cười được định lượng dè chừng chột tắt ngay nếu phải nghe một lời vượt ra khỏi hệ thống Trung Tá có nghĩ rằng Đông Dương sẽ trở thành một vùng Balkan nhưng tiến bộ và tự do hơn không ? Những lần tắt nụ cười đó thường làm người tiếp chuyện ngạc nhiên, nhưng khi nhìn thấy cây viết Kaolo được cẩn mật để trên bàn, ngòi bút đi ra chậm chậm nghiêm trọng thì lòng tôi chột hiểu. Hai mươi năm hơn đi qua không có thay đổi trên miền Bắc có nhiều hệ thống nghiêm cẩn không suy suyển đó, 138 trang cuốn Chiến Tranh Nhân Dân và Quân Đội Nhân Dân của Võ nguyên Giáp (Nhà xuất bản Sự Thật-1959) rặt một thứ lý luận thô thiển đến hàm hồ. Trang 112, Giáp định nghĩa Quân đội nhân dân. Đây là một quân đội thực sự của nhân dân, của nhân dân lao động, thực chất là công nông, một quân đội do giai cấp công nhân lãnh đạo!!! Không xa đó Giáp viết tiếp: “Đảng của quân đội nhân dân đó...” Và đảng của Giáp năm 1930 là gì ? Hãy đọc lại nguyên tên: Đảng cộng sản Đông Dương... Tiếp tục bước chót của lý luận: “Nhân dân tức là toàn thể đảng viên cộng sản”. May quá, Giáp chưa đi đến bước chót của thái độ liều lĩnh này...

Tôi đã đi trên đường vào An Lộc trong tháng 6 năm 72, tôi đã tiến theo Nhảy Dù để vào Quảng Trị cuối tháng 7... Đọc Quốc Lộ 13, đọc Quốc Lộ 1, trên những đoạn đường chết với câu hỏi vang dội: “Sao người cộng sản có thể tàn ác tình tảo

đến độ này”. Tại sao họ có thể xuống tay tận diệt những người dân vô tội không chút e dè như thế này. Nhưng bây giờ thì tôi có thể hiểu. Người cộng sản đã hướng dẫn hành động theo sát với tất cả những giáo điều đã xâm nhập vào từng hơi thở, ý nghĩ của họ. Cuộc đấu tranh vũ trang để thực hiện chủ nghĩa xã hội do quân đội nhân dân đảm trách. Nó chiến đấu cho quyền lợi của nhân dân lao động cách mạng, được ủng hộ của nhân dân Liên Xô, của nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới!...Vậy, Nhân dân miền Nam, những nhân dân không cách mạng, không giác ngộ, không ủng hộ cho cuộc chiến đấu kia ắt hẳn được xếp vào loại nhân dân địch, nhân dân “ngụy”, loại nhân dân cần phải...Tiêu diệt!! Chúng ta, người của miền Nam chắc sẽ không bao giờ chấp nhận một thứ hệ luận kỳ quái xuẩn ngốc độc địa kia, chúng ta cũng không nghĩ có một thứ lý luận sơ đẳng tàn hại như thế đã được thành hình làm phương châm chỉ đạo cho bao nhiêu hành động cuồng sát. Nhưng thật sự đã xảy ra, xảy đến tột độ kinh hoàng, xảy đến trong chót cùng kinh ngạc...Mậu Thân ở Huế, tháng 4.72 ở Quảng Trị, tháng 3.72 trên đường 13 hướng An Lộc-Chơn Thành, dù tôi là người lính chiến thuần túy đã đi trong lòng cái chết qua thời gian đằng đẵng cũng đã không hiểu nổi tâm trạng đối phương hằng vang dội trong lòng mãi mãi câu hỏi trên. Nhưng hôm nay trong căn phòng kín cửa nhìn cây viết cũ kỹ trên tấm nỉ xanh lòng chợt khám phá ra nguyên lý của hệ thống giết người...Kinh khiếp thật, người cộng sản đã giết người qua định nghĩa. Định nghĩa cấu tạo từ mùa thu cách mạng, hệ thống hóa thêm bởi mười chín năm trời trong “chủ nghĩa xã hội”. Định nghĩa ví như một lá cờ đuôi nheo nhàu nát được mang ra làm chỉ đạo cho cuộc tàn sát tận tình. Tôi hiểu ông Ngô Đình Diệm, người quân tử vụng về của thời đại chỉ vì không theo kịp với nhịp biến động của thế giới chính trị nên phải trả giá bằng cái chết tàn khốc, sự kiện không canh tân hóa ý niệm chỉ đạo điển hình qua chiếc bàn gỗ nặng nề của thời Louis XIV. Vậy nên, viên sĩ quan cộng sản làm sao đuổi kịp được thế giới, hiểu kịp được tâm tư của người dân miền Nam khi trên tay vẫn còn nâng niu hoài cây viết cũ, đầu óc đặc kịt những lý luận “sắc bén” của đồng chí Đại Tướng, một ông giáo sử địa của những năm 1930, soạn thảo phương châm chỉ đạo chiến tranh bằng những luận cứ hồ đồ: “Cuộc vũ trang đấu tranh của nhân dân Việt Nam thành công trước tiên chính là nhờ sự thắng trận của hồng quân Liên Xô đối với Phát-xít Đức, Nhật...”. Vừa phải thôi, chính vì cuộc thắng trận khốn nạn đó, Pháp mới có thể trở lại Việt Nam để cùng anh dự tiệc máu người Việt Nam qua chín năm dài. Thế nhưng luận cứ trên đã viết thành lời, đã đại chúng hoá bằng những tờ ronéo nhem nhuốc, phổ biến đến mỗi cán bộ xã ấp, mỗi “chiến sĩ” với đầu óc bít kín như những viên gạch được xếp đầy đặn chờ hơi nóng nung đốt, để hôm nay (1973), ở Lộc Ninh, ở Thạch Hãn đâu đâu cũng chỉ nghe: Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin dạy chúng ta rằng: Chiến tranh, nhà nước, quân đội đều là những hiện tượng lịch sử, những hiện tượng đó đặt cơ sở trên các giai cấp xã hội đối nghịch và sẽ không còn nữa khi xã hội loài người không còn chia thành giai cấp đối nghịch, nghĩa là khi chủ nghĩa cộng sản đã thắng khắp thế giới...!!! Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin, Cách mạng tháng 10 hình như chỉ còn là tài liệu nghiên cứu cho một giai đoạn lịch sử đã đi qua...Nhưng Trung Tá Năm Tích, Tư lệnh phi trường Lộc Ninh gãi nông phu phụ bạc ruộng đồng để hân hoan cùng “quân hàm tương đương” cứ lập đi lập lại hoài bài học đó. Phải chăng trong đầu óc đặc cứng đó chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện toàn hảo trên quân hàm mà Năm Tích suốt đời không bao giờ có ý niệm?!!

NHỮNG SỢI TÓC BẠC TRÊN THẨM NỈ XANH

Ngồi trước mặt tôi là hai người tóc bạc, một Thượng Tá và một Trung Tá của lực lượng vũ trang thuộc mặt trận giải phóng, cả hai đều trên tuổi năm mươi, tóc bạc trắng quá nửa đầu, da mặt xám xanh và ánh mắt khác lạ. Người mang cấp bậc

Thượng Tá, Nguyễn Hoàn quê Bến Tre, ngoài nụ cười tươi ít khi sử dụng thường có thái độ tự tin bằng cách ngồi ngửa người nhìn đến người đối thoại, tia nhìn phát từ đôi mắt màu xanh da trời lóng lánh một màn mỏng bóng loáng, đôi mắt có vẻ thâm độc kỳ dị, phản chiếu tính chất hung tàn bệnh hoạn như kẻ bạo dục đứng nhìn nạn nhân quần người dưới tra tấn của hắn. Ở đây, đôi mắt của Thượng Tá Nguyễn Hoàn có một tính chất bạo ngược phát động từ tinh thần đã mất hẳn những rung động tế vi nhân bản, tinh thần lạnh cô đặc của Goering, Rudolf Hess, những người tự tin và tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa, quyết định của tổ chức. Người đã đồng hóa bản thân vào vận động lịch sử, người xóa bỏ mình, hết còn là một nhân vị. Nguyễn Hoàn có đôi mắt của một bộ máy điện tử dùng để đo phản ứng con người. Người thứ hai, Bùi Thiệp mang quân hàm Trung Tá gốc Qui Nhơn, Thiệp có khuôn mặt nặng nề bình thản gồm nhiều nét nhăn ôm thành vòng tròn từ trán xuống miệng, những nét nhăn của một con hổ, khuôn mặt Thiệp là một con hổ phiến não, mệt mỏi. Nhưng con hổ nhọc mệt vẫn còn vẻ hung tợn căn bản, cũng thế, Thiệp như đang lúc tỉnh giấc của con vật vừa xong bữa tiệc máu.

Tôi không vẽ nên quá độ những đường nét của đối phương, nhưng vì muốn biểu hiện một cách trung thực, phản ánh đúng đắn toàn thể không khí của những cán bộ cộng sản mà tôi đã làm việc, đối diện, nghe và nói cùng họ trong suốt thời gian dài, nên dùng nhiều hình ảnh, ẩn dụ để sáng tỏ hình tượng biểu hiệu của hai nhân vật, hai cá tính. Nguyễn Hoàn, Bùi Thiệp, cũng có thể rằng đây chỉ là bí danh, nhưng chắc rằng cả hai thuộc vào lớp cán bộ mùa thu, những cán bộ xuất phát từ 1946, có thể đã vào đảng và có đảng tịch từ những năm trước 1945-1946...Cả hai đều được định quân hàm vào năm 1956, sau đợt chỉnh bị toàn quân tại Hà Nội. Họ là những cán bộ tập kết ra Bắc năm 1954 để sửa soạn trở về Nam theo những điều khoản của Hiệp Định Genève năm 54. Nhưng dù không trở về Nam đúng trong năm 1956, họ cũng là những cán bộ của mặt trận vào những ngày đầu tiên thành lập. Trước khi về Sài Gòn, Thiệp và Hoàn đã có những tháng năm dài công tác tại hòa hội Ba Lê. Tóm lại, đây là loại cán bộ cốt cán của mặt trận với quá trình đấu tranh dằng dặt đầy ứ những kết quả, đúng tiêu chuẩn do đảng "đề xuất"...

Quá trình tranh đấu liên tục còn được phản ánh cụ thể ở thái độ nghiêm túc, hạn chế, ở phương thức lý luận theo sát ba nhịp của tam đoạn luận, đi đủ chu kỳ cần thiết của một nhịp duy vật biện chứng. Những lý luận phát khởi từ chuẩn bị kỹ càng được ôn tập, phê bình và xếp đặt theo tiến trình của đề tài thảo luận bằng một phương pháp giản dị dễ ghi nhận và sử dụng. Để bác bỏ lời tố cáo của Việt Nam Cộng Hòa về sự kiện tù quân sự và dân sự còn bị giam giữ ở khắp lãnh thổ Đông Dương với những bằng cứ xác đáng như lời nhắn tin của những người tù trên các đài phát thanh Hà Nội, đài giải phóng, hình ảnh, thơ từ gửi về Nam theo những người bạn tù đã được trao trả. Những sự kiện chắc chắn, cụ thể tưởng rằng khó để từ chối được, nhưng Hoàn và Thiệp (hay tất cả ủy viên trưởng ban, phó trưởng ban hay Hoàng Anh Tuấn, Sĩ, Giang của cấp trưởng phái đoàn) đều dung dị né lách vấn đề theo đúng điều đã học tập. Trước tiên, họ sử dụng lời bác bỏ vì tính cách "bịa đặt, dựng đứng" sự kiện do Việt Nam Cộng Hòa bày vẽ nên, tiếp theo họ trình bày những tài liệu cung cấp từ báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ ngọc Nhuận, kháng thư của các hiệp hội, đoàn thể quốc tế đòi đấu tranh và cải thiện đời sống lao tù ở Việt Nam Cộng Hòa...Cuối cùng lời kết luận, căn cứ vào tài liệu vừa được trình bày (luôn nhấn mạnh sự chính xác của tài liệu bởi tính chất: Tài liệu phát xuất từ những giới chức, đoàn thể thuộc Việt Nam Cộng Hòa hay khối tự do) để đưa ra lời tố cáo: "Chính Việt Nam Cộng Hòa đã, đang còn giam giữ hàng trăm ngàn người với chế độ ngược đãi tàn nhẫn nên chính phủ lâm thời giành lại quyền phản kháng để tố cáo Việt Nam Cộng Hòa trước quốc tế và quốc nội đã vi phạm các điều khoản của hiệp

định, Nghị Định Thư về trao trả tù quân dân sự!!!” Những luận điệu móc nối khít khao được trình bày bằng giọng nói khuôn thước vừa đủ cường độ gây nên ấn tượng quyết tâm nhưng cũng không ra khỏi tính chất hòa hoãn của tinh thần hòa giải dân tộc. Không những chỉ cùng nhau sử dụng chung một phương thức lý luận, những cán bộ cộng sản luôn luôn dùng một số từ ngữ, cách ngắt câu, chấm dứt vấn đề theo đúng tiêu chuẩn, chỉ thị đã được phổ biến học tập và huấn luyện. Những sự kiện trên thoát đầu gây trong lòng tôi nể nang vì thấy cán bộ đối phương đã chuẩn bị kỹ càng vấn đề thảo luận và thực hiện mục tiêu tranh luận theo phương pháp thuần nhất. Nhưng vào thời gian của tháng thứ sáu, thứ bảy, sau khi đã nhiều lần nghe những động từ “đề xuất, triển khai, lên khung vấn đề, kết tập phương án...” những thành ngữ “tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc, chấp hành nghiêm chỉnh tinh thần và lời văn của hiệp định ngưng bắn, đấu tranh cho hòa bình tự do...” trong tất cả mọi đề tài, phương thức thảo luận, tôi đâm ra hoài nghi với ý nghĩ: Tất cả ưu điểm của cộng sản chỉ thế này sao ? À! Chỉ là diễn dịch vấn đề bằng một số luận cứ sơ đẳng giản dị, với những từ ngữ quen thuộc đã được tập dượt để áp dụng cho tất cả mọi lớp cán bộ trong bất cứ mọi trường hợp, một hệ thống lý thuyết chỉ đạo gồm toàn những từ ngữ, luận lý thô thiển được áp dụng đồng loạt phổ quát từ anh lính gác ở bờ Bắc Sông Thạch Hãn đến gã Thiếu Tướng ngồi ở bàn hội nghị!! Hoài nghi biến dần thành xác định, sự nể nang ban đầu rút lui thành cảm giác náo nê vì nhận thấy. Sự chiến đấu của nhân dân cách mạng yêu nước Việt Nam đã được sự ủng hộ nồng nhiệt của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới...đã là một thành ngữ mòn nhẵn, cũ kỹ từ những ngày kháng chiến trong cộng đồng dân tộc của những năm 1940...Hai mươi, ba mươi năm một sáo ngữ đã mất hẳn tính chất và hiệu lực vẫn được sử dụng trang trọng đồng loạt từ bài báo của tạp chí Học Tập, cơ quan ngôn luận đảng lao động đến nhận định của Võ nguyên Giáp về chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng...Từ ngữ cũng được, “cũng phải được” lập lại nghiêm chỉnh trong bài phóng sự “Về các xã giải phóng...” do một anh văn công viết trong một hóc hèm của đồi núi Quảng Trị đăng trên báo giải phóng (Lại giải phóng...Cũng chỉ cùng quê quán với “giải phóng quân” của 1945-1946, từ thắng Mạ giải phóng của Lý

cầm

Dương...)

Thật lạ, người cộng sản xây dựng lý thuyết trên yếu tính đối kháng, hủy diệt, giải thích lịch sử trên căn bản tái tạo của hủy thể tiến bộ, thế nhưng trên rất nhiều khía cạnh họ lại phô trương tận lực tính chất bảo thủ kiên trì, thái độ duy tâm cùng cực. Ở những năm tháng đầu tiên khi đảng lao động vừa được cải danh, đại hội đảng nhóm dưới một gốc đa, trong hang núi vào những năm 1941-1942, thì số từ ngữ mà đám cán bộ hôm nay, năm 1973 dùng như một thứ đá lót đường căn bản cho lý luận, đã là những chữ nghĩa được phổ biến “học tập”, kể từ thuở ấy, ngôn ngữ của thời kỳ “huấn luyện” thì làm sao theo sát và phù hợp với đời sống thực tế hôm nay. Sự kiện này mở ra thêm hai bước lớn với những ý nghĩ sau: Quả tình người cộng sản đã không có tiến bộ tối thiểu trong phạm vi ngôn ngữ, văn chương hay rộng rãi hơn, họ không có được tiến bộ trong toàn thể vận động văn hóa. Chúng ta sẽ quá độ khi đánh giá đối phương qua một vài từ ngữ sử dụng, những danh từ quê kệch trống trải vô nghĩa được cố công gò ép vào những ý nghĩa xúc tích để tạo nên tác động tuyên truyền cho đám đông. Nhưng có sự thật phải được chấp nhận: Mỗi thời đại, mỗi giai đoạn xã hội có một ngôn ngữ riêng biệt, đồng thời ngôn ngữ đó cũng mang tính chất tiến bộ theo nhịp độ của xã hội khai sinh nó. Không thể phủ nhận sự biến hóa kỳ ảo của ngôn ngữ Việt Nam khi so sánh cú pháp, từ, ngữ, văn phong của hôm nay với mười, hai, ba mươi năm trước...Điều này chắc chắn và xác thật như chiều hướng tiến hóa của văn hóa nhân loại, tiến theo chiều cao lẫn chiều rộng, trong đó những khuyết điểm, trở ngại trước sau sẽ dần bị đào thải vì tính chất chậm chạp ứ đọng

của nó. Thế nên, thật lỗi bịch khi dùng những chữ nghĩa đã ối động, mất hết giá trị đích thực ở nội dung lẫn sức mạnh phô diễn bề mặt, những từ ngữ “chết” được cấu tạo bởi một nhu cầu chính trị giai đoạn chứ không do khát vọng văn hóa của con người. Như trong năm 1973 mà lập lại những “tình hữu nghị Việt, Trung, Xô, nước anh em Liên Xô vĩ đại, các nước anh em yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới...” Làm gì có được “nước anh em” của thời đại tráo trở và tan vỡ này, làm gì có được hình tượng Liên Xô vĩ đại khi bằng những kẻ hờ của Hiệp Ước Varsovie Nga đã xua quân vào Ba Lan, Tiệp Khắc và chắc chắn rằng Liên Xô vĩ đại đã hoàn toàn tan biến khi Âu Châu khai hội Helsinki với sự tham dự bắt buộc của Mỹ và Gia Nã Đại, những nước xa Âu Châu một đại dương mà Nga không phản đối được. Cũng không thể lấp liếm để bảo rằng đó chỉ là những ngôn ngữ tuyên truyền bình dân xuất hiện trên báo Học Tập, trên tạp chí Việt Nam để phổ biến giáo dục tới từng anh em xạ thủ cao xạ, “tên lửa” mang quân hàm binh nhất, hạ sĩ, vì đây cũng là ngôn ngữ của di chúc Hồ chí Minh, của Võ Đại Tướng, của đồng chí bí thư thứ nhất Lê Duẩn, của Trung Tướng Trà, Đại Tá Sĩ, ngôn ngữ cơ sở “khung” của cộng sản Việt Nam trên bước đường thực hiện cách mạng vô sản! Sự kiện chữ viết thật ra chỉ phản ánh khía cạnh của tinh thần, vì không thể có tinh thần tiến bộ nào đang tâm sử dụng một số ngôn ngữ cũ kỹ từ ba mươi, bốn mươi năm trước, không thể dùng xe hơi những năm đầu tiên lập nghiệp của ông Ford để dự cuộc đua hai mươi lăm giờ với những chiếc xe có sức mạnh như một phi cơ phản lực, không thể dùng luận lý của Trương Tửu ở những năm 1930-1940 để giải thích sự đột biến trong lòng những nhân vật tiểu thuyết rã rời của thập niên 1960-1970. Và giai cấp công nông chắc hẳn không thể phát động đấu tranh được trong xã hội mà nạn nhân chính chỉ là người trí thức bị đe dọa từ vật chất đến tinh thần. Chế độ Sô Viết của năm 1973 bị tai tiếng, đe dọa không phải vì thành công vượt bực của Skylab Hoa Kỳ sau năm mươi chín ngày thành công hoàn hảo trong không gian, không phải vì mấy lộ quân Trung Quốc dàn dọc theo Sông Issouri, cũng không vì các công trường Tây Bá Lợi Á nổi loạn, nhưng chỉ bị lung lay, ngọt ngào vì lá thư vài trăm chữ của người viết văn Solzhenitsyn. Thế nên, trong thực trạng này, mô thức xã hội tinh truyền với giai cấp công nông vô sản có một vẻ cưỡng ép thô bạo mà lịch sử đã và đang dẫn chứng không thể nào thực hiện được. Nhưng cuối bản chúc thư, Hồ chí Minh, bộ óc siêu đẳng của cộng sản Việt Nam vẫn hạ bút: Sau khi chết đi, tôi sẽ được gặp các cụ Karl Marx, cụ Lenin... Ông Karl Marx, ông Lenin những khuôn mặt lớn của triết học Đức, lịch sử cục bộ nước Nga, người đã có công giải thích và thay đổi khối cộng sản trong một khoảng thời gian hạn chế, hiện nay đang được xác định lại giá trị chính quê hương của họ. Vậy, ở Việt Nam, nơi cách kinh đô cách mạng vô sản nửa vòng thế giới, sau khoảng thời gian dài hơn nửa thế kỷ, Chủ Tịch Hồ chí Minh vẫn tin vào lẽ tất thắng của một chủ thuyết rất hạn chế địa bàn thành công cũng như thời gian phát triển, thật sự đã là một lầm lẫn vô cùng nghiêm trọng... Thế nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn không chịu hiểu cùng phần soi sáng của lịch sử...

“Các cô chú khi đi công tác hãy đổ máu cho thật nhiều, biến ruộng vườn thành chiến trường, cày cuốc thành vũ khí, nông dân là chiến sĩ...” Ông Hồ chí Minh đã thốt ra lời vàng ngọc chỉ đạo cho đám cán bộ trước khi lên đường như thế. Lời nói không phải là phản ánh của tâm tính bạo ngược, tôi không tin như thế, vì lòng của một người già đã qua số tuổi sáu mươi không thể nào còn tính hăng để có nhu cầu bạo ngược nhìn máu chảy... Nhưng lời nói đó phản ánh niềm tin tất thắng của kẻ tin tưởng tuyệt đối vào hành động, lòng tin đã theo đúng đường vận chuyển của lịch sử, không phải chỉ riêng dân tộc mà còn cả nhân loại. Vì Hồ chủ Tịch đã tin như thế, toàn thể ủy viên của ủy ban chấp hành trung ương đảng lao động đã tin như thế, ủy viên trung ương của mặt trận tổ quốc Việt Nam cũng đi theo đà mê mải nồng nhiệt

thấm đở này nên đã có hiện tượng giết người tinh táo ở Huế trong Tết Mậu Thân, nên từ năm 1964- 1965 ủy ban hành chánh xã vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt đã thành hình với đồng chí chủ tịch xã Nguyễn văn Hằng quê Nam Định được cải tên thành Thạch Mét (1)". Niềm tin sắt đá trên cũng làm sáng tỏ phần sâu xa của Sinh Bắc Tử Nam thể hiện ý niệm chiến lược quyết thắng với toàn cõi Đông Dương rực đỏ. Người cộng sản đã tin chắc chắn như thế nên họ đã bỏ qua sự kiện những trái bom rơi từ pháo đài bay B-29 Mỹ xuống Nhà Ga Đà Nẵng, bến tàu Hải Phòng sau ngày 6.3.1945, nơi những căn cứ có cắm lá cờ mặt trời đỏ của Nhật. Họ đã quên rằng chiến tranh Việt Nam không còn là chiến tranh chống đế quốc và phong kiến, không thể có một chiến tranh giải phóng thuần túy khi thế lực quốc tế đã chọn Việt Nam làm nơi hòa giải. Trái bom Mỹ năm 1945 đã báo hiệu chiến tranh không còn là cuộc thánh chiến giữa hiệp sĩ giải phóng dân tộc cùng tên khổng lồ thực dân đế quốc, trái bom là điểm nối đầu tiên của hai ý hệ đối cực đang tìm đường gần nhau qua xương máu Việt Nam. Người cộng sản không thể nào chấp nhận và hiểu được hiện trạng, phải hai mươi tám năm sau đại chiến thứ hai, những thế lực quốc tế mới dần thoát khỏi tình trạng chiến tranh lạnh nằm trên sợi dây thăng bằng với cơn nổ dứt điểm từ chiến tranh Việt Nam (2). Thế giới đã đứng bình yên trên chiếc trục tàn bạo chôn sâu xuống thân thể đau đớn quê hương ta. Người cộng sản Việt Nam không thể hiểu những sự kiện giản dị này, cũng như khi họ tổng tấn công vào An Lộc, Quảng Trị, Kontum là mở rộng cửa kho bom B-52 đã đầy ứ sau thời gian chờ đợi. Một chiếc B-52 bị bắn rơi ở Hà Nội có là bao so với lực lượng khủng khiếp gồm 200 B-52, 500 phản lực cơ chiến đấu đồng lực đội bom, đánh phá suốt hai mươi bốn giờ trong ngày 5.12.1972 trên nửa mảnh quê hương điêu linh. Cuộc không tập có giá trị tuyệt đối: Chứng tỏ một lực lượng không quân to lớn có thể sử dụng chớp nhoáng từ ngoài khơi biển Thái Bình, từ những hòn đảo bất khả xâm phạm Guam, Midway, Wake để đánh phá bất kỳ những mục tiêu nào trên nội địa Châu Á. Xong, người Mỹ an tâm rút khỏi Việt Nam, Thái Lan sau cuộc "tập dượt" với mục tiêu: Miền Bắc Việt Nam. Người Mỹ đã hoàn toàn thành công khi chứng tỏ cùng Nga và Tàu khả năng siêu đẳng của mình, đồng thời trình bày đủ quan niệm tự hạn chế. Hai cường quốc cộng sản cũng an tâm, thúc đẩy Bắc Việt ký Hiệp Định. Chiến cuộc Đông Dương coi như dứt điểm, Bắc Việt, Khmer Đỏ uy hiếp Nam Vang, Kompongcham, lính sư đoàn 320 Bắc Việt tấn công Trại Lệ Minh, công trường 9 bao vây Căn Cứ Tổng Lê Chân vào tháng thứ mười sáu. Tất cả chỉ là xung đột cục bộ địa phương, một địa phương nhỏ bé chìm đắm giữa bao la của ba đỉnh lớn, Tàu, Nga, Mỹ. Người không tin vào điều này nên nhất định đi nốt bước đường "chiến thắng". Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, khuynh khoát Lào, Miền dưới bóng dáng âm u của đảng cộng sản Đông Dương. Người cộng sản như con kiến leo lên miệng chén với ảo tưởng rằng đã thoát xa vực thẳm. Ông Hồ chí Minh nếu có chút anh hồn thiêng liêng chắc hẳn phải đau đớn khi nhìn thấy Kissinger ngồi trên xe từ Gia Lâm tiến về Hà Nội đi qua dãy nhà ga xụp đổ của trận oanh tạc cuối năm 1972. Tưởng như là ngày hôm qua. Ông Hồ chỉ mới chết vào ngày 3.9.1969.

Bên kia chiếc bàn xanh, hai người cán bộ cộng sản tóc bạc lại thêm một lần nữa lập lại một số lý luận quen thuộc (mà tôi đã thuộc lòng sau ba tháng cùng làm việc): "Chấp hành nghiêm chỉnh Hiệp Định ghi nhận của quý vị về vấn đề tù Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở Nam Lào, chúng tôi cũng đòi quý vị trả vô điều kiện 200.000 tù chính trị...Dẫn chứng là "cuốn sách trắng" của Hồ ngọc Nhuận, lời tuyên bố của Đại Tướng Dương Văn Minh, bản kháng thư do các Dân Biểu Trương Gia Kỳ Sanh, Hồ Hữu Tường, kháng thư của ủy ban cải thiện chế độ lao tù tại miền Nam Việt Nam...Tôi rút tờ ghi chú của phiên họp ngày 20 tháng 4, có tất cả những chi tiết này đã ghi đủ từ ngày ấy. Đợi chờ sự thay đổi nào trong lòng những cán bộ này vì họ

đang nói tiếp: Điều 1 Hiệp Định Ba Lê đã bảo đảm quyền dân tộc tự quyết, nước Việt Nam độc lập, thống nhất như Hiệp Định Genève 54 đã qui định...Thế nên làm gì có hiện tượng có nước Bắc Việt xâm lăng Nam Việt...” làm sao có thể sử dụng từ xâm lăng cho người trong một nước với nhau! Luận lý và luận lý, tôi nghe bao nhiêu lần, tôi đã thấy bao điều sơ hở vô lý, nhưng đợi chờ gì ở những người này, khi họ vẫn không lay chuyển trước câu trả lời:

“Quý vị hãy trả lời cho chúng tôi: Có hay chẳng hiện tượng giải phóng người một nước ra khỏi cộng đồng dân tộc đó ? Có hiện tượng “giải phóng” nào để giải thích trường hợp của 300.000 người đi “giải phóng” trở thành hồi chánh viên, người dân các xã “giải phóng” ở Lộc Ninh, Darkto, Gio Linh, Đông Hà cố vượt qua biên giới sống và chết để thoát ra nơi “giải phóng”...

Nhưng luận lý trả lời đã bắt nhãn đến độ cụ thể như thế, thế nên tôi cũng chẳng có hy vọng thay đổi gì nơi họ. Nơi huấn luyện đã thay thế bản năng, nơi học tập đã thay đổi cho tư duy, nơi chỉ thị đã bao trùm lên mọi lỗi nhỏ của hệ thần kinh. Đợi chờ gì ở những người hơn ba mươi tuổi đảng này ?!! Càng hợp lý hơn khi nhìn lại những sợi tóc bạc trắng, sau ba mươi năm trong tập thể “vô sản cách mạng”, họ đã là ủy viên với quân hàm Trung, Thượng Tá, họ đã là thủ trưởng có quyền hạn của cấp ủy trung ương mặt trận, dứt ra khỏi vùng “đất hứa” này họ sẽ là gì ? Họ còn được gì nếu không hiện nguyên hình một cựu giáo viên tiểu học, thứ thầy đồ “raté” bị loại khỏi đời sống đã âm ỉ tiến những bước vượt ngoài ý niệm. Tưởng tượng cảnh Bùi Thiệp trở về làng xưa ở Bình Định với một túi vải kaki mang ở vai, đôi dép râu để vò xe hơi dưới chân, nếu không có quân hàm trên vai với chút uy quyền tội nghiệp, Thiệp sẽ còn là gì trước làng xưa tiêu tán, không gia đình, không vợ con, chỉ có chiếc bóng ngã dài trên đất vàng khô le lói chút nắng cuối ngày. Không có quê hương “vô sản cách mạng” với quân hàm Trung Tá đó Thiệp còn là gì trước sự thật tàn nhẫn như hư không này ? Thiệp không còn gì, quả thật vậy. Chỉ còn những sợi tóc trắng chảy mềm trong kẽ tay.

ĐI BẮC VỀ NAM

Suốt một tháng nay người cứ căng đầy như quả bóng đến độ chót vọt tích, như kẻ nội lực quá thâm hậu mà không phương cách tổng ra ngoài. Từ vị thế người lính tác chiến chuyên nghiệp sau chặng đời dài bỗng được dự phần vào cuộc đấu lạng lẽ quanh chiếc bàn trải thảm xanh, rì rầm máy lạnh, tôi bị bao quanh bởi những sự kiện xảy ra ào ào chớp nhoáng. Sự kiện cũng xảy đến chậm rãi, từ tốn, như những phiên họp sau bốn giờ có thể kết luận một câu: Phiên họp sẽ tái tiếp tục để chờ chỉ thị mới...Trận chiến diễn ra trong căn phòng kín cửa, trải dài từ trại giam Phú Quốc qua Lộc Ninh, Minh Thạnh, Hoài Ân, Tam Quan kéo dài đến bờ bắc Thạch Hãn...

Phải viết. Tôi đắm đuối mê man theo nỗi ao ước được ngồi xuống trong lạng lẽ với cây viết để khởi đầu giòng chữ cuốn bút ký “Tù Bình và Hòa Bình”. Những chi tiết được xếp đặt dần dần thành hệ thống trên những chuyến bay UH1, lúc ngày mới bắt đầu hay trong lúc chiếc trực thăng bốc khỏi phi đạo Lộc Ninh khi trời vừa tắt nắng. Tiết mục, dàn bài, hình ảnh tài liệu chất cứng bện rộn hoài hoài trong trí não, chỉ đợi chờ được cầm cây viết. Nhưng không thể được, tất cả đang diễn tiến, lý do kỹ thuật của công tác, đồng thời ý thức độc lập và sáng suốt cho người cầm bút không thể có được trong thế hỏa mù sôi động này. Tôi chờ đợi ngày thứ sáu mươi, chín mươi hay một ngày nào gần đây.

Nhưng hôm nay phải cầm đến cây viết. Chuyến đi Hà Nội như ánh sáng chói lòa rọi thật rõ vào hệ thống ấn tượng dậy nên từ thơ ấu kéo dài theo đời người. Những ấn tượng về một quê hương xưa cũ, nơi lịch sử đã diễn thật dài theo thăng

trầm của dân tộc. Hà Nội, đất thánh của tâm linh xao xuyến, gây nên giông rung động lảng mạn tuyệt vời cho bao nhiêu người làm văn nghệ. Hà Nội, địa danh Việt Nam mà những người lớn và sống dưới vĩ tuyến 17 nghĩ đến như một chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng.

Thế nhưng tôi đã đến được. Người của miền Nam Việt Nam, lớp tuổi trẻ khôn lớn từ miền Nam đã đến kinh đô cũ miền Bắc. Đến và trở về với tâm trạng náo nức bồn chồn thật kỳ lạ. Nỗi xao xuyến không tên, nỗi ray rứt trầm trầm cùng với sự choáng váng dật dờ. Phải ghi lại cảm xúc này... Tôi cầm viết. Viết để tặng quê hương bí nhiệm tan vỡ đó, viết cũng để riêng tặng miền Nam, vùng đất rục rĩ đã nuôi dưỡng tuổi trẻ chúng tôi mà chưa một lần được xưng tụng, miền Nam nơi ân nghĩa chưa được đền đáp và cũng không hề đòi hỏi lời tạ ơn. Tôi cảm thấy có một tội mơ hồ khi máy bay trong chiều tối bỏ mặt biển ép dần vào tay trái. Phía Tây, nơi mặt trời rục rĩ, dải đất đen vùng Long Khánh gập búng ánh lửa rừng. Đất miền Nam.

Cũng cần nói thêm một điều: Bài viết chỉ là phản ứng cấp thời của tuổi trẻ miền Nam sau chuyến đi, lứa tuổi trẻ có rất nhiều tự do và trung trực, không phải là "công tác" của một thành viên thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự kiêm thêm nhiệm vụ "tuyên truyền". Lời phân trần có vẻ khôi hài đối với dân miền Nam nhưng rất cần thiết đối với người miền Bắc. Những người đã đọc và "triển khai khẩu trương" tôi đã bài viết của Dương Phục và Phạm Huân với nhiều phê phán khắc khe sai lạc, những người luôn chủ trương "công tác tốt..." cho toàn thể mọi hành vi, lời nói.

Liếc nhìn về phía đất liền, mồm Hải Vân ghi nét đậm trên đường chân trời xám đục. Với tốc độ của máy bay như thế này chỉ mười lăm phút nữa tôi vào không phận miền Bắc. Năm 1967, khi dẫn quân lên đến vùng phi quân sự, suốt một đêm dài tôi đã thao thức không ngủ, đợi ngày đến để được nhìn về phương Bắc... Và trong ánh nắng vàng của ngày xưa đó, tôi đã thấy cơn chấn động mãnh liệt khi nhìn bờ cát cong cong chạy từ Cửa Tùng lên mãi vào xa xăm, vùng Vĩnh Linh, Đồng Hới. Xúc động của ngày xưa ấy được nâng niu ấp ủ mãi qua một thời gian dài. Đó là tình cảm để kết hợp lại quê hương... Tôi đã viết rất thành thật như thế trong cuốn sách đầu tay. Thế nhưng, hôm nay, trên không phận miền Bắc, qua khung cửa tròn từ phi cơ nhìn giải cát trắng chạy dài từ Quảng Trị ra Quảng Bình, lòng bình thản thật kỳ lạ. Đã có thay đổi nào trong hồn chăng ? Tôi lạ với chính mình. Đang ở trên không phận miền Bắc của quê hương mà sao không có cơn xúc động trong lòng, đang vượt Cửa Tùng, đang bay trên Đồng Hới mà sao lòng vẫn tịch nhiên lặng lẽ ? Thật lạ, suốt đêm hôm qua đây người vẫn tưởng chừng như vỡ ra vì xúc động được đi Bắc. Giờ này, đất Bắc đây, sao xúc động hôm qua đã biến mất... Tại sao ? Suốt tuổi ấu thơ, ngay bây giờ và chắc cũng là mãi mãi cho đến ngày cuối đời, tôi chỉ có một mong ước lớn trong lòng. Đi hết cùng xứ sở, đi tận thước đất chót của quê hương. Đất đai cảnh vật xứ người không gọi trong tôi hứng khởi, không gây niềm cảm kích. Tưởng tượng khi đứng dưới chân Tháp Eiffel chắc tôi chỉ có cảm giác vui vui vì trí tò mò được thỏa, được biết một cảnh vật, một đồ vật nổi tiếng. Thế thôi, nhưng khi ở trên cao độ hai trăm thước nhìn xuống sông Cái Lớn chảy ra biển ở cửa Rạch Giá. Nay đây, tôi không phải chỉ biết chỉ thấy mà tôi sống cùng... Tôi mê đắm, ngất ngất trong cảm xúc cao độ như chiêm nghiệm được vẻ đẹp tối thượng, chứng kiến được một nhiệm màu... Trên Sông Cái Lớn, tôi được sống lại cảnh tượng của tiền nhân khi tay dao, tay gậy, chống con đò mong manh vượt qua Sông Tiền, Sông Hậu, đến đây nhìn U-Minh trầm trầm, nhìn đại dương mịt mùng và con sông mệnh mông đầm đìa sức sống đang lồng lộng chảy vào nội địa... Nơi đất và nước không ranh giới lớp lớp phù sa tràn ra biển, dải rừng được bạt ngàn với vẻ hoang sơ tối cổ... Không phải chỉ thấy cửa Rạch Giá, mà tôi sống lại cùng toàn thể lịch sử với nỗi bồn chồn thao thức của

tiền nhân trong đêm thức dậy bên bờ sông âm âm con nước dâng triều nở lách tách giữa hai hàng lau sậy. Trên cao độ hai trăm thước qua khung cửa kính trực thăng tôi không chỉ thấy biển trở màu thành vàng nghệ vì phù sa nhưng còn nghe được tiếng trống trận uy hùng của người xưa Nguyễn Huệ đuổi quân Xiêm qua ngọn sóng bạc đầu, ánh cờ đào phấp phật lộng gió trên mặt nước lộng phù sa. Thế nên thật lạ với cảm giác bình yên khi qua Sông Mã, khi qua Ninh Bình, khi bay trên đất Bắc... Có gì đã thay đổi với hôm qua. Tại sao ??

Máy bay lượn trên những đồng ruộng ngập nước, bờ đê, cây liễu và mây mù, cảnh vật đồng quê miền Bắc, mang vẻ lặng lẽ kém sinh động khác ruộng đồng miền Nam, thiếu hình ảnh lũy tre, thực vật căn bản của dân tộc. Bình thản vẫn bằng bật trong lòng. Lạ thật...Máy bay xuống dần.

Tôi xòe tay hứng những hạt mưa nhỏ, mưa phùn mùa Xuân miền Bắc là đây, hạt mưa quá nhỏ phải một khoảng lâu mới đủ thấm ướt bàn tay. Một đám đông đứng đợi ở phi trường với áo mưa màu ô liu hoặc nâu lằng lể nhìn chúng tôi tiến đến. Tôi bước tiếp theo Trung Tá Tuấn Anh, viên sĩ quan Bắc Việt có nhiệm vụ hướng dẫn phái đoàn Liên Hợp. Thoáng lo âu nghĩ rằng nhờ đám đông kia ào tới đánh hội đồng để trả đũa vụ lính Bắc Việt bị dân chúng đã thương ở Huế thì sao ? Yếu tố cụ thể cho ý nghĩ này là những viên sĩ quan Bắc Việt bị thương cùng đi chung chuyến bay vừa được đưa vào phi cảng. Kệ nó, bao nhiêu năm lính chết chưa ngán hưởng gì đám người kia, đã vào Lộc Ninh, Minh Thạnh cũng chỉ có mỗi mình, hơn nữa người cộng sản đâu có nổi hứng bắt tử, cái gì cũng có học tập, kiểm thảo, đả thông, đây lại là giai đoạn hòa hợp, hòa giải...Sức mấy nổi hứng đánh ầu được...

Kiểm soát lại tất cả phản ứng và cảm xúc, thấy một điều. Tôi thản nhiên đến độ lạ lùng. Vì chỉ vài năm xa cách Huế, khi trở lại nhìn từ độ cao, đầm Cầu Hai bủa sóng, lòng đã dậy nồn nao, hướng hồ khi trong ánh nắng chiều bay dọc Phá Tam Giang, trên làn hơi khói sóng, trên những con sông xanh thắm lững lờ lá tre già vùng Dường Nong, Niêm Phò. Lòng lúc ấy là cơn phong ba yên lặng vì nhìn thấy quê hương điều linh lặng lẽ đến uy nghi. Cũng cảm giác nao động đó khi từ đồn điền Xa Cam nhìn vào An Lộc đang nằm trong hơi khói pháo binh. Thế tại sao Hà Nội đáng kia, Hà Nội ở đây, rõ rệt như mưa làm mát mặt, đọng trên mi, phủ trên áo, Hà Nội mùa Xuân mưa bụi là đây sao lòng cứ vẫn lặng lẽ...Lạ lùng không giải thích. Không lạ lùng sao được, bởi tối hôm qua, ngày hôm kia những ngày được biết chuyến đi chắc chắn được thực hiện không thể bị phức kích tại phút chót như hai chuyến đi ngày 12, 18.2, tôi đã nồn nao quay quắt, đã đứng ngồi không yên, đã hực hơi nín thở, khi nghĩ đến giờ qua, phút tới để được sát thêm, gần thêm Hà Nội, chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng...

Chùa Trấn Quốc ở đây nhá...Trấn Quốc chùa xưa (?) đã dãi dầu. Chạnh lòng cố quốc... đây mà. Anh chàng Đảng Giao vừa vẽ bản đồ vừa ghi rõ từng vị trí đặc biệt của Hà Nội. Đây là Phủ Toàn Quyền, đây chợ Hôm...Chỗ ngả tư này là khách sạn Hòa Bình mà thằng Phục nói, đằng sau kia có vườn hoa con Cóc...Nhớ nhé, nhớ liếc cái số nhà 102 hộ tao, nhà này tôi ở cho đến ngày di cư, tôi còn bà dì ở đó, ông liếc vào xem coi có người nào không, chắc chắn gì ông cũng được đi qua đường đó, bà dì tôi và mẹ tôi giống nhau như hệt, nếu thấy được, ông biết ngay là dì tôi liền!!! Tôi lăm bắm từng đồng địa chỉ, 102, 115, ở phố X.35, 19 ở phố Y, gần chục địa chỉ với những cảm xúc nồng nhiệt đã được trao cho tôi bằng lời dặn dò như kèm theo tiếng khóc bị nén.

Tôi đã sống hai ngày trong lửa cháy trước khi bước chân đến Hà Nội. Thế nhưng sao hôm nay, ngày biến cố, ngày mong đợi, ngày được sờ trên tay hơi ẩm ướt của cái mát phơn phớt giọt mưa bụi đầu Xuân Hà Nội, kinh đô văn hóa dân tộc, trung tâm điểm của lối sống phong cách hào hoa không làm tôi xúc động. Nổi nồn

nao của ngày hôm qua, đêm vừa rồi đã biến mất, biến hẳn, nhường lại cho tâm tư lặng lẽ cứng cõi. Ngồi xuống chiếc ghế, nâng ly bia không đá, nhớ lại tất cả những lời của Phạm Huân và Dương Phục, tôi sửa soạn lâm chiến với bước đầu chiến dịch nụ cười. Những suy tính phẳng phất nét tàn nhẫn hiện rõ trong lòng. Tôi chợt hiểu... Thái độ lặng lẽ bình thần có suy tính này chỉ là một cách thủ thế, phương pháp tự bảo vệ. Hơn tháng qua tôi đã qua bao nhiêu lần bị tấn công, tấn công có kèm nụ cười, tấn công chớp nhoáng sau cái bắt tay nồng nhiệt, tấn công bất thành linh trong những câu chuyện trên trời dưới biển đột nhiên tát vào mặt như bị ném một nắm kim tằm thuốc độc.

- Anh người ở đâu ? Bố mẹ còn không ? Một anh chàng đáng đáp nhả nhận thân mặt hỏi tôi

- Vâng tôi người Quảng Bình!!

- Ấy, quê hương anh anh hùng lắm đấy nhé, có ông Võ nguyên Giáp này...nhưng nát bét cả rồi, bảy tấn B-52 đấy. Nát bét...

Chương đầu tiên tôi hứng phải được đánh ra một cách lạ lùng như thế. May quá, nói láo là “nghề của chàng” nên tôi phản ứng kịp:

- Thật ra tôi người Huế, ở Bãi Dâu nơi mà các anh chôn người hôm Tết Mậu Thân!!! Lần này cũng tương tự như khi vừa cầm ly bia ở bờ Bắc Sông Thạch Hãn, khi vừa mới hớp ngậm cà phê ở Minh Thạnh, Chợ Thành...Một tháng qua bao nhiêu giờ trong phòng họp, trên máy bay, nơi địa điểm trao trả đã dạy cho tôi một điều: Không thể hớ một chữ, thua một câu, nhường một việc với người cộng sản...Vì tất cả đều có mạch lạc, liên kết chặt chẽ với nhau vào trong một hệ thống.

Toán phục dịch tiếp đón, toán phóng viên nhiếp ảnh đã được phân công, phối hợp và bố trí các câu hỏi, phương thức chụp hình đến độ hoàn hảo, mỗi người có mỗi công việc, có mỗi mục tiêu, một số câu hỏi, một số câu trả lời đã được học thuộc lòng. Tôi không nói quá lời, vì như khi ở Thạch Hãn, Quảng Trị vừa cười cười nói nói với nhau, sau hớp bia thứ nhất, viên Thiếu Tá chính trị, viên trung đoàn 102 đã “công tác” ngay. Hôm nay chúng ta được ngồi uống bia Trúc Bạch với nhau là do Hiệp Định Ba Lê trong tinh thần hòa giải dân tộc và vì thế chúng ta là người Việt Nam được quyền đi bất cứ chỗ nào!! Ý anh chàng này muốn nói đến điều 1 Hiệp Định (theo quan điểm cộng sản) là nước Việt Nam thống nhất, bất khả phân, nghĩa là Bắc Việt có quyền điều động quân, vật dụng chiến tranh vào giúp nhân dân miền Nam, mà nhân dân miền Nam có đại diện chính thức, duy nhất là mặt trận giải phóng!! Ở Thạch Hãn đã “khẩn trương công tác” như thế huống gì ở đây, Hà Nội cái “ổ” của thủ đoạn, nơi không có tình thương, chỉ có “công tác”. Lòng bình thần chỉ là một cách giữ thân.

Xin lỗi đất Bắc, xin lỗi Hà Nội, tôi đã đến cùng với tâm tư quá tinh táo pha chút khắc nghiệt, nhưng biết làm sao khi “đề cao cảnh giác” quả tình phải là một tính chất cốt yếu khi đến cùng người cộng sản.

Mưa bụi bám vào lớp áo nhung của người đàn bà làm mờ lớp tuyết bên ngoài, trông đẹp vô tả. Ông Hoàng Hải Thủy đã “tán” mưa Hà Nội như thế. Sáng hôm nay ở phi trường Gia Lâm không có đàn bà, thiếu nữ mặc áo nhung, chỉ có những người con gái mặc áo cộc, quần đen, mang dép nhựa hướng dẫn đám phóng viên Đông Âu chạy hối hả trên phi đạo.

Xe qua Cầu Long Biên, chiếc cầu bằng sắt, lót gỗ, đường rầy xe hỏa ở giữa, hai bên lối đi bộ nhỏ khoảng một thước rộng. Khung cầu màu đen nặng nề han rỉ, được gắn đầy cờ đỏ của ngày khánh thành sau khi vừa sửa chữa hoàn tất. Cờ được gắn san sát suốt trên hai cây số chiều dài với khẩu hiệu có những ngữ từ ngúc ngắc nghe lạ lạ như đội làm cầu...công tác tốt. Chiếc xe chạy rì rì phát ra chấn động làm lòng bùng nổ tai. Tôi váng vất khó chịu, nhìn xuống lòng sông cạn đáy mệnh mông

dần vật trong sương mù...Tôi đang đi qua Cầu Long Biên, đang đi trên Sông Hồng, địa danh muôn thuở huyền hoặc là đây nhưng sao lòng vẫn nặng trĩu trộm, vắng mặt hẳn những cảm xúc ngây ngất như khi xuống đèo Cả, nhìn lên đỉnh Vọng Phu, tượng đá hiển hiện trên bầu trời làm rợn trên da những gai nhỏ. Con sông lịch sử ở dưới chân thấp thoáng mù sương lẫn khuất cuối chân trời qua cửa kính lấm chấm mưa đối với tôi như là cảnh chết của một giòng nước lặng lẽ thụ động. Ấn tượng con sông hùng vĩ đồ ngàu cuộn dưới chân đê từng đợt sóng bạc và gió thổi mạnh trên làn nước mông mênh gây nên bởi không khí tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng hoàn toàn khác xa với thực tế và cảm giác bây giờ. Giòng sông cạn đáy tro lớp đất xám đỏ, mặt nước yên lặng không khác Trà Khúc của miền Nam, nhưng kém hẳn cường lực của giòng Cửu Long khi chạy qua Rạch Miễu, Mỹ Thuận, bốc lên thứ khói sương mờ mờ rung rinh qua ánh nắng. Thật ra cũng không phải vậy, ấn tượng rực rỡ về Sông Hồng bị công phá không vì lưu lượng nước thấp, nhưng vì khối không khí thụ động bao trùm giòng sông và vẻ nặng nề đe dọa của rừng cò đỏ máu, hai đối tính gây nên đồ vỡ bất cân xứng. Nhiều cò quá, nhiều khẩu hiệu quá nên thiên nhiên vốn thụ động càng bị xóa tan, lấn át. Con sông lịch sử uy nghi trong ấn tượng sáng nay bị lấp dưới rừng cò cùng khẩu hiệu tăng năng xuất lao động.

Xe chạy chậm, quá chậm, tai bị ù hần, không khí trong lòng xe khô rốc, người tài xế ấn còi liên tiếp. Trước đầu xe, hai ba người dân đang đẩy chiếc xe hai bánh lồng chổng vật dụng loay quay tìm lối tránh, bên cạnh chiếc xe này người lính chở đứa bé gái trên chiếc xe đạp đang lúng túng dừng lại vì bị ép giữa hai khối lớn. Người lính dừng lại, bế đứa gái lên bờ lề của người đi bộ, xong hối hả nâng chiếc xe lên theo. Sau khi đứng yên được ở vị thế chắc chắn, người lính và đứa bé nhìn lên chiếc xe chở chúng tôi. Đó là một người đàn ông đã quá bốn mươi tuổi, khuôn mặt gầy, lưỡng quyền cùng đôi mắt nổi lên quá độ, khuôn mặt đặc biệt của dân quê miền Bắc với răng cửa hơi hô ra, má hóp, đôi mắt võ vàng chịu đựng. Người đàn ông dù với bộ đồ ka-ki và cái nón cối có vẻ trái ngược với hình ảnh điển hình của người chiến sĩ nhân dân, thành phần tiên phong xây dựng chủ nghĩa xã hội thể hiện qua dây biểu ngữ mang danh từ sắt đá. Vẫn biết người cộng sản đã hình thành được một quân đội nhân dân trong tập hợp xã hội, người lính chỉ là một cán bộ như cán bộ nhà máy điện, cán bộ hợp tác xã rau, cán bộ làm cầu...Người lính chỉ được phân biệt qua đồng phục. Nhưng với ý niệm của một người miền Nam, tôi nghĩ, người lính miền Bắc dù đã đồng hóa vào cùng xã hội nhưng họ vẫn là biểu tượng cụ thể chính yếu cho chế độ, rõ ràng hơn là chế độ đang nuôi dưỡng và dành các quyền ưu đãi vật chất to lớn cho họ, thành phần trực tiếp gánh vác chiến tranh, họ phải là biểu tượng lớn cho ngưỡng mộ của toàn dân. Nên ở đây, những tiếng còi thúc dục của người tài xế, đôi mắt võ vàng chịu đựng trên khuôn mặt lo âu thống khổ của người lính giữa một vùng sương mù bốc lên từ khói sông lẫn cùng làn mưa bụi gây trong tôi một xúc cảm ngậm ngùi...Nhớ đến những người lính địa phương quân ở Long An buổi chiều sau cuộc hành quân tuần tiểu, ngồi câu cá ở chân cầu với vẻ bình yên khoáng đạt, hình ảnh người lính nhân dân của miền Nam tuy chưa được hình tượng hóa, nhưng người lính địa phương quân đó đã thành hình và vững mạnh dần cùng với miền Nam bằng tất cả sung mãn tinh thần và vật chất.

Tôi đi qua Sông Hồng trong bầu trời mưa giăng bụi nhưng lòng trống vắng cảm xúc ngây ngất, chỉ thấy tràn đầy phần nợ im lặng. Đứa bé con người lính đội một chiếc nón cối bằng lá gồi, loại nón của những năm 1950, trong vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú...Hôm nay ngày đầu Xuân, trời còn lạnh nhưng người dân không ai mặc áo ấm, dù là đứa trẻ. Tưởng tượng cảnh đoàn người làm lủi đi trên chiếc cầu này trong mùa Đông khi mưa lớn nước dâng cao và gió bão...Với cảm giác bị canh chừng từ khi xuống phi trường lại vậy càng thêm không khí u uất trên Cầu Long Biên

gây nên bởi rừng cò rục đỏ, tôi đi vào Hà Nội, trái tim văn hóa Việt Nam, quê hương lãng mạng và mơ mộng với cảm xúc mới thành hình. Sự náo nức tăng dần cường độ. Náo nức, tôi tựa vào Tỉnh từ này để gọi tên trạng thái tinh thần, mà ảnh hưởng còn đến hôm nay khi cầm cây bút, năm ngày sau khi rời Hà Nội, lúc liếc nhìn lại tấm ảnh, lúc bưng bát cơm. Tâm tư không yên ổn của buổi sáng mai kia còn nguyên hiển hiện.

Náo nức, không thể còn một Tỉnh từ nào gọi nên đủ cường độ và tính chất hơn thế nữa. Xe đi hết Cầu Long Biên đổ xuống một con dốc, leo lên một con dốc khác, Ga Hàng Đậu hay Hàng Cỏ, tôi cũng chẳng cần để ý. Tờ bản đồ của Đảng Giao trong túi, chỉ cần kéo ra là đủ theo dõi, nhưng tôi mệt, mệt thật sự. Những rộn rã nao nức tối hôm qua, ngày hôm kia, tháng trước mắt hắt, nhường chỗ cho cảm giác mệt. Mệt và muốn trở về Nam. Phải, tôi muốn trở về Nam ngay ở nơi ngã ba có mũi tên chỉ hai hướng Hà Nội-Hà Bắc (chắc là Hà Đông, Bắc Ninh) cách Trung Tâm Hà Nội bốn cây số. Cách Trung Tâm Hà Nội bốn cây số, người đàn bà trong lúc mưa nặng hạt chỉ phong phanh một mảnh vải nhựa che thân, chân trần dẫn xe đạp đi lên con đường dốc ngược. Trên nóc Nhà Ga treo một khẩu hiệu lớn “Đời đời nhớ ơn Hồ Chủ Tịch”...Nhớ ơn Hồ Chủ Tịch, Kissinger cùng Lê đức Thọ có đi ngang qua chốn này trong cuộc viếng thăm tháng trước chăng ? Ông Hồ chí Minh đã được nhớ ơn vì người Mỹ chỉ “giới hạn” đánh bom từ Gia Lâm đến Long Biên, được nhớ ơn vì người đàn bà miền Bắc được đi xe đạp “trang bị” thêm mảnh ni-lông che mưa gió sau hai mươi năm chiến thắng Điện Biên xây dựng xã hội chủ nghĩa. Người đàn bà trên đường vào Hà Nội, cách thủ đô bốn cây số đường trải nhựa từ thời thuộc địa. Chiếc xe Prefect hướng dẫn đoàn xe chúng tôi bị hỏng, sẵn dịp tôi chụp bức hình “quán nước” Hà Nội gồm một chiếc bàn gỗ tạp, cao khoảng ba tấc chung quanh có những chiếc đôn nhỏ sát mặt đất, trên bàn vài gói giấy trắng chắc hẳn là thuốc lá hay thuốc lá lè, ấm nước lớn để giữa bàn. Bên cạnh “quán nước” là tiệm hớt tóc, dưới mái hiên dột nát một thiếu nữ đang hớt tóc cho em nhỏ. Tôi tưởng chừng như cảnh không thật, bây giờ là năm 1973, năm người Mỹ chấm dứt chương trình Apollo, các bà Gandhi, Golda Meir cầm quyền quốc gia không thua kém một đồng nghiệp phái nam trên toàn thế giới, rõ rệt hơn “ngoại trưởng” Nguyễn thị Bình ở Paris mỗi ngày mỗi gây chú ý bởi tác phong cách mạng vô sản rất “văn minh” không loạt choạc với trào lưu của kinh đô ánh sáng. Nhưng ở tại cây số bốn trên đường đến Hà Nội, người thiếu nữ của miền Bắc, biểu tượng của ba đảm đang, ba sẵn sàng, có dáng dấp, y phục của những nữ cán bộ vùng Bình Định, Quảng Ngãi ở giai đoạn trước 1954...Dáng dấp thanh lịch đài các của thiếu nữ Hà Nội bị mất hẳn, bị xóa sạch để cầm chiếc tông-đơ đi xuống đầu em nhỏ ngồi trên chiếc ghế gỗ cũ, cũ bằng hoặc hơn thời gian chủ nghĩa xã hội thành hình ở miền Bắc. Phải chăng đây là đường hướng tiền bộ từ tâm thức Hồ Chủ Tịch và ông đã được nhớ ơn bởi thành quả đó ?

Xe tiếp tục chạy qua Cửa Bắc nơi Hoàng Diệu tự vận để giữ tròn tiết tháo, một tấm bảng đặt dưới chân cổng thành ghi hàng chữ “Nơi đây dấu vết quả đạn đại bác của quân Pháp”...Tôi đọc không kịp nên cũng không biết có đúng nội dung trên không, nhưng đại ý là như vậy. Hàng chữ nhắc người Việt Nam luôn nhớ đến mối thù với người Pháp để luôn giữ độc lập tinh thần. Hội Nghị Ba Lê mà người cộng sản coi là một thắng lợi lịch sử đang tiếp tục những phiên họp ủy ban bàn việc viện trợ cho miền Bắc và âm hưởng Trung Hoa hình như bao trùm lên tất cả tiết tấu những bài hát tôi đã nghe ở bờ Thạch Hãn tuần rồi chập chờn vang dội đâu đây. Đã tan vỡ rồi Hà Nội...Tôi nghe như tiếng nói chính mình vì viên sĩ quan đi cùng, Đại Úy Tuyển cứ lẩm bẩm: Chẳng có gì thay đổi...Y hết như hôm qua, tất cả như tranh cũ, như ý niệm. Cũng những ngôi nhà khang trang của phố Cửa Bắc, hàng cây xanh, lề đường im bóng mát và sương mờ giăng cuối phố trong tàng cây. Buổi sáng mùa Xuân có đủ

tất cả yên tĩnh thơ mộng và Hà Nội không mất một gốc cây, không vỡ một viên gạch lề đường, nơi mà Thanh Tâm Tuyền đã di chân qua trước giờ rời Hà Nội hai mươi năm trước chắc giờ này vẫn còn nguyên, nhưng sao thành phố lại gây thê thảm nỗi đến thế này. Thành phố đông người sao thấy quá vắng, phải chăng vì người mật đông phục nhiều quá, màu xanh ô-liu lấn át hẳn màu trắng xám và xanh nhạt. Màu ô-liu, màu của lính, của tập thể, màu của biểu tình, hội họp, màu của đồng nhất im lặng và kỷ luật lạnh lẽo. Tan vỡ rồi, Hà Nội...Trên lề đường không vang dội tiếng guốc vì đế dép plastic lướt đi vội vã, xe điện qua không nghe hồi còi leng keng rộn rã như trong văn chương của Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Đình Toàn...Phải chăng xe chạy đúng giờ, người dân quá kỷ luật nên tiếng xe reo vui, đặc thù của Hà Nội không còn cần thiết? Hay chuông reo cũng giảm mất một phần năng suất điện? Tôi đi giữa lòng Hà Nội mưa bay không thấy phố phường, không thấy người, chỉ thấy thê thiết nỗi dồn lên hơi thở. Trần Dần năm xưa thất vọng vì màu cờ đỏ quá mạnh lấn át hẳn cảnh sắc Hà Nội, tôi hôm nay đi trong lòng Hà Nội với đe dọa trùng điệp, cảnh giác thường xuyên và trong không khí đồng nhất quái dị...Hà Nội thiêng liêng bí nhiệm vẫn còn nguyên hê xưa phố cũ nhưng đã tan vỡ đến đáy sững sờ...Phải chăng đây là Hà Nội? Câu hỏi vang vọng tốt độ đón đau...

Hỏa lò, tòa nhà xám xây bằng đá, phòng họp nước trà đặc và thuốc lá khô...Giọng viên Đại Úy chỉ huy trưởng trại vang vang hách dịch, giọng Quảng Nam chắc nịch gần từng tiếng một. Viên Thiếu Úy thông dịch cao lớn, đôi mắt dữ dội cay nghiệt, không khí trại giam đầy đủ và toàn hảo. Lại thêm màn bỏ quên chìa khóa để rút ngắn thời gian tiếp xúc tù binh. Tất cả màn kịch quen thuộc có đủ hết những gút thắt và mở. Tôi đi qua sân bóng chuyền, chiếc lưới quá mới, phải chăng vì mới giảng nên chưa kịp ẩm ướt mặc dù mưa bụi suốt ngày. Những cửa sổ trên cao thấp thoáng tù binh Mỹ, những khuôn mặt gầy, ánh mắt xao xuyến. Rất thành thực, tôi đưa tay ngoắc và nói lớn với cảm xúc được nén xuống "Cảm ơn, và chào các anh"... Có những ánh mắt rung rung nhìn lại. Tù binh, sinh vật tội nghiệp nhất của chiến tranh, món quà thê thảm của hòa bình. Hello Friends!! Tôi chào họ lần nữa. Máy ảnh hết phim, chẳng cần thay. Trung Tâm Hỏa Lò, một đề tài hấp dẫn để làm phóng sự. Tôi không phải một phóng viên đúng nghĩa. Buồn thật.

Đã qua một đoạn viết về Hà Nội, trong lòng có hai phản ứng trái ngược. Tôi có nhìn Hà Nội với nhãn quan độc lập, trung trực hay chỉ vì thiên kiến do ý thức "quốc gia" cụ thể qua tấm áo lính nên đã "bóp méo" Hà Nội để gây nên tác dụng "tuyên truyền"? Thật sự đến lúc này, ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội, cảm giác nỗi nề, lảng đãng vẫn còn đầy ứ... Tôi vẫn bị lao đao với câu hỏi sững sờ: Hà Nội là thế sao? Vùng đất thánh văn hóa, nơi chỉ cách Sài Gòn ba giờ bay có thể nằm ngoài hẳn mọi ý niệm, lạ lùng đến thế được sao? Cố gắng phân tích, cố gắng bình thản viết lại sau đây những hình ảnh để cụ thể hóa cơn nao loạn tinh thần đó, tôi muốn được viết trung thực về vỡ nát ấn tượng Hà Nội...Bữa ăn ở khách sạn Hòa Bình tức là khách sạn Splendide cũ, nơi có cái cửa kính xoay, biểu tượng văn minh xa xưa cũ của Hà Nội. Hai mươi năm đi qua chiếc cửa vẫn còn đó, lớp kiếng mờ, thớ gỗ lạnh, Hà Nội không một vết nhỏ thay đổi những nơi tôi đi qua. Khách sạn kiến trúc theo lối Pháp, tường dày, nhiều cửa kính theo kiểu Majestic Sài Gòn nhưng bé hơn chỉ bằng khoảng một phần sáu, tường vàng lạnh trắng trải hình như vừa quét lại, phòng ăn nơi cửa ra vào được che bởi một tấm màn vải phin màu xanh nhạt, tấm màn cửa mới cứng đờ nếp hồ. Hai két bia Trúc Bạch để ở góc phòng, thực đơn gồm những món ăn thông dụng của người Bắc, giò lụa, chả quế, thịt bò tái và cơm tám thơm. Thức ăn thường nhưng đậm đà và ngon, vị ngọt của miếng thịt bò, lát chả gây xúc cảm...Con gà ngoài Bắc ta...Hoài niệm 12 tháng của Nhà Văn Vũ Bằng bây giờ mới được hiểu hết cường độ xót xa. Thổ ngơi, tình tự gọi nên từ bờ tre, đáy giếng, tiếng

gà eo óc dưới những cây soan gầy guộc mờ nhạt trong mù sương của miền Bắc hình như vẫn được tồn tại qua miếng chả quế tuy không tinh xảo bằng lát chả Sài Gòn nhưng thoang thoảng hương thơm thuần nhất của thớ thịt, thảo mộc quý cách. Chủ nghĩa xã hội đã “vô tính hóa” người và cảnh Hà Nội, nhưng vẫn không có hiệu lực đối với cảm tính muôn đời của dân tộc. Bàn tay nào đã rải những hạt cơm thừa nuôi loài gia súc, giã mạnh cái chày để tạo nên thức ăn ý hẩn vẫn còn nguyên tính chất tư hữu tài hoa của chốn quê hương tan vỡ này. Ý nghĩ lằng đằng, bức tường nhà ăn lạnh cóng, những người phục dịch lúng túng vội vã, nâng niu từng đĩa thức ăn gây nên cảm xúc lạ. Tôi đã ăn những thức ăn quý giá, kết quả sau bao nỗ lực cần mẫn của người dân miền Bắc. Miếng ăn ngon như nghen ở cổ khó khăn vô cùng để gấp thêm một lần thứ hai.

Bữa ăn xong, tôi mời người thiếu nữ tiếp đãi chụp chung tám hình. Hai anh sĩ quan Bắc Việt không bỏ cơ hội đứng vào luôn. Có đám đông đứng ở bên đường nhìn vào. Không lẽ chính trị viên Bắc Việt lại bỏ mất cơ hội “tiếp thu tinh thần hòa giải” cụ thể như thế này sao? Lúc nào cũng “công tác tốt” được. Sống thật phiền!!

Lại lên xe, di chuyển từ khách sạn ra phố chính (Tràng Tiền, Phố Huế, Hàng Ngang, Hàng Gai, Hàng Đào) xe chạy thật nhanh giữa thành phố đông người với tiếng còi dồn dập, thúc bách...Máy hình chụp liên tiếp, xe điện, ngã tư đường xuôi xuống Nhà Hát lớn, nhà Bách Hóa, rạp chớp bóng, tiệm may. Mặc cho xe chạy đảo điên xô đẩy, tôi mê man theo từng mỗi thước đất đi qua. Đang ở giữa trái tim Hà Nội...Những bức hình lịch sử, sự thật sẽ được lưu giữ trong giây phút này. Anh tài xế cố gắng chạy nhanh để ngăn cản cũng vô hiệu đối với tôi, máy Topcon với ống viễn kính sẽ không phản bội sự thật, xe đi hết đường Trường Thi ép về tay phải, thăm nước xanh lặng lẽ trong trời mù. Hồ Gươm. Rung động dọc sống lưng, những gai nhỏ li ti châm chích trên da thịt. Tôi thấy được rêu phong trên Tháp Rùa, bãi cỏ non, làn nước xanh mờ mờ khói nhạt...Đền Ngọc Sơn khuất sau tàng cây, hàng chữ nho sắc nét, Cầu Thê Húc cong cong chập chờn, hình tượng sống động của lịch sử quê hương là đây. Hôm nay tôi hít được mùi nước gậy mát của chiếc hồ muôn thuở, hôm nay tôi thấy được nét chữ in sâu đỏ chói náo nùng của câu đối trước Đền Xá Tắc. Có một gò đất nhỏ ở Cổng Đền. Phải chăng là núi Nùng ? Chắc không phải, núi Nùng cao hơn ở một nơi nào đó. Nhưng cảm giác phờ phợt rạo rực sau khi bừng sáng bỗng tắt ngấm lạnh tanh...Tại sao ? Tôi thấy lạnh kỳ dị lạ lùng, chóng mặt và ngờ ngàng. Hồ vắng quá. Đền lạnh quá...Kỳ dị thật, từ cái nhà ba tầng to lớn kia (Tòa Thị Chính cũ) nơi có treo những khẩu hiệu vĩ đại đến chỗ tôi đang đi qua đầy ứ người đi bộ, người lũ lượt hàng hàng lớp lớp, xuôi ngược chen chúc, nhưng sao không nghe tiếng động. Tiếng động thường hằng của thành phố mà chúng ta sống cùng nhưng không cảm thấy, chỉ khi nào mất đi như những hôm cấm đường, đình công, bãi thị, giới nghiêm mới nhận ra. Quái dị, ở đây ban ngày, người đầy ứ mà sao thành phố lặng lẽ một cách kỳ dị, sự lặng lẽ của đám đông trong buổi biểu tình sau khi dứt tiếng hoan hô đã đảo...Chung quanh Hồ Gươm có nỗi im lặng ghê rợn lạ lùng này. Người đông nhưng màu áo nhà binh tràn ngập nặng nề che khuất hết vẻ rộn rã. Đông nhưng không nghe tiếng rì rầm sống động của con người di chuyển và đang sống. Quanh Hồ Gươm có đám đông thiếu sức sống của người. Tôi run tay, khó thở, xe lại bít bùng văng vát, gió lửa từ cửa sổ vào thành một luồng gờn gợn, trong đầu lại vang vang câu thơ Trần Dần. Tôi bước đi không thấy phố thấy phường. Hôm nay quanh Hồ Gươm, câu thơ lại mang thêm cường độ công phạt tàn bạo. Tôi nghĩ đến lời thơ được sửa đổi: Tôi bước đi không thấy phố, thấy người...Phải, tôi không được thấy người giữa lòng Hà Nội quanh Hồ Gươm...

Xin ngã mũ chào người cộng sản miền Bắc, các anh đã hơn Nga Sô đã hơn Trung Cộng, một thành phố có sức sống cổ kính dài lâu, mãnh liệt như Hà Nội chỉ

sau mười chín năm trở nên thành phố “vô tính”. Các anh đã thành công khi xóa sạch hết biên giới con người, không còn người già người trẻ, không phân biệt thiếu nữ hay thanh niên, không chia loại trí thức và lao động, không cách xa giữa thiếu nhi và người lớn. Tất cả đều được đoàn ngũ hóa, hệ thống hóa, tổng hợp và vô tính hóa...Con người muôn thuở của Hà Nội đã được “bạch hóa” đến cực độ chỉ sau mười chín năm tôi luyện...Ông Karl Marx, Lenin có bao giờ nghĩ đến một hiện thực cộng sản “đỏ” đến thế này ở một nước Á Châu không ? Và kinh khiếp hơn, Hà Nội vẫn còn nguyên yếu tố thiên nhiên, kiến trúc, còn nguyên đủ hè đường lát gạch, hàng cột điện với ngọn đèn ngày trước, cây sấu xanh, lá bàng dày, chuyến tàu điện xưa cũ đi về, mặt nước hồ lặng lẽ gợn rung rinh Tháp Rùa rêu phủ...Tất cả còn nguyên, đủ nhưng tại sao Hà Nội lạnh đến kinh khiếp ngớ ngàng. Thành phố, không khí và con người đã được “bạch hóa” đến độ này sao ? Câu hỏi biến thành niềm xao xuyến mong mênh kéo dài đến hôm nay. Ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội.

Dự khán buổi trao trả tù binh Mỹ, hai anh Thái Lan ngơ ngác giữa một chốn hận thù hỗn độn...Nghĩ đến những nhân vật của Gheorghiu, thấy ánh mắt bừng sáng vui sướng và hy vọng, bước chân đi lại theo động tác cơ bản thao diễn lúng túng, bàn tay run run đặt cái chào đúng thế của những người tù vừa được trở lại vị thế người lính...Cảm xúc đầy ứ làm nóng mắt. Bỏ qua những dự tính chiến lược và chính trị, người lính trong chiến tranh, bất kể quốc tịch và cấp bậc vẫn là kẻ gánh hết thống khổ điều linh. Người tù, kẻ ở đáy cuối cuộc đời gió bão. Đi theo một toán tù binh Mỹ đến sát đuôi chiếc C141, người nữ y tá hôn nồng nàn mỗi người trở về...Thấy thương người, thương đời, trạnh nhớ tù binh ta, tù binh cộng sản...Có những xa cách và khác biệt nào ? Cảnh phất cờ khởi loạn ở bờ Sông Thạch Hãn của tù binh cộng sản lại ám ảnh trong lòng. Thù hận vì ý thức hệ có thể là một tính chất căn bản được chăng ?

Cũng chẳng muốn đấu trí, đấu khẩu, nhưng những phóng viên trẻ tuổi Đông Âu cứ bao quanh rốt cuộc phải đi đường nói láo.

- Tôi và người này (Tôi chỉ vào anh chàng có nhiệm vụ theo tôi, một phóng viên Bắc Việt) là bạn học cũ!!!

- Thật không ?

- Thật...

- Đại Úy cho biết ý kiến về B-52 ?

- Anh bao nhiêu tuổi ?

- Hai mươi lăm.

- Hai mươi lăm quá trẻ, anh phải đợi vài năm nữa mới hiểu được Việt Nam.

Anh chưa có khả năng phân biệt tiếng nói của tôi (người Trung) và anh này (phóng viên cộng sản người Bắc) làm sao anh hiểu được diễn tiến chính trị Việt Nam. Không phải lỗi anh, chỉ vì anh quá trẻ so với chiến tranh này. Chỉ nói thế cũng thấy mệt, thấy thừa. Đi lòng vòng ở sân bay chụp hình loạn xạ cốt đợi giờ về.

Buổi trao trả xong, anh phóng viên áo trắng, (cũng chẳng cần hỏi tên) người bám sát tôi từ sáng, kéo riêng ra một góc để ngồi nói chuyện tâm tình. Nghe có tiếng cười mĩa mai im lặng trong lòng. Một tháng rồi, tôi đã qua bao nhiêu lần “nhất trí”, hòa giải...để kết thúc với “B-52”. Bây giờ thì cũng thế thôi. Ngồi xuống cỏ, mời thuốc lá và lại bắt tay: Anh Nam bao nhiêu tuổi ? Người vùng nào ? Liếc nhìn sau lưng: Một ống Micro-phone đang ở vị thế thâu... Chán thật! Tôi nổi cáu:

- Đây này, tôi cũng có một máy thâu tồi hơn máy anh không cần micro, để trong túi bật cái nút là thâu rõ hết trơn...Tôi không phải là nhà báo nhưng cũng chẳng lạ gì nghề này, các anh cất máy đi...Tôi sẽ nói chuyện miền Nam trên tư cách là người trẻ, người lính miền Nam...

Bị bắt gặp tại trận, anh “bạn tâm tình” phải giấu cái micro. Không có sự then thung và liêm sĩ trí thức của một người bị bắt gặp làm việc lén lút. Nản đến tận cổ, ê chề đầy cứng người, nhưng cũng gắng “thuyết trình” hết bài báo chí tự do miền Nam, dẫn chứng bằng tờ Sóng Thần ngày 3.3.1973 có hình ảnh người Huế biểu tình ở Bãi Dâu và hồi ký của hồi chánh viên Nguyễn anh Tuấn. Nói cũng “ngon” như bình thường nhưng biết rằng sẽ vô ích. Bức tường đá cổ chấp không kể hồ sẽ không để sự thật đi vào. Sau lưng lại thấy dí dí một cái micro khác...Đ.m...Muốn chười thề một tiếng thật lớn...

Ngồi đợi máy bay quay cánh quạt để dọt. Tôi nhớ Ngã Năm, Ngã Sáu Sài Gòn, Đường Trương Minh Giảng, Lê Văn Duyệt giờ này đang tan sở...Mùi xăng, hơi nóng, hơi nhựa hừng hực, nhưng cảnh “địa ngục” dơ bẩn của Sài Gòn mới xa một ngày sao đã thấy vạn phần thương nhớ trong không khí tịch mịch u uất nơi sân bay Gia Lâm bắt đầu mù hơi lạnh khi trời về chiều...Miền Nam, ban đêm các quán cóc lù mù ánh đèn bán khô cá thiêu, cá mực bỗng nhiên hóa thành từng chuỗi kim cương kết tủa long lanh. Tôi nghe hơi gió Sài Gòn ban đêm, tôi thấy ánh nắng Sài Gòn ban ngày, tôi tưởng hít được mùi tanh tanh mốc mốc vùng Bến Chương Dương, Vân Đồn. Cảnh dầu nghèo, dơ cũng là cảnh người, cảnh có sức sống. Sài Gòn, hỗn độn, nóng bức, khô khan bắt đầu từ giờ đây là quê hương cuối cùng, quê hương để bó xương, chôn thịt...Chắc chắn phải là như thế. Bao năm sống ở miền Nam cứ nuôi một tâm lý “sống gởi, thác về” không thiết tha, không xưng tụng. Khổ nổi, nếu xưng tụng thì mang tiếng “văn nô”...Nhưng hôm nay tôi phải viết, phải bốc, phải hét to, Sài Gòn, Quê Hương Tự Do cho người, nơi đã từ lâu chỉ có nổi phũ phàng. Xin lỗi miền Nam quý giá và bao dung, xin lỗi Sài Gòn nồng nhiệt. Tôi đã phụ người quá lâu.

Kéo một nụ cười nhạt thếch vì máy bay đã quay cánh quạt mà Trung Tá Bùi Tín còn “công tác” với giọng thân mật...: Nam thấy mấy chiếc Mig kia không ? Hạ mấy trăm thằng Mỹ rồi đó! May quá, cánh quạt quá ồn để không cho anh ta nói tiếp về B-52!

Bay cao, hãy bay cao hẳn lên, chẳng cần quay lại nhìn sông Hồng, sông Đuống...Bay thật cao và nhanh, qua Đèo Ngang, qua Đồng Hới thật nhanh để đưa tôi về miền Nam...Phía Tây ánh mặt trời đỏ ối từ từ chìm dần vào bóng đêm, tàu ép tay trái vào đất liền, ánh lửa vùng Long Khánh chớp chớp rực rỡ. Đất miền Nam. Nghe cơn sóng dầm ầm trong lòng vang dội. Tôi về Nam. Miền Nam.

Đọc lại bài viết của năm trước để xét xem đã viết trong một “áp lực” nào không, nhưng cuối cùng vẫn phải nhìn nhận. Tôi đã viết thật đúng, thật trung thực, tôi không thổi phồng sự kiện, không “quốc gia hóa” cái nhìn, cũng không văn chương hóa, bi thảm hóa sự kiện, cảnh sắc và yếu tính của Hà Nội. Sau này, những chuyến đi khác chỉ còn là một công tác bắt buộc, thiếu hào hứng, đầy nhọc mệt và nhàm chán, tuy thế nhưng cũng có một vài đền bù như được đến Văn Miếu, Viện Bảo Tàng nơi tập trung khá đầy đủ các di tích văn hóa do Viện Bác Cổ trước kia sưu tập và các cuộc tìm kiếm sau này của chính quyền miền Bắc. Nhưng chỉ là những vui thích “kỹ thuật”, được thấy và biết thêm nhiều điều để mở rộng kiến thức. Xúc động từ chuyến đi đầu tiên hoàn toàn mất hẳn.

Đọc lại bài viết cũ nhân dịp xem một đoạn phim quay tại Hà Nội và miền Bắc hơn hai mươi năm trước. Cuốn phim tuy non yếu về kỹ thuật, hổng hoàn toàn trên tất cả mọi khía cạnh nhưng quả tình đã giúp cho tôi soi sáng được một phần nào ấn tượng đẹp đẽ về Hà Nội. Dù ống kính đã thu hình Hà Nội với non yếu kỹ thuật và thiếu vắng nghệ thuật, nhưng đoạn phim Kiếp Hoa ấy đã ghi đủ những cảnh sắc và tinh thần Hà Nội...Đó là một nơi chốn tươi mát, hồn hậu và thân mật, những hè đường đầy trầm trầm tiếng guốc, bờ hồ thăm tàng cây, mặt nước loang nắng, hắt hơi mát lạnh xanh xao lên lớp vỏ cây dui dằng, và những “người Hà Nội” thanh nhã

chậm rãi đi lại trên lối nhỏ im bóng lá sinh động hiện thực phẩm tính lịch lãm nhẹ nhàng của thủ đô văn hóa, nơi văn minh Việt Nam đã khai phóng nên thành hình tượng. Tôi nhìn lên màn ảnh, bỏ qua hình ảnh của các tài tử vốn chỉ là đào kép cải lương Bắc Việt, bỏ đi giọng nhạc đệm nặng nhọc, ngớ ngẩn, để chỉ thấy lại một khối Hà Nội rục rở trong nắng, để thấy Hà Nội trầm mặc trong mưa, một di sản văn hóa cao quý mà tiền nhân đã gây dựng nên và trao gởi lại...Thấy trên màn ảnh, nhớ lại cảnh sắc của lần đầu tiên đến Hà Nội với cảm giác náo nức trên mỗi thước đường đi qua, chông chênh, chông chênh cứng đờng nổi thất vọng khi nhìn khối dân chúng lặng lẽ dị thường của buổi chiều Chủ Nhật 4.3.1973...Kinh dị thật. Chủ nghĩa cộng sản đã đánh gục được tâm chất Việt Nam sâu thẳm ngay tại thủ đô văn hóa miền Bắc. Tôi bàng hoàng với sự thật tàn bạo ghê gớm âm thầm này. Cảm giác của một năm về trước...

Qua đoạn phim cũ, tôi được nhắc nhở thêm một điều. Chiến tranh đã quá lâu trên quê hương. Cảnh tượng của đoàn người tản cư chạy loạn trên đường đê, trên cánh đồng chiêm dù chỉ được đạo diễn dựng nên nghèo nàn, ấu trĩ, vụng về, nhưng bóng dáng những đứa bé Việt Nam ôm tay nải, đầu đội nón rách, chân trần đi trên con đường quê điều tàn, gót chân trẻ thơ vội vã tội nghiệp bước lên lớp đất nứt nẻ phủ bụi mờ đã như cơn tấn công phủ phàng nhất, đập mạnh vào cảm xúc, gây nên choáng váng. Hóa ra chiến tranh thật sự đã quá lâu, gần ba mươi năm máu lửa tràn ngập, tác động tiêu hủy lên bao nhiêu thế hệ. Đứa trẻ trong đoạn phim giờ này đã lớn, chắc rằng hiện đang lập lại cảnh đời cay nghiệt với lửa đạn có thật ở một nơi nào đó của quê hương. Cuốn phim quay khoảng 1952-1953, các ngôi Đình tan tác trong phim chắc rằng vẫn giữ nguyên hình trạng tang thương vỡ nát đó ở hiện tại, và biết đâu lại không bị suy sụp, hư hao, hủy diệt nhiều hơn...Đau đớn thật, một quê hương đẹp đẽ, đôn hậu hiền hòa như quê hương ta trong ba mươi năm chưa được hưởng trọn một ngày thanh bình!! Chỉ có bóng dáng thường trực của bom đạn, chỉ có ám ảnh hằng hằng của sự chết, chỉ hằng chuẩn bị miên man để chạy loạn, tản cư...Cay đắng quá: Hòa Bình, tiếng gọi linh thiêng màu nhiệm này sao vẫn còn vắng mặt. Hòa Bình, giấc mơ thiết tha mà toàn khối Việt Nam đang mong tới đã vắng mặt ba mươi năm. Ba mươi năm chiến tranh. Chiến tranh ba mươi năm...Những người cộng sản có nhớ điều đau đớn, tan vỡ này không?!!

NHỮNG NGƯỜI LỠ LÀNG

Bây giờ, một giờ chiều của ngày 24.7.73, cuộc trao trả tù dân sự tại địa điểm Lộc Ninh đi vào bế tắc. Cộng sản tập trung một số đông dân chúng và cán bộ chung quanh lều trao trả tạo áp lực vào khối tù nhân đang và sắp được trao trả, số người này sẽ được dàn cảnh ào hân vào lều trao trả để tạo nên những cảnh hỗn loạn như đã xảy ra tại Quảng Trị, Quảng Ngãi. Tôi đã quá đủ với chiến thuật gây rối này, đồng thời chỉ thị cũng đã nhấn mạnh: Nếu cộng sản vi phạm thủ tục thì phải hoãn trao trả. Cuộc trao trả tạm ngưng, tôi cùng Trung Úy Nội sắp sửa trận đánh tuyên bố đình hoãn trao trả và quy trách nhiệm cho việt cộng vì họ đã gây trở ngại cho công tác. Những lý lẽ này phải được thông báo chính thức cho Ủy Ban Quốc Tế, minh xác quan điểm của Việt Nam Cộng Hòa. Hôm nay là ngày công tác chót của Phái Đoàn Gia Nã Đại và những người trong Ủy Ban Quốc Tế cũng đã thấy rõ được thực chất và khả năng của nhau sau sáu tháng hoạt động. Những điều khoản của Hiệp Định, Nghị Định Thư quả tình đã bị vô hiệu hóa trước tình thế và thực trạng của Việt Nam, chưa nói đến sự cứng rắn bất chấp vô liêm sỉ của hai Phái Đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi. Họ đã đánh mất tư cách "Quốc Tế" của Ủy Ban khi khai triển tới đa sự nhất trí đoàn kết giữa những người cộng sản. Sáu tháng qua hàng chục lần trao trả ở nhiều

địa điểm, tôi đã quá náo nức với ủy ban “Quốc Tế” này, nhưng lời lẽ thông báo sắp nói vẫn giữ đúng cốt cách trang nghiêm của một “đại biểu”.

- Kính thưa quý vị, trước tiên là lời cảm ơn nồng nhiệt của chúng tôi. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, vì quý vị đã đến đây giám sát và quan sát cuộc trao trả...Đồng thời trình bày cùng quý vị lý do vì sao chúng tôi phải tạm đình hoãn cuộc trao trả...

Anh Trung Ủy Nội vắn vẹo mấy chữ Ăng-Lê để phiên dịch. Tôi lim dim mắt vì ánh nắng nhưng thật ra đang dò xét xem phản ứng của anh Thiếu Tá Vầy (việt cộng) để tìm hiểu ý định của hắn ta. Thoảng trong tiếng gió có tiếng hát cao vút vang vang, tiếng hát hòa nhịp bởi âm thanh của một chiếc Tây Ban Cầm...Quê hương, hòa bình, cầu mong hết chiến tranh, những bài hát của Phạm Thế Mỹ, Trịnh công Sơn được diễn tả bởi giọng hát tuy không điêu luyện sành sỏi nhưng vang dội nhiệt tình trong sáng. Những người sinh viên “tranh đấu” được trao trả ngày hôm qua (23.7) nay đang tập hợp trong một chiếc lều gần lều của chúng tôi để đợi được phát biểu nguyện vọng với Ủy Ban Quốc Tế, đồng thời yêu cầu tôi (chuyển qua lời của viên Thiếu Tá việt cộng) ký nhận và bảo đảm cho họ trở về Sài Gòn trong tư thế nguyên thủy. Chỉ là những sinh viên tranh đấu cho hòa bình dân tộc.

Nhóm sinh viên gồm hai mươi người, có những người “nổi tiếng” như Võ như Lanh, Trịnh đình Ban, Cao thị quế Hương, Trần thị Lan, Trần thị Huệ, Nguyễn thành Công. Tất cả can tội phá rối trị an vì các vụ biểu tình xuống đường đòi hủy bỏ chế độ quân sự học đường, chống chiến tranh, chống Mỹ, chính quyền Tổng Thống Thiệu và đòi quyền sống.

Tôi trình bày ý kiến cũng để trả lời cùng Vầy:

- Những người này được trao trả vào các đợt 7, 8 của ngày hôm qua 23.7 tại địa điểm này và hôm nay họ đưa yêu sách chính quyền Việt Nam Cộng Hòa phải nhận họ lại, trả tự do vô điều kiện và cam kết không bắt giữ lại. Với vị thế là một nhân viên Ban Liên Hợp Quân Sự phía Việt Nam Cộng Hòa, tôi từ chối xác nhận cam kết này vì tội trạng của những người trên đã cấu thành bởi hành động được ghi rõ trong hồ sơ, tôi cũng không thể nhận họ về với tư cách “chỉ là những sinh viên học sinh bị bắt giữ vì tranh đấu” vì như thế là gián tiếp phủ nhận tính chất của công tác trao trả. Đây là cuộc trao trả giữa hai bên miền Nam về những nhân viên dân sự bị bắt giữ. Tôi cũng không có khả năng để cam kết một điều khoản vượt quá xa trách nhiệm của một sĩ quan trung cấp, hơn nữa trên thực tế những người này đã được trả ngày hôm qua, hôm nay phía Việt Nam Cộng Hòa không còn trách nhiệm nào với họ (theo thủ tục trao trả, lời phát biểu nguyện vọng chỉ có giá trị khi cuộc trao trả đang diễn tiến mà thôi).

Tôi chấm dứt vấn đề bằng những lý lẽ có hệ thống, các viên sĩ quan của Ủy Ban Quốc Tế gật đầu tán thành, ngay cả những anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thường ngày vốn yểm trợ việt cộng ra mặt nhưng hôm nay trước tính chất “lô-gích” của sự việc cũng đành phải ra chấp thuận lý lẽ của chúng tôi. Tôi nói tiếp:

- Tóm lại, vấn đề hai mươi sinh viên học sinh này đã được vượt khỏi giới hạn của chúng tôi và quý vị (chỉ Ủy Ban Quốc Tế) vì nhiệm vụ “chúng ta” chỉ là quan sát cuộc trao trả những nhân viên dân sự thuộc hai bên miền Nam Việt Nam, nay những người sinh viên này bảo rằng họ không thuộc hai thành phần đó, nhưng là một thành phần “thứ ba” trung lập...Thì tôi nghĩ rằng, vấn đề cũng đã ra khỏi điều 7 của Nghị Định Thư (điều 7 Nghị Định Thư chỉ nói đến việc trao trả Nhân viên dân sự hai bên miền Nam Việt Nam). Tôi dứt điểm cú chót bằng bằng cớ rất cụ thể: Các điều khoản của Hiệp Định và Nghị Định Thư.

Các anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thờ dài, trao đổi ý kiến để kiếm đường giúp đồng chí nhưng cuối cùng chỉ phát biểu một ý kiến rất náo nê: “Chúng tôi ghi nhận sự kiện về các người sinh viên...”

Tôi thắng cuộc, một trở ngại lớn của vấn đề trao trả đã được vượt qua. Nhưng đó chỉ là tôi một phía, phía của công vụ, của con người bốn phần được ấn định bởi bộ quần áo đang mặc, cấp bậc trên cổ áo. Còn có một phần người khác đang lằng đằng giữa một vùng phiến muộn hiu hắt, phần con người đang nghe những câu hát lồng lộng, con người đang nhìn thấy những ánh sáng trong vắt vị tha trong tia nhìn của hai mươi người tuổi trẻ. Vấn đề của họ không bao giờ giải quyết được.

Phải nói thật, từ lâu nay tôi vốn không tin phẩm cách và khả năng của lớp sinh viên tranh đấu, những người tuổi trẻ xuống đường với những mục tiêu chiến thuật đoản kỳ như chống quân sự học đường, chống động viên, chống chính quyền, người Mỹ và chiến tranh. Những sinh viên trong nước như Huỳnh tấn Mẫn, ở nước ngoài như Đoàn hồng Hải, Nguyễn thái Bình... Trong tư thế một người lính tác chiến, chịu những khổ ải và đau đớn cụ thể nhất của chiến tranh, sống trong lòng cuộc chiến tàn ác phi lý, lạ lùng, tôi đã cố gắng hết sức để tồn tại đồng thời tìm lời luận giải thích cho hành động. Thế nên dù có “phản chiến” đến mức độ nào chăng nữa, sẽ vô cùng phi lý khi quy trách nhiệm cuộc chiến này lên chính phủ và người lính Việt Nam Cộng Hòa: Giai tầng đau đớn nhất của cuộc chiến. Tôi không thể nào chấp nhận những luận cứ buông súng vô điều kiện, những lý lẽ hàm hồ hoan nghênh sự chiến đấu hợp lý của những người lính cộng sản và thái độ thờ thượng chống chiến tranh ở hình thức khả ố, bệnh hoạn. Trong khoảng tháng 7.1972 tôi viết một bài đả kích đả sinh viên này ở tuần báo Điều Hâu, một bài báo bốc lửa, cấu tạo bởi những từ ngữ mạnh mẽ dậy nên từ một tâm thức phẫn nộ, bài viết đã cấu thành sau khi ở miền Trung từ thành phố đẹp Quảng Trị, dọc Đại Lộ Kinh Hoàng trở về... Tôi đã viết bài báo với cơn giận làm run tay, trước mắt chập chờn những mảnh áo cháy xém bay phát phơ trên đồng cát xám từ những xác chết co quắp. Những người dân bị pháo cộng sản chết trong ngày 1.5.1972. Lòng tôi căng thẳng trên hình ảnh tai ương uất ức đó, thế nên, nhìn mặt chiến tranh, cố tìm hiểu lý do tại sao người cộng sản đã giết người tinh táo đã là ám ảnh náo nê hằng mỗi giờ, mỗi ngày khi đối diện với những kẻ thù còn rất mới qua chiếc bàn rộng trải nỉ xanh. Trong tình huống này, tôi nhìn Ngô bá Thành, Trần ngọc Châu, Huỳnh tấn Mẫn như những kẻ mắc chứng dở hơi bị ám ảnh bạc nhược, được thôi thúc hướng dẫn bởi một khối chỉ đạo tinh ma già ngon, hơn thế nữa tôi đồng hóa họ với những kẻ giết người. Thời đại này xây dựng trên tan vỡ, mâu thuẫn và phi lý, cả một khối đông nhân loại đang bị đốt cháy dưới tiếng chuông cảm thú kiểu thí nghiệm Pavlov, tiếng chuông bỉ ổi này vang động những danh từ đẹp đẽ: Giải Phóng, Tự Do, Hòa Bình... Nên lũ người phản chiến reo hò trong đường phố Sài Gòn, nơi công viên Mỹ Quốc theo sau chiếc hot-pants của ả đào cời trường Jane Fonda, thật đang đùa cợt, hân hoan sỉ nhục những cái chết đau đớn của người dân Việt Nam. Tôi nhìn những người “tranh đấu” qua nhãn quan khắc nghiệt uất hận này.

Nhưng hôm nay, khi nghe tiếng hát trong sáng lồng lộng trong gió, khi thấy nét mặt tinh anh của Nguyễn thành Công lúc tiếp xúc với viên Đại Tá Hung Gia Lợi dù đôi mắt đã có vẻ lạc thần, giọng nói đã được màu mệt mỏi. Tôi thấy được một điều lạ ở những người tranh đấu, tôi tìm được kẻ hở của vấn đề, lời giải thích về hiện tượng phản chiến đồng thời có nỗi hận khác bùng nổ theo với tốc độ chóng mặt: Quả tình cộng sản đã và đang hủy diệt hằng bao thế hệ bởi ngọn đòn sơ đẳng: Thêu dệt và lập đi lập lại một số danh từ hàm súc trong một hệ thống luân lý chặt

chế để quyến rũ con người theo tiếng gọi của máu. Sự khám phá gây nên nỗi giận hờn chen thêm niềm thương cảm xót xa. Tôi đã biết.

Phải, tôi hiểu rằng nhóm sinh viên đang ngồi ở dưới tàng cây cao su, đang gây nên những âm thanh trầm lắng với tiếng hát nhiệt thành trong sáng kia quả tình không thể nào là những người cộng sản được. Họ không thể nào là những người cộng sản chuyên chính, dù cho họ đã vào khu học tập, dù đã là cán bộ nội thành làm nhiệm vụ sinh viên vận theo đường lối và kỹ thuật đấu tranh phát xuất từ Cục R, kiểm soát và điều hành bởi ủy viên thanh niên thuộc thành ủy Sài Gòn-Chợ Lớn. Họ cũng không phải là cộng sản dù có chứng minh thư xác nhận là thành viên của đảng lao động, hoặc thành viên của đoàn thanh niên trong mặt trận giải phóng... Vì tiếng hát, điệu đàn, nét mặt và lời nói tất cả vẫn là phản ánh của một hoài bão, hoài bão bất diệt của tuổi trẻ. Muốn thoát khỏi hoàn cảnh bí bưng của đời sống hiện tại, đấu tranh và xây dựng một quê hương rạng rỡ tốt đẹp hơn. Và chính phát xuất từ ý định đẹp để mơ tưởng này, hoài bão của họ đã được đồng hóa với mục tiêu chiến thuật đoản kỳ của cộng sản. Và họ trở thành loại cán bộ tiền phong đặc lực thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sài Gòn, nơi Giảng Đường, trong lòng cộng đồng tuổi trẻ Việt Nam. Bởi cộng sản không bao giờ đại dột lộ hẳn bộ mặt của mình từ đầu, trái lại chúng đã “phục kích” tuổi trẻ bằng cách “tặng” không một số sách lược tranh đấu, cung cấp phương tiện và kỹ thuật sách động (Vì còn ai hơn người cộng sản Việt Nam, khối nhân lực vô tận luôn luôn gài người, xách động, hướng dẫn các cuộc đấu tranh, dù bắt đầu với những mục tiêu lành mạnh, hữu khuynh)... Dần dần cán bộ cộng sản đưa ra một vài mục tiêu “chiến thuật” như chống đi lính cho chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, được nguy trang thành chương trình chống quân sự học đường, động viên, những mục tiêu đoản kỳ nhưng sinh tử đối với sinh viên. Và cứ thế tiếp tục xâm nhập dần vào phong trào đấu tranh để biến thành vận động chống chiến tranh, thực hiện hòa bình cấp thiết... Mục tiêu dần lộ mặt cùng với những vận động khắp nơi trên thế giới. Vô tình để trở nên hữu ý, những người xuống đường dần thấy những ước vọng to lớn của mình phù hợp với cương lĩnh của mặt trận, nên từ chống Mỹ, chống quân sự học đường đến chống Mỹ cứu nước chỉ là bước nhỏ của vấn đề kỹ thuật. Cuối đường, chính thể Việt Nam Cộng Hòa cùng cộng đồng miền Nam tự động biến thành những đối tượng thù nghịch khi đã thấm sâu lý luận: “Chiến tranh Việt Nam là chiến tranh cách mạng chống với chiến tranh phản cách mạng do Mỹ Ngụy khởi xướng. Chiến tranh Việt Nam khởi động do nhân dân giác ngộ yêu nước, được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới...” Khi đã chấp nhận những chữ “hòa bình, giác ngộ, cách mạng” nằm đúng vị trí trong hệ thống luận lý của cán bộ cộng sản thì tất cả năng lực sáng suốt để soi sáng cuộc đấu tranh hoàn toàn tắt ngấm. Người sinh viên diễn xuất theo động tác phản ứng có điều kiện gọi nên từ những danh từ đẹp để trên.

Nhưng, như đã nói, những người tuổi trẻ đó sẽ không bao giờ trở thành cán bộ nòng cốt của đảng lao động được vì họ không bao giờ là “giai cấp công nông”. Họ cũng không phải là tiểu tư sản giác ngộ, họ chỉ là những tên lính tiền phong trong đường phố Sài Gòn, nơi buổi họp báo tại trụ sở sinh viên, họ chỉ dùng để chạy tránh hơi cay với một túi ni-lông pha nước chanh, để làm đầy các nhà giam giúp cho cộng sản có thêm lý lẽ: “Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã bắt giam nhiều sinh viên học sinh yêu nước...” Và nặng nề hơn hết thảy: Người sinh viên vẫn còn là “những sinh viên học sinh yêu nước” Nghĩa là còn một bản vị sinh viên, một cá thể sinh viên, một nhân vị yêu nước... Không bao giờ là “người cộng sản” khi vẫn còn mang tước hiệu đẹp để đó. Người sinh viên, gã anh hùng trong đường phố không bao giờ là người cộng sản thuần túy. Không có trường hợp đặc biệt cho trường hợp những cá nhân này.

Thế nên, khi điều động một số dân chúng và binh sĩ đến để nghe các “sinh viên yêu nước” hát, cán bộ cộng sản đã xác nhận lại vị thế cho các anh, đã nhắc nhở sự xa cách giữa “thành phần sinh viên trí thức” và tầng lớp “công nông giác ngộ”, họ đã vạch một ranh giới giữa các bản vị sinh viên và tập thể nhân dân kia, khi họ để anh mặc chiếc áo trắng đẹp nổi bật lên giữa đám dân chúng và binh sĩ cộng sản nghèo đói, xấu xí cũng là lúc tô đậm chữ khai trừ các anh ra khỏi tập thể đấu tranh của mặt trận và sự thật cũng vừa xảy đến. Các anh có đấu tranh được những gì ở địa điểm Lộc Ninh, trong lòng người cộng sản. Vai trò anh đã hết. Những người sinh viên tranh đấu Sài Gòn hãy hát cao lên nữa, tiếng hát đó cũng như một làn của Phạm Duy cất lên từ khu tư, trên nương đồi Yên Bái, trên thượng lưu của những giòng sông miền Trung với khí thế say đắm hào hùng và lãng mạn của những ngày “cứu nước” từ mùa Thu 46. Giọng hát của các anh giờ này cũng mang tính chất đẹp để thơ mộng hào hùng đó. Và chỉ có thế, vì bản chất cuộc chiến đã thay đổi, con người đã lộ mặt, vai trò của các anh cũng đã hết, sân trường, đường phố đã xa xôi. Các anh đã lỡ làng trong cơn say đắm của buổi tiệc rượu nấu bằng máu của quả tim nhiệt thành.

Đây là phản ứng thứ nhất, phản ứng thương cảm, bội phục, trong lòng còn có một phản ứng đối nghịch đau đớn khác: Sự giận. Phải, tôi giận dữ, vì những người tuổi trẻ trong lòng cộng đồng miền Nam đã được nuôi dưỡng và lớn lên từ thực trạng đau đớn quê hương. Hơn ai hết, họ phải thấy được bản chất của cuộc chiến Việt Nam. Kết quả tất nhiên của những cường lực thế giới đang tìm cách thế để hòa giải, cân bằng lẫn nhau. Những người sinh viên lại càng phải biết rõ hơn ai hết, thủ phạm gây nên tiêu hủy cấu trúc xã hội ổn định Việt Nam đã trường tồn và vững chắc qua hai nghìn năm dài, một xã hội trật tự, điều hòa, trong đó các giai cấp đã được vô tính hóa, xung đột xã hội được hòa giải do tính chất tổng hợp cùng mạch sống dân tộc. Lẽ tất nhiên tôi không mê muội gì để bảo rằng hai nghìn năm lịch sử của nước ta là mô thức lịch sử không kể hở, nhưng quá trình vận chuyển lịch sử ấy đã chứng minh tính cân bằng của cơ cấu xã hội Việt Nam, đã là một kết quả tuyệt kỹ. Và như thế, những người tuổi trẻ, lòng mở rộng vị tha, trí sáng ngời hoài bão và tình tự quê hương, thấm đậm cùng nhịp đập của trái tim trung trực lẽ nào không nhận thức được: Chiến tranh này, chỉ là kết quả cuối cùng của chuỗi nỗ lực chuyển gây nên bởi xung động của hai ý hệ cùng phát xuất từ phương Tây, hai ý hệ tuy mang nhãn hiệu đối cực nhưng thực chất cũng chỉ là một phản ảnh biểu hiện tình trạng tan vỡ, suy đồi của cơ cấu xã hội xây dựng trên vật chất thuần lý. Cộng sản, tư bản, tự do, dân chủ, giải phóng, độc tài, thuộc địa: Quả tình chỉ là sản phẩm thuần túy Tây phương và chỉ dành riêng cho những xã hội bên bờ Thái Bình. Nhưng khốn nạn đã xảy đến cho chúng ta, những ý hệ xung đột đó đã chọn lựa đất nước này làm chiến trường tranh chấp, đã cân bằng, hòa giải, cùng nhau qua máu xương người Việt. Những người tuổi trẻ phải biết rõ điều này, phải biết rõ trước khi lên đường nhập cuộc, trước khi dự vào trò chơi lớn mà dịp may không bao giờ có, chỉ có một đường sống hay chết cho cá nhân, cũng của cả dân tộc. Thế nhưng những người trẻ tuổi chỉ có một phía nhìn, chỉ có lời giải thích (Thật lố bịch khi đang ở một giai đoạn lịch sử và tự giải thích giai đoạn ấy theo tiêu chuẩn của mình định đặt) và nguy hiểm hơn, nhất quyết tin tưởng mình đi đúng đường. Chỉ riêng một mình với cục bộ lý luận riêng.

Những người tuổi trẻ tranh đấu còn mắc thêm một nhược điểm trầm trọng, nhược điểm cốt tủy hình như đã biến thành tổng quát khắp thế giới. Mặc cảm vô vọng đau đớn của người trí thức. Đúng như thế, từ Tây qua Đông trong lòng của Paris rục rịch đến những góc hẻm của một nước nhược tiểu Á Đông, đâu đâu cũng có một lớp trí thức lòng đầy những ước vọng nhân bản, những hoài bão tuyệt

vời nhưng giữa vòng đai ngọt ngào phi nhân của xã hội. Người trí thức trong khi ý thức về giá trị của mình đồng thời cũng thấy hết nỗi tuyệt vọng bi đát của khả năng hạn chế. Vì đây không còn thời đại của cá nhân nhưng là thời của tổ hợp, không còn những thi sĩ, chỉ có giai cấp công nhân, không còn tri thức lẻ loi giữa vòm trời trí thức nhưng là con người nhập thể để chịu sự va chạm tóe lửa phũ phàng của đời sống. Và đây cũng là thời đại đối nghịch của tâm linh, những giá trị tinh thần dần dần trở nên hạ giá trước những hệ Sinh Tâm lý. Trong cơn đổ nhào của giai cấp kẻ sĩ, người tuổi trẻ tranh đấu chắc sẽ không ngại ngần tham gia ngay vào thế giới nơi chiếc chiếu hoa kính trọng đã dành sẵn cho những Sartre, Gide, Malraux, những người đã thử lửa với cộng sản để dò xem năng lực trí thức của mình, và ở Việt Nam, Hoàng phủ ngọc Tường, Nguyễn đắc Xuân, Nguyễn đăng Trùng, Lê hiếu Đăng. Nếu không võ đoán, thì ắt hẳn khi họ nhúng tay vào máu cũng mang cảm giác hân hoan của người được gột rửa những bạc nhược bất lực của khối trí thức tuyệt vọng để chuyển mình thành những trí thức giác ngộ, yêu nước. Nguy biến đã xảy ra, tan vỡ đã hiện hình, người trí thức tuổi trẻ ắt hẳn trong núi rừng mật khu chắc phải tự kiểm thảo quá trình tranh đấu để nhận thức lại giá trị của chính mình. Chỉ là người trí thức khi mang tâm thức xao xuyến ở đường phố Sài Gòn, trong Giảng Đường Đại Học và đã là người lạc lõng, bơ vơ giữa một đám "đồng chí" cách biệt, giác ngộ, lầy lừng bởi thành tích và gốc gác giai cấp. Hoàng phủ ngọc Tường, tên tuổi sáng chói của lớp sinh viên tranh đấu Huế nay là một ủy viên học vụ ở Gio Linh, cuối đường tranh đấu của nỗ lực trí thức với kết quả tầm phào mặt hạng...(1) Trịnh đình Ban, Trần thị Huệ sẽ là gì ở núi rừng Lộc Ninh ?!! Hình ảnh trong buổi sáng 24.7, tên Trung Tá gốc "thợ rèn" Năm Tích nửa vừa ra lệnh, nửa vừa coi thường sửa tay sửa chân cho Trịnh đình Ban để chụp ảnh gây trong tôi cay đắng...Cuối đường tranh đấu chống Mỹ, chống chiến tranh của tuổi trẻ trí thức rốt cuộc để được cười hãnh diện vì chụp ảnh cùng Trung Tá Năm Tích, một cựu thợ rèn, lớp cán bộ mùa thu với quá trình đấu tranh cách mạng mà suốt đời Ban không bao giờ thực hiện được. Có phải thế không ?! Có phải thế để tiêu hủy mặc cảm dư thừa của đời sống ù lỳ cứng đờ của ba mươi năm trong gia đình và học đường...Người tuổi trẻ tranh đấu, anh thấy gì trong tàng cây cao su xanh thắm ở rừng Lộc Ninh ?

Lộc Ninh, 24.7.1973

NHỮNG NGƯỜI LẪNG MẠNG

Người sinh viên được nhắc nhở đến nhiều nhất trong vòng năm năm trở lại đây, ngồi trước mặt tôi với dáng điệu của một diễn viên không sành nghề đóng một vai trò quá khổ. Huỳnh tấn Mẫn mặc chiếc áo trắng, quần xanh, chân mang dép, một túi vải lớn có kẻ hàng chữ xác định: Sinh viên Huỳnh tấn Mẫn.

Tôi đứng bên cạnh Mẫn để thấy rõ những giọt mồ hôi lấm tấm ở tóc mai đang kết thành giòng chảy xuống má, Mẫn xoắn mười ngón tay vào nhau, anh không có một dáng dấp chế ngự, đập mạnh lên cảm nhận của kẻ khác khi nhìn thấy lần đầu. Mẫn chỉ là một người tầm thường với nét mặt đều đặn bình thường, đôi mắt hơi lé và một gò má cao. Người sinh viên được hầu hết báo chí bám theo từng hành động, lời nói, của những năm trước, người được các hãng thông tấn quốc tế đánh đi khắp cùng thế giới kèm với biến động chính trị Nam Việt Nam, trung tâm thu hút của mọi nguồn tin mà một số đông mỗi buổi chiều mở ti-vi, giờ trang báo đều hướng mắt vào. Huỳnh tấn Mẫn, người của dàn chào, của hơi cay, khiên mây, áo giáp mà khối Cảnh Sát Dã Chiến hùng hậu nhất thế giới đã đồng ý là mục tiêu số một, "ngon" nhất. Tôi không thấy ở người ngồi trước mặt là người thanh niên có dáng dấp của kẻ gây biến động đó. Mẫn dưới mắt tôi trong buổi sáng này là một người rất thường.

Giữa đám người lao xao cùng chung toán tù, những người tù già, những người tù “cách mạng”, Mẫn lạc lõng hoàn toàn với chiếc áo trắng, đôi mắt xao xác của kẻ bị rơi vào một thế giới hung bạo.

- Anh này là Huỳnh tấn Mẫn, không thuộc về thành phần trao trả, chúng tôi biết rõ như thế, chúng tôi không cần hỏi ý kiến của anh...

Anh cán bộ cộng sản với quân hàm tương đương Thiếu Tá bí danh Dũng bỗng nhiên chỉ tay vào Mẫn khẳng định trước cách đối xử. Thật lạ, bình thường cán bộ việt cộng không bao giờ có những lời lẽ, hành động hấp tấp như vậy, tất cả phải được tập dượt, “hội ý”, lấy ý kiến chung rồi mới quyết định. Nhưng sáng nay viên Thiếu Tá việt cộng đã làm một biệt lệ (Những người muốn phát biểu nguyện vọng phải đến khi trao trả hết người trong toán mình (hai mươi lăm người) khi ấy mới được hỏi ý kiến về bên tiếp nhận (mặt trận giải phóng), hay ở lại bên trao trả (Việt Nam Cộng Hòa), Mẫn co rúm người trước lời nói chát chúa thẳng thừng bất ngờ này. Thiếu Tá Ngọc của Việt Nam Cộng Hòa đốp chát ngay để giữ tinh thần cho Mẫn:

- Thiếu Tá Dũng vi phạm thủ tục, hai bên phải điểm danh sách, đến tên người nào người đó có ý kiến hay không, ở đây không có sinh viên Huỳnh tấn Mẫn nào hết, chỉ có danh sách hai mươi lăm nhân viên dân sự do Việt Nam Cộng Hòa trao trả...Yêu cầu Thiếu Tá Dũng bắt đầu theo đúng thủ tục ấn định...

Cần phải mở một dấu ngoặc về công việc ngày hôm nay: Hôm nay là ngày thứ mười hai của đợt trao trả cuối cùng (Bắt đầu từ 8.12.1974 đến 6.3.1974), Việt Nam Cộng Hòa trả cho mặt trận giải phóng con số còn lại của tổng số 5081 người (Đã trả số lớn đợt đầu tiên vào tháng 3.73, đợt thứ hai ngày 23 và 24.7.73...). Đợt cuối cùng này cũng là lần quan trọng nhất, ngoài mấy ngàn nhân viên dân sự thường còn có một số tù nhân nổi tiếng mà hai bên có những tính toán riêng khi đem trao trả và tiếp nhận. Đó là những người chống chính phủ Việt Nam Cộng Hòa qua các phong trào vận động hòa bình, các mặt trận chính trị mà mục tiêu là chính phủ của Tổng Thống Thiệu. Năm ngoái, chúng tôi đã đưa về bên kia hai mươi một nhân viên dân sự gốc sinh viên như Trần thị Huệ, Trần thị Lan, Trịnh đình Ban, Võ như Lanh, Nguyễn thành Công...trong buổi trao trả ngày 23.7.73, cũng tại địa điểm Lọc Ninh này. Năm nay chúng tôi có nhiệm vụ “đẩy” một số nhân viên dân sự khác mà tên tuổi đã được dư luận trong cũng như ngoài nước đang cực lực theo dõi đó là các tù nhân Trần ngọc Châu, Huỳnh văn Trọng, Nguyễn Long, Huỳnh tấn Mẫn, Cao thị quế Hương, Thiếu Sơn...Phía Việt Nam Cộng Hòa khi đưa những người này để trao trả có chủ tâm chứng minh: Họ chỉ là những người được cộng sản ngụy danh xâm nhập vào sinh hoạt chính trị miền Nam Việt Nam dưới những hình thức đấu tranh hòa bình dân chủ. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa còn muốn dọn đường trước cho dư luận thấy rằng: “Thành phần thứ ba” mà Hiệp Định Ba Lê quy định để tham dự vào hội đồng hòa giải thực tế cũng chỉ là những người “nằm vùng” trên mà thôi. Trái lại, phía mặt trận giải phóng lại muốn dùng những nhân viên dân sự trên để làm cơ tố cáo: Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đàn áp đối lập, chụp mũ những người đấu tranh cho hòa bình là cộng sản rồi đem “trả ép” về phía mặt trận giải phóng, mà thật ra chính là những “nhân tố” cần thiết để cấu thành nên lực lượng thứ ba trong ba thành phần của hội đồng hòa giải theo điều 12 Hiệp Định.

Từ hai phía nhìn đối nghịch, mỗi bên đã có một phương thức giải quyết rõ rệt đối với lớp người này. Phía Việt Nam Cộng Hòa muốn trả về cho mặt trận tất cả những người đấu tranh này, và chỉ nhận về khi họ phát biểu ý kiến “Xin trở về vùng Việt Nam Cộng Hòa”. Phía mặt trận giải phóng lại có cơ tâm khác, họ sẽ không nhận những người này danh nghĩa là những nhân viên dân sự của họ, mà chỉ nhận những người “tị nạn chính trị” Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trong vùng mặt trận tạm kiểm

soát. Cán bộ cộng sản cũng trù tính một chương trình nội công ngoại kích tạo điều kiện thuận tiện để những “Nhân Viên Dân Sự” này phát biểu, tố cáo những điều bất lợi đối với Việt Nam Cộng Hòa tại địa điểm trao trả. Phía mặt trận đã đưa vào nhà giam tất cả chi tiết diễn tiến trao trả để những người này hình dung và chuẩn bị trước công việc sẽ làm, những lời phải nói, họ cũng “dọn” trước tại Lộc Ninh một số phóng viên báo chí ngoại quốc thiên tả, những luật sư trẻ tuổi của ủy ban các luật gia tranh đấu cho tự do tại Nam Việt Nam, Ủy Ban Quốc Tế đòi tự do cho những tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam...Những người này đã đến Việt Nam sau hội nghị vận động trả tự do cho các tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam mở tại Paris trong 4.1.73. Bề mặt, không hiểu họ đến với tư cách gì, chỉ biết khi đến Sài Gòn, họ đã được một số cán bộ cộng sản thuộc thành ủy Sài Gòn móc nối hướng dẫn vào khu để nhận tài liệu, cách điều hành công tác tại Sài Gòn cũng như ở các địa điểm sắp thực hiện trao trả. Tôi không biết rõ các cơ quan tình báo của ta đã hoạt động như thế nào để kiểm soát những nhóm người này, điều ngạc nhiên là họ đi đứng, trang phục và phát biểu một cách gần như công khai tất cả dự tính, hoạt động thiên cộng của họ...Dép da, áo quần bà ba đen, các tài liệu về tù nhân do cán bộ cộng sản cung cấp. Lễ tất nhiên sự có mặt của đám người này cùng cách đấu tranh cách mạng theo lối Mỹ của họ không phải là một trở ngại cho công việc trao trả chúng tôi. Điều đáng nói là sự chuẩn bị rất kỹ của đối phương để làm nổi bộ mặt Tù Chính Trị, lực lượng thứ ba tại miền Nam Việt Nam...Mẫn, Long, Châu, Quế Hương khi đến địa điểm trao trả đã thuộc lòng tất cả thủ tục về cách thức phát biểu nguyện vọng, các từ ngữ cần tránh né như từ “Việt Nam Cộng Hòa”, cách thức yêu sách ghi ở mục cước chú khi phát biểu nguyện vọng. Đám luật sư người Mỹ chỉ một ngày sau khi đến Sài Gòn đã có đủ mấy chục tập báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ Ngọc Nhuận, tuyên cáo của phái đoàn mặt Trận trong Ban Liên Hợp Quân Sự Hai Bên Trung Ương về vấn đề tù binh và rõ ràng hơn hết là những tài liệu mà đám sĩ quan cộng sản trong Ban Liên Hợp có được chỉ là những tài liệu đem đến từ nước ngoài...Phải nói thật rộng về vấn đề liên quan đến đám tù nhân nổi tiếng trên để xác định lại một sự kiện: Cộng sản chuẩn bị chu toàn tối đa để khai triển yếu tố “tù chính trị” ở miền Nam Việt Nam...Cuộc đấu tranh giữa chúng tôi cùng với âm mưu trên sẽ được trình bày lại rõ ràng trong đoạn đầu về “Thủ tục trao trả” sau này.

Hôm nay ngày 21 tháng 2.1974, Huỳnh tấn Mẫn đến địa điểm trao trả, mục tiêu “nổi” nhất của đợt trao trả này. Chúng tôi và cán bộ cộng sản nhập trận. Sau phần giáo đầu với câu nói tấn công bất chợt như trên, Thiếu Tá Dũng của mặt trận bắt đầu lời “chào mừng”, xong đến điểm danh từng người một. Người thứ nhất, thứ nhì...Huỳnh tấn Mẫn đưa tay: Tôi có ý kiến, Dũng đáp ngay: Anh đợi khi trả hết danh sách chúng tôi sẽ giải quyết trường hợp anh. Mẫn ngồi xuống lại, mồ hôi chảy giòng lớn và hai bàn tay xoáy cứng vào nhau.

Danh sách trao trả hết. Dũng lớn tiếng gọi: Xin mời Ủy Ban Quốc Tế, Ban Liên Hợp Quân Sự đến để chứng kiến anh Huỳnh tấn Mẫn phát biểu ý kiến. Để thực hiện cuộc trao trả và tiếp nhận, mỗi bên đưa ra một sĩ quan đại diện để trao trả hoặc tiếp nhận. Sáng hôm nay phía mặt trận đưa Thiếu Tá Dũng, phía Việt Nam Cộng Hòa có Thiếu Tá Ngọc. Công việc này tại địa điểm Lộc Ninh chúng tôi gồm có ba người, Ngọc, Chuẩn và tôi thay phiên nhau đảm nhiệm theo tình hình, sáng hôm nay tôi rút lại về vị trí thành viên Trung Ương, không thuộc thành phần trao trả, nhường chỗ cho Ngọc. Cần phải nói qua về anh chàng này, Ngọc người Quảng Nam, từng sống với cộng sản trong thời kỳ 45 lúc Nam, Ngãi, Bình, Phú là Liên khu 5 giải phóng. Góc Quảng Nam với một kinh nghiệm tích cực nhất đối với cộng sản kinh qua bằng máu xương của mình, Ngọc là đại diện cho thành phần chống cộng đến nơi đến chốn của người quốc gia miền Nam...Tôi báo cho các anh biết: “Các anh lần tôi một bước, tôi

sẽ lần lại hai bước, các anh nói dai một giờ, tôi nói dai một buổi, nếu cần tôi sẽ ngủ tại Lộc Ninh này để “cãi” với các anh...Các anh nên nhớ tôi là dân Quảng Nam, nơi đã lập tuyến chiến đấu đối kháng với các anh từ ba mươi năm nay, có các anh thì không có tụi tôi và ngược lại...” Đó là những lời giao hữu của Ngọc với sĩ quan mặt trận. Tên Triệu Tử Long của địa điểm trao trả này hôm nay được dịp “đánh” tụi đa với mục tiêu Huỳnh tấn Mẫn. Tôi rút về vị trí quân sự nhường Ngọc đi xung kích.

Khi đông đủ bốn thành viên quốc tế, hai sĩ quan thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Hai Bên Trung Ương, Dững trên tư cách tiếp nhận được quyền hỏi trước. Nhưng thay vì hỏi Mẫn ba câu hỏi đúng theo thủ tục, câu thứ nhất hỏi về hộ tịch: Tên họ, nơi, ngày và năm sinh, câu hỏi thứ hai lý do bị bắt, câu thứ ba: Nay muốn xin về đâu, ở xã, quận, tỉnh hay đô thị nào...

Dững cất cao giọng:

- Đây là anh Huỳnh tấn Mẫn, sinh viên tranh đấu cho hòa bình, hòa giải dân tộc bị chính phủ Sài Gòn bắt và hôm nay trả ép cho chúng tôi. Chúng tôi khẳng định anh Mẫn không phải là “diện trao trả” nên chúng tôi sẽ không ký nhận anh Mẫn là một nhân viên dân sự của “chính phủ” chúng tôi, mà chúng tôi chỉ giúp đỡ anh theo đúng ý kiến anh phát biểu...

Mẫn đứng dậy nói lớn:

- Tôi là sinh viên Huỳnh tấn Mẫn thuộc Trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn, như ai cũng biết trước đây tôi tranh đấu cho hòa bình và hòa giải dân tộc nên bị chính phủ Sài Gòn bắt...

Ngọc can thiệp ngay: (Thật ra ngay từ đầu, khi Dững mới nói được câu thứ nhất thì Ngọc đã lớn tiếng cắt đứt nhưng vì để người đọc theo dõi đủ nội dung của lời phát biểu, người viết trình bày theo thứ tự...)

- Chúng tôi phản đối, yêu cầu của Thiếu Tá Dững hỏi đúng ba câu hỏi của thủ tục quy định, yêu cầu nhân viên dân sự Huỳnh tấn Mẫn chỉ được trả lời theo từng câu hỏi...Chúng tôi không chấp nhận sự phát biểu ý kiến này, nếu không, yêu cầu bên tiếp nhận hoặc ký nhận và mang nhân viên dân sự này đi, hoặc không thì chúng tôi mang về.

Anh Thiếu Úy Hiếu, sĩ quan thông dịch của phía Việt Nam Cộng Hòa, người có tác phong của một sĩ quan cán bộ tại quân trường và khả năng dịch Anh ngữ thì đúng “tiêu chuẩn” chống cộng. Hiếu, vọt lên chiếc ghế, dịch sang Anh ngữ, dịch thanh thoát, nhấn mạnh từng từ ngữ, Hiếu dịch như “vờn” dịch thủ, như “chười” cả một chế độ cộng sản...

- Chúng tôi phản đối! Chúng tôi phản đối! Yêu cầu Thiếu Tá Ngọc lẫn Thiếu Úy Hiếu hãy để cho anh Mẫn phát biểu ý kiến của anh ta!!...Dững quơ tay phân bua cùng đám sĩ quan quốc tế. Dịch cho mấy “ông” quốc tế đi...Dững xúi Thiếu Úy Khánh, sĩ quan phiên dịch của mặt trận cố gắng phản công Hiếu, vì bây giờ Hiếu không dịch nữa nhưng đang “đánh” bên đối phương bằng khả năng tiếng Anh rất có học, rất chống cộng. Chống cộng đúng sách vở với “chính nghĩa sáng ngời” (Thành ngữ cộng sản thường dùng)...Các anh Ủy Ban Quốc Tế không biết nghe theo ai, cả một nhóm người nhốn nháo...Thủ tục! Thủ tục! Chúng tôi bắt buộc phải áp dụng đúng thủ tục gồm ba câu hỏi và ba câu trả lời!! Ngọc nói như hét. Hiếu lập lại toàn bộ để chấm dứt phần thuyết trình. Mẫn tái mặt, mồ hôi không phải từng dòng, nhưng mồ hôi đầy mặt, lời nói của anh ta chìm vào đám đông, một đám đông đầy đe dọa, chắc nịch từng phe từng khối, rõ rệt vững vàng. Đây không phải là giảng đường, không phải là trụ sở sinh viên, nơi Mẫn đã từng cất cao giọng trấn áp đối thủ, nơi Mẫn nổi tiếng đánh thép đè bẹp một liên danh đồng bạn, những người tóc xanh mát sáng, lòng bừng ngọn lửa đấu tranh của tuổi trẻ, cho dân tộc, thiếu hẳn các thủ đoạn chính trị tinh ma...Mẫn, chỉ đã gặp những cường lực chống đối bề mặt đó cùng

những phần nộ bắp thịt ở những ngày qua trong các đường phố để rồi chỉ gây nên phản ứng hận thù hơn bị khuất phục. Nên đây là lần đầu tiên Mẫn thấy được cuộc đấu tóe lửa giữa cộng sản và Quốc Gia mục tiêu là chính mình. Một cái cớ nhỏ nhoi của xung đột căn bản giữa hai ý hệ không hòa giải cùng nhau được. Mẫn sững sờ trước những khuôn mặt đối nghịch, giữa các luận cứ không thể hòa hợp, một bên là Dũng với khuôn mặt xấu xí, bộ răng úa vàng, đầu tóc ngã màu xám của tuổi già với những sự lập lại chất chúa: Anh cứ phát biểu ý kiến, anh cứ phát biểu ý kiến với chúng tôi, chúng tôi sẽ giải quyết thích đáng... Một bên là Ngọc với âm vang xứ Quảng kiên cường, xứ sở của Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Khôi với lý luận cứng như gạch nung, với quyết chí trong từng âm lượng: Phải áp dụng đúng thủ tục phát biểu ý kiến, Thiếu Tá Dũng hãy hỏi ba câu hỏi, nhân viên dân sự này trả lời ba câu, đi hay xin ở lại... Ở đây không có phát biểu ý kiến, ở đây không có khích động, tuyên truyền, đừng giở trò phá hoại trao trả... Chúng tôi sẽ ngưng trao trả ở đây yêu cầu quý vị về lều Liên Hợp Quân Sự để làm việc... (Khi có một vấn đề không giải quyết được tại lều trao trả thì hai bên trao trả, tiếp nhận, sĩ quan của Ban Liên Hợp của hai bên về lều Liên Hợp để tìm cách giải quyết: Thủ tục hai bên ấn định). Trong khi chờ đợi, nhân viên dân sự ngồi tại đây, không ai được tiếp xúc, khích động. Ngọc kết luận mở qua một hướng tấn công mới...

Nhóm người giãn ra, Mẫn ngồi xuống. Tôi nhìn thấy nét mệt mỏi tàn tạ trong ánh mắt của anh. Mẫn đã vào một trận đấu không có ý niệm đủ, trận đánh quá xa lạ, khốc liệt và anh ý thức mình chỉ là một cái cớ vô nghĩa khởi đầu cho xung đột. Mẫn không còn là sinh viên y khoa Huỳnh tấn Mẫn, Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, người dẫn đầu lực lượng xung kích xuống đường phố Sài Gòn đòi quyền sống. Mẫn đã trở thành một cái "cớ" không hơn không kém, một cái "cớ" bị triệt tiêu!! Chúng tôi để Mẫn ngồi lại gian lều, đám trật tự của Mặt Trận vây chung quanh xì xào...

Mẫn ngồi lại trong hững hờ sau cơn huyền não tàn nhẫn, hai bàn tay bám chặt trên chiếc băng đôi mắt nhìn về phía trước để tránh hẳn tất cả gặp gỡ, tra hỏi. Nếu chạm phải một cái nhìn bất ngờ, Mẫn cười, nụ cười sẵn sàng muốn thoát khỏi thực tế tàn bạo đang vây bủa. Tôi ngồi trong chiếc lều của Ban Liên Hợp cách lều trao trả nơi Mẫn ngồi một khoảng ngắn, tai lắng nghe bên ta cùng đối phương phân tích trường hợp Huỳnh tấn Mẫn và các cách giải quyết. Hôm nay tôi không phải đấu, nhường nhiệm vụ này lại cho Thiếu Tá Chương, sĩ quan Liên Hợp cùng Tiểu Ban Tù Binh với tôi. Chúng tôi đủ sức đề bẹp cái đối phương tội nghiệp ngày hôm nay, như đợt đầu vừa qua giữa Ngọc và Dũng, chúng tôi đã chiếm thượng phong rõ rệt. Cán bộ cộng sản không phải chỉ có ưu điểm, Rành lý luận và biện luận giỏi hơn phe ta, họ chỉ học thuộc bài hơn. Bài học độc nhất. Nên chỉ lên lớp, vượt đượt "kê vô học", người không quen trận địa miệng lưỡi. Hơn một năm qua ở bàn hội nghị cũng như các địa điểm trao trả chúng tôi đã thấy rõ được bài học của đối phương, nên khi đẩy vấn đề ra khỏi phạm vi bài học, cán bộ cộng sản sẽ ngất ngư đến độ buồn cười. Tên tôi được Chương nhắc tới... "Đại Ủy Nam sẽ trình bày các chi tiết của thủ tục trao trả ở đoạn nói về các trường hợp tương tự như của nhân viên dân sự Huỳnh tấn Mẫn và cách thức phát biểu ý kiến..." Chương nhường lời cho tôi.

Tôi bắt đầu: Trước mặt tôi có hai bản thủ tục, một bản của chúng tôi, một bản của quý vị, hai bản có nội dung khác nhau và một vài vấn đề chưa được thỏa thuận, nhưng quả tình cả hai đã thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản để làm "khung" (tôi dùng một từ ngữ của họ) cho việc trao trả và tiếp nhận. Chính trong bản văn của quý vị cũng công nhận tính chất này qua câu kết luận: "Tuy chưa có sự thỏa thuận chính thức của cấp trưởng đoàn nhưng thủ tục trao trả này có giá trị thi hành...". Văn bản

của quý vị thiết lập chính thức từ 21.7 đã được sử dụng trong hai cuộc trao trả ngày 23, 24 tháng 7 năm ngoái cũng tại địa điểm này. Và cũng đã từng áp dụng cho trường hợp hai mươi một nhân viên dân sự gốc sinh viên tương tự như anh Huỳnh tấn Mầm. Vì tính chất thực tế và thực dụng của những thỏa thuận căn bản, đã từng áp dụng qua nhiều lần trao trả, hôm nay tôi nhắc lại những điều này để giải quyết trường hợp nhân viên dân sự Huỳnh tấn Mầm”...

- Thỏa thuận thứ nhất là người phát biểu ý kiến chỉ được hỏi khi bên trao trả đã trả hết danh sách trong đó có người ấy.

- Bên tiếp nhận chỉ được phép hỏi ba câu: Câu thứ nhất hỏi tên, họ, năm, nơi sinh, câu thứ hai hỏi lý do bị bắt tức là những hoạt động trước kia gây nên duyên cớ bị bắt giữ và câu chót hỏi về nguyện vọng (Tôi xin nói rõ ở đây, trong cả hai bản thủ tục chỉ có từ ngữ “phát biểu ý kiến”). Và nguyện vọng ở đây được xác định là nguyện vọng thay vì đi về theo bên tiếp nhận thì xin được ở lại phía bên trao trả. Nguyện vọng này sẽ được thực hiện khi trả lời câu hỏi: Nay xin ở lại quận, tỉnh nào...Sở dĩ chúng tôi đã cấu tạo nên câu hỏi trên vì muốn tránh tính chất khích động từ những câu hỏi: Nay xin về với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa hay theo chính phủ lâm thời, cũng vì muốn tránh những khích động tạo căng thẳng tại địa điểm trao trả nên chúng tôi mới đề nghị dùng ghi chú “xin ở lại” ở cột cước chú để tóm tắt nguyện vọng của người phát biểu thay vì những ghi chú như: Chiêu hồi, tìm tự do, ở lại với bên nào...

Những điều trên tôi vừa trình bày đến quý vị là những thỏa thuận căn bản đã thực hiện qua nhiều địa điểm trao trả. Thế nên hôm nay chúng tôi cần nhắc lại để giải quyết với trường hợp của nhân viên dân sự Huỳnh tấn Mầm. Chúng tôi sẽ không thể nào giải quyết được vấn nạn mà chắc chắn quý vị sẽ nêu ra: Nhân viên dân sự Huỳnh tấn Mầm không thuộc “diện trao trả”, nghĩa là anh ta thuộc về một thành phần thứ ba, thứ tư nào đó. Chúng tôi xin mở rộng vấn đề này thêm một lần nữa để rồi khép lại dứt khoát vì vấn đề này hoàn toàn vượt khỏi khả năng, quyền hạn, trách nhiệm không những của chúng tôi mà cả quý vị. Những sĩ quan của Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên...Như danh từ “quân sự” đã xác định, nhiệm vụ của chúng tôi cũng như quý vị lại được Nghị Định Thư về Ban Liên Hợp Quân Sự xác định thêm một lần nữa, nhiệm vụ đó đã được nêu rõ từng dòng, từng chữ, nghĩa là một nhiệm vụ rất hạn chế và cũng rất cụ thể...Trong phạm vi trao trả, nhiệm vụ của “chúng ta” lại được xác định thêm một lần nữa ở điều 11(d) Nghị Định Thư về trao trả những nhân viên quân sự và dân sự tại các địa điểm trao trả mà cả hai bên thỏa thuận...“Quan sát” có nghĩa là nhìn, ghi nhận và báo cáo các diễn tiến, trở ngại, kết quả của các buổi trao trả lên trưởng ban của hai bên ở trung ương để các vị này thảo luận hoặc đưa lên cấp trưởng đoàn...Thế nên khi quý vị khai triển trường hợp nhân viên dân sự Huỳnh tấn Mầm để ép buộc chúng tôi phải quan sát, chứng kiến và cuối cùng giải quyết một trường hợp đặc biệt, xác nhận thành phần, lực lượng chính trị thứ ba, thứ tư, hoặc quá đáng hơn nữa, quý vị đẩy chúng tôi vào những cam kết nghiêm trọng như: Trả tự do cho các nhân viên dân sự này vô điều kiện, không được bắt lại, theo đúng nguyện vọng của người ta...Làm sao chúng tôi có thể thực hiện những cam kết, xác nhận như trên, không phải cấp trưởng đoàn của Ban Liên Hợp Quân Sự mà ngay cả hội nghị cấp cao ở La Celle Saint Cloud cũng chưa thỏa thuận được về định nghĩa, xếp đặt cho thành phần thứ ba này...Chúng tôi chỉ là những sĩ quan trung cấp của một tiểu ban thuộc Ban Liên Hiệp Quân Sự làm sao có thể giải quyết được một vấn đề nghiêm trọng, to lớn và rất phức tạp...Một vấn đề nhiều tính chất “chính trị” rất khác biệt với nhiệm vụ cụ thể của một sĩ quan trong tiểu ban trao trả. Tóm lại, chúng tôi cũng như trong quá khứ của khoảng thời gian tháng 4, 5, 6, 7 năm 73 trong lúc ngồi làm việc với quý vị trung ương để thiết lập thủ tục trao trả,

khẳng định lại rằng: Chúng tôi chỉ làm việc theo nhiệm vụ của một quân nhân, ấn định rõ bởi các Nghị Định Thư về Ban Liên Hiệp Quân Sự. Trong trao trả và chúng tôi làm việc theo thể thức nào. Đây là thủ tục trao trả hiện đang có trước mặt tôi. Một thủ tục có “giá trị thi hành”, từ ngữ của quý vị. Để chấm dứt, tôi xin đúc kết thành khẳng định sau đây: Nhân viên dân sự Huỳnh tấn Mẫn sẽ được hỏi theo ba câu hỏi của thủ tục, và cũng chỉ trả lời theo ba câu hỏi đó. Nếu quý vị bảo rằng anh ta không thuộc “diện trao trả”, có nghĩa không là đối tượng để trao trả thì chúng tôi gạch tên anh ra khỏi danh sách và mang anh ta về. Tôi chấm dứt.

Bên kia lều trao trả, Mẫn lặng lẽ ngồi nghe, chắc anh đang chọn lựa, so sánh và cân nhắc, những chỉ thị đã nhận trước có lẽ đã không có giá trị với thực tế vừa trải qua. Mẫn đã bị đánh bật ra khỏi địa bàn quen thuộc với những đối lực mãnh liệt, phũ phàng hơn anh dự tưởng. Qua khoảng sân nắng, tôi thấy Mẫn gục đầu.

Cuối cùng, Mẫn được giải quyết trong khuôn khổ thủ tục ba câu hỏi, anh chỉ yêu cầu đừng ghi là “hồi chánh” (lẽ tất nhiên) và ghi rõ nguyện vọng: “Xin trở về gia đình ở Sài Gòn” ở mục cước chú. Tôi mang xác tay cho Mẫn đi về phía lều đợi, sát ở bãi trực thăng, ngang qua lều y tá, Nguyễn thành Công, Tổng Thư Ký của Tổng Hội Sinh Viên, lúc Mẫn là Chủ Tịch, tay mang băng “y tá” đưa tay lên chào Mẫn. Hai người tuổi trẻ nhìn nhau thật nhanh, hình như họ cố gắng cười với nhau nhưng không nổi.

Đến lều đợi, ngồi xuống bên cạnh Mẫn, sẵn có Trung Úy Vượng, dân Đại Học Xá Minh Mạng quen với Mẫn từ trước, Sĩ Quan Báo Vhi của phái đoàn gọi chuyện, tôi tìm lời nói mở đầu thân thiện nhất. Tôi tự giới thiệu, Mẫn gật đầu xác nhận có đọc qua những bài báo của tôi. Lấy đà từ sự kiện này tôi nói cùng Mẫn:

- Trước kia tôi rất chống đối hoạt động của anh, ở vị thế của một người lính chiến đấu, từ chiến trường nhìn về một hậu phương hỗn loạn trong đó các anh nhân danh hòa bình, dân tộc để đòi chấm dứt chiến tranh, nhưng trong cách thể đấu tranh đó các anh đã đề cao người cộng sản và sỉ nhục chúng tôi. Chúng tôi còn gọi đó là thái độ vong ơn với những kẻ góp máu để các anh sống ở hậu phương, không những chỉ chống đối, tôi cũng nhìn các anh như là những hiện tượng cần phải hủy diệt, đánh nát. Nhưng bây giờ, sau những ngày sống cùng sinh hoạt này, tôi biết được thêm nhiều chuyện, biết để nghĩ rằng thái độ của mình trước kia tuy căn bản không sai nhưng quả tình thiếu nhiều tinh tế và quá hạn chế. Trước thì tôi nghĩ các anh bị cộng sản giật giây, nếu không muốn nói là cộng sản chính cống, nhưng bây giờ qua hai năm sống và tranh đấu trực tiếp cùng họ, hai năm chìm ngập trong hoạt cảnh bị thẩm tù tội, tôi có những ý kiến khác về anh, về anh Công, rộng rãi hơn về những người tranh đấu chống chính quyền. Tôi nghĩ trừ một thiểu số nhỏ, những “nhân tố cơ sở” (chữ viết cộng) mà cộng sản “cấy” vào lòng các tổ chức sinh viên, các tổ chức tranh đấu hòa bình là những cán bộ cộng sản đích thực, còn ngoài ra, anh hay các bạn trẻ dù có nhận tài liệu từ khu đưa vào, dù có được đón đi vào Hồ Bò, Bến Mương, Tây Ninh học tập, các anh vẫn chưa là người cộng sản, không bao giờ có thể là người cộng sản, cộng sản thuần túy từ lý lịch quá khứ đã tạo dựng lên. Các anh chỉ là những người trẻ tuổi không muốn thỏa hiệp với một chính phủ nhiều sơ hở, nhiều khuyết điểm, tôi không thể phủ nhận tính chất này và có muốn phủ nhận cũng không được, vì ngay cả ông Thiệu, ông Hương cũng đã báo động về tham nhũng, đã kêu gọi tiếp tay để diệt trừ tham nhũng. Trước một xã hội như thế, hoài bão, trí thức và lòng tự trọng của tuổi trẻ không cho phép các anh thỏa hiệp, và các anh phải phát cờ tranh đấu. Nhưng tranh đấu thì phải có kỹ thuật, tranh đấu phải có mục tiêu. Thế thì còn ai ngoài người cộng sản để tặng đến cho các anh hai khí giới chiến thuật cần thiết đó. Và dần theo sự giải thích của họ, anh thấy mục tiêu của mình “có vẻ giống” mục tiêu của họ. Anh nhận thấy họ cùng anh ở một tuyến chiến

đấu. Nhưng vấn đề không dừng lại ở đây, những mục tiêu chiến lược gói trọn cả hoài bão tuổi trẻ của anh đối với người cộng sản chỉ là một mục tiêu chiến thuật đoản kỳ. Đối lại thái độ nhận họ vào tuyến chiến đấu chung của các anh, thì họ chỉ sử dụng các anh như những đội ngũ tiên phong ở một vài giai đoạn nào đó, trong một vài địa bàn nào đó, như những năm 1966-1967 ở đường phố Sài Gòn. Họ luôn luôn bảo vệ lực lượng chiến lược căn bản gồm những công nông trung kiên với “đảng tính” tinh truyền, các anh chỉ là những “trí thức trẻ” thặng dư để lót đường trong một chiến dịch. Một chiến dịch chứ không là trận đánh cuối cùng, quyết định. Nhưng đến đây, tôi cũng phải nói rõ niềm thán phục của tôi đối với anh, những người tự bỏ đời sống bình yên để dấn thân vào cuộc đấu tranh mang đến nhiều cay đắng, thua thiệt. Nếu như những người khác, giờ này anh và anh Công chắc đã trở thành bác sĩ bình yên ở Sài Gòn, nhưng các anh đã chọn con đường chông gai, các cô Lan, Huệ đã lựa những vị thế bão táp...Chúng tôi thán phục sự chọn lựa can đảm đầy hy sinh cao đẹp này. Đến đây, anh Mẫn nếu có, cũng đừng nghĩ rằng tôi đang làm một công tác “chiến tranh tâm lý”, công việc này tôi không quen làm, cũng không xứng đáng để tôi thực hiện cùng anh, được như thế thì tôi mới nói tiếp. Tôi ngần ngại một chút, xong tiếp tục. Tôi nghĩ rằng sự chọn lựa vừa rồi của anh đứng đắn, cũng như các anh Công, cô Lan, cô Huệ đã thấy, Lộc Ninh này không phải là thế giới của các anh, các chị. Thế giới, không khí, môi trường của các anh là ở Sài Gòn, trong giảng đường, giữa cộng đồng sinh viên, chỉ những nơi này anh mới có mục tiêu, cuộc tranh đấu của anh mới có ý nghĩa, chứ ở đây các anh còn gì nếu không là hình ảnh của anh Công mang băng y tá, ngồi trước mũi một chiếc xe Hồng Thập Tự công tác cùng với những “bác sĩ”, chị “y tá” mà khả năng chuyên môn là điều đùa cợt với danh xưng và trong ánh mắt chỉ loáng lên những tia nhìn rình mò nghi kỵ hạ đẳng. Anh về lại Sài Gòn học tiếp xong bằng bác sĩ, kết tập kinh nghiệm, mở thế tranh đấu mới trong tinh thần độc lập sắc son của quê hương, dân tộc...Nếu có thể tôi xin làm người viết diễn văn, dán bích chương cổ động cho anh.

Mầm cười, phải, tôi cũng chỉ chờ đợi nụ cười tự nhiên trong sáng đó, tôi không biết anh nghĩ gì về lời tôi nói, nhưng chắc rằng, (hy vọng như thế) anh không bỏ qua lòng thành thật của tôi. Bây giờ, tháng 4.74, hai tháng sau ngày trao trả, Mẫn vẫn bị biệt cư với một vài điều kiện nào đó, ước mong chính quyền có những biện pháp tích cực, uyển chuyển hơn để chấm dứt tình trạng hạn chế của Mẫn, vì quả tình đó chỉ là những người lãng mạn đẹp để mang nhiệt tình vào đời sống nhiều hư hại này mà thôi.

Lộc Ninh hai ngày sau, hôm nay chính tôi đứng trao trả, một tù nhân nổi tiếng khác: Luật Sư Long. Ông Long ngồi ở băng cuối cùng, ngồi hẳn về một góc riêng rẽ, hai tay chống lên đùi chắc nịch tự tin, bên cạnh không phải chỉ một gói hành lý như Huỳnh tán Mẫn, Luật Sư Long có đến một đóng hành lý gồm nhiều xác tay công kênh. Ông già ngồi vững chãi, mắt quyết chí, đôi mắt nhỏ long lanh sau lớp kính trắng. Tôi nhủ thầm, ông ta chắc chắn sẽ có thái độ khác hẳn Mẫn hay Huỳnh văn Trọng những ngày trước. Thái độ đó như thế nào, tôi không tiên đoán được, nhưng cảm thấy có một dự mưu và bề ngoài hăm hở kia chỉ là một lớp sơn che dấu. Từng tên người, từng người tù xao xuyến, còm cõi đi qua...Số 23, Nguyễn Long. Luật Sư Long đứng dậy, cầm tay nải, một anh cộng sản có nhiệm vụ tiếp đón, đón lấy hai xác lớn khác, ông đi thẳng không nhìn qua lại, không lộ vẻ ngần ngại, hai dãy sĩ quan Ủy Ban Quốc Tế và Liên Hợp Quân Sự theo dõi lần lần bước chân của ông Long. Ông đi thẳng từ lều trao trả qua lều chờ đợi, ngồi xuống cùng đám tù chung danh sách vừa được trao trả. Chúng tôi trả thêm hai người cuối cùng (Danh sách hai mươi lăm người), các nhân viên thuộc Bộ Nội Vụ Việt Nam Cộng Hòa cùng các cán bộ cộng sản trao đổi nhau ý kiến chót trước khi để tôi cùng Thiếu Tá Dũng (mặt trận giải

phóng) ký xác nhận cuối cùng ở cuối bản danh sách. Bỗng tôi nghe từ bên lều đợi, cách trao trả khoảng năm thước những tiếng xôn xao, Luật Sư Long đang sửa soạn tuyên bố vài điều gì đó. Mấy viên sĩ quan mặt trận hấp tấp đi tập hợp đám sĩ quan Ủy Ban Quốc Tế, Thiếu Ủy Khánh (mặt trận giải phóng) sĩ quan phiên dịch đang oang oang gọi viên Chủ tịch Hung Gia Lợi. (Mỗi phái đoàn quốc tế thay phiên nhau làm chủ tịch một tháng), một anh Thiếu Ủy mặt non, búng ra sữa với những trịnh trọng khôi hài...Như thế này là không được. Tôi bỏ tờ danh sách sắp ký xuống chạy băng qua lều đợi...

- Bác không thể tuyên bố, họp báo hay phát biểu ý kiến gì ở đây được. Thủ tục chỉ quy định phát nguyện vọng tại lều trao trả và trong lúc tiến hành trao trả mà thôi. Tôi nói cùng Luật Sư Long.

- Tôi muốn phát biểu ý kiến, tôi không rõ thủ tục, tôi nghe nhầm, cho tôi phát biểu ý kiến.

- Bác phát biểu ý kiến gì ?...

Đôi mắt ông Long hốt hoảng, hai tay ông mở ra phân bua:

- Tôi có tội chi, tôi có tội chi, cho tôi phát biểu ý kiến trở về Việt Nam Cộng Hòa. Bốn chữ chót này làm lấp trí khôn, mất hết phản ứng vốn rất nhạy, tôi tưởng rằng ông Long muốn trở về thật, sự hăng hái đi thẳng vừa rồi chỉ vì không nghe rõ lời hướng dẫn thủ tục về cách phát biểu nguyện vọng trước khi cuộc trao trả bắt đầu...Nhưng chỉ sau ba phút, tôi đã biết mình nhầm lẫn, bị mắc lừa. Trở về Việt Nam Cộng Hòa, tôi nghĩ ông Long cũng như Mẫn hay Huỳnh văn Trọng. Đến lúc chọn lựa cụ thể nhất đã chọn Việt Nam Cộng Hòa, vì quả tình chỉ có trong cộng đồng này họ mới là Nguyễn Long, Huỳnh văn Trọng, Huỳnh tấn Mẫn, qua phía mặt trận giải phóng, họ sẽ không là gì hết. Cán bộ cao cấp như Phùng văn Cung, Phạm văn Bạch cũng chỉ là những chỗ ngồi bung xung thôi, hưởng gì chính sách sa-lông Nguyễn Long, thành tích tranh đấu không gì ngoài ba tuyên cáo chưa hề được phổ biến đến dân chúng. Tôi dẫn ông Long trở lại lều trao trả để ông phát biểu nguyện vọng, những sợi tóc trắng trên một thân thể đã vào tuổi già làm tôi chùng xuống, tôi quên mất đề phòng trong cảm giác xót xa này. Ông Long ngồi xuống băng ghế, liếc mắt thấy đủ tất cả các viên sĩ quan của Ủy Ban Quốc Tế, đột nhiên ông vùng dậy, mau như một con nai khi thoáng tiếng động...: Tôi, Nguyễn Long, Luật Sư, 65 tuổi người xã Diên Khánh, phủ Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, nhà tôi ở 42 Võ Tánh Sài Gòn, văn phòng tôi ở 40C Gia Long Sài Gòn. Năm 1961 tôi tham gia vào phong trào dân tộc tự quyết, năm 1965 tôi tham gia vào ủy ban bảo vệ hòa bình tôi bị bắt thả ra, rồi năm 1971 (?) tôi bị bắt lại và hôm nay đem trao trả cho chính phủ lâm thời...Tôi không phải là người của chính phủ lâm thời (chánh phủ mặt trận giải phóng) nhưng bây giờ tôi xin tỵ nạn chính trị tại Lộc Ninh này!!

A! ra thế!! Tôi đã bị ông Long lừa một cú lớn, tôi đã bị đôi mắt lạc thần, hai bàn tay run run mở ra cùng câu nói như tiếng khóc "tôi có tội chi" làm mờ mắt, tôi bị những sợi tóc bạc, khối thân thể già nua mệt nhọc làm mất hết năng lực nhận xét, nên đã vội vã đưa ông về lều trao trả và ông đi được bước "phát biểu ý kiến" chính thức trước Ủy Ban Quốc Tế...Nỗi sợ hãi "đẩy" một người oan uổng về phía đối phương đã khiến tôi quên mất âm mưu này của phía cộng sản, suốt ba tháng 4, 5, 6 và tháng 7 năm 1973 tại bàn hội nghị, qua hàng chục lần trao trả ở địa điểm này, chưa bao giờ phía mặt trận giải phóng thực hiện được một cú "phát biểu ý kiến" đầy đủ như lần này!! Lần này là lần độc nhất và chắc cũng là lần cuối cùng. Tôi có thêm được một kinh nghiệm xác đáng. Không bao giờ đem tinh thần nhân ái ra sống cùng cộng sản...Phải nhớ như in vào óc như thế, một lần này quá đủ...Tôi đưa tay ngắt lời ông Long, nói lớn gấp năm lần ông Long, nói lớn gấp mười lần lời phiên dịch chát chúa của viên Thiếu Ủy cộng sản.

- Thưa quý vị, nhân viên dân sự Nguyễn Long đã được chúng tôi trao trả đúng thủ tục và không có một ý kiến, một nguyện vọng nào của nhân viên dân sự này được ghi nhận trong khi diễn tiến cuộc trao trả. Sự kiện phát biểu ý kiến của nhân viên dân sự Nguyễn Long sau khi cuộc trao trả hoàn tất chỉ là do thiện ý (quả tình như thế) của chúng tôi, tưởng để làm sáng tỏ một nguyện vọng, nhưng bây giờ biến thành một cuộc kích động, tố cáo. Chúng tôi chấm dứt sự phát biểu này vì sai hẳn thủ tục trao trả. Về phần bác, tôi đã trao trả xong, xin mời bác đi (tôi nói riêng với ông Long).

Ông Long bước đi, bước chân vui thích sột sắng, cán bộ mặt trận giải phóng chung quanh tỏ vẻ hớn hờ. Nhưng rồi có ra gì, đi đến đâu, Ủy Ban Quốc Tế “ghi nhận” sự kiện, và nhân viên dân sự Nguyễn Long chìm hẳn vào màu xanh đậm ngắt của rừng Lộc Ninh. Lần đầu tiên trong hai năm “đấu” cùng cộng sản, tôi bị thua một đòn, thua vì nghĩ ông Long là người “quốc gia”, thua là vì yếu tính “quốc gia” làm mờ khả năng phòng ngự... Nhưng quả tình tôi không thua nặng lắm, kẻ thua thật sự là những Nguyễn Long, Nguyễn thành Công, Trần thị Lan, Võ như Lanh, những người đem nhiệt tình vào trận, ném lên chiếu bạc đấu tranh chính trị tất cả nòng nân cao quý của những con tim sáng ngời trung chính, Để đến cuối đường nơi khu rừng Lộc Ninh, trên đám rầy vùng đồi đất đỏ, trong đêm khuya qua liếp cửa lộng gió, chấp chờn giữa những giấc ngủ bị rình rập, theo dõi. Họ có được gì, còn được gì, ngoài nỗi tan vỡ bị thương của một tâm thức lãng mạn không đất sống.

THỜI ĐẠI CỦA GIAN DỐI

Ngày gần hết, ánh nắng loáng vàng trên mặt sông, chiều ngày đầu năm vắng vát khí lạnh mùa Đông còn sót lại. Tôi đứng nhìn về bờ Nam sông Thạch Hãn, lá Cờ Vàng bay phơ phớt trên bầu trời xanh thấp mây trắng. Lòng nôn nao nhẹ nhàng, tôi muốn được trở về bên bờ kia mau chóng. Toán chốt của tù binh vừa được trao trả xong, cuộc họp cuối cùng của ngày bắt đầu. Nói và họp, người cộng sản chuẩn bị, liên kết hai công việc vào nhau gọn ghẽ, thích thú.

Sự chán mưa dầm cao cùng cực trong khi tôi ngồi xuống chiếc băng ghế cứng, một nữ cán bộ phục dịch “công tác” ngay một ly trà bốc khói. Tất cả đều được tính toán kỹ.

Thiếu Tá Nguyễn An Giang chỉ huy trưởng địa phương Bắc sông Thạch Hãn đứng dậy tuyên bố khai mạc buổi họp, kiểm điểm công tác trong ngày, rút ưu khuyết điểm, hoạch định công tác ngày mai. Từng chữ nghĩa vô bổ, trống rỗng va chạm nhau đều đặn tuông ra, khuôn mặt tái xanh đông cứng nghiêm trọng. Thiếu Tá Giang đúc kết công tác trong ngày bằng những thành ngữ quen thuộc:

Công tác tiến triển tốt, phản ánh được tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, hai bên thực hiện cuộc trao trả đúng như đã dự định trong tinh thần tích cực, khẩn trương công tác đúng theo như điều 8 (a) Nghị Định Thư, chấp hành nghiêm chỉnh bản Hiệp Định chấm dứt chiến tranh đã được nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới ủng hộ...!!!

Tôi ngồi lơ đãng nhìn đám mây xám phủ xuống cuối con sông nơi phía Ngô Xá Đông, nhớ lảng đãng lần trực thăng vận của chiến trận mùa Đông năm 1967 trên vùng đất cát đỏ... Cuốn sổ đặt trên đùi được ghi vắn tắt vài con số, số tù binh được trả trong ngày... Thiếu Tá Giang tiếp tục:

Để chấm dứt phần kiểm điểm công tác trong ngày, tôi xin nêu thêm một điểm nhỏ để Đại Úy Nam (thay vì dùng chữ “phía Việt Nam Cộng Hòa”) ghi nhận để sửa đổi lại cho phù hợp với tinh thần Nghị Định Thư và Hiệp Định ngưng bắn (!) Đây là tiêu đề của mỗi bản danh sách nhân viên quân sự của phía chính phủ cách mạng

lâm thời (!) được Quân Cảnh (chỉ có từ ngữ “Quân Cảnh” không có từ Việt Nam Cộng Hòa) giao trả. Vì theo như chúng tôi ghi nhận, “tinh thần của Nghị Định Thư và Hiệp Định ngưng bắn” là để hai bên miền Nam-Bắc Việt Nam có cơ hội hòa giải, hòa hợp, trao đổi nhân viên quân sự và dân sự, vì vậy tiêu đề “Tù binh cộng sản Bắc Việt xâm nhập” ghi trên mỗi bản danh sách không phù hợp với thực tế pháp lý của tinh thần Nghị Định Thư (!) vậy nên yêu cầu Đại Úy Nam ghi nhận và sửa đổi...

A! Lại một đòn mới, kết quả của cuộc “hội ý” suốt buổi chiều nay giữa các đầu óc cách mạng! Tôi ngồi thẳng dậy, vứt bỏ sự lơ đãng, chuẩn bị nghênh đón đối phương. Đ...m, đúng là việt cộng. Tôi bực dọc chửi thề trong bụng. Vì hôm nay (19.2.1973) là ngày trao trả thứ ba của đợt II tại địa điểm này, bờ Bắc Sông Thạch Hãn. Từ ngày đầu của cuộc trao trả (12.2) tại các địa điểm khác như Lộc Ninh, đầu cầu, Quân Cảnh Việt Nam Cộng Hòa vẫn dùng tiêu đề đó trên các bản danh sách, và rõ ràng hơn ba ngày trao trả trước tại đây, các danh sách với tiêu đề đó vẫn không đặt nên vấn đề, nhưng hôm nay...Lại dở trò mới rồi...Tôi tập trung chú ý lại. Khi Thiếu Tá Giang ngồi xuống thì đến Thiếu Tá Vầy trưởng tổ liên hợp phe Mặt trận giải phóng thuộc Tiểu ban Tù Binh Trung ương phát biểu ý kiến. Thêm một màn lặp lại:

Cám ơn quý vị trong Ủy Ban Kiểm Soát và Giám Sát Quốc Tế đã tích cực tham gia vào công tác kiểm soát cuộc trao trả nhân viên quân sự...Thể hiện tinh thần hòa giải hòa hợp (!). Cám ơn chính quyền địa phương (?) đã tổ chức chu đáo (!) và cuối cùng là “điểm nhỏ”: Theo điều 1 và 2 của Nghị Định Thư về Tù Binh thì chỉ phân loại ba thứ tù binh: Nhân viên quân sự và dân sự của Hoa Kỳ và các nước ngoài, nhân viên quân sự và dân sự hai bên miền Nam Việt Nam vậy ý kiến của Thiếu Tá Giang là một thực tế (!) phản ánh đúng tinh thần Nghị Định Thư nên yêu cầu Đại Úy Nam ghi nhận và sửa đổi!!!

Thiếu Tá Vầy ngồi xuống, bật cái hộp quẹt Thăng Long đốt thuốc lá Điện Biên khói bay khét lẹt, rung đùi lắng tai nghe Đại Úy Lân của Bắc Việt phát biểu ý kiến...Cám ơn quý vị...Tinh thần hòa giải và “điểm nhỏ” của Thiếu Tá Giang vừa nêu ra...Theo điều 1 và 2 Nghị Định Thư!! Một lặp lại lần thứ ba qua người phát biểu!! Một lập luận được ba người lặp lại trong nghiêm trọng, được dịch lại ba lần bởi một thứ “broken English” rất vất vả. Vòng tròn người ngồi nghe nghiêm trang, những cái đầu gục gặc tán thưởng đồng ý lẫn nhau, hai anh Hung Gia Lợi và Ba Lan gật mạnh đầu hơn hết, tra cứu cuốn sổ nhỏ để tìm điều 1 và 2 Nghị Định Thư...Những đôi mắt chăm chăm lướt vội trên giòng chữ, những xì xào to nhỏ xác nhận “thực tế” của tù binh căn cứ trên điều khoản Nghị Định Thư...Tất cả màn kịch khôi hài gian trá được đồng tình khai triển tối đa. Đợi lúc Đại Úy Lân và tên thông dịch viên ê a luận lý điều 1 và 2 Nghị Định Thư tôi làm việc thật mau trong đầu...Điều 1 và 2 Nghị Định Thư quả thật qui định không có từ “cộng sản Bắc Việt” trong đó, suốt bản Hiệp Định ngưng bắn cũng không có một chữ nhắc đến quân đội nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa...Vậy thì trả lời như thế nào? Căn cứ ở đâu?... Bản Hiệp Định hay là tám màn nói dối vĩ đại đã được cả thế giới tán thưởng!!! Đại Tá Thompson của Phái Đoàn Hoa Kỳ đẩy đưa vài lời cám ơn, nêu con số các chuyến bay trong ngày và kết thúc bằng một lời cám ơn khác. Người bạn đồng minh độc nhất không thể giúp gì tôi hơn được vì hôm nay 18.2, Bắc Việt vừa thả đợt 2 tù binh Mỹ ở sân bay Gia Lâm: Tù Binh Hoa Kỳ, gánh nặng lớn cuối cùng của chiến tranh Việt Nam cần phải giải quyết nhanh chóng trước tiên.

Tôi đứng dậy. Nắng cuối cùng của ngày đầu năm đã tắt, vùng núi đồi phía Tây La Vang mờ trong sương xám, ngọn Cờ Vàng ở đầu Cầu Quảng Trị bay phấp phật. Khói đạn pháo binh Bắc quân bắn vào vùng Tích Trường, Như Lệ của Nhảy Dù

Việt Nam dâng cao từng cột...Hình ảnh xa nhưng vang dội đau đớn trong lòng. Tôi lâm chiến:

Thưa quý vị, tôi xin được thông qua các con số tù binh do chúng tôi trao trả trong ngày mà quý vị đã tận tường, tôi cũng xin thông qua các ưu điểm mà quý vị vừa xác nhận. Tôi xin đi thẳng vào “điểm nhỏ” mà Thiếu Tá Giang vừa nêu ra...Đó là “Tiêu đề tù binh”. Thưa quý vị, tiêu đề “Tù binh cộng sản Bắc Việt xâm nhập” hay “Tù binh cộng sản hồi kết” hay “du kích” là những tiêu đề hiện thực tính chất thực tế về người tù binh đã được Quân Cảnh Việt Nam Cộng Hòa thiết lập khi hoàn tất lý lịch căn cứ trên cung từ của mỗi người tù. Cung từ của mỗi tù binh được lập nên, đúc kết từ những câu hỏi liên quan đến các yếu tố cụ thể sau đây: Sinh quán của tù binh, ví dụ như tù binh đó sinh ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Quảng Ngãi hay ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Nghệ An. Đơn vị của tù binh đó, ví dụ như tù binh thuộc các đội du kích ở Tân Bình, Gia Định hay các công trường 5, 7, 9 của lực lượng võ trang thuộc mặt trận giải phóng miền Nam hay các sư đoàn 308, 320, 324 B, 325 của quân đội nhân dân nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Cung từ của tù binh cũng xác định nơi xuất phát của đơn vị mà tù binh đó trực thuộc. Ví dụ như tù binh du kích thuộc xã Xuân Thới Thượng Quận Tân Bình Tỉnh Gia Định xuất phát từ mật khu Lý Văn Mạnh nằm giữa Long An, Hậu Nghĩa, Gia Định, hay tù binh thuộc công trường 7 xuất phát từ vùng Mỏ Vẹt vượt biên giới Việt Miên tấn công vào Lộc Ninh, tràn xuống An Lộc. Và tù binh có tiêu đề “Cộng sản Bắc Việt xâm nhập” thì được chỉ định cho những người phát xuất từ Nghệ An, theo đường mòn Hồ Chí Minh hay đường dây “Xã hội chủ nghĩa” xuống Nam Lào đến Tchépone theo Đường số 9 vượt biên giới Lào Việt vào tham chiến tại mặt trận Trị Thiên. Cụ thể là tù binh thuộc sư đoàn 325 tổng trừ bị quân đội nhân dân Bắc Việt đang có mặt tại đây, Tỉnh Quảng Trị của Việt Nam Cộng Hòa...Hiện thời, đã ở đây rất lâu.

Tôi ngừng nói, đưa mắt đi một vòng, Thiếu Tá Giang, Thiếu Tá Vầy, Trung Tá Martin (Hung), Đại Tá Garrick (Gia Nã Đại)...Những ánh mắt khó chịu, những tia nhìn phần nộ...A! Ra tất cả đều muốn tránh xa sự thật, tất cả đều muốn bỏ qua sự kiện có một nước Nam Việt Nam, mọi người đều đồng ý thực hiện một màn dối trá bịp bợm theo khuôn mẫu của Hiệp Định ngưng bắn. Tờ cam kết được cả thế giới hoan nghênh. Mà giá trị đích thực chỉ là mảnh giấy tráo trở chứng nhận trò bịp lớn của thế kỷ và che dấu sự thật đau đớn của người Việt Nam.

Tôi hơi khép đôi mi, hình như những gân máu nằm trong mắt nở to, căng phồng những lượng nước mắt phần nộ. Phía trái bên kia con sông Thành Phố Quảng Trị tan vỡ như một dấu tích ngàn đời không nguôi ngoai, Cổ Thành, Tòa Hành Chánh, nhà thương...Đống đá vĩ đại bị thương kia chỉ cách năm trăm thước, như ngọn lửa đốt cháy thêm lòng thù hận...Tôi gằn mạnh từng chữ, tiếp tục:

Và hơn ai hết, quý vị đã biết rõ, biết rất rõ những sự thật sáng như ánh mặt trời mà tôi vừa kể đến. Điều 1 và 2 của Nghị Định Thư chỉ là một trò chơi chữ nghĩa muốn xóa tan một sự thật. Đó là có một nước Bắc Việt xâm lăng, tấn công miền Nam Việt Nam! Nếu quý vị có một trí nhớ khả dĩ, quý vị hãy nhớ năm 1966 chúng tôi đã phóng thích một số tù binh thuộc quân đội chính qui Bắc Việt về bên kia bờ Bắc Sông Bến Hải với những danh sách được thiết lập cùng tiêu đề này...Từ năm 1966 đến nay tính chất, lý lịch của những người tù binh căn cứ trên các yếu tố cụ thể vừa kể không thay đổi, vậy hôm nay không có lý do gì bắt chúng tôi phải xóa bỏ tiêu đề đó. Thế nên tôi xin lập lại: Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì tiêu đề “Tù binh cộng sản Bắc Việt xâm nhập...” cho đến ngày chót của đợt trao trả tù quân sự đối với những tù binh gốc quân đội Bắc Việt.

Tiếng xì xào bất mãn, những ánh mắt tóe lửa không che dấu. Tôi đứng thẳng chịu đựng sự tấn công của bốn hướng, chờ đợi những phản ứng bùng nổ...Lê thanh

Lân (Bắc Việt) nghiêng vai qua Vầy (mặt trận giải phóng), cặp mắt màu xám chớp chớp, chiếc đầu đội nón ông sao gật gật theo những lời của Vầy. Thiếu Tá Vầy đứng dậy:

- Đại Úy Nam đã trình bày dưới một dạng thức vô lễ, mặc dù ở đây, Đại Úy Nam là người nhỏ tuổi nhất, nhỏ cấp bậc nhất...

Tôi cười nhạt, đứng phắt dậy nói trong tiếng hét:

- Ở đây, chúng ta họp nhau lại để làm những công việc của lịch sử không phải để phân định cấp bậc và xét xem phẩm chất của mỗi cá nhân trên khía cạnh luân lý...

Anh thông dịch viên Chi lấp bắp hỏi...Làm sao dịch, có phải dịch không ? Chẳng cần. Tôi ngồi xuống với một hân hoan tội nghiệp. Trước hay sau sự thật cũng đã bị đồng tình chối bỏ...Ý nghĩ xẩy đến làm rã rời, trầm hết xuống tất cả mọi ồn ào. Tôi nén tiếng thở dài...

Trở về bờ Nam, trời mù sương, chiếc máy bay bốc khói bãi đáp đưa Toán Ủy Ban Quốc Tế và Ban Liên Hợp Quân Sự trở về Huế, tôi đứng lại giữa đám gạch ngói và những người lính Thủy Quân Lục Chiến đang chuẩn bị lại tuyến phòng thủ để phòng đêm xuống lũ giặc Bắc bờ sông. Đi bộ về ngã ba Long Hưng xuyên qua những đồng đá lớn trên những con đường trơn trượt. Tôi đang đi trong lòng Quảng Trị, Thành Phố có sức sống lâu dài kể từ ngày Chúa Nguyễn vào Nam Đây là gì nhỉ ? Đứng tần ngần trước một "ngôi nhà" mà chiếc mái bê tông đã bị bẹp xuống sát nền đất, dãy cửa bị ép lại thành một đám sắt vụn như chiếc lò-xo bị rối...Phải chăng đây là quán sách ở góc Đường Gia Long ? Tôi nhìn về phía Cổ Thành rồi so sánh lại...Cũng không thể nhận ra ngôi nhà mà suốt năm 1967 đã nhiều lần la cà qua lại. Tôi đi trong Thành Phố Quảng Trị cố vận dụng tối đa trí nhớ cũng không thể gom đủ chi tiết về một chỗ ở đã qua sống cùng trong thời gian dài. Bên kia bờ sông, năm trăm thước bề rộng, cuộc đấu lý vừa qua như một kinh bỉ không lường. Lương tâm trung trực của con người ở đâu ?? Tôi không hiểu khi Kissinger và Thọ ngồi phân tích từng chữ, gọt dũa từng dòng của Hiệp Định ngưng bắn, họ có ý thức đang cùng nhau thực hiện một đối trá ghê tởm chi phối mười lăm triệu người dân miền Nam Việt Nam, các bộ tham mưu của các văn phòng chính trị khi phân tách, nghiền cứu tìm hiểu có ai đã phải bật cười vì tính chất hồ đồ độc địa của những hàng chữ vô nghĩa có tác dụng che đậy tội ác vĩ đại. Tội ác cao như núi, tội ác ngập ngụa như biển máu, như rừng xác người đã nằm xuống trên chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng, của dãy người chết nằm rải rác dưới những gốc cao su dọc Đường 13...Cả thế giới đều bịt mắt, toàn thế giới vỗ tay, rung chuông, mở rượu, tung dây ngũ sắc để mừng hòa bình Đông Dương, đón mừng Hiệp Định ngưng bắn, chuẩn bị cho Nixon lãnh giải Nobel Hòa Bình, đồng công nhận Kissinger là "Ông Thế Giới" và chính phủ Hà Nội, tập đoàn cộng sản Bắc Việt là những kẻ tích cực góp phần xây dựng hòa bình thế giới...Đau đớn biết bao nhiêu. Đau đớn quá!!

Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình cho Việt Nam. Hàng chữ như một trêu ghẹo độc ác nhảy múa trong màn mưa, trên gạch ngói, những chữ rơi rớt lỏng chổng trên con đường phố bị bóc hết nhựa hằn từng vết bùn đỏ chạch. Từ tờ đầu đến giòng chữ cuối không có một chương, một dòng ấn định rõ rệt sự kiện Bắc Việt đã xâm lăng miền Nam. Không một giòng xác định quân đội nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa rút về phía bờ Bắc Sông Bến Hải trừ điều 5, nói mơ hồ về sự rút quân của các quân đội không phải của hai bên miền Nam Việt Nam. Đau đớn và độc địa quá, đám lính Bắc chỉ cần qua một buổi học tập là biến thành quân đội giải phóng, nên người Quảng Trị sơ tán vào núi theo lực lượng vũ trang của chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam (!!) Ai trên thế giới sẽ gánh chịu sự lừa dối nham hiểm thô bạo này. Hòa bình nào có được khi đám lính của các sư đoàn

324, 325, 308, rất một lớp người nói tiếng Bắc, dưới hai mươi tuổi, cổ chấp, cuồng sát, cuồng tín biến thành “người Quảng Trị” kỳ quái trên, để sẵn sàng đào đường, chui súng, sửa phi đạo, thiết lập giàn phóng hỏa tiễn trực chỉ vào bờ Nam Sông Thạch Hãn ?? Đây chính là tội ác của cả thế giới, từ anh trí thức bên trời Âu đến lũ ngụy hòa bình đang lúc nhúc tràn ngập ở miền Nam, từ tên thủ lãnh biển lận của thời đại thực dân còn sót lại ở Ba Lê đến anh chánh khách hèn mọn chờ thời làm con cò lót đường trong buổi nhiễu loạn. Tất cả thế giới đang đồng lòng che mặt hóa trang dự buổi dạ vũ máu trên thịt xương người Việt.

Hay thật, sự lừa dối khi đến mức siêu đẳng đã biến thành sự thật. Tội ác khi đạt đến mức tinh vi biến thành hành động cứu rỗi, phụng sự con người. Kim Dung khi tạo ra Vi Tiểu Bảo làm trò cười cho độc giả, chắc hẳn đã ý thức được sự tan vỡ của thời đại này, trong đó những tên dối trá, những kẻ cường bạo chi phối, điều động đại cuộc. Và ghê tởm hơn, cả một khối đông thế giới đều đồng lòng xưng tụng tội ác...

Tôi đi trong Quảng Trị tan vỡ, đi trong mưa phùn, trên lầy lội, quãng đường dài xa xôi không còn lý hội...Cơn đau xót, nổi phẫn nộ, trí cảm hờn như át hẳn mưa rơi như xóa tan trời gió. Giông bão trong lòng nghe thấm thiết đau đớn mãnh liệt tưởng như dòng khí độc tác hại hết giác quan...Làm gì được đây ? Tôi làm gì được hờ ?!!

TÙ CỘNG SẢN...TÙ CỘNG HÒA

Phi đạo nằm theo hướng Nam-Bắc vạch một đường đồ thắm giữa lòng rừng cao su xanh lá. Trực thăng hạ xuống theo lối xoắn tròn ốc, mặt phi đạo hiện rõ dần...Bước xuống sân bay Minh Thạnh, cách Quốc Lộ 13 không đầy mười lăm cây số đường chim bay. Tôi vào đất địch.

Dưới tàng cây xanh im bóng, trong khu rừng tịch mịch, từ tốn hít từng hơi thuốc ẩm, nghe tiếng gió vi vu thổi qua hàng lá dày...Tôi tận hưởng hết tất cả bình yên trước một ngày căng thẳng. Đám cán bộ cộng sản đến từ Sài Gòn đang “hội ý” với những cán bộ địa phương. Chỉ còn khoảng thời gian “trong sáng” này để sống cho riêng mình. Nửa giờ nữa, một con người thật lạ phải thế chỗ trong tôi.

Hôm nay, tôi dự kiến cuộc trao trả về phía cộng sản bốn trăm người và nhận lại hai trăm. Địa điểm này tôi đã xuống một lần, đã biết được thế nào là chiến pháp cư xử của cán bộ cộng sản miền Nam có cán bộ cộng sản miền Bắc chỉ huy kiểm soát. Biết, nên giương sẵn mọi cẩn thận đề phòng. Minh Thạnh-Tây Ninh. Mặt khu Ba Thu nằm bên kia biên giới Miên- Việt chỉ cần một ngày một đêm di chuyển. Nhân viên của Cục R đã ra mặt hoạt động. Khu rừng cao su mông mênh, những người Mỹ ngồi bên cạnh nhỏ to thì thảo, tôi lọt hẳn giữa những búa vẩy im lặng mở đầy phong ba.

...Để tránh gây kích động tâm lý nơi những người sắp được trao trả, để biểu lộ lòng yêu chuộng hòa bình đích thực trong tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc...Chúng tôi yêu cầu Đại Úy chỉ thị cho Quân Cảnh không được mang vũ khí vào khu vực trao trả, tất cả phải để lại trên máy bay...Anh cán bộ Mặt Trận mở đầu.

Tôi cúi đầu nhìn xuống đất cỏ, phân chia lời nói theo các thứ tự để trả lời...Không được mang vũ khí, lại một khó khăn mới. Việt cộng quả hơn người ở điểm sáng tạo, mỗi ngày phải gây thêm một khó khăn. Những đòi hỏi kế tiếp: Trực thăng không được lượn vòng trên phi đạo (?!), Quân Cảnh phải gọi anh trước tên mỗi tù binh. Quân Cảnh không được điếm danh tù khi trao trả (Dù phía mặt trận chưa ký nhận chữ ký cuối cùng ở mỗi danh sách). Những anh Ủy Ban Quốc Tế gật đầu, những anh Bắc Việt gật đầu, những anh mặt trận miền Nam trong Tổ Liên Hợp cũng gật đầu...Trung Tá Tuệ, gã cán bộ tuổi quá ngũ tuần, da xanh bụng ỏng ồ ề

giọng nói đầy những âm thanh đặc thù của vùng quê Bắc Việt. Trung Tá Tuệ, chỉ huy trưởng phi trường Minh Thạnh, người có kiến thức quân sự phi trường ở câu nói: Cứ bảo máy bay C-130 đáp xuống đi, cán bộ phi trường của chúng tôi bảo đáp được...!! Cán bộ “kỹ sư phi trường” Minh Thạnh, một anh mắt toét, răng hô hấp him đôi mắt nhìn ra phi đạo ửng nắng gật gật chiếc đầu xác nhận sự đồng tình góp ý với ông chỉ huy phi trường. Ai bảo chủ nghĩa xã hội vô giai cấp ? Chú Mạ Què quả tình là nhân vật chống cộng hữu hiệu và đứng cõ nhất đối với cộng sản Á Châu.

Máy bay sắp đến, tôi phải chấm dứt màn kịch để bắt đầu công việc. Trung Tá “tư lệnh” phi trường Minh Thạnh bệ vệ lên chiếc xe Jeep mang huy hiệu Nhảy Dù...A! Người cộng sản vẫn biết xỏ xiên lấu cá như ai (vì họ thấy tôi mặc đồ rằn ri nên lấy chiếc Jeep bắt được của Nhảy Dù ra lái).

Cuộc trao trả bắt đầu với những phiên toái bực mình cố hữu. Những bộ áo quần gượng gạo vứt bỏ khỏi thân thể, những hộp trái cây, hộp thịt e dè ném đi, những cánh tay đưa lên hô khẩu hiệu hừng hờ, những ánh mắt lơ lảo, những cái siết tay nồng nàn nhạt thối...Cả một lớp hài kịch bi thảm dằng dặt cũ kỹ được diễn lại trong gượng gạo thảm thương pha lẫn vị khôi hài. Bộ quần áo nâu mới và bọc quần áo (của Việt Nam Cộng Hòa cấp phát) được ném đi để nhận lại một tấm khăn rằn mỏng như vải mùng cùng một bộ áo quần xanh mới nhuộm lem luốc đậm nhạt từng khoảng màu loang lổ. Hài kịch “cách mạng” ném áo quần này không hiểu do rỉ tai nào đã xúi dục vì những cuộc trao trả trong những ngày đầu tiên (12, 13 tháng Hai 1973) tại các địa điểm Lộc Ninh, Thạch Hãn không thấy thực hiện, và chắc chắn không phải do tự ý từ binh, vì hơn ai hết, những người này sau khi được trao trả, họ sẽ không còn dịp nào để có những bộ áo lành lặn, tốt đẹp, chắc chắn như thế này. Bộ quần áo nâu có chữ Tù Binh bắt buộc phải cởi đi nhưng những chiếc quần lót, mùng chần là những vật dụng không thể nào có được nữa. Chẳng phải là lý luận suông nhưng cứ nhìn y phục của đoàn quân “cách mạng” mới biết thế nào là sự thiếu thốn, tàn tệ của quân đội cộng sản, Cộng sản Nam cũng như Bắc. Những bộ áo quần sờn mòn (đây là dịp trọng đại mới đem ra mặc) những chiếc dép vệt đế. Tất cả y phục tội nghiệp nghèo khó đó thật khó hòa hợp với những khuôn mặt kiêu căng đầy vẻ tự mãn trẻ con đến độ buồn cười. Nét kiêu căng của “Nhân dân cách mạng giác ngộ” hiển thân cho Độc Lập, Dân Tộc và Chủ Nghĩa!!! Có một điều gì bất ổn trong cảnh sống của người cộng sản. Loại người đặt căn bản hành động trên hệ thống luận lý biện chứng duy vật nhưng lại hướng đến những tiêu chuẩn tâm linh nhiều hơn ai hết... “Tự do, cộng sản, xã hội, cách mạng” rốt cuộc chỉ là những danh từ trống được bơm vào đó chút say sưa kích thích để xô đẩy cả bao thế hệ vào dòng vận động cuồng tín...Năm 1973, năm của những tiến bộ khoa học tưởng chừng như trong chuyện cổ tích, nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn phải khó khăn đấu tranh với từng mẩu sắn, từng lon gạo, một hai điều thuốc khô, dăm ba chiếc kẹo ngọt trên bước đường đấu tranh thần thánh thực hiện chủ nghĩa xã hội thì quả tình quá tội nghiệp. Cả một đội vận tải trên đường dây “chủ nghĩa xã hội” (đường mòn Hồ chí Minh) phải “hội ý” (hội họp) từ năm giờ chiều đến chín giờ tối để đạt “tiêu chuẩn”, “tiếp thu” năm điều thuốc. Đội vận tải gồm những kỹ sư, bác sĩ, những cán bộ mang quân hàm Trung, Thiếu Tá phải bình nghị, hội họp suốt bốn tiếng đồng hồ để đạt “tiêu chuẩn” phân chia năm điều thuốc Điện Biên. Thế nên cuộc cách mạng vô sản giải phóng miền Nam phải cần nhìn lại mục đích và phương tiện. Phải chăng cách mạng đã là một việc vô ích và quá phí phạm phương tiện. Nhưng phương tiện “người” trong chế độ cộng sản phải chăng là yếu tố không hao mòn, yếu tố không cần phải lý hội.

Tôi không nhìn sự “nghèo” của người cộng sản để bêu, nhưng quan niệm tính chất “nghèo” đó là một ưu điểm cần phải đấu tranh để thực hiện thì không thể nào

chấp nhận được với đầu óc bình thường. Người cộng sản Việt Nam đã thực hiện được gì trong ba mươi năm đấu tranh trên đại dương mệnh mông xác chết, chiếc xe đạp của một cán bộ cao cấp ở Hà Nội, bộ áo quần thô kệch của viên “Tư lệnh phi trường Minh Thạnh”, bữa cơm không có thịt trong suốt mười tám năm của người dân Tuyên Quang miền Bắc, hai điều thuốc lá được viên kỹ sư máy nổ “tiếp thu” trên đường dây chủ nghĩa xã hội như mặt trái của tấm gương phản chiếu những chữ nghĩa rục rờ, nghe xa xăm như một giấc mộng mơ hồ không bao giờ có thật. Tàn tệ như thế, thê thảm như thế, nhưng người tù cộng sản trước giờ trao trả khi bước ra khỏi lồng máy bay, chân bước xuống mặt đất “giải phóng” phải hành động như một lũ người mê man... Tay vỗ vào nhau, mồm cất giọng khàn đặc... “Đoàn kết chúng ta là sức mạnh... Thề chết không hề lui. Giết cho hết loài bán nước...” Giết cho hết loài bán nước thì quá sai với “Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc” mà những người lính cộng sản “Nam Việt Nam” xuất phát từ Trại Xuân Mai, Hà Đông, nói giọng Sơn Tây, Thái Bình đang nhắc đi nhắc lại hoài xem như là phương châm chỉ đạo mới! Bài hát phải được xì xào chỉ thị đình chỉ, để bậm tay nâng cao hoan hô: “Hồ Chủ Tịch muôn năm... Tinh thần chống Mỹ cứu nước bất diệt...” Hồ Chủ Tịch không hề là Chủ Tịch của mặt trận giải phóng miền Nam và “tinh thần chống Mỹ” thì quả tình đã được xóa tan từ lâu. Tôi muốn nhắc họ yếu tố này. Nhưng như một lũ đồng bóng đã bị cốt nhập, đám tù bắt đầu cởi áo quần, ném tay nải... Chiếc quần lót, vật xa xỉ của chế độ cộng sản được ném đi với hối tiếc không dấu được trong ánh mắt để bậm môi, quất mắt, vung tay hô to khẩu hiệu. Sự hận thù dù cần thiết trong cuộc chiến bi thảm cũng đã là một điều tàn nhẫn, huống gì bây giờ (khi tiếng súng tạm ngừng nổ trên văn bản Hiệp Định), nên những khích động căm hờn, những xúi dục phần nộ này mang một nét bạo ngược tàn ác lỗi thời... Anh cảm hóa ai ? Thù hận người nào ? Ai là lũ bán nước ? Ôi nước rách tan không do sự góp tay tích cực của người cộng sản sao ? Căm thù lũ bán nước, giết lũ tham tàn, mùa Thu 1945, mùa Đông 1946, cuối thập niên 50, đầu những năm 60, đã được hát bao nhiêu lần, đã được vỗ tay bao nhiêu lần... Người Pháp, Ông Diệm, chống Mỹ... Bao nhiêu đối tượng đã thay đổi mà nội dung cứ mãi cũ kỹ nhạt nhòa. Thật lạ, có những quy luật sơ đẳng tưởng chỉ như là chuyện đầu môi hóa thành động lực căn bản. Căm thù, thứ gia vị thô thiển độc địa mà người cộng sản thêm vào bữa tiệc máu người Việt Nam không chán ngấy. Cộng sản sẽ là gì khi không còn khích thích tố mê man đó ? Con chó Pavlov không thể nhỏ giọt nước bọt nếu thiếu tiếng chuông khiêu gọi. A! Chỉ mỗi tiếng chuông lạnh đó, chỉ mỗi hai chữ ngắn nhúc nhối kia mà cả một khối người bị chi phối, những người có đủ trí thức, giác quan nhưng đã mất phần nhân bản, người còn xác nhưng lạc hồn, người không phải sống cho người nhưng cho Cách Mạng, cho Tổ Quốc, Hòa Bình, Tiến Bộ, Xã Hội Chủ Nghĩa... Câu hỏi không phải là phản ứng cực đoan của một tinh thần “chống cộng” quá độ. Tôi chỉ muốn tự hỏi sao có những con người quá quy tắc, bị kìm kẹp, huấn luyện đến độ cuồng tín như thế này. Vì được trả tự do, phải có nghĩa là nhảy lên khỏi mặt đất chật hẹp, phải vung tay thật cao để hít cho hết lượng gió mát mệnh mông của trời cao, nhưng những người tù cộng sản không được quyền biểu lộ niềm sung sướng đó, họ phải chứng tỏ “kiên gan, duy trì tinh thần quyết chiến, quyết thắng...”, họ phải biểu lộ “lòng căm thù không suy giảm, trí căm hờn không phai...” Họ phải quên những giờ khắc của năm trước, năm kia khi phải đưa tay đầu hàng trước mũi súng của người lính Việt Nam, phải quên những đối xử nhân đạo sau khi đã trao cây súng, phải quên điều thuốc chân thành được mời hút dù trong vị thế tù binh... Họ phải quên luôn thực tại. Một thân thể chắc cứng khỏe mạnh với lồng ngực nở nang, những bắp thịt ở vai ở lưng cuồng cuộn... Thân thể căng phồng chiếc áo tù binh, hừng hực mùi muối bể và không khí tốt lành của trại giam Phú Quốc, thân thể cường tráng vạm vỡ nổi bật lên

dưới ánh nắng, tương phản cực độ với thứ nước da xanh má, hình vóc còm cõi thiếu hụt của những đồng chí tiếp đón. Người tù cộng sản phải quên hẳn sự thật trên thân thể họ để đứng lên tố cáo: “Chế độ giam giữ hà khắc tàn nhẫn của trại giam Phú Quốc...” Viên Trung Úy Bắc Việt lóng cồng chiếc máy ghi âm để thu lời tố cáo...Nhìn thân thể gầy gò của anh ta dưới chiếc áo đại quân lụng thụng bên cạnh lồng ngực trần cường tráng của gã tù binh khi nghe câu tố cáo “Trại giam đã bỏ đói, hành hạ chúng tôi...” Cùng với sự chăm chú ghi nhận của các sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, tôi nghe trong lòng nổi phần nộ bão bùng dấy lên như giông tố...Sự thật được che đậy và lật ngược trong tráo trở tinh táo, ngang ngược vô liêm sỉ đến tận cùng!!

Vì sự thật không phải chỉ trên thân thể gã tù cộng sản, sự thật còn ở cuối phi đạo cách nơi trả tù cộng sản năm trăm thước, góc rừng hai trăm người lính Việt Nam ngồi im lặng với cặp mắt đứng trông...

- Có chắc trả không Đại Úy, tụi em có được trả không Đại Úy...

- Chắc mà, chiếc trực thăng bay đi thì có chiếc kia lại liền...Tôi đến đây để lãnh các anh em...

- Đại Úy, em...có được trả về mình không...

Cả trăm con người ngồi thì thảo to nhỏ, lo sợ từng tiếng nói, lo sợ từng đầu ngón tay lóng cồng đón điều thuốc do tôi mời, lo sợ ở đôi mắt lạc thần cứ coi chừng mãi “anh cán bộ”...Tôi muốn nói một câu gì thật đủ, tôi muốn làm một việc gì thật mạnh mẽ, muốn ôm lấy hết hai trăm người lính đưa họ ra thẳng trực thăng, bay lên thật nhanh, để tránh khỏi vùng rừng cao su thẳm đặc, những gã cán bộ canh gác làm lì soi mói, nét độc ác ngăm ngăm tràn đầy trên những sợi gân máu đỏ rực...Tôi muốn đẩy đám sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, Gia Nã Đại...đến tận từng người tù để họ thấy lớp da người lở loét ăn sâu xuống phần xương tay, để họ thấy những đôi mắt hủng, chiếc má vàng bủng tương như đọng cứng cả một khối vi trùng độc hại dưới lớp da mỏng tanh vàng bệch...Tôi muốn hét to cho cả khu rừng, cho cả thế giới biết đâu là cường bạo, đâu là sự thật, gã tù nhân Trại Phú Quốc cách xa đây năm trăm thước với lồng ngực vạm vỡ cùng những lời tố cáo như một cái xiên nung đỏ chọc hẳn vào mắt tôi khi nhìn người tù Việt Nam Cộng Hòa không kêu nổi được tiếng “có mặt” loạng choạng run rẩy từng bước một, đi qua chiếc bàn của nhân viên trao trả...Sự thật ở hai thân thể đối cực này nhưng tại sao cả thế giới, cả hàng triệu người trên thế giới vẫn dành riêng những ý niệm tốt đẹp cho người cộng sản, cả những người chân tu, những nhà hiền triết hình như đều nghĩ một chiều, hướng một phía phía cộng sản. Tôi muốn gọi họ đến đây chỉ vào từng đôi mắt người tù để cả nhân loại ngộ nhận tìm được sự thật...Người tù binh đứng dậy, một đày quần sưng nước. Trong cơn chờ đợi thẳng thốt người lính đã đái ra quần!!!!...Không phải vậy, phải nghe lời anh nói: Em sợ tụi nó lắm, tụi nó tàn ác không phải như người đối với nhau... Em sợ xin nó đi tiểu rồi nó giữ lại không trả thì chết mất...Tôi muốn chảy nước mắt, tôi muốn khóc giòng phần nộ...Gã Ba Lan đâu rồi ? Tôi muốn nói cho hẳn ta nghe lời nói, tiếng kêu của người đã ở trại giam cộng sản. Hình như mọi người dấu mặt, hình như mọi người đã đánh mất lương tri, chẳng có ai chụp hình vũng nước tiểu đọng trên nền đất phủ đầy lá, chẳng ai chụp hình hai trăm con người ngồi dật dờ như một đám xác chết chưa tắm liệm, sao không có tên Hung Gia Lợi nào chụp hình người tù Việt Nam ngã quỵ trên phi đạo mồm sùi nước dãi vì thiếu ăn!! Hung Gia Lợi Chúng ta đã dành cho dân tộc này biết bao cảm tình trong những ngày Budapest đổ máu cho tự do. Nhưng hình như những người Hung yêu tự do, sống cho sự thật đã không đến nơi này, chỉ có đến đây những cán bộ cộng sản mang quốc tịch Hung Gia Lợi. Hóa ra người sống cùng người không phải do tương quan của hai chủ thể nhân bản nhưng do chính trị của quốc gia, đảng phái xác định.

Người Hung Gia Lợi phải ủng hộ cộng sản Việt Nam và gây bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ thị đã được học tập, phổ biến thế, nên gã tù Bắc Việt với thân hình lực sĩ lớn tiếng tố cáo chế độ giam giữ hà khắc của Việt Nam Cộng Hòa vẫn hữu lý hơn hình ảnh người tù Việt Nam ngồi lạc thần, không dám tin vào sự thật sắp được trao trả, kiệt sức để không nói lên được hai chữ “có mặt”...Chỉ thị đã ban bố, gã sĩ quan Hung phải xóa bỏ lương tri, phải tự che mắt để không thấy sự kiện, gã chỉ được chụp hình người tù Bắc Việt đưa tay lên hô đã đảo, bỏ qua bàn tay ghẻ lở thấu xương của người tù Việt Nam. Cách vong thân đi đến mức tuyệt hảo khi quan niệm hành xử như thế là đúng với công lý và chân thật!!! Không phải chỉ mỗi Trung Tá Martin thuộc nước Cộng Hòa Nhân Dân Hung Gia Lợi này tin vậy, nhưng hình như toàn thể nhân loại. Những dân tộc tiến bộ và yêu chuộng hòa bình của toàn thể thế giới. Điều mắc phải chứng bạo ngược tâm lý với dân tộc Việt Nam. Phải có một ngày sự thật này hẳn được nhận ra.

VẤN ĐỀ TÙ BINH

Ngày 27.1.1973, Hiệp Định Ba Lê được ký kết, đình chỉ chiến tranh Việt Nam. Hiệp Định gồm có chín chương bao gồm tất cả các điều khoản căn bản để thực hiện ngưng bắn và giải quyết những vấn đề do hòa bình đem đến. Việc trao trả tù binh giữa các bên tham chiến là một nét chính của Hiệp Định, được quy định bởi Chương III, Điều 8, ấn định tổng quát công việc trao trả và một Nghị Định Thư gồm mười bốn điều nhằm qui định nhiệm vụ, chức năng của mỗi bên, đồng thời phác họa một số quy định để các bên làm cơ sở thi hành. Việc trao trả nhân viên quân-dân sự của hai bên miền Nam được thiết lập từ Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư kể trên. Có thể tạm gác vấn đề trao trả những tù binh quân sự Hoa Kỳ và các nước ngoài (Những nước tham chiến trong khuôn khổ quân viện của thế giới tự do giúp Việt Nam Cộng Hòa), thường dân Hoa Kỳ và các nước ngoài do Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và mặt trận giải phóng bắt giữ và trao trả. Chủ điểm chính của hai bài viết là vấn đề những tù binh Quân-Dân sự của hai bên miền Nam Việt Nam mà Điều 8 (a+c) đề cập, cũng như Điều 1 và 7 Nghị Định Thư ấn định trên những nguyên tắc căn bản để giải quyết.

Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư về trao trả tuy trên hình thức đã ấn định một số điều khoản cần thiết để trao trả, có thể thực hiện được với một mức độ hiệu quả, nhưng không khí chung của toàn thể những bản nội dung trên lại đặt căn bản trên một tính chất mơ hồ và uyển chuyển “tinh thần nhất trí hòa hợp hòa giải giữa các phe lâm chiến” cụ thể là “tính chất hòa giải trong tinh thần dân tộc của hai phe miền Nam”. Một bản văn chính trị đặt cơ sở trên tính chất tâm lý khởi đầu đã tạo nên một không khí không mạch lạc, đứt khoát, vì vậy các bên ký kết có thể nhìn lờ lẩn dưới nhiều quan điểm khác chiều, đôi khi đối nghịch. Trong tính chất tổng quát đó Điều 8 Hiệp Định cũng như Nghị Định Thư về trao trả đã vô tình (và cố ý) bỏ qua sự kiện: Có những quân nhân và nhân viên dân sự Việt Nam Cộng Hòa bị các lực lượng chính qui của quân đội Bắc Việt bắt và giam giữ, những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở ngoài lãnh thổ miền Nam Việt Nam và những thường dân Việt Nam bị bắt bởi lực lượng cộng sản trong suốt thời gian từ khi phát khởi cuộc đấu tranh tại miền Nam từ những ngày đất nước phân ly (20.7.1954). Tuy Điều 1 và 7 của Nghị Định Thư đã nói tổng quát đến vấn đề toàn thể nhân viên quân sự và dân sự của hai bên miền Nam bị bắt giữ trong chiến tranh phải được hoàn toàn trao trả hết, ấn định một thời lượng cơ bản để hoàn tất công tác này, 60 ngày, để trả hết tù quân sự, 90 ngày để trả tù dân sự trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc cho những người ở cả hai phe hiện bị giam giữ ở các trại giam bên này hoặc bên kia. Nhưng Điều 1 và 7 Nghị Định Thư chỉ mới là cái khung cần thiết chứ chưa phải là

điều kiện đủ để giải quyết thỏa đáng vấn đề tù binh Việt Nam, Điều 1 Nghị Định Thư chỉ kể ra: Tất cả Nhân Viên Quân Sự Việt Nam bị bắt, thuộc các lực lượng vũ trang chính qui hoặc không chính qui sẽ được trao trả cho hai bên miền Nam Việt Nam, những người nào phục vụ dưới sự chỉ huy của bên miền Nam Việt Nam nào thì sẽ được trao trả cho bên miền Nam Việt Nam đó. Vấn đề cơ bản đã có kể hờ ở đây. Những tù binh của quân đội miền Bắc sẽ được giải quyết ổn thỏa khi Việt Nam Cộng Hòa trao họ cho lực lượng vũ trang giải phóng, những xáo trộn về địa bàn hoạt động của những tù binh này sẽ được giải quyết ổn thỏa cho dù các đơn vị tiếp nhận có trực thuộc vào Cục R (trung ương cục miền Nam), đường lối chỉ đạo chính trị vẫn phát xuất từ bộ chính trị đảng lao động miền Bắc, nên khi tù binh quân sự cộng sản vốn là lính của sư đoàn 324B Bắc Việt được trao trả tại Lộc Ninh do nhân viên tiếp nhận của mặt trận giải phóng đề cử vẫn có được cơ sở tinh thần để tiếp tục công tác trong lòng đơn vị mới. Kể hờ nguy hiểm nhất của điều 1 Nghị Định Thư giương lên về phía Việt Nam Cộng Hòa vì điều 1 này đã không đề cập với mực độ chính xác tối thiểu đến những Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa bị bắt bởi các đơn vị chính quy miền Bắc, những người bị giam giữ ở trong các trại giam Bắc Việt, Lào, Kampuchia. Kể hờ cũng chính là lý hướng nguy hiểm nhất của Hiệp Định: Ngụy trang hay không đề cập đến sự tham chiến của lực lượng quân sự chính qui miền Bắc tại chiến trường miền Nam. Trong tinh thần này, câu "Sinh Bắc Tử Nam" không chỉ là khẩu hiệu tác động tinh thần nhưng là một ý niệm chiến lược chỉ đạo mà đảng cộng sản miền Bắc quyết tâm thực hiện.

Nghị Định Thư cũng có kể hờ khác ở Điều 7, khi không xác định rõ rệt và dứt khoát những thường dân Việt Nam Cộng Hòa bị bắt trong thời gian dài của mười chín năm chiến tranh. "Tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc" được nhắc lại trong Điều 7 này không đủ khả năng để giải quyết tình trạng bi thiết mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu trong cuộc chiến cục bộ của hai ý hệ đối nghịch. Con số 67.501 thường dân và Cán Bộ của Việt Nam Cộng Hòa bị bắt từ năm 1954-1.1975 phải là một con số có thực mà ý niệm hòa giải của Điều 7 này không làm sao bao gồm được, mặt trận giải phóng đã đeo cứng vào những kể hờ để xóa bỏ những thực tế bi thảm này.

TÙ BINH VÀ HÒA BÌNH-DIỄN TIẾN

Ngày 27.1.1973 là ngày bắt đầu thi hành những biện pháp cụ thể tích cực tái lập hòa bình, Hoa Kỳ đình chỉ oanh tạc khắp lãnh thổ Việt Nam các phe lâm chiến ở miền Nam đình chỉ các cuộc hành quân, ở nguyên tại vị trí, cùng ngày tại Ba Lê, Việt Nam Cộng Hòa trao cho mặt trận giải phóng danh sách 4.285 người. Đại diện mặt trận giải phóng khi trao danh sách đã đưa ý kiến sẽ bổ túc thêm danh sách để tỏ thiện chí, cụ thể hóa tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Phiên họp đầu tiên của Tiểu Ban Tù Binh Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên ở Sài Gòn nhóm vào ngày 3.2.1973. Vấn đề trao trả tù binh theo danh sách trên bắt đầu đặt lên bàn hội nghị.

Trong thời gian 60 ngày (kể từ 28.1.1973) theo Điều 8a Hiệp Định và 4a Nghị Định Thư về trao trả, Tiểu Ban Tù Binh 4 Bên đã nhóm họp tất cả 50 phiên để hoàn tất việc trao trả 26.508 nhân viên quân sự mặt trận giải phóng, 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ các nước ngoài và 4.956 nhân viên quân sự Việt Nam Cộng Hòa trong bốn đợt. Bốn đợt trao trả đã được bốn bên thực hiện như sau:

Việt Nam Cộng Hòa trả 26.508 người ở bốn địa điểm: Lộc Ninh (Bình Long), Minh Thạnh (Bình Long), Bắc Sông Thạch Hãn (Quảng Trị) và Bồng Sơn (Bình Định).

Việt Nam Cộng Hòa nhận 1.956 người ở bảy địa điểm: Lộc Ninh, Quảng Trị, Minh Thạnh, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Bồng Sơn (Bình Định), Đức Phổ (Quảng Ngãi), Tam

Kỳ. Riêng địa điểm Đức Nghiệp (Pleiku) tuy đã thám sát ba lần nhưng 410 Nhân Viên Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa hiện tại ở địa điểm này vẫn chưa được trao trả, phải đợi đến hơn một năm sau, mặt trận mới được trả làm ba đợt kéo dài trong một tháng từ 8.2.74 đến 7.3.74 với tỷ lệ thiếu là 31/410.

Mặt trận giải phóng và Bắc Việt trả 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ và thường dân các nước ngoài tại hai địa điểm Lộc Ninh và Gia Lâm (Hà Nội). Trong số này có một binh sĩ Đại Hàn được trả tại Đức Phổ (Quảng Ngãi) và hai lính Thái Lan tại Gia Lâm.

Tổng cộng hai bên miền Nam đã sử dụng tất cả bảy địa điểm để trao trả và tiếp nhận số Nhân Viên Quân Sự mỗi bên trong thời hạn do Hiệp Định đề ra. Ngày 28.3.73, chấm dứt thời hạn sáu mươi ngày của Nghị Định Thư. Vấn đề tù binh quân sự được tạm kết thúc với 26.508 nhân viên quân sự mặt trận giải phóng được trao trả và 4.956 Nhân Viên Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa, vấn đề còn lại có hai điểm cụ thể: 410 người ở Đức Nghiệp chưa được trao trả và 210 phía mặt trận hồi chánh ở Biên Hòa và hai mươi tám người tìm tự do phía Việt Nam Cộng Hòa chưa được hợp thức hóa đúng thủ tục trao trả (Theo quan điểm phía cộng sản). Ngoài ra, một số lớn Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa hiện còn bị giam giữ cũng là một mối quan tâm lớn mà Tiểu Ban Tù Binh Việt Nam Cộng Hòa phải cố gắng thuyết phục để phía cộng sản chấp thuận bổ sung. Vấn đề nhân viên quân sự này đã kéo dài quá thời hạn sáu mươi ngày, lan qua thời hạn chín mươi ngày quy định cho vấn đề nhân viên dân sự, và kéo dài cho đến ngày 3.1.74 (Ngày mặt trận trả đợt chót của 410 người ở Đức Nghiệp) mới tạm coi giải quyết xong.

Theo tinh thần Điều 7b Nghị Định Thư trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày ký kết 27.1.73 hai bên phải phổ biến danh sách nhân viên dân sự mà hai bên giam giữ và phải hoàn tất trong vòng 90 ngày kể từ ngày 27.1.1973 việc trao trả toàn bộ số nhân viên dân sự được thông báo. Để thi hành đúng đắn điều khoản trên, phía Việt Nam Cộng Hòa trong phiên họp ngày 12.2.1973 đã mang sẵn danh sách đầy đủ 5081 nhân viên dân sự mặt trận giải phóng để trao đổi, đổi lại phía mặt trận dự định chuyển giao một danh sách chỉ vỏn vẹn 140 người. Việt Nam Cộng Hòa không thể chấp thuận con số này nên cuộc trao đổi bất thành. 140 người, một số lượng quá ít ỏi so với 67.501 nhân viên dân sự và thường dân Việt Nam Cộng Hòa đã bị bắt trong khoảng thời gian 1954-1973. 67.501 người có đủ chi tiết hộ tịch, các trường hợp bị bắt, ngày tháng, nơi bị bắt được tu chỉnh đầy đủ chi tiết. Trước đòi hỏi hợp lý của Việt Nam Cộng Hòa với danh sách chính xác, mặt trận không thể muối mặt ngoan cố hơn được đành phải bổ sung vào số lượng 140 bằng những con số kế tiếp: 60, 200, 28 và 209...tổng cộng tính đến ngày 2.4.1973, mặt trận giải phóng công bố một danh sách 637 người và xác định: Đây là con số cuối cùng, nếu có bổ sung thêm thì cũng chỉ có được với một, hai người đầu đó mà họ chưa kiểm kê chính xác được. Con số 637 người vẫn còn là một cách xa không bù so với tổng số 67.501, nên Việt Nam Cộng Hòa một mặt vẫn đòi hỏi mặt trận bổ sung đến một con số thỏa đáng, một mặt để tỏ thiện chí, tôn trọng thời hạn do Nghị Định Thư đề cập, nên đã thiết lập một kế hoạch trao trả bắt đầu vào ngày 28.4.1973 để thăm dò thiện chí của phía cộng sản. Kế hoạch dự trù trả 750 người cho mặt trận tại Lộc Ninh và Bắc Sông Thạch Hãn từ 28.4.73 đến 11.5.73, đồng thời nhận về 385 người ở ba địa điểm Lộc Ninh, Quảng Trị, Bình Định. Nhưng đúng như dự kiến của Việt Nam Cộng Hòa, đối phương đã gài vào số lượng 385 người được trao trả này 128 Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa, một tỷ lệ vô lý vi phạm trầm trọng yếu tố chính của tinh thần trao trả: Trao trả nhân viên dân sự giữa hai bên miền Nam.

Trước sự trá trờ này cùng những thủ đoạn xảo trá tại các địa điểm trao trả nhằm mục đích ngăn chặn người muốn tìm tự do về phía Việt Nam Cộng Hòa, diễn

hình trong cuộc trao trả ngày 9.5.73 tại Quảng Trị khi 10 trong 25 người của danh sách thứ nhất phát biểu nguyện vọng tìm tự do, cán bộ mặt trận tại địa điểm Bắc Thạch Hãn đã trở mặt đòi hợp thức hóa những người này ngay ở cuối đợt trao trả danh sách thứ nhất này. Trái với thủ tục phát biểu nguyện vọng đã thỏa thuận trên nguyên tắc ở Ban Liên Hiệp Quân Sự 2 Bên Trung Ương. Sự kiện đã làm trì hoãn việc trao trả cho đến ngày 11.5.73. Vì những lý do xác đáng này, Việt Nam Cộng Hòa tạm thời đình chỉ công tác để kiện toàn lại thủ tục hầu có một bản văn làm căn bản để có thể thi hành ở tất cả mọi địa điểm trao trả hoặc tiếp nhận.

Ngày 13.6.73, Thông Cáo Chung Ba Lê được ký kết để tìm một giải pháp tích cực và cụ thể hơn cho việc thi hành Hiệp Định ngưng bắn, vấn đề trao trả nhân viên quân sự và dân sự cũng được đề cập chặt chẽ bởi Điều 8 của Thông Cáo Chung này và một số thời lượng chính xác khác lại được nêu ra làm mốc để việc trao trả phải được hoàn tất nhanh chóng: Vấn đề nhân viên quân sự phải được giải quyết trong 30 ngày, nhân viên dân sự trong 45 ngày kể từ 13.6.

Nhưng Thông Cáo Chung cũng như Hiệp Định ngưng bắn, dù với những điều khoản thiện ý cùng các qui định chặt chẽ tới đâu cũng không thể thực hiện được vì tính ngoan cố căn bản của phía cộng sản, hướng gì ngay trong căn bản, Hiệp Định đã vô tình hay hữu ý có những kẽ hở trầm trọng to lớn, và mặt trận núp sau đó, làm nơi trú ẩn tránh né sức công phá do đòi hỏi hợp lý cụ thể của phía Việt Nam Cộng Hòa. Thế nên số lượng nhỏ nhoi 637 cần được phía mặt trận kiên trì giữ vững với lập luận:

- Chúng tôi chỉ có chừng đó và kế hoạch trao trả cho quý vị chỉ có được với số còn lại của 637 (385 người đã trả ở Quảng Trị, Lộc Ninh, Bình Định).

Một lần nữa để tỏ rõ cùng thế giới lòng tha thiết muốn thực hiện hòa bình bằng những biện pháp tích cực nhất, Việt Nam Cộng Hòa lại khởi đầu lập ra một kế hoạch trao trả khác kể từ 23.7.73 đến 28.8.73 để trả hết số nhân viên dân sự mặt trận giải phóng còn lại của 5.081 (750 đã trả theo kế hoạch ngày 28.4 và 11.5 tại hai địa điểm Lộc Ninh và Thiện Ngôn) đồng thời thu nhận 410 Nhân Viên Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa ở Đức Nghiệp và 252 dân sự. Kế hoạch này không thực hiện.

Trước Tết Giáp Dần, phía Việt Nam Cộng Hòa muốn khai thông vấn đề trao trả với hy vọng cuộc trao trả sẽ tiến hành và kết thúc trước Tết. Nhưng hai bên đã nhìn vấn đề theo hai quan điểm đối cực. Phía Việt Nam muốn đặt vấn đề trong khung cảnh toàn bộ, muốn giải quyết toàn thể tù binh (gồm số tù đã được thông báo nhưng chưa trả hết và Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở Hạ Lào, Kampuchia, Mậu Thân, và tổng số Nhân Viên Dân Sự bị bắt cóc từ 1954 hay trở về trước nữa...) Trái lại, phía mặt trận chỉ muốn tiếp tục lại kế hoạch bị bỏ dở từ tháng 7.1973, họ quan niệm kế hoạch này là toàn bộ vấn đề tù binh, trả hết số tù binh này là kết thúc. Vấn đề Tù Binh (nếu gọi là còn) tức là số 200.000 nhân viên dân sự và tù chính trị thuộc lực lượng thứ ba hiện Việt Nam Cộng Hòa đang giam giữ (!), theo quan điểm của họ 410 Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa và 252 Nhân Viên Dân Sự là những "con số thực tế" cuối cùng! Thật gọn, ai bảo người cộng sản không biết khôi hài, quả tình họ khôi hài độc địa và thâm hiểm hơn bất kỳ loại khôi hài đen nào.

Tết Giáp Dần đi qua, kế hoạch không được thực hiện, mãi tới ngày 8.2.74 một cuộc trao trả mới được bắt đầu để kết thúc vào ngày 7.3.74. Cuối cùng Việt Nam Cộng Hòa trao trả đủ số 5081 nhân viên dân sự thêm 76 nhân viên quân sự cho mặt trận, nhận về 410 người ở Đức Nghiệp (với số thiếu là 31/410) và tỷ lệ thiếu về nhân viên dân sự là 12%... Một cuộc chiến tranh ý hệ dài dằng dặc được kết thúc với con số 252 còn lại của tổng số 637 người dân, Nhân Viên Dân Chính bị bắt.

NHỮNG CON SỐ ĐAU ĐỚN

Theo Điều 8a của Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam, trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký kết 27.1.1973 những phe tham chiến tại Việt Nam sẽ trao trả hết số tù quân sự và thường dân nước ngoài hiện đang bị giam giữ, đồng thời phải trao đổi ngay danh sách đầy đủ về số tù nhân này trong ngày ký kết.

Vấn đề tù binh dân sự Việt Nam được qui định giải quyết trong một thời gian 90 ngày đặt căn bản trên Điều 21 (của Hòa Ước Genève (Điều khoản này định nghĩa: Nhân viên dân sự bị bắt là người đã tham gia vào cuộc đấu tranh vũ trang hoặc chính trị tại một bên ở Việt Nam mà bị bên kia bắt giữ. Cuộc tham gia này có thể là dưới nhiều hình thức miễn không là ở cương vị người lính.

Vấn đề cụ thể và đau đớn của cuộc chiến, một cuộc chiến khốc liệt cao điểm của phương thức chiến tranh giải phóng, cuộc chiến tinh quái độc hại rồi rấm nhất của nhân loại được giải quyết bởi 11 giòng gồm 195 chữ của Điều 8 Hiệp Định và bốn trang của Nghị Định Thư gói ghém toàn bộ cách thức giải quyết. Trên cơ sở mong manh hăm hồ nhiều cam bẫy này, vấn đề tù binh dân sự được giải quyết với sự thiệt hại nghiêng dần về phía Việt Nam Cộng Hòa. Phải viết đủ bốn chữ như thế để phân biệt với "hai" thứ Việt Nam kia, những người Việt no say hưởng bữa tiệc rượu máu của những người Việt đang bị giam giữ: Những Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa.

Trong những ngày soạn thảo văn bản Hiệp Định và các Nghị Định Thư, không hiểu những người có nhiệm vụ bớt từng chữ, từng câu khi cố tình loại bỏ sự có mặt của quân đội Bắc Việt, của "nước" Bắc Việt để che dấu những thỏa thuận biến lộn, thâm độc chính trị, có nghĩ rằng họ đang sửa soạn một bữa tiệc máu: Máu những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị quân đội Bắc Việt bắt giữ khi giao tranh. Vì Điều 1 và 2 Nghị Định Thư Tù Binh không có phân biệt rõ ràng để xác định có bao nhiêu loại tù binh, nên dù cố gắng soi sáng bằng tất cả mọi góc cạnh tỉ mỉ mười bốn hàng chữ của hai điều khoản đó, ta cũng chỉ nhận được có bốn loại tù binh: Tù binh Hoa Kỳ và Quân Đội nước ngoài (Những nước đã tham chiến giúp Việt Nam Cộng Hòa), thường dân nước ngoài thuộc quốc tịch Hoa Kỳ hay của bất cứ nước nào khác (Phi, Úc, Nhật...) và hai loại tù Dân-Quân Sự của miền Nam Việt Nam: Tù do Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và tù của mặt trận giải phóng!! Không có một giòng chữ nào gọi đến những người lính chính qui đã phát xuất từ Bắc Việt theo đường mòn Hồ Chí Minh vào tham chiến tại mặt trận B2 (Trị Thiên), B3 (Ba biên giới)...Không có một chữ, nghĩa dù mơ hồ để chỉ những tù nhân quân sự bị bắt tại trận địa, mình xâm câu "Sinh Bắc Tử Nam", trả lời thẳng thắn: "Tôi thuộc sư đoàn 304B do Thượng Tá Nguyễn Sơn chỉ huy, đơn vị thành lập năm 1965 tại Thanh Hóa, xâm nhập miền Nam ngày 9.10.1967, tham chiến tại Khe Sanh kể từ ngày 19.1.1968..." Không có một giòng chữ để chỉ loại tù này: Những người lính đi B (đi Nam) và lẽ tất nhiên cũng không có chữ nghĩa vô ích để gọi đến cái sư đoàn 304B kia! Kinh khiếp thật, cả thế giới a tòng cùng quân cướp, trong đó có những người được nổi tiếng vì hoạt động cho hòa bình!! Và thê thảm hơn cả, đau đớn hơn cả, hệ luận tất nhiên của hai điều khoản trên ắt phải xảy ra: Không có Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa bị bắt bởi quân đội Bắc Việt... Tóm lại: Chiến dịch Hạ Lào (2.1971), chiến dịch đánh vào hậu cần Cục R trên đất Miên (5.1970), rõ rệt nhất là cuộc tổng công kích vào miền Nam trong Tết Mậu Thân, và mới mẻ hơn hết: Cuộc đại chiến Mùa Hè 1972, những cuộc giết người vĩ đại được hợp thức hóa thành chiến tranh cục bộ do phong trào "Nhân dân miền Nam giác ngộ yêu nước chủ động hoặc do Nhân dân Khmer và Pathet Lào kiên cường chống xâm lược..." Người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt trong các trận chiến này bị hư vô hóa, vô hiệu hóa và vô tính hóa. Không có loại tù binh đó trong Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam. Vấn đề tù binh sẽ được giải

quyết trên căn bản “Hòa hợp, hòa giải dân tộc, chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và để người tù đoàn tụ với gia đình...” Cả thế giới hoan nghinh tinh thần đẹp đẽ và điều khoản nhân đạo của Hiệp Định...Người tù Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa, anh ở đâu ? Cả thế giới đồng lòng xóa bỏ sự hiện diện đau đớn bị trắng này. Thế Giới, Nhân Loại, trong khi ngửa cổ uống ly rượu “ý thức hòa bình tiến bộ” có nghĩ đến những người lính miền Nam đang bị cùm chân ở núi rừng Cao Bắc Lạng. Người Tù rớt khỏi trò chơi Hòa Bình.

Đề trao đổi với Việt Nam Cộng Hòa khi bên này công bố bằng danh sách tù quân sự 26.750 người của mặt trận giải phóng bị giam giữ. Trong danh sách 26.750 tù binh cộng sản, Việt Nam Cộng Hòa liệt kê các thành phần: Quân đội chính qui Bắc Việt xâm nhập, lực lượng hồi kết (Thuộc các đơn vị ở Trung và Nam Việt Nam tập kết ra Bắc sau Hiệp Định Genève 1954 và xâm nhập về Nam từ 1959 trở đi...), đơn vị chính qui và du kích thuộc mặt trận. Đối lại, mặt trận chỉ ghi chú số 5.018 người là do quân giải phóng bắt giữ được trong mười năm chiến tranh. Cộng sản chỉ dự trù trao trả cho Việt Nam Cộng Hòa những tù binh phần lớn bị bắt trong năm 1972, một số ít của những năm 68, 69, 70, 71...Tù binh trước năm 68 không hề được đề cập và liệt kê vào danh sách. Thâm hiểm hơn hết họ không trao trả số Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa đã bị bắt trong các cuộc hành quân vượt biên với lý luận đây là tù binh của Phathet Lào và của Khmer Đỏ.

Phía Việt Nam Cộng Hòa không thể nào chấp nhận danh sách 5.018 người kia trả là tổng số thực tế của mười năm dài chiến trận. Không thể chấp nhận này vì sẽ phạm tội đồng lõa khi gọi số lượng nhỏ kia là con số thực tế. Sau cuộc trao trả, khi so sánh danh sách 5.018 người được trao trả này với danh sách đã phổ biến tại Ba Lê người ta thấy ngay được con số lớn chênh lệch: 29 Sĩ Quan, 1033 Binh Sĩ và Hạ Sĩ Quan (Có tên trong danh sách 5.081 phổ biến ở Ba Lê) nhưng không được trao trả. Sự kiện có thể hiểu theo hai cách: Vì có 29 Sĩ Quan và 1033 Hạ Sĩ Quan, Binh Sĩ trong danh sách này đã chết nên bây giờ phía cộng sản thế vào bằng một số người khác, hoặc 29 Sĩ Quan và 1033 Binh Sĩ sau này tuy không được liệt kê vào danh sách Ba Lê như dự trù nhưng vì danh sách thiếu hụt số lượng người trao trả nên họ bù vào cho đủ số. Tất cả hai luận lý đều có chung một kết luận: “Còn rất nhiều Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa hiện đang còn bị giam giữ trong lao tù cộng sản”. Như dẫn chứng sau đây, Tiểu Đoàn 101 Pháo Binh đóng tại Gio Linh, tháng 3.1972, Bắc quân mở đầu đại chiến Mùa Hè, Căn Cứ Hỏa Lực của Tiểu Đoàn này bị tràn ngập, Trung Úy Thành bị bắt và đem giam tại Bắc Việt. Một bức ảnh chụp tù nhân Việt Nam Cộng Hòa tại miền Bắc trong đó có Thành được đăng lên báo Đoàn Kết (Bắc Việt) và phổ biến tại Ba Lê. Gia đình cũng nhận được lời nhắn tin của Thành qua đài Hà Nội. Sự kiện về Trung Úy Thành rõ ràng cụ thể không che lấp, dấu diếm nhưng chắc rằng Thành đã có hành động chống đối, lời nói bất phục nên Thành không được trao trả. Tất cả bằng chứng về Thành được đưa ra ở bàn hội nghị của Ban Liên Hiệp Quân Sự. Phe mặt trận “ghi nhận” chi tiết và đi qua trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc”...

Trường hợp của Thành chỉ là một ví dụ điển hình, cụ thể, của hàng ngàn người hiện còn bị giam giữ trong sáu mươi trại giam rải rác khắp ba lãnh thổ Việt, Miên, Lào, trong đó những trại giam miền Bắc Việt Nam được ghi nhận chính xác là mười hai trại. Trong mười hai trại ở Bắc Việt có trại T2 (thành lập vào khoảng tháng 4.71 sau chiến dịch Hạ Lào hai tháng) đặt tại vùng hai xã Việt Hồng, Việt Cường huyện Trấn Yên Tỉnh Yên Bái, trong trại này có những Quân Nhân Việt Nam bị bắt ở chiến dịch Hạ Lào, những sĩ quan như Đại Tá Nguyễn Văn Thọ Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Dù, Thiếu Tá Trần Văn Đức Sĩ Quan Ban 3, Thiếu Tá Phương. Đại Úy Thương, những Sĩ Quan Pháo Binh của Tiểu Đoàn 3 Pháo, đơn vị trấn giữ Đồi 31.

Những con người có thật đã nói ở đài Hà Nội, bị giam ở những trại đã được kiểm chứng, do lời tiết lộ của những người vừa được trao trả, do cung cấp của những hồi chánh viên có nhiệm vụ quản lý trại...Những tài liệu chính xác, những dẫn chứng cụ thể, những lời nói được thu băng...Tất cả trở nên vô hiệu, vô ích trước cộng sản. Phía mặt trận giải phóng lý luận: Những sĩ quan như Đại Tá Thọ, Thiếu Tá Phương, Đức...Như quý vị vừa nêu ra, chúng tôi xin ghi nhận, nhưng chúng tôi xin thông báo trước: Những nhân viên quân sự đó không thuộc quyền “quản lý” của chúng tôi, họ tham chiến tại Nam Lào bị lực lượng Pathet Lào bắt được, chúng tôi chỉ vì “tình đồng bào” (!) lòng nhân đạo, sẽ “quan hệ” với lực lượng Pathet Lào để thả các anh em đó ra vì dù sao họ cũng là người Việt Nam (!!).

Khõe ru, mặt trận giải phóng, Bắc Việt ung dung thông qua vấn đề, vì Hiệp Định, Nghị Định Thư không nói đến loại tù này...Quân Bắc Việt không tham chiến ở Lào, ở Nam Việt Nam. Tóm lại, lãnh thổ và chính quyền đó đứng ngoài cuộc chiến tranh. Quá đỗi và đau đớn quá, nhiều cái mồm hét lớn hoan hô hòa bình, hoan hô thiện chí...Có nhiều nguyên do gây nên chiến tranh, gây nên tội ác. Danh từ là một trong những nguyên nhân chính yếu. Cộng sản, những người chiến đấu vì danh từ và dùng nó để che dấu vết giết người. Rất nhiều người không thấy rõ mặt cộng sản sau những danh từ: Hòa Bình, Hòa Hợp, Hòa Giải...Tạm gác vấn đề tù quân sự lại, phương thức giải quyết sẽ vô cùng khó khăn khi va mặt với bức tường đá cộng sản. Chúng ta đi tiếp vấn đề. Tù dân sự, khuôn mặt bị thảm thứ hai của vấn đề tù binh. Sau ngày 27.1.1973 Phủ Tổng Ủy Dân Vận phổ biến một tập danh sách tổng kết số thường dân và cán bộ dân sự bị cộng sản bắt cóc kể từ 1954. Tổng số là 67.501 người, gồm 50.747 thường dân và 16.754 cán bộ. Con số tuy lớn nhưng vẫn là con số chính xác căn cứ vào những chi tiết cụ thể đã được kiểm chứng kỹ. Ngoài ra còn có một số lớn thường dân ở những vùng hẻo lánh bị bắt cóc mà chính quyền không kiểm kê được. Đối diện với số người to lớn có đủ dẫn chứng về tên họ, gia cảnh, sinh quán, chức vụ, ngày và nơi bị bắt, người cộng sản tỉnh táo trả lời đến độ ngang ngược: Năm 1959, Phong trào nhân dân vũ trang giải phóng mới được phát động, ngày 20.12.1960, mặt trận giải phóng mới chính thức thành lập...Vậy thật vô lý khi bảo mặt trận đã tham dự vào công việc bắt cóc thường dân và Cán Bộ Việt Nam Cộng Hòa trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1960!! Được đã, đám cán bộ trong bàn hội nghị tiếp tục: Kể từ năm 1960 trở về sau này, quả tình mặt trận có bắt giữ một số Cán Bộ, những người dân không “giác ngộ”, những người dân không có “ý thức cách mạng tiến bộ...”, nhưng vì chính sách của mặt trận là cải tạo, giáo dục và không...giam giữ, nên số người này sau một thời gian học tập đã giác ngộ (!!). Mặt Trận đã thả họ về nhà hoặc để họ “tự động” tham gia vào phong trào nhân dân vũ trang yêu nước (!!?). Cuối cùng để chứng tỏ thiện chí và tinh thần tôn trọng Hiệp Định và Nghị Định Thư, chính phủ lâm thời trao cho Việt Nam Cộng Hòa một danh sách 140 người hiện bị mặt trận giam giữ để chứng tỏ lòng yêu chuộng hòa bình. Mặt trận luôn sẽ cố gắng bổ sung thêm nếu có!!

Thật quái đản, không có sự ngang ngược nào hơn thế nữa, cuộc chiến dài giữa hai ý hệ đối nghịch trong thời gian dài mù mịt chỉ có được 140 người tù dân sự. Và đúng như danh từ “cải tạo, giải phóng” mà cộng sản gán vào cho những người thường dân, cán bộ dân chính Việt Nam Cộng Hòa, cũng thật đúng nữa khi họ bảo không có chế độ giam giữ. Vì họ đã giết, giết rất nhiều cán bộ hành chánh và thường dân vô tội. Nhân loại thế giới khi vỗ tay ca ngợi lũ người xanh mặt búng từ mặt khu đi hội Ba Lê vì “thiện ý hòa bình” hãy hiểu rõ họ đang cổ vũ tán thưởng “những kẻ giết người”. Những đao phủ thâm ác và nhiệt tâm từ ý thức giác ngộ cách mạng, được gây hứng khởi bởi máu xương của người dân miền Nam nước Việt. Người dân Huế chết trong Tết Mậu Thân, người Quảng Trị trên chín cây số xác người của

“Đại Lộ Kinh Hoàng”, người Bình Long ngã gục dọc đường số 13...Chủ nghĩa siêu nhân của Nietzsche gây cơn hứng giết người cho dân tộc Đức, giáo điều Mao Trạch Đông giúp Vệ Binh Đỏ xuống tay quá độ không ngần ngại...Và ở Việt Nam, nơi đầy sâu tai ương khốn nạn, thứ Marxisme thô sơ được biến thể và cập nhật hóa bởi đầu óc ngoại hạng họ Hồ giúp đám cán bộ đảng lao động giết người vô tội trong tận cùng thỏa thuê với ý thức giác ngộ sáng suốt...Kinh tởm quá, hậu bán Thế Kỷ 20 vẫn còn số đông nhân loại mang chứng bạo ngược tinh thần để a tòng cùng kẻ sát nhân qua máu xương người Việt thụ nạn.

Cuối cùng, phe cộng sản tỉnh táo kết luận như trên, dù khi phía Việt Nam Cộng Hòa công bố chi tiết về Trại Ba Sao ở Nam Hà (Nam Định và Hà Nam) trong số có các ông Bảo Lộc, Phó Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, Nguyễn Văn Đãi Ủy Viên Chính Phủ Vùng I, Hà Thúc Tứ Trưởng Ty Hỏa Xa Đà Nẵng, Nguyễn Đình Bá sinh viên và nữ ký giả Nguyễn Thụy An. Và cụ thể nhất là trường hợp của Bác Sĩ Nguyễn Đệ Trưởng Ty Y Tế Bồng Sơn bị cộng sản bắt trong tháng 5.1972, đã bị khám phá bởi ký giả báo Ashahi Shinbul. Báo này viết: “Trường hợp của Bác Sĩ Đệ bị bắt ép phải ở lại, là một vết nhơ của vùng giải phóng...” Những người này không có tên trong danh sách 637 người bỏ tù.

Ngày 12 tháng 2.73, cuộc trao trả tù bắt đầu, Bắc Việt trả tù ở Gia Lâm, Việt Nam Cộng Hòa trả ở Thạch Hãn, mặt trận giải phóng trả tù ở Lộc Ninh. Cuộc trả tù ở Gia Lâm diễn tiến tốt đẹp. Hà Nội còn trả thêm một Trung Tá vì mẹ ông này bệnh. Tại Quảng Trị phía Việt Nam Cộng Hòa đem tù đến bờ Nam Sông Thạch Hãn, toán cán bộ gốc Bắc Việt ở bên kia sông chưa kịp chuẩn bị vì thiếu phối hợp, nên từ chối tiếp nhận. Tại Lộc Ninh, mặt trận chơi trò ma giáo, hẹn trả lúc 8 giờ 30, mãi đến chiều tối mới trao trả. Ông Tướng Woodward phản pháo lập tức bằng một kháng thư gửi đến Chủ tịch Ủy Ban Quốc Tế và một văn thư cảnh cáo Trưởng Trà với xác định: Việc trao trả của Quân Nhân Hoa Kỳ chỉ liên hệ trực tiếp với việc rút quân của Hoa Kỳ. Việc rút quân này diễn tiến theo đúng thời hạn ấn định, không có lý do nào để giải thích những trì hoãn tương tự...

Tháng 2, 3 năm 73 qua hết, 556 tù Quân Sự Mỹ được hoàn tất đúng boong kỳ hạn, cả hai anh Bắc Việt và mặt trận sau hai lần thử gió người Mỹ, đã phải de lui vì phe này nắm trong tay nhiều sức mạnh để quyết định...Chúng tôi không đến đây để đùa cùng quý vị, ông Cố Vấn Kissinger đang có mặt tại Hà Nội (2.73) với những chỉ thị của Tổng Thống chúng tôi đề yêu cầu quý vị dứt khoát trả các tù nhân Hoa Kỳ đúng thời hạn...Câu nói cứng rắn nhiều uy thế của Tướng Woodward, của Đại Tá Russell đẩy mạnh vấn đề của Hoa Kỳ êm đẹp. Việt Nam Cộng Hòa cũng hoàn tất việc trao trả 26.508 tù quân sự cộng sản (còn 210 chưa hợp thức hóa là người tìm tự do). Mặt trận trở mặt giữ 410 Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa lại Đức Nghiệp không có giải thích thỏa đáng, được che dấu dưới luận điệu: Chúng tôi luôn đặt tinh thần nhân đạo lên trên mọi tác động chính trị. Và tiếp tục giữ 410 người ở Đức Nghiệp này quá thời hạn sáu mươi ngày, chín mươi ngày cho đến tháng 7 năm 1973. Ba tháng đi qua đã có 30 người chết trong các trại giam. Vấn đề tù quân sự được tạm thời đình chỉ đầu tháng 5.73 để bắt đầu cuộc trao trả cho mặt trận 750 tù dân sự và nhận về 385...Kế hoạch đang trên đà tiếp tục bỗng bế tắc vì Ủy Ban Quốc Tế không chịu đến địa điểm trao trả nếu mặt trận không chịu bảo đảm hành lang không lưu. Người cộng sản cũng không chịu nhận tù ở địa điểm Nam Thạch Hãn vì muốn lợi dụng địa điểm Bắc Thạch Hãn để ngăn những người tù không muốn về phía mặt trận. 36 người hồi chánh trong 750 người trao trả của đợt I tù dân sự chắc chắn sẽ có thêm một đa số không chịu về phía bờ Bắc Thạch Hãn nơi có những lá cờ máu và cán bộ đang nói giọng miền Bắc với danh xưng. “Người Quảng Trị”. Ngoài ra mặt trận còn chuẩn bị thêm một chiến thuật khác nhằm khai triển và lợi

dụng những người như Ngô bá Thành, Huỳnh tấn Mẫn, Nguyễn Long...để tạo dựng nên một thành phần thứ ba, những người chắc chắn sẽ gây nhiều trở ngại và rối rắm ở địa điểm trao trả với số phóng viên báo chí ngoại quốc mà mặt trận bố trí sẵn sàng. Trong tình trạng dần co của tháng 5, 6, 7, 1973 phía Việt Nam Cộng Hòa nỗ lực đòi hỏi phía cộng sản trả hết số tù nhân đã được thông báo, ưu tiên là 410 Quân Nhân ở Đức Nghiệp, số tù dân sự còn lại và trọng tâm của yêu cầu là những tù nhân Việt Nam Cộng Hòa còn bị giam rải rác khắp nơi trên lãnh thổ Đông Dương, cụ thể là 7.061 tù nhân quân lẫn dân sự của 34 trại ở Nam và Bắc Việt Nam. Trước con số cụ thể, những dẫn chứng minh bạch, những vị trí chính xác của trại giam, phía cộng sản vẫn cố tình che lấp vấn đề bằng lập luận ngang ngược và cố chấp đến cùng cực.

Chúng tôi chỉ còn một hoặc hai người là nhiều, quý vị đánh ở Nam Lào, ở Kampuchia, nếu bị bắt là do Pathét Lào, Khmer Đỏ bắt giữ chứ không phải chúng tôi. Những lập luận quái đản, những lý lẽ hàm hồ được lập đi lập lại không ngưng bằng những ngôn từ nghiêm trang mầu mực. Bức tường đá cổ chấp không tình người vẫn đứng nguyên trước những đòi hỏi hợp lý. Tù nhân Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn bị cùm kẹp nơi hốc núi, cuối lòng rừng ở Tuyên Quang, Vĩnh Phú (Vĩnh Yên-Phú Thọ), Yên Bái, Sơn Tây. Những viên chức hành chánh Việt Nam Cộng Hòa vẫn phải lao động sản xuất đến hơi thở cuối cùng trong Trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, hệ thống trại giam Lý Bá Sơ cũ. Trại Lý Bá Sơ, nơi địa ngục trần thế của lũ người nghiện men máu và hơi xác chết qua một thời gian dài. Chỉ còn mười ngày nữa là hết thời hạn bốn mươi lăm ngày của Thông Cáo Chung 13.6.1973 những lính Biệt Kích, Nhảy Dù của Lữ Đoàn 3 thuộc trại T371 nơi núi rừng Lạng Sơn hằng ngày vẫn phải kiếm lá, nhặt rau để ăn cầm hơi vì phần gạo "tiêu chuẩn" tối thiểu...Trong khi ở Trà Mi miền Nam, Trà Bồng, Ba Tơ, A Sao, A Lưới bao nhiêu Quân Nhân vẫn đang bị học tập cải tạo, sống với tiêu chuẩn hai vắt cơm cùng vài hạt muối mỗi ngày. Mười ngày nữa, thời hạn sẽ qua đi, tù cộng sản được trả hết, phía Việt Nam Cộng Hòa còn lại gì để bàn cãi, để đặt vấn đề. Đau đớn quá, tiếng hét của hàng vạn người Việt Nam Quốc Gia không vang được đến tai người đồng đội, không thoát khỏi tầng cây, không vượt qua đỉnh núi...Các anh sẽ ra sao, những người lính Đồi 31 Hạ Lào, của Căn Cứ Hỏa Lực A1, A2, Gio Linh, các anh sẽ ra sao những người đã giữ vững Tân Cảnh, đã tử thủ Hoài Ân, những người chiến đấu cho Hòa Bình, cho nhân loại, cho thế giới.

Mặt trận còn sử dụng một chiêu thức khác để chạy tội về vấn nạn tù binh, bằng cách nêu lên đòi hỏi: Phía Việt Nam Cộng Hòa phải trả tự do ngay lập tức và không điều kiện 200.000 (?) tù chính trị hiện còn đang bị giam giữ. Họ lý luận: "Đây là những người tranh đấu cho hòa bình, hòa giải, dân tộc"...Thuộc về "thành phần lực lượng thứ ba", một lực lượng tối cần thiết để thành lập hội đồng hòa giải dân tộc!!! 200.000 người theo mặt trận là tổng số thường phạm hiện còn đang bị giam giữ ở các nhà giam Việt Nam Cộng Hòa.

Đây là một đề tài tương đối mới mẻ mà mặt trận vừa mới đưa lên bàn hội nghị kể từ tháng 5.73. Vấn đề này sở dĩ xuất hiện muộn vì có hai lý do mà chúng ta có thể dẫn chứng không sợ sai lệch.

Trong những tháng 3 và 4.73, mặt trận giải phóng dồn nỗ lực để tiếp nhận con số lớn 26.750 nhân viên quân sự được Việt Nam Cộng Hòa trao trả đồng thời tranh thủ thời gian để kịp nhận số nhân viên dân sự cộng sản (5081 người) mà Việt Nam Cộng Hòa sắp trao trả. Nhân tố này là một thành phần tối cần thiết để mặt trận giải phóng bổ sung lại lỗ hổng cán bộ hạ tầng đã tan vỡ và vô hiệu hóa sau biến cố Mậu Thân, hoặc do hậu quả và các chiến dịch vượt biên của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa năm 1970, 1971, các đường giây giữa Cục R và cơ sở nông thôn như giao liên

tiếp vận, chuyển quân đã bị đứt hẫng hoặc chùng lại trong suốt những năm 69, 70, 71, 72...Số cán bộ hạ tầng này cũng để dùng thay thế lớp cán bộ chính trị Bắc Việt hiện tại đang khuynh loát toàn thể cơ cấu của mặt trận, lớp cán bộ miền Bắc này đã được bố trí vào hạ tầng cơ sở nông thôn miền Nam trong âm mưu chiến lược của cuộc đại tấn công 1972 do các sư đoàn chính qui Bắc Việt. Nhưng có lẽ sau đợt tiếp nhận từ 28.4 đến 11.5.73 với 750 nhân viên dân sự, mặt trận giải phóng thấy không thể khai thác đám cán bộ này với nhiều lý do, có những lý do nội tại tiêu cực là lớp người này đã mất hẳn cơ sở tinh thần tranh đấu, hoặc áp lực tích cực của khối cán bộ gốc Bắc Việt. Thế nên, cách hăm hờ, nôm nóng ban đầu nguội dằn, cộng sản xoay mũi đấu tranh qua địa bàn tù chính trị.

Lý do thứ hai có thể giải thích sự muộn màng việc mặt trận giải phóng trở hướng chiến đấu vì từ tháng 5.73 trở đi họ mới có đủ tài liệu và dữ kiện để nhập trận. Khi có những tài liệu về các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, báo chí, sách vở của nhóm trí thức Công Giáo tả khuynh như Ngọc Lan, Chân Tín, tập Bạch Thư của Dân Biểu Hồ ngọc Nhuận, mặt trận giải phóng tận lực khai triển hợp cùng với những đợt tấn công của các hiệp hội đoàn thể có khuynh hướng cộng sản, thiên tả lấy mục tiêu nhà tù Việt Nam Cộng Hòa làm chủ điểm đấu tranh. Nội ngoại tiếp ứng nhịp nhàng để tạo thành cơn nổ lớn với đề tài "Tù chính trị" ở miền Nam. Năm được điểm chủ yếu của phong trào, mặt trận giải phóng khai triển tối đa thành phần nhân viên dân sự mang tội phá rối trị an như Luật Sư Long, Luật Gia Thành sinh viên Mầm, Ban, Lan, Huệ...Với sức đẩy của phong trào, người cộng sản nỗ lực biến những người này thành một lớp "tù chính trị trung tính, một lực lượng thứ ba yêu nước" chỉ vì đấu tranh cho hòa bình mà bị cấu thành tội. "Khối thứ ba" này rất cần thiết cho giai đoạn hòa giải và hòa hợp dân tộc. Một khối thứ ba với kỹ thuật đấu tranh sách lược hoạt động và quá trình tư tưởng là cộng sản. Công tác này bắt đầu được đẩy mạnh trong tháng 6.73. Phía mặt trận tổng hợp số người "thực tế" này với số 200.000 người trên để tạo nên một thực tế "ma" là 200.000 tù chính trị!!!

Với chủ đích nghiêm trọng như thế, mặt trận giải phóng kết lập tất cả mọi dữ kiện từ cuốn sách của Dân Biểu Nhuận với một lời tuyên bố của một giới chức Việt Nam Cộng Hòa liên quan đến vấn đề tù nhân, bài báo của nhóm Linh Mục cộng sản giáo tả khuynh hòa điệu cùng bức thư của sinh viên Mầm. Tất cả diễn ra nhịp nhàng chặt chẽ với sự tiếp hơi của các đoàn thể, hiệp hội khuynh tả trên thế giới, đặc biệt của nhóm Công Giáo Cấp Tiến đang có ảnh hưởng mạnh lên thành phần trí thức phản chiến Tây Phương. Và phong trào đã dừng lại trên cao điểm: Việt Nam Cộng Hòa hiện đang giam giữ hàng trăm ngàn người tù chính trị trong các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, Phú Quốc, Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát, các trại giam ở 44 Tỉnh, ở các Quận...Lời tố giác cũng yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa phải thả vô điều kiện các thành phần sinh viên học sinh tranh đấu, các nhân vật Châu, Long, Trọng, Thành...Cam kết không bắt giữ họ lại. Mục tiêu này cùng hiện rõ khi mặt trận đưa ra trên bàn hội nghị một dự thảo thủ tục trao trả có nguyên một điều khoản để đề cập đến thành phần "không thuộc hai bên miền Nam" này...Chiến thuật tổ cáo này cũng là một đòn né khi Việt Nam Cộng Hòa đưa ra đòi hỏi bổ sung danh sách Nhân Viên Dân Sự Việt Nam Cộng Hòa theo tập thống kê 67.501 như đã trình bày.

Diễn tiến cũng như kết quả của vấn đề này đã một lần được hiện rõ khi phía chúng ta trao trả hai mươi nhân viên dân sự gốc sinh viên học sinh, trong ngày 23.7.73 tại Lộc Ninh. Từ khi xuống trực thăng cho đến khi hoàn tất thủ tục trao trả nhóm sinh viên này đã lộ hẳn tình trạng. Đó là một thứ cán bộ cộng sản đã thấm nhuần cách thức đấu tranh do mặt trận giải phóng phát khởi và huấn luyện. Mặt trận đã chuẩn bị tinh vi để đám sinh viên học sinh này có cơ hội phát biểu trước Ủy Ban Quốc Tế với thực chất được nguy trang sinh viên học sinh tranh đấu cho hòa bình

dân tộc thuần túy” để tổ quốc Việt Nam Cộng Hòa đã giam giữ họ cũng như nhiều tù chính trị khác mà không qua căn bản pháp lý nào, mở đầu mỗi xích chuỗi đấu tranh liên tục cho vấn đề “tù chính trị”. Nhưng khôn ngoan, thâm độc là một chuyện, sự thật và công lý lại là một khía cạnh khác, Điều 7 (a) Nghị Định Thư đã nêu rõ chỉ có hai thành phần nhân viên dân sự để hai bên miền Nam trao trả. Hai thành phần nhân viên dân sự đó là những người đã dự phần vào cuộc đấu tranh ở một bên này hay bên kia dưới bất cứ hình thức nào trong tác động võ trang hoặc chính trị nên bị một bên kia bắt giữ (Điều 21b Genève). Thế nên bằng tất cả mọi nỗ lực, 24 giờ sau khi tiếp nhận đám sinh viên học sinh này, mặt trận giải phóng đã không gây được một tiếng vang hiệu quả nào khác ngoài sự cố gắng tuyệt vọng để khai triển một vấn đề mà thực chất đã bị ngụy danh.

TÙ BINH, ANH ĐI VỀ ĐÂU ?

Như tiêu đề đã nêu trên, phần lớn của tập bút ký này là viết về người tù, về cảnh tù, về những người thê thảm và cảnh đời tan vỡ. Trong những đoạn đã viết qua, tôi trình bày đủ một vài khía cạnh chính yếu về tù nhân Việt Nam Cộng Hòa do phía cộng sản bắt giữ, những người tù thảm hại nhất của chế độ tù tội nhân loại. Những người tù bị ngụy danh, bị sỉ nhục, bị tước đoạt hết giá trị con người cùng quyền hạn, khả năng thực hiện thực đời sống. Cộng sản đã không gọi họ qua danh từ thông thường. Tù nhân (dù đã là từ ngữ đen tối, thấp kém đau đớn nhất), nhưng họ bị chụp bởi những chiếc mũ: Giặc, ngụy, hoặc phản nghịch. Các trại tù lại được ngụy danh thành trại sản xuất, trại cải tạo, tù nhân được chia thành đội ngũ để xẻ núi, làm đường, trồng ngô, trồng sắn để sản xuất, tự lực cánh sinh...Trả nợ nhân dân!! Người tù Việt Nam Cộng Hòa không được yên thân trong thế giới đọa đầy riêng, họ phải phấn đấu qua mỗi giờ, mỗi phút, làm sao có được bát cơm hầm, giọt nước muối để được sống. Phải, tất cả sức lực tinh thần, vật chất chỉ được hướng vào một mục đích: Sống còn. Nhưng chính vì trong đời sống thụ động đau đớn kinh hoàng này, người tù Việt Nam Cộng Hòa khi được trao trả, trở về trong phần đất quốc gia, đời sống tù tội, giấc mơ ác liệt tưởng như trong địa ngục hoàn toàn chấm dứt, họ bắt đầu một đời sống mới, đời sống tưởng chừng như đã hủy diệt bất phục hồi. Được trao trả đồng nghĩa trở về địa đàng trần thế và quên thật nhanh, quên thật hết tháng qua, ngày trước, giờ phút trước khi điểm danh trao trả để đi như chạy, bỏ bằng tay lẫn chân vào lòng của chiếc trực thăng để bay cao, trở về và không bao giờ nhớ lại. Đã một lần bị người cộng sản giam giữ. Đã một lần sờ tận tay nỗi chết. Bài viết này không đề cập đến những “người sung sướng” tội nghiệp đó, tôi muốn nói đến lớp tù đối phương, tù cộng sản do Quân Đội, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và trao trả về cho đối phương, những người tù bị bắt khi tay đang giữ vũ khí ở chiến trường hoặc là những cán bộ nội thành bị phát giác đầy đủ tang vật và tài liệu. Cần nói rõ hơn một khẳng định, tôi sẽ không viết những lời tán dương chế độ giam giữ của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, một chủ đề mà cuốn sách không dự liệu, cũng như rất đối nghịch cùng lương tâm người viết: Người kinh sợ cảnh tù trên tất cả mọi sợ hãi. Bài viết sẽ cố gắng trình bày đủ đoạn trường tù tội mà kẻ tù nhân kia bắt buộc phải triệt để chấp hành, bắt đầu từ khi hần tự đưa tay đầu hàng trước một mũi súng trên chiến địa hoặc đặt tay vào chiếc còng của Nhân Viên Công Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Như đã nhiều lần nhấn mạnh, người cộng sản không bao giờ bỏ lỡ cuộc đấu tranh trong bất kỳ hoàn cảnh, cơ hội hoặc giai đoạn ngắn ngủi nào...Không có vấn đề nghỉ ngơi, không có đời sống riêng rẽ, hoàn cảnh độc lập. Đã dự vào cuộc đấu tranh do đảng “đề xuất” và lãnh đạo có nghĩa đã dự vào một cuộc đua liên tục, đua không ngừng, không nghỉ, cho đến phút chót khi thiên đường cộng sản hoàn toàn thực

hiện. Đó là trên lý thuyết, trên cơ sở chủ nghĩa, riêng trong giai đoạn hiện tại, sau bước đường chống Mỹ cứu nước nay đã đến bước “Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp Định Paris...”, người tù cộng sản lại phải luôn luôn học tập, phải đả thông vấn đề, phải chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh đảng ngay trong cảnh tù tội, để đến khi được trao trả thì đã nắm đủ các yếu tố phát động thể đấu tranh mới.

Sau khi đưa tay lên đầu hàng ở chiến trận, người tù quân sự cộng sản được cơ quan an ninh của đơn vị bắt giữ khai thác tại chỗ để phân loại và cung cấp các hoạt động liên quan đến trận liệt. Thường thường các cuộc thẩm vấn được tiến hành cấp tốc vì những đơn vị tác chiến thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không đủ nhân viên chuyên môn để khai thác tù binh, họ chỉ ghi nhận vài yếu tố lý lịch, đơn vị của người tù, xong giải giao ngay đến các cơ quan lưu giữ tạm thời như Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn, Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Sư Đoàn mà đơn vị đó trực thuộc hoặc thuộc dụng hành quân. Tại những nơi này dù có đủ thì giờ rộng rãi hơn cũng như có chuyên viên thẩm vấn, các cuộc hỏi cung cũng chỉ có mục đích xét hỏi người tù binh những tin tức liên quan đến tình hình mặt trận mà anh ta vừa tham dự, một số chi tiết về tên họ, đơn vị trực thuộc, từ đâu xâm nhập vào trận địa, ý định điều quân của đơn vị này trong thời gian sắp tới...Người tù binh tiếp tục được giải giao đến các Trung Tâm Tù Binh Chiến Tranh. Sự tranh đấu, nếu được gọi là như thế, giữa tù binh và cơ quan giam giữ Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa không được cấu thành, cũng không bao giờ thực sự cần thiết. Cơ quan có nhiệm vụ chính thức giam giữ tù binh quân sự là Binh Chung Quân Cảnh mà tư thế và nhiệm vụ rất cụ thể và hạn chế: Quản trị, điều hành và lưu giữ tù binh. Không có vấn đề phải khai thác, tuyên truyền chính trị, nên tương quan này không dẫn đến những xung đột nghiêm trọng, những đầy ải ác nghiệt như người cộng sản luôn luôn tuyên truyền, xuyên tạc. Nhưng chính trong những chốn lưu giữ này, người tù binh cộng sản phải bắt đầu tham gia vào một cuộc tranh đấu kinh hồn quyết liệt mà kết quả độc nhất là sự chết, do những bạn tù thi hành, hoặc tiếp tục giữ vững lập trường cộng sản không mệt mỏi, không suy giảm để chấp hành đúng đắn mọi chỉ thị do những người đại diện của họ ra lệnh. Cuộc đấu tranh nguy nan giữa những người cùng chiến tuyến bắt đầu trong nhà tù Việt Nam Cộng Hòa.

Đến đây, cần mở rộng vấn đề qua một phạm vi khác để soi sáng yếu tố những người tù cộng sản ở các trại giam: Những hồi chánh viên. Hồi chánh viên là những người tự nguyện buông súng, rời bỏ hàng ngũ cộng sản trở về phía Việt Nam Cộng Hòa trong tất cả mọi hoàn cảnh, ở khắp nơi trên chiến trường, cũng có thể gọi là hồi chánh dù trong lúc giao tranh nếu người lính cộng sản có thái độ tích cực sau khi buông súng về cùng các đơn vị Quân Đội Cộng Hòa. Sự thật, đã có những người hồi chánh vì “thể kiệt”, khi đơn vị anh tan rã, rút đi, hoặc đôi khi vì bị bao vây, tấn công quá dồn dập. Nhưng dù có buông súng trong tình huống tiêu cực đó, nếu anh ta tự nguyện cung cấp tin tức, chỉ điểm nơi chôn dấu vũ khí và xin được hồi chánh thì anh ta vẫn được đưa về các Trung Tâm Chiêu Hồi, chứ không là các trại tù như trên đã nói. Những người hồi chánh tự nguyện hay ở vào thể kiệt như vừa trình bày, chỉ là những người hồi chánh “bình thường”, những người hồi chánh trong bình yên. Có một loại hồi chánh viên khác, hồi chánh ngay trong trại tù, mới là những người hồi chánh thượng hạng, những người đã vượt qua biên giới cái chết trong đường cơ kỷ tót. Như trên đã nói, người tù binh cộng sản ngay khi nhập trại đã phải chịu một cuộc thẩm vấn gắt gao do đại diện tù nhân cộng sản thực hiện. Anh ta phải khai rõ lý lịch, không phải chỉ một vài chi tiết của tên tuổi, tên cha mẹ, bạn bè, đơn vị, nghề nghiệp, sở thích...Không phải khai một lần, nhưng năm lần bảy lượt bởi một cuộc thẩm vấn tinh vi kinh khiếp: Mục đích của cuộc tra hỏi này là để nhóm đại diện tù

binh cộng sản phát giác ra ngay những “nguy hời”, tức là những hồi chánh viên mà cơ quan giam giữ Việt Nam Cộng Hòa gài vào đám tù binh cộng sản để dò chừng phản ứng, âm mưu của đám tù binh cộng sản. Cuộc tra hỏi cũng nhằm xem thành phần, tinh thần của người tù để sắp xếp anh ta vào những công tác, nhiệm vụ do ban đại diện đề cử. Cuộc tra hỏi dằng dai khít khao này cũng giám định lại tinh thần của người cán binh cộng sản, xem anh ta vì thụ động, tiêu cực nên đầu hàng Quân Đội Cộng Hòa hay anh ta đã hết sức chiến đấu nhưng bởi kiệt lực bắt buộc. Tóm lại, sau giai đoạn thẩm vấn, người tù binh cộng sản mới được xác định, xếp loại do chính đồng bạn tù quyết định. Nếu anh ta là một hồi chánh viên được gài vào, nếu anh ta là một chiến sĩ có tinh thần sút kém, chiến đấu tiêu cực. Số mệnh anh đã hoàn toàn được định đoạt: Chết. Chỉ có một giải pháp, một giải pháp độc nhất, cuối cùng. Dùng dũa đâm từ tai này qua tai kia, lột da đầu, cắt cổ, bóp cổ. Cực hình sẽ được thực hiện giữa đám tù để dằn mặt, cảnh cáo những người sa sút tinh thần, ngã lòng, muốn bỏ cuộc. Các tù binh cộng sản được ban đại diện của họ chia vào từng tiểu tổ sinh hoạt, công tác chung với nhau, người này kiểm soát, canh chừng người kia để khi phát hiện một dấu hiệu ngã lòng, ý hướng mệt mỏi, muốn xin hồi chánh, làm việc cho Ban Giám Đốc Trại Việt Nam Cộng Hòa, thì báo động ngay đến ban đại diện tù trong khu của mình. Kẻ bị nghi ngờ sẽ bị hành hình không chút nương tay. Trong tình huống kinh khiếp nghệt nghèo này, người tù binh cộng sản luôn luôn đề cao cảnh giác, phải luôn luôn biểu lộ lòng tin vào lập trường của đảng, luôn luôn giữ vững ý chí cách mạng thực hiện công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo của bác và đảng. Họ phải kiên định lập trường, học tập tài liệu từ ngoài chuyển vào để luôn nắm vững tình hình, hướng nỗ lực tranh đấu vào mục tiêu do đảng chỉ định. Để thực hiện công tác gắt gao này, phía cộng sản đã không ngần ngại chỉ định những chính trị viên cốt cán, giả hàng ở trận địa rồi tìm đủ mọi phương cách làm sao chuyển được tới trại (mà họ được chỉ thị công tác)... Ví dụ như trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, cán bộ thuộc trung đoàn quyết thắng (trung đoàn đánh vùng Cây Thị, Gia Định) bị mất tinh thần trầm trọng... Bộ chỉ huy ba Cục (R) thấy cần phải giữ vững tinh thần đám tù binh thuộc đơn vị này, đã điều động một số chính trị viên giả đầu hàng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa ở một mặt trận nào đó thuộc vùng Bình Dương, Tây Ninh... Nhóm tù binh chính trị viên này sau đó đã được tập trung vào một trại tù như Tam Hiệp (Biên Hòa)... Ví dụ như sau khi móc nối với các đại diện tù và biết được đám tù của trung đoàn quyết thắng đã chuyển đi một nơi nào ở Phú Quốc thì họ sẽ chủ tâm tổ ra vô kỷ luật, phá hoại, để Ban Giám Đốc Trại trừng trị, khiển phạt và cuối cùng bị (được) chuyển đi Phú Quốc. Nơi đây, nếu được chuyển đến một khu không có người của Trung đoàn Quyết Thắng kia thì họ sẽ tiếp tục dùng mọi biện pháp để làm sao cuối cùng chuyển đến tại nơi có “mục tiêu” được chỉ định...

Trong kìm kẹp gắt gao do đề phòng hiểm độc của các chiến hữu mình, người tù binh cộng sản bị muôn ngàn hiểm nguy thường trực đe dọa... Không tỏ vẻ căm thù nhân viên Quân Cảnh có nhiệm vụ đưa cơm tới, không giác ngộ về “hiện tình thối nát của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa”, hoài nghi về thành quả giải phóng 3/4 đất, 4/5 dân ở miền Nam, tiếng thở dài nhỏ trong đêm tối... Tất cả đã là nguyên do gây nên cái chết tức khắc. Một tù binh được Ban Giám Đốc Trại gọi lên hỏi chi tiết của nơi sinh. Nếu được trả về trại an lành, anh ta chắc đã nắm được đầu giây của cái chết do chính bạn bè anh thực hiện. Thế nên, một người tù trong hoàn cảnh này mà xin được hồi chánh để trở nên hồi chánh viên thì quả tình là một hồi chánh viên thượng hạng, hữu hạng, một người đã vượt mặt tử thần. Sự kiện này trình bày đủ thực trạng bi thảm về người tù binh cộng sản. Trong trại giam, ngoài lớp cán binh trẻ cuồng tín của các sư đoàn chính qui Bắc Việt, còn có những tù binh thuộc các lực

lượng địa phương miền Nam, những du kích xã, huyện. Bên cạnh đoàn tù binh sắt máu luôn tin vào tiền đồ cách mạng, nuôi dưỡng căm hờn chế độ, chính phủ Cộng Hòa, có những tù nhân bất đắc dĩ, những chiến sĩ cách mạng lỡ thời, vốn chỉ là một nông dân kẹt ở vùng "giải phóng", hoặc ở các vùng xôi đậu bị kéo vào bưng học tập, đi du kích. Thoạt tiên, họ được "động viên" đi dân công, sau tham gia các công tác phá hoại, tiếp theo do được bình nghị là đã "giác ngộ" tham gia công tác tốt, anh ta trở thành du kích xã, du kích huyện, đồn lên thành bộ đội chủ lực tỉnh. Gặp lúc có chiến dịch lớn như Bình Giả (1964) Đồng Xoài (1965)... Các đơn vị chủ lực miền bị thiếu sót quân số trầm trọng, du kích xã, huyện theo lệnh của trung ương cục được tập trung về khu C (Tây Ninh, Bình Long) để bổ xung vào các trung đoàn thuộc các công trường 5, 7, 9... Tính chất "cách mạng vô sản" nơi người du kích miền Nam này, ngay cả những cán bộ hồi kết (Gốc miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 và trở về Nam trong những năm 1959, 1960 hoặc sau) rất khác xa với đám cán binh trên dưới hai mươi tuổi thuộc các sư đoàn Bắc Việt xâm nhập. Đám sau này tích cực hơn, cuồng tín, mê say một cách mù quáng và khắc nghiệt, hoàn toàn tin vào mệnh lệnh đường lối đảng, lời bác dạy. Nếu có một số ngã lòng vì cực khổ trên đường xâm nhập hoặc thấy rõ hiện tình miền Nam, thấy rõ thành quả giải phóng của cách mạng miền Nam, thường hồi chánh ngay trong thời gian đầu... Số còn lại, nếu đã thử sức đủ trên đường đi, hiện tình miền Nam vẫn chưa làm hấn ta "giác ngộ", thì lòng cuồng tín càng tăng thêm cường độ. Thế nên, trong ý hướng cực đoan này, những cán binh có ý định hồi chánh là thành phần cần phải tiêu hủy đầu tiên và tối đa đối với những cốt cán này. Bị vây bọc bởi đám tù cuồng tín trên, một cán binh có ý định hồi chánh ở trại tù tức đã dự cuộc đua với tử thần trong gang tấc sát sao. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước giai đoạn thành lập danh sách cuối cùng để chuyển giao về phía cộng sản tất cả cán binh bị giam giữ theo Hiệp Định Ba Lê, đã phát động một chiến dịch gọi là Phong Trào Tân Sinh Hoạt trong tất cả mọi trại giam tù binh cộng sản, mục đích phong trào này trên bề mặt là huấn nghệ, giúp điều kiện để tù binh có việc làm trong những ngày giam giữ, nhưng thực chất là tạo môi trường giáo dục tù binh để họ nhận định đúng hiện trạng miền Nam, tiến đến chọn lựa cuối cùng giữa hai ý hệ cộng sản và tự do. Phong trào đã thành công lớn lao, hơn 10.000 tù binh hồi chánh trong dịp Tết Quý Sửu (72-73) trước khi danh sách trao trả cuối cùng chuyển đến phái đoàn mặt trận giải phóng tại Hội Nghị Ba Lê. Số lượng 10.000 người tuy lớn so với gần 30.000 mà cộng sản Việt Nam dự trù trao trả, nhưng thật sự con số kia chắc chắn sẽ gấp đôi nếu tù nhân được hoàn toàn tự do chọn lựa chế độ trước khi trao trả, hoặc họ rõ được thủ tục phát biểu nguyện vọng và quyền phát biểu tại địa điểm trao trả. Trường hợp các tù binh Thạch Phen trao trả Lộc Ninh ngày 14 tháng 2.73 và Hồ văn Công ở Quảng Trị ngày 17.3.1973 là điển hình về cảnh bị thảm lắng lẽ mà người cán binh cộng sản gốc miền Nam phải chịu đựng trong cô đơn và nguy biến riêng mình. Thạch Phen, người Việt gốc Miên, anh bị lôi kéo vào mặt trận không cưỡng lại được vì cư trú trong vùng bản lẻ giữa mặt khu cộng sản trên đất miền với vùng Việt Nam Cộng Hòa ở Châu Đốc. Ngày 11.2.1973 anh được đưa đến Lộc Ninh để trao trả. Từ trực thăng bước xuống, anh kinh hoàng nhìn khung cảnh địa điểm trao trả, lớp nhà lá gồ, dây cờ đỏ, rừng khẩu hiệu khắc nghiệt, đám cán bộ tiếp rước mặt xanh tím, tròng mắt võ vàng đầy thù nghịch dò xét. Những nụ cười vồn vã máy móc của những chiếc mồm xấu xí không làm anh yên tâm, thêm nữa, tiếng hát vang vang tiết điệu Trung Hoa dội lên từ dãy loa phát thanh làm anh bối rối kinh ngạc... Tuy đã cảm sủng chiến đấu trong hàng ngũ những người cộng sản, nhưng hôm nay, anh được đưa đến một nơi quá xa lạ, lớp rừng cao su xanh ngắt ôm kín những khu đồi đất đỏ, đám cán bộ đồng phục xanh với những cặp mắt vàng chạch vì

sốt rét, nụ cười vô hồn, không cảm giác kéo lên, đóng xuống từng chập để lộ nguyên hình tính cách tra hỏi cay nghiệt. Thạch Phên chưa từng bao giờ ở cùng những chiến hữu nguy hiểm với cảnh núi rừng thâm u đầy đe dọa này. Tội nghiệp và đơn độc hơn nữa, tù cùng toán toán là người Bắc, họ hân hoan biểu lộ sự thù hận, niềm tin sắt đá vào thành trì cách mạng bằng nắm chặt tay tung hô khẩu hiệu, câu hát. Thạch Phên hoàn toàn xa lạ trong không khí gớm ghê đầy đe dọa này...Anh lùi dần, lùi dần xuống cuối toán và chạy về phía mấy Sĩ Quan Quân Cảnh (có nhiệm vụ tải áp tù từ Phú Quốc đến Lộc Ninh) để xin hỏi chánh. Đại Úy Lộc, Trưởng Toán Liên Hợp Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa thông báo sự kiện đến ba thành viên mặt trận giải phóng, Bắc Việt và Mỹ cùng Ủy Ban Quốc Tế để hợp thức hóa trường hợp hỏi chánh của Thạch Phên. Nhưng hai viên sĩ quan của mặt trận Bắc Việt không chịu, nại có anh Phên đã hỏi chánh không đúng thủ tục (Nghĩa là không phát biểu ý kiến của mình khi điểm danh trao trả. Cần nhắc lại một điểm, thời gian này chưa có thủ tục trao trả). Hai anh Hưng và Ba Lan trong Ủy Ban Quốc Tế được "mớm" ý kiến trên, đồng phát biểu: Không giám sát trường hợp hỏi chánh của Thạch Phên vì không đúng thủ tục trao trả!! Cuối cùng, vì để có một cách thức giải quyết mẫu cho những lần trao trả sau, Quân Cảnh Việt Nam Cộng Hòa hộ tống Phên đến lều trao trả để phát biểu ý kiến, nhưng đám tù binh cùng toán của Phên nhào đến cướp Phên và hành hung Quân Cảnh, không thể làm sao chống cự nổi với đám tù, hơn nữa, nếu giành giật quá độ, đám tù có thể đánh chết Phên...Quân Cảnh Việt Nam Cộng Hòa buộc lòng phải thả Phên ra. Hai thành viên Hưng và Ba Lan được yêu cầu can thiệp và chứng nhận sự kiện xảy ra, một lần nữa lại tuyên bố: Anh Phên chưa được điểm danh, nghĩa là chưa được trao trả, họ không có trách nhiệm gì ngoài việc giám sát cuộc trao trả tại lều trao trả (?!!). Thạch Phên bị kéo đi một lát sau trở lại, với mặt mũi vỡ nát..."chính quyền địa phương" mặt trận giải phóng tại Lộc Ninh yêu cầu có cuộc họp với đầy đủ bốn thành viên của Ủy Ban Quốc Tế để anh Phên phát biểu ý kiến trong "hoàn toàn tự do"...Và cuối cùng, thay vì nói muốn được hỏi chánh, Phên phát biểu: "Việt Nam Cộng Hòa "gài" anh ta làm hỏi chánh viên, nhưng bây giờ "giác ngộ" nên tự ý xin về phía chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam!! Hai thành viên Hưng và Ba Lan ghi nhận sự kiện trung thực: Anh Phên đã nói lên nguyện vọng của mình trong tự do!!

Trường hợp của Hồ Văn Công thì khả quan hơn. Công thuộc toán thứ nhất để trao trả trong ngày 17.3.1973 tại Quảng Trị. Cũng như Thạch Phên, Công là du kích thuộc xã Phụng Hiệp Cần Thơ, bị Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa bắt trong một cuộc tuần tiễu. Với bản chất thẳng thắn, đơn giản của người miền Nam, Công tham gia vào cuộc chiến đấu võ trang trong hàng ngũ cộng sản hoàn toàn do hoàn cảnh ép buộc, một sự góp mặt trung tính vì không thể sống độc lập giữa hai chế độ đối nghịch. Công đến bờ Sông Thạch Hãn, nhìn về phía bờ đối diện, ngọn cờ đỏ ngôi sao vàng cùng tất cả im lặng nặng nề của một khối tổ chức chặt chẽ vô nhân tính vang vang khúc hát gọi căm thù. Công chùng bước...Đây là đâu ? Phải chăng là bờ Bến Hải ? Bến Hải-Cần Thơ khoảng cách ngút ngàn, suốt đời anh bao không bao giờ ý niệm đến...Nước Việt Nam là một, tổ quốc Việt Nam là một, chúng ta có thể đến bất cứ đâu, tác chiến bất cứ nơi đâu...Viên bí thư xã đã nhiều lần nói như thế, cán bộ đại diện tù nhân cũng đã giải thích, thông báo hơn tháng trước: Chúng ta sẽ được trao trả tại Quảng Trị, ở đây sẽ "tiếp thu" chúng ta, sau đó tùy nhu cầu thực tế, chúng ta sẽ được phân phối vào các cơ quan khác nhau, có nhiều nhiệm vụ khác nhau. Quảng Trị, một Tỉnh Công không bao giờ nghe tên. Đây là Quảng Trị, sông này là Sông Bến Hải (!?), trao trả xong họ mang mình thẳng về Bắc luôn!! Công co rúm người khi bước chân lần xuống thuyền để qua sông, Công liếc qua trái, qua phải, hai hàng lính Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù với những bộ đồ rằn ri rất quen

thuộc và ngay cả lá Cờ Vàng ba sọc đỏ này nữa...Dù anh đã một lần chiến đấu chống lại. Đám lính Cộng Hòa với cách thức phát âm, dáng điệu phóng khoáng kia vẫn quen thuộc, thân mật gần gũi với Công hơn là đám tù binh mặt nặng cảm hờn đang to nhỏ với nhau, hoan hô đã đảo...Lá cờ Việt Nam Cộng Hòa. Công đã quen thuộc từ bao lâu, kể từ ngày anh lớn lên, đi qua Đồn Nghĩa Quân, đi qua Trụ Sở Hành Chánh Xã Phụng Hiệp. Công nổi gai khi nghĩ tới cảnh trời nơi đất Bắc xa xôi, nơi anh sẽ đến và không có ngày trở về làng xưa cuối miền Nam...Anh bước chân xuống thuyền, thuyền tròn trành, đám lính Thủy Quân Lục Chiến đứng trên bờ cười nói vang vang, tiếng cười, giọng nói miền Nam yêu quý...Thuyền nổ máy hướng mũi về phía bờ Bắc nơi có lá cờ đỏ...Công quyết định, anh đứng dậy trên lòng thuyền, một bàn tay nào đó muốn vít cổ anh xuống, Công đưa tay lên gạt mạnh, phóng mình xuống nước...Nước lạnh cóng, Công cố bơi vào bờ, mắt anh mờ ánh nước, tay chân anh giãn ra, anh thả trôi người, chìm xuống..."Hồi chánh! Hồi chánh...Có người hồi chánh". Công loáng thoáng nghe có tiếng người kêu lớn ở trên bờ, nghe tiếng sóng đập mạnh đầu đầu trên giòng nước, có cánh tay bế xốc anh lên...Công đưa tay xuống cạp quần nơi có tấm ảnh của vợ con anh ở miền Nam!!

Viện Y Sĩ Thủy Quân Lục Chiến chích cho Công mũi thuốc khỏe...Ảnh vợ con tôi đâu? Ảnh vợ con tôi đâu ? Đây đây...Công lần mò bàn tay run rẩy trên mép tấm ảnh quen thuộc...

Tôi đi qua bờ Thạch Hãn, yêu cầu tổ Ủy Ban Quốc Tế đến chứng kiến và xác nhận trường hợp anh Công, để hai anh Hung và Ba Lan không thể thoái thác từ chối với lý do anh Công chưa đến địa điểm trao trả (Bờ Bắc sông Thạch Hãn)...Tôi đón trước bằng đề nghị: Vì anh Công đang trên đường đến địa điểm và nhảy xuống nước, hiện tại đang bị kích ngất không thể di chuyển qua sông được, sẵn dịp Ủy Ban Quốc Tế sẽ về bờ Nam đáp trực thăng đi Gio Linh, tôi yêu cầu họ phải xác nhận trường hợp hồi chánh của anh Công. Nhưng vì tôi cũng chỉ một mình, một miệng, hai Toán Liên Hiệp Quân Sự phe cộng sản sử dụng tôi đa nhân lực cùng lớp cán bộ địa phương bao vây ngay hai anh Hung và Ba Lan, cả một lực lượng hơn mười người cùng hai tên thông dịch viên, thay nhau thảo luận, hỏi ý kiến liên tiếp, kèm thêm màn chụp hình, mời uống nước. Hai anh Hung và Ba Lan lại biểu đồng tình trì hoãn chiến để không qua sông chứng kiến trường hợp anh Công. Khốn nạn, tôi chỉ kéo được hai anh Gia Nã Đại và Nam Dương về bờ Nam. Trên giòng nước lạnh ngắt, dưới trời mưa bụi tôi đưa mắt nhìn ra xa nghĩ đến cảnh những người trầm mình để được chết tự do. Cao quý và đau đớn thật, hình như rất ít người nghĩ đến yếu tố thực tế này khi vỗ tay mừng Hiệp Định Ba Lê. Cuối cùng, anh Công vẫn được xếp vào hàng ngũ những người hồi chánh, dù thiếu sự chứng kiến của hai thành viên Ba Lan, Hung Gia Lợi. Trường hợp hồi chánh của anh vẫn được ghi nhận qua phái đoàn Nam Dương, phái đoàn Chủ Vị Ủy Ban Quốc Tế của tháng này. Thạch Phên hay Hồ văn Công là những trường hợp điển hình vì đã bùng vỡ và thực hiện qua hành động, nhưng còn biết bao nhiêu người nữa, những người không thể hồi chánh theo Phong Trào Tân Sinh Hoạt, những người không thể tách khỏi tay đám tù đồng bọn khi đi trên đường đến địa điểm trao trả. Bao nhiêu người muốn làm động tác như Hồ văn Công của ngày 17.3.1973, bao nhiêu người muốn đưa tay lên để phát biểu ý kiến, bao nhiêu người lòng ngập bi thương khi bước chân vào địa điểm trao trả để đợi điểm danh trước khi về với...Nhân Dân!! Nhân Dân...

Diễn hình với hình ảnh phục phịch của một nữ đồng chí "phục vụ" với giọng nói miền Bắc Việt nghe lạ lẫm. Bao nhiêu người tù binh tóc đã ngã màu muối tiêu, bước chân lóng cóng, dầm lên chiếc thuyền để qua sông, ngập ngừng ném chiếc áo nâu dày ấm áp theo lệnh của "tù trưởng" để lộ làn da nhẵn nhúm một nhọc dưới làn mưa dầm dề của tiết Xuân, lớp da dù được kích động, dù được bơm cảm thù vẫn

phải co rúm dưới cơn gió rét miền Trung rờn rợn...Tù Binh...Về đâu ? Câu hỏi vang lên nghe nhức nhối và tội nghiệp khôn cùng. Chẳng phải vì muốn tăng thêm cường độ cảm xúc trong văn chương nên tôi đã khai triển tới đa tình hướng qua hai sự kiện cụ thể, nhưng bởi đã nhận ra thực tế không phải chỉ xảy ra ở bờ Sông Thạch Hãn, sân bay Lộc Ninh, nơi rừng cao su Minh Thạnh, bên cạnh lớp tù nhân hùng hổ kéo nhau đi trong khi thể hận thù bốc cao đầy ánh mắt, có một số đông, một số rất đông tù binh cộng sản bước những bước ngần e ngại, thần thờ...Họ cũng như đám tù binh Hồng Quân đã tự sát tập thể bằng cách lao mình từ toa tàu xuống vực sâu trên đường trở về Nga Xô Viết sau khi Đức đầu hàng Đồng Minh 1945, họ cũng như những tù binh của các chiến dịch Atlante, Castor, được Pháp trả về phía bên kia phía cách mạng, phía Việt cộng. Thân phụ tôi, người chiến sĩ của sư đoàn 308, người chiến sĩ của chiến thắng Điện Biên, người từng bỏ tất cả đời sống bình yên cạnh vợ con để hiến dâng trọn đời mình đến cách mạng, cho dân tộc... Từ trại tù 51 ở Hải Phòng trước ngày Pháp trao trả về cho quân đội nhân dân đã không cảm lòng, phải viết nên lời: “Anh (ba tôi) bây giờ đã mệt mỏi lắm rồi, anh biết đủ thứ, biết bửa củi, nấu cơm, có thể làm tất cả mọi chuyện, chỉ muốn làm sao đưa em (mẹ tôi) và các con đi xa, đi thật xa, ra khỏi nước Việt Nam này...” Năm 1954, với chiến thắng rực rỡ lớn lao kia, người tù cộng sản cũng phải nhìn lại đoạn đường mình đã đi qua, đưa mắt hướng về một tương lai ảo tưởng để nói lên lời cay đắng, hướng gì hôm nay, thời gian của 1973, biên giới của cộng sản và tự do đã xóa nhòa trong men rượu Mao Đài, được quên đi nơi Công Trường Đờ khi Nixon cúi mình tưởng niệm anh hùng Xô Viết...Thế nên, người tù binh cộng sản còn đâu ý chí, còn đâu căm thù đích thực...Và “Chống Mỹ cứu nước” hiện rõ ra một khẩu hiệu không nội dung, không đối tượng khi “bè lũ quân Ngụy ác ôn còn đồ” cũng chỉ là những người lính da vàng âm thầm chịu đựng, khi thành tích cách mạng giải phóng miền Nam thật bày ra lớp thịt da người Việt phủ kín chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng...Giải Phóng, Tự Do, Dân Tộc, Độc Lập, những danh từ chất chứa vĩ đại một cách phi nhân đã thể hiện đủ tính chất, trò xảo trá to lớn mà người tù binh đã đem đời mình hiến dâng nên thành. Trong nhà tù, nơi địa điểm trao trả, người tù binh thấy lại trước mắt cảnh cơm khô, nước lã miệt mài nơi rừng xanh để xây dựng một thiên đường nhật thêch...Gia đình, làng xưa, nẻo đường về càng ngày càng mất hút. Tù binh cộng sản, anh đi về đâu khi ngày sắp hết và đời anh cũng đến lúc kiệt cùng.

Còn một điều cần phải nói thêm cho đủ, những người tù dù đã chứng tỏ vững lập trường khi ở giai đoạn giam giữ, cũng phải phát triển căm thù cùng tinh thần chiến đấu ngoan cường ở địa điểm trao trả vì nếu không, sau ly nước trà vồn vã bốc khói, người tù lừng khừng, mệt mỏi, sẽ bị cô lập, tra hỏi, kiểm thảo và hạ tầng công tác ngay hoặc nếu cần thì thủ tiêu... Lớp tù binh được trao trả về theo Hiệp Định Genève 1954 đã chứng tỏ điều này trong những ngày sau 54, những người tù binh của những chiến trường khốc liệt được Pháp trả về đã bị phân tán, đánh tía, bỏ rơi và bắt buộc ở vào tình trạng tê liệt cho đến hôm nay, gần hai mươi năm sau ngày trao trả.

Để địch quân bắt giữ là một tội phạm. Người cộng sản đã quan niệm như thế. Cả một bộ máy tuyên truyền to lớn của họ không đề cập hoặc khai triển rất ít đối với thành phần những người tù vừa được Việt Nam Cộng Hòa trả lại. Trong các báo quân đội nhân dân, quân đội giải phóng, tin tức về các cuộc trao trả tù binh cộng sản được loan báo rất sơ sài, một cột, vài ba dòng. Thiếu vắng hoàn toàn cách đề cao, thổi phồng các “anh hùng” bị giam giữ, bên cạnh những anh hùng sản xuất, anh hùng của đội làm Cầu Hàm Rồng v.v...Số phận những tù binh cộng sản năm 1973 chắc cũng không khác gì những người hai mươi năm trước. Thực tế sau này chứng minh mức độ chính xác của lời tiên tri tiên kiến. Người viết gặp lại người tù anh đã

trả nơi bờ Sông Thạch Hãn năm 1973. Thượng Ủy Trọng, Trọng “già”, người cùng chung phòng kỷ luật với Phan Nhật Nam (1983) tại Trại 5 Lam Sơn Thanh Hóa. Trọng đã ở tù từ ngày trao trả mười năm trước vì tội “Đề quân Ngụy bắt giữ!!!”

Đó là số phận của tù cộng sản chân truyền, dù là người kiên quyết ném cái áo tù binh xuống giòng sông, móc từ hậu môn ra mảnh vải dài khoảng ba tấc ngang bằng ba đốt ngón tay trên ghi giòng chữ “Đả đảo đế quốc Mỹ” và giữ vững trên đầu từ khi bước xuống thuyền, qua sông, ngồi xuống băng điểm danh. Huống gì loại tù binh mất lạc thần nhìn lên màu cờ đỏ, não nề không trả lời khi được gọi đến, những người tù tóc bạc, thờ dài không che dấu, bước những bước hững hờ, lạnh nhạt giữa hai hàng cán bộ phục dịch tay vỗ vang và ứa tràn miệng cười...Những tù binh quê miền Nam, những tù binh vốn du kích, những tù binh đã gần đến tuổi nghỉ ngơi. Về đâu ? Đêm nay ngã lưng xuống nơi đâu, quê hương, gia đình đâu ? Ảnh ông Hồ chí Minh và khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập tự do” cũng chỉ nên hình ảnh nhạt nhòa vô nghĩa...Người tù cộng sản lưng trần, đầu cúi xuống, bước đi ngập ngừng. Đi mãi vào một nơi không bao giờ biết. Không hề biết.

Phần những tù binh quân sự đã thâm thối tội nghiệp như thế, huống hồ gì những tù dân sự, những người được gọi là “nhân viên dân sự” của cộng sản qua định nghĩa của điều 21 (b) Hiệp Định Genève 54: “Nhân viên dân sự là những người đã góp phần vào cuộc đấu tranh vũ trang, chính trị của một bên và bị bên kia giam giữ...” Định nghĩa rộng rãi nhưng vô cùng chặt chẽ đã không làm “lọt” một người nào giữa hai bên miền Nam, tất cả mọi người khi lựa chọn một bên để sống tức là đã lựa chọn một chế độ, hoàn tất một thái độ chính trị và “cuộc góp phần” có thể suy diễn từ thái độ này cũng không sợ nhầm lẫn quá độ. Qua định nghĩa này, tức không còn bóng dáng “thường dân” trong thời chiến, không còn người “dân” thuần túy, độc lập giữa hai thế lực đối kháng Người bị cuốn hút vào không cưỡng chế, phải góp phần tham gia, với một tương quan liên kết về một phe. Không có người làm nghề tự do, không có người buôn bán độc lập mà chỉ có nhân viên dân sự như Nguyễn Văn Tám, bốn mươi ba tuổi từ xã Đông Yên, Quận An Biên, Tỉnh Rạch Giá làm “gián điệp” cho Tám Cơ ở Thị Xã Rạch Giá và bị “chính phủ lâm thời” bắt giữ tại địa điểm U Minh trong ngày 2.3.1971.

- Tám Cơ là ai ?
- Dạ ông ở Rạch Giá...
- Tám Cơ bảo anh làm gì ?
- Dạ bảo làm...gián điệp!!

- Làm gián điệp như thế nào ? Làm những việc gì ?...Nguyễn Văn Tám đứng tròng, đưa mắt nhìn tôi, anh không biết mình đã làm những việc gì có liên quan đến “điệp vụ” nguy nan như từ ngữ đó...Tám Cơ, phải chăng chỉ là một nhân viên tình báo của cuộc Cảnh Sát ở Rạch Giá đã nói với Tám trong một lần nào đó: “Vào trông thấy gì là lạ, ra nói lại nghe”. “Vào trông là những khu U Minh mịt mù mà Tám hằng ngày ra vào để làm lúa!! Gián điệp Tám đã phạm tội nặng ngàn cân với tình cảnh một người dân khốn khổ! Gián điệp, tội tử hình dù giữa hai quốc gia có tuyên chiến. Tám phạm tội tất nhiên như Tám đã sống trong đời. Phải chăng làm người Việt Nam trong thời đại tàn khốc này đã là một cái tội?!! Trường hợp của bà Lê thị Tám thì trái ngược lại, bà Tám năm hai mươi tuổi, tóc khô và người nhả nhúm, thân thể nhỏ bé quá queo toát ra một vẻ chịu đựng khốc liệt. Bà Tám mở đôi mắt vàng đục, nhướng những lần mí mắt sùm sụp, cất giọng phiến não...

- Tui tên Tám, năm mươi hai tuổi ở làng La Chữ ngoài Huế.
- Bà phải nói đủ nơi sinh, gồm có xã, huyện, tỉnh...Viên Thiếu Tá mặt trận có nhiệm vụ hỏi ý kiến bà già cũng não nề trước tình trạng mệt mỏi này.
- Hỉ ? Chi ?!!

- Bà nói cho tôi biết huyện nào ?
- Thì tui “noái” rồi đó, tui ngoài La Chũr, Thừa Thiên...
- Bà bị phía Việt Nam Cộng Hòa bắt vì tội gì ?
- Răng biết ?!
- Bà không biết lý do bị bắt thì tại sao bây giờ lại xin ở lại.
- Theo “bộ đội” thì biết khi mô về lại ngoài nớ, tui xin về nhà thôi, không được thì ở tù lại cũng được!!

Đến đây, tôi lại phải chen vào chứ để cho viên Thiếu Tá này vắn vẹo một hồi, bà Tám nói lung tung thì...vỡ mặt. Tôi can thiệp nhưng lòng cũng không có niềm hứng khởi đấu tranh...Vì đấu tranh ở đâu khi lôi kéo người đàn bà này về phía quốc gia, với tầng lớp nhân dân mệt mỏi vô tình này! Tôi cắt ngang lời phát biểu và các câu hỏi để đặt câu hỏi dứt khoát:

- Bây giờ bà đi theo bên chính phủ lâm thời hay là phía Việt Nam Cộng Hòa ?
- Tui ở lại.

- Xong, cám ơn bà, bà theo Quân Cảnh để ra đờn trực thăng về lại Biên Hòa. Viên Thiếu Tá mặt trận giở nón lấy khăn lau đầu, có những sợi tóc bạc đâm mỗ hôi. Dù là người cộng sản chắc y cũng thoáng rã rời. Bà Tám loắt choắt bước theo người Quân Cảnh, hai bàn chân nhỏ bước thoăn thoắt, nắng rọi sáng trên đám tóc khô rối. Người đàn bà tội nghiệp này làm sao biết mình vừa lựa chọn một chế độ, vừa phân biệt và quyết định giữa hai đối lực chính trị Quốc Gia-Cộng Sản. Bà đã sống tình cờ nơi làng La Chũr, Hương Trà, Thừa Thiên, hàng ngày vào mạn núi phía Tây Quốc Lộ 1 vùng Nam Hòa (Huế) kiếm củi, có người chặn lại đưa cho gói giấy, bảo khi trở về thì rải gói giấy này trên Quốc Lộ. Người lạ cũng gởi bà mua thuốc lá, xà phòng với giá cao. Gánh củi trở thành phương tiện mua bán thứ yếu, cách buôn bán trên trở nên nguồn lợi chính. Bà Tám rốt cuộc bị ủy viên an ninh xã khám phá và giam giữ !!. Bà khai thật tình số thuốc lá đã bán, số lời thâu được. Bà cũng rất thành thật nói rằng, sau này khi biết mấy người kia là “bộ đội” thì có hỏi tin tức về chồng bà đã đi vào phía núi này từ năm 1952-1953...Liên quan giữa bà Tám với “bộ đội” quả rất phù hợp với định nghĩa của điều 21(b). Điều khoản được hoàn tất từ những đầu óc nhiều kinh nghiệm, nhiều kiến văn. Lẽ tất nhiên không bao giờ nhằm lẫn, sơ sót. Buôn bán tức là có tương quan kinh tế và vong thân chính trị là gì nếu không phát xuất từ cơ sở kinh tế. Cuộc tranh chấp lớn hiện nay giữa cộng sản và tư bản cũng chỉ là hệ quả của sự chống đối từ chiến giữa hai lực kinh tế đối nghịch, Tư Bản-Vô Sản. Vậy bà Tám đã hiện thực một “tương quan kinh tế” tức là dự phần vào cuộc đấu tranh vũ trang chính trị giữa hai bên miền Nam theo điều 7 Nghị Định Thư Từ Binh của Hiệp Định Ba Lê!!! Bà Tám được ghi tên vào danh sách để trao trả về mặt trận giải phóng tại Lộc Ninh ngày 21.2.74.

Bà Tám đã thê thảm nhưng Phan anh Hoát lại còn đau đớn tàn khốc hơn. Hoát trên bốn mươi, người thấp bé nhẩn nhục. Hoát là công chức ở Huế, bị bắt sau cuộc chính biến miền Trung 1966, vì Hoát tham gia lực lượng tranh đấu Phật Giáo. Hoát bị đưa vào Sài Gòn và cuộc điều tra đã có kết luận: Hoát phá rối trị an, làm lợi cho cộng sản, có dạng thức đấu tranh cộng sản, nhận chỉ thị từ thành ủy Huế v.v...Ngày trao trả 18.2.74 tại Lộc Ninh, Hoát lặng lẽ đi giữa hai hàng cán bộ tiếp đón với nước mắt chảy đầy má. Đám cán bộ cộng sản sững sờ trước khuôn mặt đầm nước mắt và môi mím chặt uất hận. Lần đầu tiên, tại một địa điểm trao trả có hiện tượng phần uất đau đớn này. Đi về phía cộng sản thì phải vỗ tay phấn khởi, phải bộc lộ cảm thù trên đầu nắm tay, trong cái nhìn hung hiểm. Về phía cộng sản cũng phải dựng lên màn kịch được giải phóng toàn thể, được đời sống tự do tuyệt đối. Nhưng lần đầu tiên của một năm trao trả, người tù Phan anh Hoát với giọt nước mắt bi phần, với lặng lẽ não nề đã từ chối tất cả, đã buông xuôi tất cả, đã hoàn toàn bó tay

giữa một thế lưỡng cực phân tranh mà Hoát hoàn toàn thụ động. Hoát cô độc và yếu đuối giữa hai ý hệ. Hoát thả rơi những giọt nước mắt đớn đau. Hoát chỉ là một trường hợp điển hình của đám người cuối đáy tuyệt vọng, những người nghẽn lối và bị xé nát giữa cuộc đấu tranh Quốc-Cộng. Hoát khóc được nhưng một số người đồng đạo đã không đủ can đảm để khóc nên dòng nước mắt bị thương đó. Rất nhiều người đã không làm được. Rất nhiều người như thế. Tôi đã biết những người Việt Nam không được khóc giữa các cuộc trao trả.

Những người tù của Gheorghiu quả tình đã bị xé nát bởi guồng máy phi nhân của những chính quyền nhân danh Tự Do và Nhân Loại. Người tù Việt Nam, kẻ chịu nạn ghê gớm giữa hai ý hệ đối cực. Họ không có giai đoạn trước và sau thời hạn tù. Sống ở trên đất nước này đã là một cái tội. Họ bị kết án bởi đời sống đó.

HÒA BÌNH, TƯƠNG NHƯ LÀ GIẤC MƠ

Hôm nay, gần hết tháng thứ năm hòa bình của chiến tranh “Đông Dương đệ nhị”. Người Mỹ đã rút đi cùng bộ máy chiến tranh khổng lồ, khối nhân lực nửa triệu người, hàng trăm máy bay chiến đấu, những phi đoàn trực thăng, hệ thống phi trường đã chiến lần lượt đóng cửa. Người Mỹ phải tay gọn ghẽ: 1960-1973, mười ba năm tham dự vào vũng lầy Đông Dương, nước Mỹ quả tình cần phải nghỉ ngơi. Vụ Watergate như một cơn sốt cao độ để người Mỹ trút được khối chất độc tự thân lần cuối. Ngoài giải tỏa chiến tranh, trong dọn sạch nội bộ, người Mỹ uống một liều thuốc nặng “độ” để dứt điểm cơn bệnh. Vệ tinh Skylab hư bộ phận chống nhiệt nhưng được sửa chữa kịp, phòng thí nghiệm không gian đáp tuyệt hảo xuống biển Thái Bình sau hai mươi tám ngày bên ngoài khí quyển quả đất.

Bà Golda Meir đón Thủ Tướng Tây Đức ở phi trường Tel-Aviv với câu nói lịch sử: “Nhân loại sẽ không còn nếu không có can đảm mở màn cho những bắt đầu mới...”

Ở Ba Lê, Kissinger mạnh miệng tuyên bố: “Sẽ không trở lại nơi này một lần nào nữa vì lý do Đông Dương...” Xong, tiếng bạc chót đã đặt xuống. Thế giới thở hơi dài trước một viễn ảnh đẹp để đang rập nối dần.

Nhưng Nam Việt Nam thì quả tình chưa xong một chuyện nhỏ. Ngày 27.1.73 khi dấu chấm cuối cùng vừa dứt trên văn kiện “Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam”, thì ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28.1.73 Thủy Quân Lục Chiến cường tập dứt điểm mục tiêu Tango hay Cửa Việt. Pháo 130 của Bắc quân từ Đông Hà, Khe Sanh đổ xuống vùng Như Lệ, Tân Lệ làm quân Dù không thể ngóc nổi đầu...Ngày Chủ Nhật 28.1.73 toàn thể các lộ đi vào Sài Gòn đều bị đóng “chốt”. Chốt ở Quốc Lộ 15 phía Nam Long Thành, chốt trên Quốc Lộ 1 ở Xuân Lộc, Long Khánh, chốt kẹp đường Tây Ninh, chốt giữ đường đi Đà Lạt. Người Việt Nam đón hòa bình với tiếng chát lưởi khi mở tờ báo, lúc chui xuống hầm, bế con chạy trốn pháo. Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam: Thật sự đùa cợt tàn nhẫn trên bi thương của dân tộc Việt. Hòa Bình, chiếc bóng ao ước của cả một giống nòi chấp chờ ảo tượng. Hôm nay, cuối tháng thứ năm của ngày ngưng bắn, tất cả dạng thức hòa bình vẫn còn rời rạc, trừ hiện tượng người Mỹ đã mất hẳn, để khi đi trên đường trong Tân Sơn Nhất, trong Long Bình, Cam Ranh với canh cánh phản ứng...Hóa ra “Hòa Bình” đã đi được một bước cụ thể. Bước trở về của đám lính Mỹ bên kia đại dương Thái Bình. Và cũng chỉ có mỗi hiện tượng đó, tất cả còn nguyên vẹn. Hòa Bình-Việt Nam Người ở đâu ?

Có một cảm giác không an toàn, âu lo phảng phất trong không khí. Cắt đứt thành lập một quốc gia thứ ba, ngưng bắn thật sự lại chờ đợi Hội Đồng Hòa Giải và cơ chế chính trị mới. Hay...Đánh trở lại ?!! Những câu hỏi nhức nhối theo từng nhịp thở khi nghe tiếng đại bác rì rầm vang vọng trong đêm.

Chuyện gì sẽ xảy đến ? Và câu hỏi hệ luận: Mặt trận giải phóng hiện đang toan tính gì? Lẽ tất nhiên, phần cuối cùng của chiến lược cộng sản không thể đơn giản khẳng định với một minh xác cụ thể, nhưng nét chính chiến thuật phải nằm trong toàn bộ chiến lược lớn của đảng lao động Việt Nam mà mục tiêu lớn từ lâu không thay đổi: Nhuộm đỏ toàn thể Đông Dương.

Nhưng dẫu nắm được điểm chính chiến lược của miền Bắc, cũng không thể dễ dàng tìm ngay được giải đáp cho câu hỏi. Đoạn đường dài đó, đảng lao động từ lâu đang tâm thực hiện, nhưng nhịp độ, phương thức thực hiện của bước tiến luôn vấp phải muôn ngàn trở ngại do đối kháng của phía Quốc Gia, tình hình quốc tế, nên di chúc Hồ Chủ Tịch được mặc nhiên uyển chuyển thi hành theo các đường vòng nói rộng hay ép chặt tùy hoàn cảnh. Nhưng cái đích của mọi từ trường hành động vẫn không ra khỏi hai cực nam châm, cụ thể là quyết tâm của người đã chết. Từ quan điểm chiến lược này của đối phương, chúng ta cần thiết tìm nên đường đi trong ý nghĩa tự tồn và tự cứu. Viên đạn của địch đã lên nòng, ta phải xét thêm vị trí của nòng súng, thế quỳ nhắm của địch để từ đó tìm ra đường lối chống đỡ. Làn chống đỡ cuối cùng để vượt qua cái chết hoặc chìm mất...Lập lại câu hỏi: Mặt trận giải phóng toan tính những gì có thể thay thế bằng một câu hỏi tương tự: Cộng sản đã mưu tính gì khi lấn chiếm những vùng đất có chung nhiều mẫu số.

Qua những vùng đất bị tạm chiếm, chúng ta có nhiều yếu tố để nhận diện đối phương.

29.3.72, mở đầu cuộc tấn công mùa Hè vào miền Nam, cộng sản Bắc Việt xua 13 sư đoàn bộ binh cùng ba trung đoàn chiến xa theo hai hướng Tây-Đông và Bắc-Nam, cường tập vào Tỉnh Quảng Trị với mục tiêu thứ nhất là Thị Xã Đông Hà, sau khi giàn đại pháo 130 ly của ba trung đoàn pháo nặng yểm trợ tiếp cận, quét sạch dây cản cứ hỏa lực chạy từ làng Vei, Hương Hóa, như Carroll, Sarge, C1, C2, A1, A2, từ biên giới Lào Việt đến bờ biển. Mặt trận Đông Hà vỡ vì Sư Đoàn 3 Bộ Binh và một Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến không thể nào giữ được một tuyến phòng thủ rộng đến ba mươi cây số không chiều sâu.

Ngày 1.5.72 Quảng Trị mất, người dân dùng tất cả mọi phương tiện để xuôi Nam. Thật lạ, người Việt vốn rất tình, rất thương với biển cố, nhưng khi một làng xóm, một Quận lỵ vừa ngửi mùi "bộ đội" gần đến, đã vội vàng di tản. Lữ Đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến giữ nhiệm vụ bao chốt, vét hết người dân Quảng Trị cuối cùng và dừng lại tại Mỹ Chánh để lập phòng tuyến cuối. Điểm giữa đường Quảng Trị-Huế.

Ngày 29.6.72, hai Sư Đoàn chủ lực của miền Nam, Nhảy Dù phía tay trái, Thủy Quân Lục Chiến tay phải, cùng song song tiến về hướng Bắc lấy Quốc Lộ 1 làm chuẩn và Thành Phố Quảng Trị làm mục tiêu cuối cùng.

Bắt đầu từ ngày 29.6.72 và chấm dứt vào cuối tháng 7.72, Quảng Trị "nóng" mùi lính Cộng Hòa, chỉ trừ một chốt cuối: Cổ Thành Đình Công Tráng, ba Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến hoàn tất nhiệm vụ đúng 12 giờ trưa ngày 15.9.72. Mặt trận Quảng Trị được phân ranh rõ rệt bởi giòng Sông Thạch Hãn.

Tháng ngày qua từ từ, cuộc chiến tạm kết thúc với không người thắng cũng không kẻ bại.

Kết quả, Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình ra đời, tờ Hiệp Định quái dị, mờ mịt và lầu cá như một bài thơ tự do mà mọi phe đều có thể giải thích với phần lợi cho mình. Hòa Bình: Từ ngữ linh thiêng lần đầu tiên được gọi tới.

Ta kiểm điểm đất đai cộng sản đã chiếm được ở mặt trận phía Bắc: Từ Đèo Lao Bảo ra đến Cửa Việt, từ Sông Bến Hải vào đến Sông Thạch Hãn và đặt lại câu hỏi mà suốt những ngày đầu cuộc đại chiến của năm 1972 đã nhiều lần được nói tới: Cộng sản muốn chiếm Huế hay không ? Câu trả lời có thể đặt lên hai vế mà không sợ lầm lẫn. Về mặt chiến thuật, Huế cũng là một mục tiêu nhưng chỉ là một mục tiêu

chiến thuật, của sư đoàn 324B. Bằng tất cả cố gắng, sư đoàn 324B này đã cài răng lược với Sư Đoàn 1 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa trong dự tính đẩy sư đoàn này ra khỏi các cao độ King, Birmingham, Bastogne, Checkmate ở vùng Tây-Nam Huế, để từ đây theo trục lộ 547 tiến về Huế (Đường đã một lần được sử dụng trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân). Nhưng Huế chỉ là một mục tiêu chiến thuật lớn chứ không phải là một thành phố mà quan điểm chiến lược Bắc Việt quan niệm đến.

Sự xác định quân sự căn cứ từ các yếu tố, sau khi chiếm được Đông Hà và Quảng Trị, cộng quân bỗng “khựng” lại ở bờ Bắc Sông Mỹ Chánh. Sự trì chậm của cuộc tiến quân có lý do là phương tiện tiếp vận không đi theo kịp với bước tiến của bộ binh. Nói rõ hơn, cộng quân không “chuẩn bị” để đẩy quân sâu về phía Nam hơn được, trong khi chuẩn bị là ưu điểm số một mà họ đã nhiều lần thực hiện đủ trong toàn thể các chiến dịch...Mậu Thân, Hạ Lào, cuộc tổng tiến công đầu tháng 4.1972 vào Đông Hà, Lộc Ninh, Darkto là những bằng chứng hiển nhiên về cách chuẩn bị kỹ của đối phương. Thế nên sư đoàn 324B cùng các trung đoàn thuộc quân khu Trị-Thiên của cộng sản dù có thay phiên nhau nhờ Sư Đoàn 1 Bộ Binh ở vùng núi Tây-Nam Huế, Thành Phố này vẫn chưa được quan niệm đúng cỡ như điểm dứt của chiến tranh Việt Nam.

Xác định kéo đến một hệ luận: Mục tiêu lớn của cuộc tổng tấn công không vượt khỏi ranh Sông Thạch Hãn, đường ranh giới này có thể tính được từ một khối óc điện tử khi có đủ các dữ kiện vừa trình bày. Khoảng đất 150 cây số vuông ở Bắc Sông Thạch Hãn là một vùng không có tiềm lực kinh tế và 90% dân chúng đã vượt sông bỏ làng mạc xuôi Nam. Không tài nguyên, không nhân lực, khoảng đất trống với thiên nhiên nghèo nàn đó trên ý niệm của chiến tranh cổ điển, chiến tranh chiếm đất, bắt dân, cướp tài nguyên không thể là mục tiêu đúng kích thước được. Nhưng lật tờ bản đồ Đông Dương chỉ với một nhận xét đơn sơ nhất của quan điểm chính trị địa lý, thì thấy vùng đất nằm hai bên Quốc Lộ 9, từ Đông Hà đến Tchépone quả thật là một trung điểm để kiểm soát được cạnh sườn Tây và Đông của dãy Trường Sơn nằm trên ba quốc gia Việt, Miên, Lào. So sánh Quốc Lộ 9 nằm trên trục Đông Hà - Tchépone-Savanakhet với trục Quốc Lộ 12 Thakhet-Đèo Mụ Già, trục lộ 19 Stungteng-Đức Cơ-Pleiku thì nhận thấy ngay được tính chất quan trọng của con lộ kể trên, con đường tương đối ngắn (dài hơn trục Bắc và ngắn hơn trục Nam) nằm giữa Trung Tâm của Đông Dương hợp với đường Hồ chí Minh thành ra một ngã tư nối liền được Đông-Tây, Nam-Bắc của bán đảo. Nhận định này cũng chẳng gì mới lạ, cộng quân chỉ lập lại hoài bão mà tổ tiên ta xưa không thực hiện được: Kiểm soát đường số 9, chế ngự Nam Lào để tiến lên Bắc, xuống Nam bình định luôn toàn thể bán đảo. Nhận định có thể kiểm chứng khi ta nhìn lại diễn tiến và kết quả của hai mặt trận khác, Darkto và An Lộc.

Từ Attoupeu trên đất Lào, đường Hồ chí Minh có một hệ thống rẽ về phía Đông. Gọi là một hệ thống vì gồm những con đường phẳng phiu trơn láng chạy quanh co trên các cao độ chập chùng, không che dấu dưới cánh phi cơ quan sát hay bằng mắt trần từ các Trại Ben Hét, Căn Cứ 5 hay từ các Căn Cứ Hỏa Lực dọc Sông Pôkơ của Nhảy Dù.

Mặt trận Tam Biên bao lâu nay vẫn giữ nguyên cường độ cơi các trận đánh quanh các Căn Cứ 5, 6, cứ điểm Darksong, sư đoàn sao vàng hay nông trường 2 (lực lượng chính của quân vùng khu cộng sản Kontum, Phú Yên, Bình Định) có nhiệm vụ vừa đánh cầm chừng đồng thời bảo vệ luôn đường dây “giải phóng” nối từ đường dây xã hội chủ nghĩa (đường Hồ chí Minh) về miền bình nguyên Trung phần. Cao điểm Mùa Hè 72, cộng quân sử dụng sư đoàn thép hay sư đoàn điện biên (320) tấn công cường tập các mục tiêu Delta, Charlie, Vĩ Định của Nhảy Dù, dãy cứ điểm bị vỡ tung dần...Hậu quả tất nhiên là Darkto bị tràn ngập. Nhưng không như ở

Quảng Trị, Kontum vẫn không bị tấn công dứt điểm, bộ chỉ huy mặt trận B3 (Tây Nguyên) sử dụng thế liên hoàn, luân phiên cho các trung đoàn trực thuộc của sư đoàn 320 và sư đoàn F10 thay phiên nhau tấn công vào Kontum hai đợt trong tháng 5.1972, nhưng đơn vị cộng sản vào được thành phố chỉ là các thành phần đặc công, không có đại pháo, chỉ một ít chiến xa yểm trợ.

Mặt trận Kontum không vỡ, chỉ bị khựng lại trong một giai đoạn ngắn. Cộng quân bị chặn lại ở phía Nam Võ Định, một điểm bất ngờ không có được biên giới thiên nhiên để gọi tên. Thành phố cực Bắc của Vùng Cao Nguyên tưởng rằng đã có lúc rơi vào vòng tay địch, rồi cuộc trở nên Thành Phố yên tĩnh đầu tiên ngay từ đầu tháng 6.1972, khi ông Thiệu đáp trực thăng xuống để gắn sao cấp Tướng cho Đại Tá Bá, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Kontum vẫn chưa bị pháo 130 ly, mẫu số trùng hợp với Quảng Trị ở điểm: Tại sao cộng quân không đưa pháo xuống sâu hơn nữa ?

Tại mặt trận An Lộc, quả tình cộng sản đã rơi vào sai lầm chiến thuật khi không phối hợp được chiến xa và quân bộ chiến ở những lần cường tập hồi đầu tháng 4.1972, lúc mà Tướng Hưng chưa bố trí kịp các đơn vị của Sư Đoàn 5 Bộ Binh và các lực lượng tăng phái chưa vào trận. Địch mất đi một dịp may lớn để lấy được An Lộc trong lúc đủ thế thượng phong. Mặt trận An Lộc sở dĩ đã có kết quả như đã xảy ra cũng do yếu tố chính: Địch ngã về phương thức bao vây An Lộc, lập chốt dọc Quốc Lộ 13 để tiêu diệt lực lượng tăng viện chứ không thực hiện phương thức bao vây cường tập, chiếm giữ An Lộc để rồi tiếp tục uy hiếp Lai Khê, Bình Dương hợp cùng các cánh quân của những mặt trận phụ như sư đoàn C30B đang ở vùng Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng (Hậu Nghĩa), công trường 5 đang ở Dầu Tiếng, Trị Tâm, Bình Dương, (công trường 5 sau khi dứt điểm Lộc Ninh ngày 5.4.1972 chia hai lực lượng đánh vào Phước Bình và Dầu Tiếng) cùng tiến chiếm Thủ Đô Sài Gòn. Giải thích như vừa kể để chúng ta nhìn rõ lại mục tiêu của cộng sản, vẫn là các phần đất nằm hai bên Quốc Lộ 13 và gần biên giới. Nơi thích hợp nhất để họ đặt bộ chỉ huy tiến thẳng về Sài Gòn, sang trái là các Tỉnh Cao Nguyên và Nam Trung phần, phía phải là Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, đồng thời nếu cộng sản muốn đặt một cái gọi là thủ đô cho chính phủ lâm thời trong vùng này, người ta mới có thể hiểu được lý do chọn lựa kể trên.

Nhìn lại ba vùng chiến trận của thời gian qua, căn cứ vào những sự kiện chính trị của địch, diễn tiến, kết quả và hậu quả của hội nghị Ba Lê, ta có thể đúc kết nhận định tổng quát với hai điểm nổi bật:

Thứ nhất, cuộc tổng tấn công Mùa Hè 72 vào ba vùng của Việt Nam Cộng Hòa với mục tiêu là những thị trấn, những vùng đất biên giới, không thuần túy chỉ là những cuộc tấn công quân sự nhằm biểu dương sức mạnh của chế độ và các mục tiêu sở dĩ được chọn lựa chỉ vì thuận lợi cho việc tiếp vận, tiếp trợ và điều động chiến thuật. Trận đại chiến được thực hiện không với ý niệm giản dị như thế, nó có mục đích to lớn, tổng quát hơn mà chúng ta có thể tìm thấy được do căn cứ trên những sự kiện khác. Đây là khi ba mặt trận lớn bùng nổ, các mặt trận phụ ở những vùng đông dân cư, vùng bản lề mở cửa vào Thủ Đô, những vùng tiếp giáp với bờ biển như Hoài Ân, Bồng Sơn, Bà Rịa, Long An, Chương Thiện, Tây Ninh, Bình Dương, Long Khánh đều bùng nổ với cường độ dồn dập. Những trận đánh này không thể quan niệm như là những cuộc hành quân thuần túy quân sự với âm mưu hỗ trợ cho ba điểm chính.

Thật quá giản dị khi cho rằng Quận Đất Đỏ (Phước Tuy), Quận Hoài Ân, Căn Cứ Đệ Đức (Bình Định) là những mục tiêu chính của cuộc tổng tiến công. Lẽ tất nhiên, chúng chỉ là mục tiêu lớn cho một tiểu đoàn, vài đại đội, nhưng cuộc đại tấn công có tính chất chiến lược quan trọng hơn, Bắc Việt muốn gây lại cho mặt trận giải

phóng hệ thống hạ tầng cơ sở ở khắp miền Nam, đặc biệt nhắm vào những vùng đông dân, bản lẻ, để chuẩn bị lực lượng quân chúng đấu tranh cho những ngày của...Hòa Bình. Những ngày sau 27.1.1973. Một hướng khác, thuần túy quân sự và rõ ràng hơn, là trong trường hợp lực lượng quân sự cộng sản dứt điểm được các mục tiêu Quảng Trị, Kontum, Pleiku, Lộc Ninh, họ sẽ triển khai thành một tuyến biên giới xong đánh úp toàn bộ miền Nam, từ Quảng Trị đánh sâu xuống Huế chiếm Đèo Hải Vân, cánh quân từ Kontum tràn xuống đồng bằng lập vòng đai dọc Quốc Lộ 19 chia đôi miền Nam bởi trục Kontum-Bình Định, và cánh quân An Lộc sẽ dứt điểm Sài Gòn. Trong chiều hướng này cộng sản sẽ phá bỏ Hội Nghị Paris, thành lập chính quyền đỏ, thống nhất đất nước, tràn qua phía Tây bắt tay với các cơ sở nằm vùng phía Đông Sông Cửu Long ở đất Miên vẽ lại bản đồ Việt Nam!! Ý hướng này (lẽ tất nhiên) đã không thực hiện được...(1)

Cuối Thu 72, cuộc đại chiến lắng xuống, một vài vùng đất của Việt Nam Cộng Hòa bị cộng quân tạm chiếm được giải tỏa, các thị trấn lớn dần dần dứt pháo. Thế nhưng, những đường giây giao liên quan trọng (Đã bị đứt khúc, vỡ tan sau các cuộc hành quân lớn như Johnson City hồi năm 67, sau Mậu Thân và bị vô hiệu hóa trong giai đoạn 69, 70...) dần dần được nối lại. Từ đường mòn Hồ Chí Minh khoảng ở Attopeu, các cán binh cộng sản có thể yên lành theo Đường 36 vào Ben Hét, đến Darkto để từ đây theo Đường 14 lên hướng Bắc tiến vào thượng lưu Sông Thu Bồn, ngỏ chính đường về Đồng Bằng Quảng Nam hoặc từ Darkto theo hướng Đông vượt Sông Dark-Psi cạp theo đường Liên Tỉnh số 5 vào thung lũng Gia Vực, từ đây ra Quảng Ngãi hay vào Bình Định chỉ còn là kỹ thuật di chuyển.

Cuộc đại tấn công cũng đã nối lại được những đường dây ở bên kia biên giới Kampuchia để về Việt Nam. Các mặt khu Ba Thu, Lý Văn Mạnh, Rừng Chàm, Bà Vù, cuối cùng là những nơi “ém quân” sát nách Thủ Đô Sài Gòn và cách Trung Tâm Sài Gòn với cự ly súng cối 82 ly. Những đường dây nối lại, những vùng “xôi đậu” dày hơn, tốc độ đắp mìn, gài mìn tăng trưởng, Ấp Mỹ Nhơn, Mỹ Yên cạnh Quốc Lộ 4 nằm giữa ranh hai Quận Bình Chánh (Gia Định), Bến Lức (Long An) biến thành hai Ấp hạng C, ban ngày Cán Bộ Xã Việt Nam Cộng Hòa khó khăn vào thu thuế.

Một tình hình tổng quát tương tự như những ngày của năm 1960 với lớp cán bộ hạ tầng cộng sản mới có khả năng và tuổi trẻ hơn, bắt đầu cấy sâu dần nơi nông thôn miền Nam: Những cán bộ chính trị người Bắc. Thế trận chính trị bắt đầu, những ngày đầu năm 1973 kịp đón nhận biến cố: Hội nghị Ba Lê hoàn tất bản thỏa hiệp.

Thứ hai, cuộc đại chiến dù trải qua sáu tháng quân sự dồn dập vì đã có khi người ta nghĩ đến lúc cán bộ đặc công cộng sản chờ lệnh giờ G (Giờ khởi đầu của lệnh hành quân) là ra mặt tàn sát, khởi đầu bạo động trong các thành phố lớn. Cũng có lúc người ta nghĩ rằng Hà Nội khó đứng vững thêm một ngày một buổi nào nữa, khi 100 pháo đài bay B52 không kể 300 chiến đấu cơ hộ tống cùng đánh bom liên tục trong 12 giờ, từ bình minh đến hoàng hôn trên vùng trời Hà Nội như trong ngày 5.12.1972. Nhưng tất cả khó khăn căng thẳng đều đi qua, Bản Hiệp Định ngưng bắn vẫn được hoan hỷ ký kết cùng với những điều khoản được dự trù thực hiện trong khoảng thời gian có giới hạn. Các yếu tố cụ thể dần dần được thống kê và hợp thức hóa để sẵn sàng tham dự trò chơi “Hòa Bình”.

Các chuyến bay thả tù từ Phú Quốc, Biên Hòa, nhận tù ở Gia Lâm (Hà Nội), Lộc Ninh (Bình Long) được thiết kế và phân công. Hiệp Định đi bước thực hiện đầu tiên: Trao trả và tiếp nhận tù binh. Các địa điểm trao trả đã sẵn sàng. Kết quả tích cực nhất của chín tháng đại chiến.

Hai tháng sau ngày hiệp định ký kết, 26.058 tù cộng sản, 5018 tù Việt Nam Cộng Hòa dần dần được trao trả trên sáu địa điểm chính, bờ Bắc sông Thạch Hãn, Quảng Trị, Đức Phổ (Quảng Ngãi), Hoài Ân (Bình Định), Lộc Ninh, Minh Thạnh (Bình

Long) và Thiện Ngôn (Tây Ninh). Cuộc trao trả tù binh đã vô tình hợp thức hóa “thực thể”: Mặt trận giải phóng có được một vùng tạm kiểm soát lổm đổm, xen kẽ lẫn vùng Việt Nam Cộng Hòa. Điều này làm mạnh thêm nhận định: Cuộc đại chiến chỉ là mặt nổi, dứt điểm cho hội đàm, thế nên chiến trận dù đã đạt đến cường độ cao nhất cũng chưa phải là “điểm nổ” để gây nên hệ thống nổ dây chuyền ảnh hưởng đến toàn thế giới. Hội Nghị Ba Lê do đó đã không thể tan vỡ để bản hiệp định như là cơn hạ sốt phải đến sau cùng.

Nhưng đến khi phải thi hành hiệp định, phía cộng sản đã không chấp thuận phương thức ngưng bắn tại chỗ, vạch đường phân ranh tạm thời, ấn định mỗi vùng trú quân tạm thời cho hai lực lượng tham chiến, cấp chỉ huy chiến trường gặp gỡ để cam kết, cụ thể hóa vấn đề ngưng bắn (Điều 2, 3 và 7 của đề nghị Việt Nam Cộng Hòa). Phía cộng sản đã không chấp nhận danh xưng “vùng trú quân tạm thời”, họ lý luận đó là các vùng kiểm soát “thực tế” của mặt trận giải phóng, không cần phải xác định ở cấp trung đội, tiểu đội, nơi nào có cán binh cộng sản, nơi đó phải được xem như vùng “kiểm soát” của họ. Cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau chưa đủ, phải từng cá nhân võ trang của cả hai bên mới hội đủ cho điều kiện thảo luận ngưng bắn.

Những đòi hỏi như trên lẽ tất nhiên không thể chấp nhận được. Nhưng kinh qua sự kiện cùng các diễn tiến của hội nghị Ba Lê trong hạ tuần tháng 5, 7.73 và những ngày trước thông cáo chung 13.6.73, người ta thấy hiện hiện một âm mưu thâm độc của phe bên kia: Cộng sản muốn hợp thức hóa vùng đất kiểm soát để có đủ yếu tố cụ thể cho một “nước” với chính phủ, quân đội và đất đai riêng. Âm mưu đã lộ dạng toàn thể vào những ngày đầu tháng 6.73 tại bàn hội nghị Liên Hợp Quân Sự cũng như ở La Celle Saint Cloud.

Đến đây, có thể có thêm một nhận xét. Chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa và cả mặt trận giải phóng đều có chung một ưu tư về thành phần thứ ba trong Hội Đồng Hòa Giải (Điều 12a của Hiệp Định), một thành phần tuy yếu “lực” hơn hai thành phần kia nhưng là “hy vọng” của toàn bộ hiệp định.

Sự kết luận về “nước” thứ ba như trên có vẻ khó thực hiện khi nhìn tình trạng đóng quân hiện tại của lực lượng võ trang mặt trận giải phóng một tình trạng loang lổ trải dài trên miền Nam qua các Tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kontum, Bình Định, Pleiku, Tuy Hòa, Bình Long, Tây Ninh, Chương Thiện, Kiên Phong v.v... Có nơi cộng quân chiếm được một Quận hoặc một vùng rộng lớn như phần đất Bắc Quảng Trị xuyên qua các Quận Triệu Phong, phần đất Bắc Kontum (Quận Tân Cảnh), phần đất Bắc Bình Long (Quận Lộc Ninh và một phần Quận Chơn Thành, An Lộc). Có nơi cộng sản chỉ chiếm được một Ấp nhỏ sát vùng kiểm soát như ở Quảng Ngãi (Ấp Vạn Lý thuộc Quận Đức Phổ). Có nơi cộng sản không chiếm hẳn được một Ấp Xã hay Thị Trấn nào như ở Chương Thiện, Định Tường, nhưng nhiều vùng trong các Tỉnh này có rải rác cán bộ chính trị nằm vùng và lực lượng địa phương, du kích khi ẩn khi hiện.

Từ nhận định vừa được cấu thành, nhìn vào kết quả của chiến tranh và diễn tiến của hòa đàm, những buổi họp ù lỳ của Ban Liên Hiệp Quân Sự hai bên trong suốt thời gian tháng 4, 5.73, bế tắc toàn diện của hội nghị song phương tại Ba Lê, cuối cùng là bản thông cáo chung của Kissinger và Thọ. Chúng ta có thể đi đến những kết luận như trên mà không sợ sai lầm về ý đồ của đối phương trong suốt quá trình trước và sau 27 tháng 1.1973.

Tuy nhiên, dù sự kiện đã sáng tỏ nhưng kết luận toàn diện và khả thể nhất vẫn là điều chưa khẳng định dứt khoát được vì diễn tiến, mục tiêu đấu tranh quân sự, chính trị của bộ chính trị đảng lao động Việt Nam vẫn là một điều bí mật, nằm trong những khối óc, trên bàn giấy của Duẩn, Đồng, Giáp, Thọ. Nghị quyết của ngày 10.2.73 cũng chưa phải là điều suy tư chính thức của các ủy viên trung ương đảng

mà có thể là một trong những nội dung “bề mặt”, đôi khi không phản chiếu gì đến “điểm chiến lược” mà có thể những ủy viên cũng không đồng nhất hoặc hoàn toàn khăng định.

Thế nên, những kết luận sau, có thể xem như một lối nhìn giữa một rừng hỏa mù mà toàn đất nước đang chìm sâu:

a) Cuộc đại tấn công là “điểm” chính đối với các sư đoàn chính quy Bắc Việt, dùng hết lực đánh phá chiếm đóng các Thành Phố, ví dụ như Huế, Kontum, Bình Dương và có thể được là Sài Gòn (Như dự định đầu tiên của mặt trận An Lộc). Chiếm các đô thị lớn, lật đổ cơ cấu chính trị hành chánh của Việt Nam Cộng Hòa, phá bỏ hội nghị Ba Lê. Nhưng như thực tế đã xảy ra, phía cộng sản không thực hiện được sự trù tính này. Hội nghị Ba Lê do đó có kết thúc ngày 27.1.1973 với một thỏa hiệp có thể giải thích dưới nhiều quan điểm khác nhau.

b) Không thực hiện được dự tính theo phương cách trên, cộng sản dựa một chân trên các phần đất đã chiếm được để giải thích bản hiệp định theo ý đồ riêng. Ý đồ này được nhận rõ khi cộng sản khước từ đề nghị của Việt Nam Cộng Hòa về việc ngưng bắn tại chỗ, cấp chỉ huy chiến trường hai bên gặp nhau, định vùng trú quân tạm thời cho hai bên trong khi chờ đợi thành lập hội đồng hòa giải, tổ chức tổng tuyển cử. Phái đoàn mặt trận giải phóng luôn luôn nhắc đến điều kiện tiên quyết trên của mặt trận giải phóng, vậy chúng ta cần mở một cánh cửa mới để tìm hiểu thêm một sự kiện khả thể khác, một dự phóng đi xa hơn các điều 9 và 12 của Hiệp Định (Về quyền tự quyết của miền Nam và tinh thần hòa giải giữa các phe). Để hiểu rõ sâu xa và cụ thể hơn, chúng ta xét đến chi tiết của từng vùng tạm chiếm. Vùng đất tiếp giáp Nam Quảng Trị, vùng đồi từ phía Nam Khe Sanh, Hương Hóa càng về phía Nam càng đi ra gần biển. Bắt đầu từ Văn Xá núi chỉ cách đường số 1 khoảng mười cây số đường chim bay. Truồi và Cầu Hai, Trường Sơn đi song song với bờ biển và cuối cùng mồm Hải Vân, ranh giới thiên nhiên giữa Thừa Thiên và Quảng Nam. Trong vùng núi đồi này, cộng quân đã bố trí sư đoàn 325 từ Khe Sanh xuống đến vùng Cổ Bi, Hiền Sĩ (An Lỗ, Thừa Thiên-Huế) và từ đây sư đoàn 324B (đã có mặt từ lâu) nối tiếp hoạt động sâu xuống phía Nam hướng A Sao, Thừa Thiên. Trên trăm cây số đường núi song song với Quốc Lộ 1 từ Quảng Trị đến A Sao có các đường 518, 547, 548, 561 trước kia chỉ là những đường mòn di chuyển bộ binh, nhưng từ sau ngày 27.1.73, khi các mặt trận chấm dứt, cộng quân dồn nỗ lực khai thông và kiến tạo hệ thống đường mòn trên, nhất là đường giao liên T7 (Đường về A Sao hay căn cứ địa 611) thành những con đường rộng rãi trải đá để xe Molotova có thể di chuyển. Từ A Lưới, cách biên giới Lào Việt chừng mười cây số, đường giây T7 có một đoạn rẽ sang mặt để nối vào lộ 922 trên đất Lào. Đường 922 là một nhánh rẽ của đường 92 hay binh trạm 36 thuộc đường 559 hay cũng là đường mòn Hồ Chí Minh, đường dây xã hội chủ nghĩa. Thung lũng A Lưới, A Sao vốn có sẵn ba phi trường, Phi trường A Lưới, Tà Bạt thuộc loại lớn, máy bay C130 có thể xuống được nếu có hướng dẫn, nay nếu hoàn tất thêm hệ thống đường bộ thì vùng núi non này không còn là một vùng bị cách trở với các thị trấn miền biển, lại càng gần gũi hơn với các vùng nội địa Đông Dương. Trên thực tế, vùng này nằm ngang với Đà Nẵng trên một vĩ tuyến, (cách vĩ tuyến 16 khoảng một trăm cây số về hướng Bắc) và cũng là trung bình điểm của vùng đất kể từ Đà Nẵng vào đến biên giới Lào, Thái. Phi trường A Lưới, Tà Bạt còn được ghi nhận là phi trường của mọi thời tiết. Từ A Sao, cộng quân đang dồn mọi nỗ lực để nối tiếp đoạn đường sạn đạo xuôi Nam. Đoạn Khe Sanh, A Sao tuy được thiết lập trên những đỉnh Trường Sơn, vùng Triệu Phong (Quảng Trị), Nam Hòa (Thừa Thiên), nhưng vùng núi non này tương đối dễ dàng với những đỉnh núi cao chỉ trên dưới ngàn thước như ở Thượng Lưu Sông Mỹ Chánh ranh Tỉnh Quảng Trị, Thừa thiên. Đoạn đường phía Nam A-Sao thì gai góc, khó khăn

hơn, ranh Thừa Thiên, Quảng Nam từ Hải Vân trở vào đất Lào là một chuỗi núi trẻ, cao độ trên một ngàn thước chập chùng tiếp nối vào nhau với những sườn dựng thẳng đứng đổ xuống các thung lũng hun hút, mở đầu cho những nhánh thượng lưu của hệ thống Sông Buông, Sông A Vương, Sông Côn... Nhưng cộng quân đang khai triển tới đa khả năng nỗ lực của cán binh và dân công phần đông là tù binh Việt Nam Cộng Hòa để khai rộng con đường 458 hầu nối hết những nút cuối của chặng đường mà tiền nhân xưa đã một lần sử dụng: Con đường nối vùng núi rừng Kontum theo trục Kontum- Quảng Nam- Thừa Thiên- Quảng Trị, nay được hiện đại hóa bằng các địa danh mới: Khe Sanh -A Lưới-A Sao-Đại Lộc-Darkto, bởi một hệ thống đường giây: 547, 458, Bắc Quốc Lộ 14 (Bắc Kontum). Đầu và cuối của hệ thống này được mắc nút vào hai trụ của đường dây xã hội chủ nghĩa. Cần mở thêm một ngoặc đơn ở đây để xác nhận thêm ý định của địch, trong những địa điểm mà cộng sản đưa ra để trao trả tù binh có vị trí cách Hà Tân (Quảng Nam) mười cây số đường chim bay về hướng Đông và thung lũng Hà Tân chính là điểm nối của Đường 458 với cực Bắc của Đường 14 chạy từ Kontum lên.

Từ vùng Tà Lơn, Hà Tân của vùng Quảng Nam này, công việc xuôi xuống Đồng Bằng Sông Thu Bồn (Vùng Duyên Hải Quảng Nam) hay theo Quốc Lộ 14 để vào Nam (Bắc của Kontum) không vấp phải trợ lực của thiên nhiên nào đáng kể. Con Đường 14 của đoạn này lại cập theo con Sông Cái chạy giữa một thung lũng trống trải, chỉ cần sửa chữa với các phương tiện tối thiểu cũng sử dụng lại dễ dàng.

Chúng ta vừa đi qua một vùng địa thế bao gồm các phần đất thuộc các Tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Kontum và Bình Định với hệ thống đường giao liên 518, 516, 517, 548 (Vùng Khe Sanh), 458 (Vùng ranh Thừa Thiên-Quảng Nam), Đường số 14, Liên Tỉnh Lộ 5 (Nối Kontum-Quảng Ngãi) và đường dây 514 (Nối Quảng Ngãi-Bình Định: Từ Thung Lũng Gia Vực đến Thượng Lưu Sông An Lão), đường dây này cộng quân đã sử dụng để chuyển chiến xa từ vùng ba biên giới xuống tham chiếm mặt trận Hoài Ân hồi tháng 5.72. Hệ thống đường đã và đang được tu sửa lại để có một trục lộ giao thông song song với Quốc Lộ 1 xuyên qua vùng núi non của năm Tỉnh cực Bắc Việt Nam Cộng Hòa. Hồi chánh viên Trần đức Cường đã nói rõ hơn về đoạn Bắc con đường: “Hiện họ (cộng sản) đang khai dụng theo một đường mới ở dãy Trường Sơn từ Quảng Trị đến Quảng Nam, ba tiểu đoàn dân công được sử dụng để sửa sang lại đường xâm nhập này và phi trường A Lưới. Từ bốn tháng nay, kể từ 27.1.73, chiến xa hạng nặng bắt đầu di chuyển rầm rộ theo con đường này để từ Quảng Trị vào Nam...”

Điều này chứng minh cho nhận định đầu tiên của bài viết: Cộng sản không “tha thiết” lắm với các mục tiêu thành phố. Các thành phố nếu có thể, chỉ là mục tiêu đến sau đối với các sư đoàn chiến thuật. Và chiến trận đã diễn ra dưới một cường độ hợp lý để không đi đến điểm nở cuối cùng. Cả hai bên đều có lý thắng khi giải thích các thành quả mình đã thu đạt được tại chiến trường (1972). Và hai bên cũng đều có lý thắng khi giải thích kết quả của Hiệp Định Ngưng Bắn 1973.

Từ những sự kiện được móc nối hợp lý như trên, chúng ta có thể tìm đến kết luận không xa với sự thật và chính xác: Cộng sản không thể và cũng không bao giờ từ bỏ phần đất cập theo sườn Đông Trường Sơn chạy qua năm Tỉnh khi họ đã được nối ráp vào nhau thành hình tượng thực tế. Dãy Trường Sơn chỉ là biên giới thiên nhiên chứ không thể là biên giới nhân văn hay chính trị khi khối nhân lực ở Đông và Tây của dãy núi cùng trong một lực lượng quân sự mang chung một ý hướng chính trị. Và như vậy con đường giao thông qua vùng Trường Sơn chỉ được quan niệm như lối đi bình thường trong một xứ sở núi non.

Âm mưu thành lập một quốc gia thứ hai ở miền Nam không phải chỉ được bộc lộ trong ý hướng tấn công vào các mục tiêu như đã nói, cũng không phải chỉ hiện rõ

ở cách thức củng cố, xây dựng các phần đất tạm chiếm được, mặc dù ở bàn hội nghị họ luôn luôn chối bỏ ý đồ này bằng những luận cứ vô cùng tha thiết: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một...Không có hai nước Bắc và Nam Việt Nam, vĩ tuyến 17 chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời...Đất nước sẽ thống nhất bằng tổng tuyển cử, hiệp thương, quan hệ hai miền bình thường, thì làm gì có nước thứ ba, thứ tư được!!” Nhưng luận lý vẫn chỉ là một lối nói, một số lời nói được học thuộc để sử dụng trong một giai đoạn nào đó, thế nên những cán bộ có bản phận ở bàn hội nghị cứ phải nói, phần đằng sau (tức là vùng cộng sản chiếm được) vẫn phải xây dựng, củng cố cơ sở, đấu tranh trên mọi “diện” để làm sao nổi bật được thực tế “vùng giải phóng”.

Con đường xương sống như vừa trình bày đang được tiến hành và đang được nối dài xuống phía Nam để nối vào đoạn Tây Ninh-Bình Long-Phước Long qua trục Quảng Đức- Pleiku, (Sẽ trở lại vấn đề này ở đoạn cuối bài viết).

Chúng tôi tiếp tục trình bày công việc xây dựng “vùng giải phóng” của cộng sản... Tại những nơi cộng sản chiếm được sau tổng tấn công 1972 như Cam Lộ, Gio Linh, Đông Hà, Tân Cảnh (Kontum), Xa Mát, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Đức Cơ (Pleiku) đều được xây dựng thành những trung tâm hành chánh, kinh tế. Họ đặt các ủy ban hành chánh, các “chính quyền địa phương nhân dân” và sử dụng các danh xưng này thật nghiêm túc...

- Tôi, Thiếu Tá Trần Cảnh đại diện chính quyền địa phương Tỉnh Pleiku.

Viên Thiếu Tá mặt xanh mướt vì sốt rét vừa chui từ hốc rừng Đức Cơ ra đến địa điểm trao trả Đức Nghiệp (Tây-Nam Pleiku ba mươi cây số đường chim bay) đã nói với giọng không chút khô hài. Không phải chỉ một mình Trần Cảnh, nhưng toàn thể cán bộ, binh lính cộng sản đều phải thực hiện mô thức “chính phủ lâm thời với vùng kiểm soát cụ thể...” đó. Trong mục tiêu của việc thành lập “nước” thứ hai cho chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Bắc Việt đã đẩy vào Nam hàng chục ngàn dân chúng thuộc các Tỉnh Bắc Trung Việt vào định cư ở những vùng Tây Nguyên, miền Đông Nam phần, phần phía Bắc Tỉnh Quảng Trị, sinh sống theo phong trào “quê hương mới”, phong trào đặt trọng tâm vào khối cán bộ, mà đa số là thanh nữ trẻ, những thanh nữ này có “nhiệm vụ” kết hôn cùng đám binh sĩ trẻ tuổi đã đi vào đây trước, hiện tại đã được biến cải thành người miền Nam (Những người miền Nam quá dị với giọng nói thổ âm miền Bắc). Đến đây, chúng ta có thể xác định mà không sợ sai lầm: Khẩu hiệu “Sinh Bắc Tử Nam” không là một khẩu hiệu “khích động chiến thuật” nhưng là một “chỉ đạo chiến lược” để hoàn tất cuộc xích hóa miền Nam. Và như thế, chiến tranh chỉ là một môi trường, quân đội chỉ là một phương tiện để miền Bắc chuyển khối nhân lực đầu tư vào miền Nam. Vậy, mặt trận cách mạng giải phóng miền Nam, chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ lần lượt đóng hết vai trò “chiến thuật” của nó, trận chiến cuối cùng, trận đấu then chốt vẫn chỉ là chúng ta cùng miền Bắc qua tám đềm “mặt trận”. Hình như cả thế giới, một số đông của thế giới không nhìn được âm mưu ghê tởm độc hại này. Nhưng cũng chỉ là một âm mưu rất rõ rệt.

Để tăng thêm cường độ hiện thực cho nước thứ hai kia, người cộng sản ngoài việc lập các nhà máy kỹ nghệ, điện lực ở các “thị trấn” Xa Mát, Đức Cơ, không quên khai triển hoạt động ngoại giao để có đủ hình thức một tổ chức quốc gia về cái gọi là chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Đại Sứ Nga, Trung Cộng, Algérie cũng có màn trình Ủy Nhiệm Thư lên Nguyễn hữu Thọ, Chủ tịch Thọ họp báo quốc tế v.v...Cộng hòa miền Nam Việt Nam đang được ráp nối dần từ mảnh như từng khúc đường trong vùng núi rừng Trường Sơn trùng điệp.

Ngoài ra, còn có thêm một điều đáng chú ý để làm mạnh cho luận cứ trên nếu là cộng sản muốn phá vỡ bản hiệp định bằng đường lối quân sự thì khoảng thời gian

tháng 6.73 vừa qua quả là giai đoạn chín mùi cho chuẩn bị chiến thuật. Nhưng cộng sản vẫn không mở cuộc đánh phá cấp độ lớn, không phải do lòng yêu chuộng hòa bình cũng không phải bởi tinh thần tôn trọng bản hiệp định mà họ đã ký, nhưng như Nghị Quyết ngày 10.2.73 của cộng sản Bắc Việt đã giải thích tình hình và đường lối đấu tranh sắp tới không phải thực hiện bởi nòng súng, điều này cũng phù hợp với nhận xét về cộng sản của J. Honey sau khi viếng thăm Hà Nội: “cộng sản Bắc Việt vẫn chủ trương xích hóa toàn thể Đông Dương (Tuyên bố hôm 27.3.73), có điều sách lược đấu tranh được quan niệm theo một đường lối khác”.

Vậy theo đường hướng mới này, một xứ sở “an toàn” nằm trên ba vùng đất trung tâm của Bán Đảo Đông Dương, cuộc xâm lăng miền Nam Việt Nam của Bắc Việt chỉ còn một khoảng cách chiến lược tối thiểu để hoàn tất bước chót của ý đồ.

Qua các tin tức từng được phát giác, chúng ta khẳng định được rằng cách thức sửa soạn của cộng sản ở phía bên kia giòng Sông Thạch Hãn, trên miền Trung Lũng Ba Lòng, nơi phía Tây Cổ Đô Huế kéo dài xuống miền Nam dọc theo dãy Trường Sơn cộng với các tin tức tại miền Lộc Ninh, các vùng đất từ Tây Ninh qua Bình Long sang Phước Long với các mật khu Tam Giác Sắt, Dương minh Châu, Hồ Bò, Bời Lời v.v... Các mưu toan chiếm lĩnh toàn thể vùng Núi Thất Sơn tại Châu Đốc, đặc biệt vùng Núi Dài, Núi Cấm với những hang động thiên nhiên hiểm yếu, những trận đánh dằng dai trong sinh lầy miền Chương Thiện để tranh giành những làng xóm hoang vu, những cánh đồng cỏ mọc thay lúa, người ta thấy chiến thuật của cộng sản vẫn là không bao giờ để đối phương có thì giờ nghỉ ngơi, đồng thời chính lực lượng của họ cũng không được phép nghỉ ngơi. Sự nghỉ ngơi đưa đến suy nghĩ, thắc mắc, so sánh, không có gì lợi ích cho mục tiêu do các lãnh tụ mà đầu óc đã chai cứng qua mấy chục năm vinh nhục vạch ra và nay họ phải thực hiện. Các tin tức trong các vùng cộng sản tạm chiếm cho biết rằng, ngoài những sự sửa soạn cho đến những quyết định về những ngày sắp tới. Cán bộ cộng sản luôn luôn học tập sách lược đấu tranh chính trị trong giai đoạn mới, cán binh được học tập đấu tranh võ trang phối hợp chính trị để lung lạc tinh thần dân chúng. Người cộng sản còn nhấn mạnh một cách đặc biệt sự huấn luyện các thành phần dân chúng còn kẹt lại trong các vùng họ chiếm được. Các tin tức cho biết họ tổ chức đám dân này thành đội ngũ, vừa tuyên truyền vừa dọa nạt, thành từng đội, từng tổ sản xuất, chiến đấu, thu thuế, dân công v.v... Họ đã lưu tâm tới đám thiếu niên, vì tuổi trẻ dễ bị kích động, dễ tin nên dễ lợi dụng. Đây là khối nhân sự có giá trị lâu dài về cả quân sự và chính trị. Rút tĩa kinh nghiệm từ những ngày tháng đại chiến dai dẳng của năm 72 và những năm trước, họ tổ chức lại nhân sự, chuẩn bị lương thực trong tinh thần tự túc tự lực, tái trang bị và tăng cường tối đa khả năng võ khí tối tân gồm cả chiến xa, đại pháo, phòng không, hỏa tiễn chuyển vận từ miền Bắc vào. Hiệp Định Ba Lê chỉ như một cuộc dừng chân tạm nghỉ để người cộng sản chỉnh đốn lại hàng ngũ và trang cụ. Người ta cũng thấy sách lược của họ vẫn là sách lược cổ điển, giai đoạn sắp tới, người ta sẽ không thấy cuộc xâm lăng của miền Bắc tại miền Nam Việt Nam nữa, nói một cách khác, ý định của một cuộc xâm lược như vậy sẽ được cộng sản Bắc Việt né tránh tối đa để người Việt Nam và nhân dân thế giới hiểu rằng, cuộc chiến tranh khủng khiếp sẽ xảy ra trong tương lai chỉ hoàn toàn là của “Nhân dân miền Nam Việt Nam”, do cái gọi là “chính phủ cộng hòa nhân dân miền Nam Việt Nam” lãnh đạo với đất đai và quân lực riêng, nghĩa là của “một quốc gia chống lại một quốc gia”. Nói như vậy để chúng ta hiểu thế quốc tế “tế nhị” gây nên bức tức cho chúng ta, do phía cộng sản tạo dựng thành và thế trận quốc nội từ một lực lượng võ trang không dân không đất ngày nào, tuy không được công nhận nhưng là một thực thể khiến cho công cuộc chiến đấu sinh tồn của chúng ta sẽ càng ngày càng đi vào những khó khăn phức tạp.

Những tin tưởng vào sự kiện Nga Xô, Trung Cộng bắt tay với Mỹ và cắt chiến phí cung cấp cho Bắc Việt để chấm dứt chiến tranh (Nếu thật sự đi chẳng nữa) cũng chỉ có giá trị giai đoạn, vì sách lược xâm lăng của cộng sản luôn luôn biến thái tùy hoàn cảnh. Không thể nào không xảy ra trường hợp Nga Tàu dù đã đồng ý với Mỹ thôi cung cấp chiến cụ cho Bắc Việt mà chiến tranh vẫn đột nhiên tái phát khủng khiếp trong một lúc nào đó. Tóm lại, những chuẩn bị của cộng sản trong các khu vực họ tạm chiếm trước ngày 27.1.73 hoàn toàn không có ý nghĩa như một củng cố cho các vùng đất này về mặt kinh tế chính trị để sống trong hòa bình: **Không hề là như vậy!!**

Tháng 6.1973

TỔNG LÊ CHÂN: GIỌT NƯỚC MẮT KHÔ CỦA HÒA BÌNH MIỀN NAM

Khi người dân trên toàn thế giới rung chuông, mở rượu, tung giấy ngũ sắc để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, cùng lúc đó tại một hóc hẻm của Việt Nam, trên ngọn đồi cao năm mươi thước giữa ranh giới hai Tỉnh Tây Ninh-Bình Long, một cứ điểm quân sự trông xuống hai con suối bắt đầu nổ súng như tia chớp giữa ngày quang.

Trận đánh Tổng Lê Chân bắt đầu nặng độ. Lợi dụng ngưng bắn, cộng sản ra mặt tấn công ngày. Không ai trên thế giới biết đến, tất cả muốn xóa đi, bỏ qua tai nạn cục bộ của một Việt Nam rầm rối. Hòa Bình: Thứ rượu nhạt mà thế giới hằng lâu không được uống. Tổng Lê Chân (Tonle Tchombe): trận chiến cuối mùa và cô đơn nhất của dòng thời gian binh lửa. Tính đến nay, căn cứ bị vây đúng 17 tháng hay 510 ngày. Không ai trong chúng ta nghĩ đến con số nhỏ bé ghê gớm này. Chúng ta cũng là những kẻ có tội.

Stalingrad bị người Đức bao vây 76 ngày, người Mỹ giữ cứ điểm Bataan 66 ngày, quân lực Anh và khối Thịnh Vượng Chung tử thủ Tobruk 241 ngày và ở Việt Nam, “địa đàng” của chiến tranh, nơi binh đao tung hoành không giới hạn, chúng ta cũng đã có những nơi chốn với tên gọi để đời như Điện Biên Phủ bị bao vây tới số lượng 57 ngày. Gần gũi và còn được nhớ là những trận đại chiến khởi đi trong mùa hè 1972, những trận đánh vượt qua hản chiến sử thế giới với các địa danh: Kontum, An Lộc, Quảng Trị. Nhưng Delta, Charlie ở Kontum cũng chỉ kéo trong vài ngày, An Lộc 110 ngày và Quảng Trị thực sự đến ngày 25.7.1972 đã được giải tỏa phần lớn. Thế nên, Tổng Lê Chân với 510 ngày bị vây hãm phải được xem là trận đánh dai dẳng nhất lịch sử chiến tranh nhân loại.

Căn cứ nhỏ bé đó từ ngày 10.5.1972 đã bị mờ khuất sau làn khói dậy lên từ An Lộc, Quảng Trị, Kontum (và đến nay) sáu tháng sau ngày hòa bình độc hại, chiếc Tiền Đồn lại càng có khuynh hướng bị xóa mờ để che dấu và vô hiệu hóa tội ác của những người cộng sản. Chúng ta phải nhỏ xuống giọt nước mắt để cầu nguyện cho một nhóm người trong 510 ngày đã phấn đấu để chứng tỏ cùng thế giới: Tội ác đã đồng nghĩa cùng người cộng sản. Tổng Lê Chân, giọt nước mắt tinh tuyền từ sức đối kháng vô bờ của người Việt miền Nam.

Căn cứ được thiết lập trên ngọn đồi cao năm mươi thước, trông xuống hai con suối Takon và Neron, những nhánh nguồn đầu tiên của Sông Sài Gòn, dày đặc khắp miền Tây Ninh, Bình Long, nằm trên đường ranh của hai Tỉnh này, cách An Lộc mười lăm cây số về phía Đông-Bắc và ở phía Nam biên giới Việt-Miền khoảng mười ba cây số. Điểm nhọn của chiếc Mỏ Vẹt, đại bản doanh của Cục R, trung ương cục Miền Nam chĩa thẳng vào căn cứ. Tổng Lê Chân trước kia là một trong những Trại Dân Sự Chiến Đấu thuộc Lực Lượng Đặc Biệt mà người Mỹ đã thành lập từ năm 1967. Trong lãnh thổ Quân Khu III dọc theo biên giới Việt-Miền từ Tây Ninh qua Phước Long có những Trại Bền Sỏi,

Thiện Ngôn, Katum, Tống Lê Chân, Lộc Ninh, Quản Lợi, Bù Gia Mập, chỉ riêng Trại Bến Sỏi nằm trong nội địa Tây Ninh, các Trại còn lại làm thành một hàng rào song song với biên giới hệ thống tiền đồn ngăn chặn, báo động lẫn xâm nhập, điều động của quân đội cộng sản từ bên kia biên giới, nơi có những địa danh đã một lần vang dội như Lũy Cầu, Mỏ Vẹt. Hệ thống Trại còn là nơi phát xuất những cuộc hành quân tuần tiễu phát hiện và tiêu diệt các đơn vị địch trong vùng.

Vùng hoạt động của Trại cũng là chiến khu của giặc: Chiến khu C, và cũng như hệ thống đường liên tỉnh mà chính quyền Tổng Thống Diệm đã thành lập từ những năm 1960, 1961, những Trại Lực Lượng Đặc Biệt, sản phẩm đặc ý của Tổng Thống Kennedy, người được yêu chuộng nhất của 37 đời Tổng Thống Mỹ. Nhưng đến bây giờ, năm 1973 tại Việt Nam, lúc người Mỹ đã quay phi cơ về Clark Field, Guam, bỏ lại xứ sở Đông Dương mịt mù tiếng đạn trong âm vọng hòa bình. Các trại kia chỉ còn lại là những chiến trường địa phương bị cô lập với thế giới bên ngoài đành đoạn.

Không phải là chiến tranh nữa, đây chỉ còn là những cơn sốt vỡ da cho “Hòa Bình” nguy hiểm. Tống Lê Chân, cơn sốt cuối cùng và dai dẳng. Dưới chân đồi căn cứ về phía Bắc còn có Đường 246 nối Tây Ninh và Bình Long, xuyên qua lớp rừng xanh lá, đây là con lộ huyết mạch để mặt trận nối liền hai vùng sinh tử, khu C và khu D. Tống Lê Chân cũng là yết hầu chặn ngang đường dây Bắc-Nam nối bản doanh Cục R và vùng Dầu Tiếng, để từ đây xâm nhập xuống Bình Dương-Gia Định. Với vị trí chiến thuật quan trọng như thế, Tống Lê Chân không còn là mục tiêu quân sự thông thường, căn cứ nhỏ bé này có một tầm quan trọng khẩn thiết. Kiểm soát được bốn hướng Tây-Đông, Bắc-Nam của toàn hệ thống giao liên quan trọng trong lòng căn cứ địa đối phương. Từ ngày thành lập, Tống Lê Chân chưa hề có một ngày thanh bình.

Tên địa phương là Tonlé Tchombé, vị Chỉ Huy Trưởng đầu tiên, Thiếu Tá Đặng Hưng Long, gọi trại thành Tống Lê Chân, binh sĩ nói thành Tống Lệ...Những người ngoài Binh Chủng Lực Lượng Đặc Biệt phần đông gọi theo danh từ hàm súc này. Tống Lê Chân tên tiền định cho số kiếp nghiệt ngã. Năm 1970, trong chương trình cải tuyền Binh Chủng, Binh Sĩ Trại phần đông là Dân Sự Chiến Đấu thuộc sắc dân Stiêng tỉnh nguyên ở lại cùng căn cứ để biến cải thành Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng. Tháng 4.72 song song với các cuộc cường tập vào Lộc Ninh, An Lộc, cộng quân đã có ý định “ủi lảng” hết dây căn cứ biên phòng trên để rộng đường điều quân, cùng chuyển vận quân nhu, quân cụ. Tình hình khẩn trương của thời gian ấy đã khiến Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Khu III quyết định rút hết lực lượng thuộc bốn căn cứ: Thiện Ngôn, Katum, Tống Lê Chân và Bù Gia Mập. Nhưng người chỉ huy của Tống Lê Chân đã có câu trả lời sau khi nhận được lệnh:

- Xin ở lại để chiến đấu bảo vệ căn cứ. Di tản tiếc quá, Biệt Động Quân mà di tản yếu quá...

- Tình hình có giữ nổi không ?

- Tất cả binh sĩ đều xin ở lại bằng mọi giá để bảo vệ uy tín Binh Chủng!

Định mệnh đã điểm giờ phút đó, Lực Lượng nhỏ bé của Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng trở nên những anh hùng lẫm liệt của trận đánh cuối cùng làm sáng tỏ sức chiến đấu bền bỉ của người cho Hòa Bình. Hòa Bình Việt Nam, giấc mơ tội nghiệp của một dân tộc được tưới thêm máu nóng của những người lính vô danh Tiểu Đoàn 92 trong một hốc của núi rừng miền Đông Nam bộ. Thế giới giữ được cân bằng trên hòa bình vất vả này. Toàn thể nhân loại có biết thế không ?

Giữ một vị thế trọng yếu trong hệ thống giao liên giữa căn cứ địa của địch, bảo vệ được cạnh sườn phía Tây cho An Lộc, Tống Lê Chân trên bản đồ hành quân của ban tham mưu Cục R đã được xác định là một mục tiêu cần phải “dứt điểm”.

Ngày 10.5.72 cộng quân dồn lực lượng đánh trận biển người vào căn cứ có chiến xa yểm trợ sau khi đặc công đã xâm nhập được vào vòng đai phòng thủ. Nhưng căn cứ vẫn đứng vững được như lời nguyện, người chỉ huy của Trại mang tên Lê Văn Ngôn với số tuổi khiêm nhường, 25 tuổi, đã giữ được lời thề. Ngôn thuộc Khóa 21 Đà Lạt ra Trường năm 1966, bây giờ tháng 9.73, Ngôn mang cấp bậc Trung Tá. Một thời gian kỷ lục nhưng không ai tị hiềm. Không thể tị hiềm được vì hình như Quân Sử Thế Giới không có một đơn vị nào bị vây trong thời gian 510 ngày vẫn còn đơn độc chiến đấu. Ngôn và Tiểu Đoàn 92 của anh là một biệt lệ, hiện thực ý niệm cao cả về trách nhiệm và giá trị mà người lính muôn đời hiện thực. Những người lính khắp nơi của thế giới đã nhiều lần chứng tỏ tầm vóc vĩ đại của mình trên Đảo Saipan, nơi buồng lái của những chiếc máy bay Zéro, trong những phi vụ trên vùng trời Âu Châu được đan kín bởi một lưới lửa đạn phòng không suốt Đệ Nhị Thế Chiến. Ở Việt Nam, trận Mậu Thân 1968, Hạ Lào 1971 và suốt năm 1972, nhiều đơn vị, nhiều người lính đã chứng tỏ phẩm chất vĩ đại cao cả của mình. Trên tất cả mọi cao điểm đó, Tổng Lê Chân rực rỡ với ánh sáng của riêng mình. Ngày 8.6.72, An Lộc được chính thức giải tỏa sau khi Tiểu Đoàn 6 Dù “bắt tay” được với Tiểu Đoàn 8 Dù, lực lượng cực Nam của cửa ngõ vào An Lộc, cộng sản thu quân về phía Tây để bồi dưỡng và chuẩn bị đánh lớn. Dãy căn cứ bạn đã di tản, Tổng Lê Chân còn lại một mình, công trường 9 việt cộng dùng lực lượng cơ hữu thay phiên nhau nhồi Tổng Lê Chân trong suốt một năm dài. Ngày 27.1.73 Hiệp Định Ba Lê được ký kết để tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Ngày 25.1.73 cũng là ngày N (1) của cuộc tấn công cường tập vào Tổng Lê Chân, cộng quân muốn “ủi lảng” căn cứ để hoàn toàn kiểm soát vòng đai biên giới từ Tây Ninh qua Lộc Ninh, cuộc tấn công không thành và bây giờ (tháng 9.1973) tám tháng sau ngày “ngưng bắn”, theo thống kê chính xác của người lính ngồi dưới hầm trốn pháo, theo bài tính cộng của viên sĩ quan hành quân tiểu đoàn: Căn cứ bị pháo kích 233 lần, 20 lần bị tấn công biển người, 7 lần đánh đặc công và chiếc đồn trơ trọi trên đỉnh cao 50 thước đó đã nhận 14.500 trái đạn đủ loại nổ liên tục trong tám tháng hay 220 ngày được gọi là “Hòa Bình” trên đất nước Việt Nam!!

Cuộc bao vây đã diễn ra trong 510 ngày dài, binh sĩ bị thương và chết lên đến gần con số 100, phần lớn bị thương không di tản được. Bất chấp luật lệ quốc tế, bất chấp cả lòng nhân đạo giữa những sinh vật gọi là người, và rất trái ngược với “tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc” mà từ tên lính gác ở bờ Bắc Sông Thạch Hãn đến gã Thượng Tá tóc bạc ngồi ở bàn hội nghị luôn luôn mồm nói lên với vẻ trang nghiêm cẩn mật. Máy bay trực thăng tải thương là mục tiêu thực tập cho các đơn vị phòng không cộng sản dựng dày đặc quanh căn cứ. Ngày 10.8.73 phi vụ tấn thương chót không thực hiện được, chiếc UH.1 của Phi Đoàn 233 bị đốn ngã, phi hành đoàn phải ở lại căn cứ và những người này chỉ có thể trở ra khi những người bạn cùng phi đoàn đã thực hiện được một chuyến bay không giống bất cứ một phi vụ trực thăng nào của cuộc chiến mười năm. Phi vụ bắt đầu lúc mười hai giờ đêm từ phi trường Biên Hòa và mục tiêu là Tổng Lê Chân. Phi vụ này còn có nhiệm vụ mang số tiền thưởng của quân dân Vùng III tặng Tiểu Đoàn 92 và cặp lon Trung Tá cho Ngôn. Phi Tuần Trưởng của chuyến bay này là Thiếu Tá Bảo bạn cùng Khóa với Ngôn. Nhưng tình trạng bị tráng này đã nảy nở ra một khía cạnh khác, trong số bảy mươi lăm người bị thương, con số xin ở lại lên đến bốn mươi. Đến một lúc nào đó, trong một hoàn cảnh thích hợp, sự can trường trở nên như một tính chất tổng quát và chung của cộng đồng. Bệnh sốt rét và phù thũng đã khống chế toàn trại nguyên do bởi thiếu dinh dưỡng và cuộc sống chật chội quá lâu dưới hầm đất. Trong tháng 7.73 các cuộc tiếp tế thả dù tưởng chừng như không thể thực hiện được. Chiếc móc nối kiện hàng và bộ phận phối hợp trên máy bay không còn nữa. Cuộc họp của các giới

chức cao cấp nhất về tiếp vận và không trợ đã diễn ra dồn dập để giải quyết vấn đề “cái móc”, mà một bộ phận chính là đoạn dây cable dài chừng một tấc. Đoạn dây cable này có nhiệm vụ giữ palette (tấm sắt làm đế của kiện hàng thả dù) với hệ thống phối hợp, khi máy bay đến địa điểm thả dù, bộ phận cắt sẽ được bấm nút để chặt xuống đoạn dây này, palette mang kiện hàng sẽ lặn ra cửa máy bay trên hệ thống bánh xe. Từ trước đến nay, các cơ quan thả dù Không Quân chẳng ai để ý đến đoạn dây ngắn ngủi này vì quá thừa thãi. Khi Tổng Lê Chân bị vây liên tục, đồ tiếp liệu, tiếp tế phải thả dù, nên đến một lúc người ta khám phá đoạn giây cần thiết này bị thiếu!! Muốn gọi mua ở Mỹ phải gọi đúng nơi sản xuất nó qua một hệ thống đặt hàng phức tạp, trước một thời gian dài, đoạn dây cũng phải được gọi bằng ám số lê thê, hãng chế tạo mới cung cấp đúng. Phe ta, vốn truyền thống “gì cũng được” nên đến lúc cần mới bật ngửa, không làm sao cấp thời giải quyết được. Nhưng cái khó không bó cái khôn, dây lớn đúng cỡ không có thì biến chế bằng hai sợi dây nhỏ kết vào nhau... Và kết quả, dù thả mười cái hết sáu cái rơi ra ngoài căn cứ!! Khoảng trống giữa hai sợi dây nhỏ kết lại đã làm thời gian cắt đoạn giây dài hơn vài giây. Vài giây của tốc độ hơn hai trăm dặm giờ khi phi cơ thả dù đã làm cho chiếc dù bay ra khỏi chiếc đồn nhỏ bé. Bị thảm hơn, có những ngày bị cộng quân pháo kích và tấn công liên tục, toàn căn cứ phải nhịn đói hoặc bắt gián ở các hầm cầu để nướng ăn thay cơm!! Nhưng dù thiếu thức ăn và sống dưới hầm lâu trong 510 ngày, cùng một lúc sức chiến đấu lại tăng trưởng theo chiều cao, theo cường độ tấn công và pháo kích của giặc. Tổng Lê Chân bắt chúng ta suy nghĩ khi biết được Gilles, viên Tướng nhảy dù lừng danh của Quân Đoàn viễn chinh Pháp đã nói cùng Cogny và Navarre: “Hãy móc tôi ra khỏi đây (Điện Biên Phủ), tôi vừa sống sáu tháng ở “ổ chuột” Na Sản... Tôi quá sợ những điểm bùng bít như thế này!!” (Sáu tháng ở cứ điểm Na Sản trong vị thế của một người chỉ huy cùng với phương tiện vật chất thừa thãi cũng đủ làm cho ông Tướng gốc người Corse phải kinh khiếp) thế nhưng trên ngọn đồi năm mươi thước, dưới hầm sâu lạnh tanh, viên Trung Tá trẻ nhất Quân Lực Miền Nam, Lê Văn Ngồn đã sống đến ngày thứ 510 cùng Tiểu Đoàn Biệt Động với quân số thiếu hụt và thực phẩm phải dè sẻn từng túi cơm sáy. Đau đớn hơn tất cả, Ngồn chiến đấu trong hòa bình giả tạo và gian dối mà đối phương cùng thế giới đang nhân danh mỗi giờ, mỗi phút. Những giờ phút Tiểu Đoàn 92 ẩn mình dưới giao thông hào đợi cơn pháo qua, giờ phút của 510 ngày thiếu ánh mặt trời.

Vậy vấn đề được đặt ra cùng sự kiện như đã trình bày: Chúng ta phải làm gì cho số người nhỏ bé cao cả trên cao điểm năm mươi này ? Ngăn chặn, phát hiện địch, giữ căn cứ để làm bàn đạp tung quân tuần tiểu, tấn công và truy kích địch, những mục tiêu đầu tiên mà ý niệm hành quân đã đặt để cho căn cứ không còn nữa. Chúng ta chỉ còn lại một biểu tượng bi tráng, chỉ có một chiến trường phi lý để những người anh hùng âm thầm ngã xuống trong lặng lẽ, làm sáng tỏ cách tàn ác, khiếp nhục của một hòa bình độc hại. Chúng ta sẽ là gì nếu bỏ qua hay thụ động buông thả để duy trì tình trạng phi lý độc địa này. Phiên họp đặc biệt cấp Trưởng Đoàn ngày 17.3.73 do Việt Nam yêu cầu và Hoa Kỳ chủ vị, chính thức đặt Tổng Lê Chân lên bàn hội nghị. Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa, Tướng Dư Quốc Đống đề nghị ba biện pháp cấp bách:

- Cử ngay một Tổ Liên Hiệp Quân Sự 4 Bên Trung Ương đi Tổng Lê Chân để điều tra vi phạm, sau khi có thỏa thuận tại hội nghị.
- Nếu hai phe cộng sản không thỏa thuận đề nghị, Hoa Kỳ trên tư cách chủ vị gửi văn thư yêu cầu Ủy Ban Quốc Tế cử người đi điều tra.
- Yêu cầu phía mặt trận giải phóng ra lệnh ngay cho các đơn vị của mình chung quanh Tổng Lê Chân phải ở nguyên vị trí không được bắn lên phi cơ của Ủy Ban Quốc Tế khi đến điều tra.

Nhưng lọc lừa là tính chất cơ bản, phía mặt trận giải phóng biết chắc phiên họp đặc biệt này sẽ thảo luận một vấn đề nghiêm trọng mà họ chưa có chỉ thị để giải quyết, dù Trần văn Trà mang quân hàm Trung Tướng chẳng nữa ông ta cũng không bao giờ quyết định được một vấn đề gì, dù vấn đề đó chỉ thuộc về nguyên tắc, thủ tục nếu chưa có chỉ thị trước, nên Trà đã vắng mặt để cho viên Đại Tá Đặng văn Thu đại diện họp thay. Trước ba đề nghị xác đáng của một vấn đề cụ thể, Thu không ngập ngừng, bối rối né tránh với tổ cáo: Việt Nam Cộng Hòa đã vi phạm ngưng bắn tại Đức Phổ, Sa Huỳnh, (Quảng Ngãi), Đức Cơ (Pleiku)... Và kết luận ung dung: Chính Việt Nam Cộng Hòa vi phạm tại các địa điểm trên! Không một lời nói, không một từ ngữ nhắc đến sự kiện, địa danh Tổng Lê Chân. Trưởng phái đoàn Bắc Việt gật gù tán đồng, lập lại lời phát biểu của mặt trận giải phóng với thứ tự từ ngữ địa danh được nói khác đi một chút. Bài học đã được học từ nhà, các câu học trò cộng sản lập lại không sai một chữ bất chấp nội dung rõ rệt của ba đề nghị Ý kiến-Yếu tố không bao giờ có trong đầu của cá nhân người cộng sản khi chưa “hội ý”!!

Thấy hai phái đoàn cộng sản không đá động gì đến ba đề nghị vừa trình bày. Phái Đoàn Việt Nam Cộng Hòa lập lại đề nghị lần thứ hai: Nếu Ban Liên Hiệp Quân Sự Bốn Bên Trung Ương chưa thống nhất ý kiến thì yêu cầu Hoa Kỳ gửi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế để Ủy Ban này đi điều tra. Mặt trận giải phóng cùng Bắc Việt lại hát lên một nội dung: “Không đồng ý việc gửi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế vì tình hình chưa rõ rệt, chưa có an ninh không tiện lợi cho Ủy Ban Quốc Tế đến để điều tra...” Phiên họp ngưng ở kết luận này. “Tinh thần nhất trí” của văn bản Hiệp Định. Tính chất không bao giờ có ở bàn hội nghị.!!

Cho chắc ăn hơn nữa, phía cộng sản mớm lời cho hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi, khi tiếp nhận văn thư của Hoa Kỳ yêu cầu đi điều tra Tổng Lê Chân: “Ủy Ban Quốc Tế không đồng ý đi điều tra ở một nơi khi nơi đó chưa được an ninh!” Muốn chắc hơn, hai phái đoàn quốc tế cộng sản này lại đưa thêm điều kiện: Sẽ chịu đi nếu phái đoàn mặt trận giải phóng cử sĩ quan liên lạc tháp tùng cùng trực thăng. Lẽ tất nhiên điều kiện không được thực hiện, vì mặt trận giải phóng chắc chắn không bao giờ đồng ý cử sĩ quan liên lạc tháp tùng.

Một tuần trôi qua, kể từ phiên họp 17.3.1973, tất cả nỗ lực về Tổng Lê Chân đều bị chần lỏi bởi hai ngón đòn “Tình hình Tổng Lê Chân chưa rõ rệt. Phái đoàn mặt trận giải phóng chờ chỉ thị của thượng cấp” và đòn “Vì mặt trận giải phóng không cử sĩ quan liên lạc đi cùng nên Ủy Hội Quốc Tế không thể đến điều tra...” Mặt trận giải phóng, Bắc Việt, Ba Lan, Hung Gia Lợi nương vào nhau nhờ quả bóng vô liêm sỉ, né tránh hẳn vấn đề.

Ngày 23.3.1973, chỉ còn bốn ngày nữa là hết thời hạn sáu mươi ngày làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên, Hoa Kỳ thúc dục Phái Đoàn Gia Nã Đại (Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Tế) trực tiếp thu xếp với mặt trận giải phóng để sớm điều tra sự kiện Tổng Lê Chân, mặt trận giải phóng trốn không nổi, đành đưa Đại Tá Võ đồng Giang, phó trưởng đoàn ra gặp Đại Tá Lomis (Gia Nã Đại), thỏa thuận cử sĩ quan liên lạc của mặt trận theo Ủy Ban Quốc Tế đến Tổng Lê Chân vào ngày 24.3.1973. Nhưng rốt cuộc cũng chỉ là trò đánh tráo, theo thỏa thuận của Giang, sĩ quan mặt trận sẽ từ Tân Sơn Nhất đi Tổng Lê Chân tiếp xúc với lực lượng cộng sản ở đây, xong trở về Biên Hòa (Biên Hòa là khu V Liên Hợp Quân Sự, tức là Vùng III của Việt Nam Cộng Hòa) để đón Ủy Ban Quốc Tế vào Tổng Lê Chân. Gã sĩ quan liên lạc của mặt trận nhận chỉ thị trước, nên thay vì từ Tổng Lê Chân, y trở về hẳn Tân Sơn Nhất, Ủy Ban Quốc Tế đợi ở Biên Hòa suốt ngày 24.3.1973. Cuộc điều tra Tổng Lê Chân của Ủy Ban Quốc Tế không bao giờ có thể thực hiện được: Không bao giờ.

Về phía Liên Hợp Quân Sự, sau một tuần cố gắng liên tục kể từ phiên họp 17.3.1973, Việt Nam Cộng Hòa buộc mặt trận giải phóng phải cử sĩ quan liên lạc đến

Tổng Lê Chân để thực hiện tàn thương. Nhưng ngày 23.3.1973, thay vì xuống Tổng Lê Chân như đã dự liệu, viên sĩ quan mặt trận xuống Sóc Con Trăn cách Tổng Lê Chân mười cây số về hướng Tây, viên sĩ quan này lấy cớ phải liên lạc với “địa phương” y trước, sau một hồi tìm kiếm trong rừng, y trở lại trực thăng lấy cớ vì bom Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đã đánh đứt đường dây, y không tìm ra ai!! Chiếc trực thăng trở về Sài Gòn, không một thương binh được di chuyển. Phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa vẫn kiên trì yêu cầu mặt trận giải phóng phải thuận để Việt Nam Cộng Hòa tàn thương ở Tổng Lê Chân, mặt trận giải phóng hết cớ từ chối, ngày 24.3.1973, hai mươi thương binh đầu tiên và cũng là cuối cùng được di tản. Mặt trận giải phóng “hòa hợp, hòa giải, dân tộc” với giá máu này một lần độc nhất. Tổng Lê Chân đóng cửa vĩnh viễn với nỗi bi hùng của nó.

Cấp Trưởng Phái Đoàn, cấp Trưởng Tiểu Ban liên tiếp họp để dọn sạch vấn đề Tổng Lê Chân. Nhưng sự thật là một việc và cách nhìn của người cộng sản lại là một việc khác, nên sự kiện quân đội cộng sản bao vây, cường tập tấn công vào vị trí của ta biến thành “...Một cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn lấn chiếm Tổng Lê Chân, nơi nằm sâu từ lâu trong vùng giải phóng của chính phủ cách mạng lâm thời!!” Kèm thêm luận cứ, lực lượng mặt trận giải phóng pháo vào Trại là rất tự kiểm chế vì phải cảnh cáo đơn vị trong đồn muốn “nóng lán” ra ngoài khu vực của chính phủ lâm thời (Một đơn vị chỉ hơn hai trăm người có thể nào tấn công vào vòng vây của một sư đoàn ?!!) Về việc gọi loa đầu hàng, mặt trận giải phóng giải thích: Đó là giảng “Đạo lý Hiệp Định” cho Binh Sĩ trong Đồn biết: Đạo lý về hòa hợp, hòa giải dân tộc !! Ý nghĩ đích thực của ngôn từ đã biến mất trên lưỡi của người cộng sản. Nhưng điều vô lý thô bỉ đã được dựng đứng, đài phát thanh việt cộng ào ào tố cáo, Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa gởi kháng thư tố giác, các thành viên Hung Gia Lợi, Ba Lan nghiêm chỉnh nghiên cứu kháng thư. Và biết đâu trên thế giới có một số đông người tin vào kháng thư gian dối đó. Không hiểu Đức Giáo Hoàng khi đọc bản tin của tờ báo Tòa Thánh đề cập đến bản kháng thư đó Ngài có biết đến những con mắt nỗ lửa dưới hầm sâu Tổng Lê Chân đang mong ngày mau đến. Đau đớn hơn hết khi tại Sài Gòn, nơi chỉ cách Tổng Lê Chân trăm cây số đường chim bay, có những người đã không biết hoặc không muốn biết những người lính Việt Nam đang ở trong chiếc Đồn bị vây vào ngày thứ 510. Và nhiều kẻ lại nhìn vấn đề ngược lại: Như đám Ngọc Lan, Chân Tín, thứ chính khách đối lập Hồng sơn Đông, Hồ ngọc Nhuận, Hồ hữu Tường, Trương gia kỳ Sanh... (Những Nghị Sĩ, Dân Biểu được mặt trận giải phóng nhắc nhở nhiều lần ở bàn hội nghị khi muốn tố cáo chính quyền Việt Nam Cộng Hòa) Những người này là gì trong khi đồng lõa với tội ác ngập máu này ? Tính đến ngày của phiên họp đầu tiên đề cập đến Tổng Lê Chân, hai mươi ngày sau ngày Hòa Bình 28.1.1973, căn cứ có thêm bốn chết và hai mươi hai bị thương. Những người này chết cho ai ? Phải chăng để bảo vệ miền Nam, trong đó có những người vừa kể trên, những kẻ nhân danh Hòa Bình...

Quả tình chúng ta ở trong một trạng thái hòa bình sau hơn hai mươi năm nghe súng nổ và lửa cháy. Chúng ta đã nghe quen tiếng nổ đại bác, hỏa tiễn, chúng ta cũng dần quen với độ cao của ngọn lửa Mậu Thân, hơi nóng từ An Lộc, Quảng Trị, nên hình như khi hưởng được sự yên ổn đau đớn của những ngày hôm nay, chúng ta đã quá vội vã muốn xóa tan vết tích chiến tranh, muốn quên đi những hình ảnh tàn khốc của tháng kia, năm trước. Và từ, với hạnh phúc tội nghiệp này, giữa lòng cơn lốc túng đói, chúng ta đã không có khả năng để nhớ đến, để nghĩ đến hình ảnh một căn cứ: Một căn cứ lẻ loi cố gắng để khỏi bị hủy diệt, thể hiện ý muốn “sống trong tự do và hòa bình”, nỗi mơ ước của toàn dân tộc... Mơ ước đó có ta dự phần. Vậy, chúng ta phải làm gì được cho Tổng Lê Chân ?

Tôi viết lên tiếng kêu bi hùng về Tổng Lê Chân vào tháng 6.1973, thời gian quân đội cộng sản đang chuẩn bị trận dứt điểm vào căn cứ trong dịp mùa mưa sắp tới của năm 1973. Suốt năm 73, chiếc đồn nhỏ bé này đã đứng vững được trước hàng chục lần tấn công và bị pháo hơn vạn quả đạn, viên chỉ huy căn cứ, Trung Tá Lê Văn Ngôn, hình như định mệnh đã gắn chặt tên anh cùng chiếc đồn nhỏ bé đó, lời nói quyết chí của ngày tử thủ đầu tiên đã được giữ trọn như tên anh đã định trước: Ngôn một lòng sắc son giữ mãi một lời nói. Trong nguy nan của mỗi giờ sát cùng cái chết, người anh hùng lặng lẽ với số tuổi quá nhỏ so với chiến trường kia quả đã hiện thực hình ảnh linh diệu kết tinh bởi sức chịu đựng vô bờ của dân tộc. Ngòi bút viết ra cũng hổ thẹn trước nỗi can trường này. Những phiên họp của tháng 3, tháng 4.74 tại Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên Trung Ương, phía Việt Nam Cộng Hòa lại lớn tiếng báo động công trường 9 nhất định rút ưu khuyết điểm của năm qua, tập dượt trên sa bàn cùng trung đoàn 271 quyết ủi lảng Trại...Trung đoàn 271 sẽ được yểm trợ trực tiếp bởi một trung đoàn pháo, một trung đoàn phòng không và một lữ đoàn chiến xa, không kể thành phần trừ bị và chận viện. Một năm trời thử lửa, một, hai tháng thực tập trên sa bàn và trên địa thế tương tự quân cộng sản dùng địa đạo chiến, công kiên chiến khởi đi từ 5.4.1974 đến 01:00 giờ ngày 11.1.1974 đoạt được Đồn!! Ngôn làm gì được với quân số 259 người với năm mươi người bị thương từ trước, hai chục người bị thương ở đợt tấn công sau cùng ?!! Tiểu Đoàn 92 đã chiến đấu hơn tất cả mọi đơn vị bộ chiến của lịch sử chiến tranh con người, Ngôn hơn hẳn những người anh hùng của chiến trận nhân loại, Alamo, Saipan, Wake, hàng trăm ngàn chiến binh thế giới đã dựng nên gương sáng can trường về bốn phạm cao cả của người lính, Ngôn và Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân dựng chắc tấm bia lớn nhất, rực rỡ nhất. Cao quý hơn tất cả, Ngôn và 259 Biệt Động Quân của Tổng Lê Chân là những Chiến Sĩ chiến đấu cho hòa bình: Hòa Bình của quê hương Việt Nam. Chúng ta trong thành phố bình yên có nghĩ gì khi hay tin Tổng Lê Chân đã bị đoạt mất, Tiểu Đoàn 92 mở đường máu rời căn cứ. Chỉ còn giọt nước mắt. Phải, chỉ còn một dòng nước mắt ngập bi hùng.

Tháng 11.1974

MỘT NGƯỜI TÙ VỪA ĐƯỢC THẢ. MỘT TIỀN ĐỒN BỊ TRẦN NGẬP

Cuối cùng, bà Ngô bá Thành đã được thả, tuy tình trạng chỉ là tại ngoại hầu tra, nhưng từ vị thế của một người sắp sửa để trao trả cho mặt trận giải phóng trong hạ tuần tháng 7.73 đến tình trạng hiện tại, quả tình đã có một thay đổi rất lớn. Sự thay đổi có nhiều nguyên do, gây nên từ nhiều sức ép, cũng như hành động rùm beng tô vẽ của nhiều đoàn thể, cá nhân chung quanh người đàn bà này làm người viết phải suy nghĩ...Bà Thành! Bà là ai ? Sau lưng bà là tôn giáo cực tả, cộng sản hay người Mỹ ?!! Ý nghĩ dấy lên đau đớn. Bao nhiêu năm tháng tù tội của một đời rồi cuộc cũng chỉ là con bài mặt của những dự mưu thâm hiểm hay sao ? Và mục tiêu của phong trào đòi quyền sống, trong đó vắng bóng đáng tội nghiệp và niềm ao ước nhỏ nhoi của người lính cùng tập thể gia đình họ, những người có phẩm quyền nhất để được đòi quyền sống yên lành. Bà Thành, người đàn bà trí thức với năm mươi bảy tháng tù trong cô quạnh cùng lời tuyên bố kiêu hãnh "Tôi là thành phần thứ ba..." Thành phần thứ ba, thành phần bề mặt tối cần thiết để hoàn thành bước chót của Hiệp Định Ba Lê. Và ước mơ của dân tộc có được gói đủ trong những dòng chữ rất nhiều nghĩa của tấm Hiệp Định quái gở này chăng ? Trại Tổng Lê Chân với 293 người lính Biệt Động Quân, đám thân nhân gia đình Binh Sĩ chạy nhón nháo giữa rừng già trong tiếng nổ dồn dập của bộc phá. Tiểu đoàn K2 đặc công quyết làm đầu cầu để lực lượng sư đoàn 320 chính qui Bắc Việt dứt điểm Trại. Không ai nói đến 293 người lính này, không ai nghĩ đến hình ảnh người đàn bà vợ một Binh Nhất tay

bế con nường theo chồng dưới làn đạn của những người cách mạng Việt Nam: Cuộc cách mạng kết tập bởi giai cấp công-nông gồm nhân dân giác ngộ. Người lính, người vợ, đứa trẻ nhỏ, chắc hẳn đã là những trở ngại của bước tiến cách mạng vô sản Việt Nam đó. Những người này có quyền đòi quyền sống không ? Bà Thành có kể thêm họ vào mục tiêu tranh đấu...?

Phong trào đòi quyền sống của bà Thành có ý niệm nào về những người đau khổ này ? Và một tờ báo mang nhãn hiệu đối lập đấu tranh cho “nhân dân yêu nước” có chẳng hình tượng chiếc trại bốc cháy giữa rừng xanh, rộ tiếng reo hò đầm máu của lực lượng quân đội Hà Nội ?! Trong hỗn loạn với những hình ảnh chập chờn nhức nhối này. Bà Thành được trả tự do.

Không ai phủ nhận giá trị cá nhân người đàn bà nổi tiếng với bốn mươi mốt tuổi, Tiến Sĩ Công Pháp Quốc Tế, năm mươi bảy tháng tù tội liên tục trong bảy năm...Không thể là những tiêu chuẩn bình thường mà mọi người đều có thể thực hiện. Văn bằng đó đã có nhiều người khác đạt được, nhưng quả tình rất hiếm nơi đất nước ta, ở vùng Đông Nam Á, cũng có thể nói toàn cõi Á-Phi, ngay trên khắp thế giới. Tiến Sĩ Công Pháp Quốc Tế, một bằng cấp bảo đảm nhiều khả năng và giá trị, năm mươi bảy tháng tù trong hiu quạnh cùng lúc niềm tin, ý tất thắng vượt qua nghịch cảnh trong trạng huống khó khăn để hoàn tất bước chót hoà bão lại là một tiêu chuẩn khác rất khó đạt. Dù đã có nhiều người ở tù lâu hơn, đã có nhiều cảnh tù cực khổ đau đớn hơn, nhưng một người đàn bà từ chối an lành để đem đời xuống đường phố, vào lao tù, đối diện bức tường lạnh trong thời gian đằng đẳng năm mươi bảy tháng quả tình không thể là sự kiện bình thường...Chắc chắn phải được thôi thúc từ một dự tính cao cả mang vóc dáng to lớn theo kích thước của quê hương. Phải thán phục, người đàn bà đã từ chối sự bình yên thụ động, dấn thân vào nơi bão lửa chấp nhận những thiệt thòi đau đớn cụ thể. Nhưng những kính phục trên khía cạnh cá nhân không thể ngăn nổi hoài nghi cùng câu hỏi: Bà Thành đã thực hiện cuộc đấu tranh với mục đích gì ? Không thể nghĩ một cách giản dị, đây là cuộc đấu tranh đơn độc của người đàn bà trí thức vùng dậy chống đối một chế độ nhiều sơ hở. Không thể nghĩ nông cạn và giản lược toàn bộ một cuộc đấu tranh rất có hệ thống và đa diện vào một mục tiêu đơn độc như thế.

Vậy, nhìn lại những năm trước với những hành động của phong trào: Đấu tranh yểm trợ phong trào Thương Phế Binh, đòi hủy bỏ chính sách quân sự học đường, tham dự vào cuộc tranh chấp của hai phe nhà chùa về một bất động sản...Những mục tiêu hạn hẹp, đoản kỳ, hụt hơi không thể nào là mục tiêu chiến thuật của phong trào mang vóc dáng to lớn với tiêu đề hàm súc: Đòi Quyền Sống ?!! Ngoài ra phong trào đã bỏ qua, đã với không tới biết bao nhiêu mục tiêu rất đáng được để giành ưu tiên quyền được sống: Người lính chiến đấu cùng hệ thống gia đình lam than của họ...

Những mục tiêu lúng túng, ngắn hạn, thụ động và vô ích càng ngày tỏ rõ thực chất của phong trào. Một đoàn thể hỗn tạp với bề mặt sôi nổi hiếu động, thiếu quan niệm chiến lược chỉ đạo để rút cuộc hiện nguyên hình là một bộ phận xáo động vô tổ chức, cố thực hiện cho bằng được một vài mục tiêu bề mặt. Hình trạng của phong trào trong những năm 69, 70 làm ta nghĩ đến mũi giáo tiền phong thay mặt hợp pháp cho cộng sản ở đường phố Sài Gòn. Tôi e ngại khi nghĩ như trên vì sợ rằng đã hạ thấp phẩm giá người cầm đầu phong trào, một phụ nữ hàng chứng tỏ khả năng dẻo dai, sung sức với căn bản trí thức vững chãi, một người có đủ lực ngăn chặn mình không làm lẫn khi thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sài Gòn, những “mục tiêu tập dượt” chỉ đáng dành riêng cho đám sinh viên đàn em. Hơn nữa, nếu quan niệm bà Thành là một cán bộ trung cấp nội thành của mặt trận thì quả tình

không nghiêm chỉnh. Sự trùng hợp về tính chất của mục tiêu phong trào và ý đồ của mặt trận chỉ có thể là một chuyện ngẫu nhiên có dự tính!!

Vậy, mục tiêu to lớn trong kích thước Dân Tộc không có, cán bộ trung cấp của mặt trận không phải...Thì Bà Thành là ai ?!! Cần mở một dấu ngoặc ở đây, nếu Bà thành là “cán bộ gác” thì mặt trận không đời nào chịu hao tổn lực lượng bằng cách dàn ra trống trải đám cán bộ cỡ “quốc tế” như bà ta ra đường phổ với sư, cha, sinh viên con nít...Nhưng nếu tất cả không phải là hai vế trên, thì Bà Thành chỉ còn lại là một chiếc “phông” để hiển hiện lên đó toàn bộ bản chất và chủ đích của người Mỹ. Phải, chỉ có thể là như vậy.

Ý nghĩa trên đã được thành hình với toàn thể tính chất náo nê, cay đắng. Một cá nhân xuất sắc, một căn bản trí thức vững chãi, chuỗi ngày dài tranh đấu với năm mươi bảy tháng tù câm nín với một tiêu đề to lớn rồi cuộc chỉ là lá bài tẩy cho lực lượng lột đường hình thành bản Hiệp Định tái lập Hòa Bình Việt Nam. Bản Hiệp Định phản ánh rất dễ bị xuyên tạc, rất nguy hiểm, nguy trang sâu sau ước vọng của toàn dân tộc nhưng đã được nhận định: “Đó là một thắng lợi to lớn, chứng tỏ chính nghĩa nhất định thắng”...Nhận định của Bà Thành, nhận định này có những từ ngữ của người cộng sản, nhận định cũng bao gồm sự diễn giải Điều 1 Hiệp Định theo quan điểm của Hà Nội, của mặt trận. “Chính nghĩa nhất định thắng”. Thành ngữ đả lặc đã được phổ quát do Hồ Chủ Tịch. Nhưng điểm quan trọng không phải ở vài từ ngữ mang hơi hướng cộng sản này, cũng không phải lời chào đặc sệt mùi vị vô sản “gửi lời chào đồng bào cả nước” của bà Thành làm chúng ta chú ý. Chúng ta nói đến về kiêu hãnh của lời tuyên bố “Tôi là thành phần thứ ba...”. Thành phần thứ ba, quả tình tất cả sinh hoạt chính trị trong và ngoài nước đang chủ tâm, đang hướng toàn bộ khả năng định giá vào những người rải rác khắp nơi trên Âu, Á...Bảo Đại, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Chánh Thi, Nghị Sĩ Mầu, Đại Tướng Minh...Những khuôn mặt cũ kỹ đã bị thời cuộc bào nhẵn nay được nhuộm lại màu sắc để chuẩn bị cho thế đấu tranh mới. Thế đấu tranh dứt điểm tình trạng Việt Nam theo sách lược của người Mỹ hay là của Kissinger, ông Ngoại Trưởng thượng hạo hạng của Hiệp Chúng Quốc. Trong đám người được tô vẽ có hệ thống tội nghiệp yếu kém kia có bà Thành với sự góp mặt kiêu hãnh thảm thương “Tôi là thành phần thứ ba!!”. Thành phần không có chân trong cộng đồng dân tộc, thành phần sinh sau đẻ muộn từ một cõi ngoài Việt Nam, sản phẩm tối cần thiết cho tác phẩm Kissinger.

Nhìn bản Hiệp Định dưới nhãn quan tàn nhẫn đích thực kia, thấy toàn thể rã rời ốm yếu của thành phần thứ ba ấy, xét được nổi vô ích của năm mươi bảy tháng tù, mảnh bằng Tiến Sĩ Công Pháp, sự quảng cáo lố bịch ồn ào các tờ báo Sài Gòn chung quanh bà Thành, tự nhiên lòng sôi niềm công phẫn. Đã quá nhiều người nhân danh Tổ Quốc và Nhân Dân, đã quá nhiều người hân hoan bạo ngược trên bầu rợp máu Việt Nam, Trại Tổng Lê Chân với 293 người lính cùng đám thân nhân góp phần đời sống vào bữa tiệc đau đớn này. Thành phần thứ ba. Người dự tiệc mới mẻ! Hãy giới hạn nổi hân hoan tàn nhẫn của các người.

Thật nguy hiểm khi nhận định: Sự kiện Lê Chân là một thử thách cho nền hòa bình của Hiệp Định (Hòa Bình của Hiệp Định không là Hòa Bình của Việt Nam). Phải bỏ qua sự kiện, xem như là tai nạn cục bộ, địa phương để xúc tiến và hoàn tất việc kết tập thành phần thứ ba, đi bước chót của Hiệp Định. Hoặc phải đặt vấn đề máu để lương tâm và phẩm tính con người chuộng công lý, chuộng liêm sỉ chọn lựa. Chúng ta đang bị vây bởi vòng đai lừa hiểm độc, mọi lối thoát đều bị kiểm soát và phê phán khắc nghiệt cùng lúc tiếng reo hò man rợ của kẻ thù bốn phía dấy lên. Hình ảnh, bài báo phỏng vấn bà Thành cùng một lần câu chuyện chiếc đồn bốt cháy được nêu lên trên trang nhất các tờ báo hằng ngày chính là bằng cứ về một chọn lựa giữa lương

tâm và luân lý, nước mắt đau đớn phần nộ hay một đồng lửa tội tệ thụ động buông xuôi theo hoàn cảnh vượt khỏi tầm tay.

Tháng 1.1973

ĐẦU

Những phiên họp của Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên được thành hình khẩn cấp, vội vã. Phía cộng sản dù được chuẩn bị và ở vào hoàn cảnh hoạt động thuận nhất, với những chuyên viên hội nghị từ Paris về vốn quen thuộc với sinh hoạt thương nghị, biết phát biểu những lời nói dài lê thê gồm nhiều tình từ mềm mỏng nói kết đúng “tinh thần và lời văn của Hiệp Định”...Nhưng sự lúng túng đôi khi vẫn không thể tránh được vì những người này phần lớn không nắm vững tình hình miền Nam. Các sĩ quan của hai phái đoàn cộng sản đến Sài Gòn để giải quyết vấn đề miền Nam trên nguyên tắc, nhưng đa số là người Bắc hoặc người hoạt động ở vùng Trung Bộ, ở các quân khu miền Trung, như mặt trận B3 (Chiến trường Tam Biên), B2 (chiến trường Trị-Thiên), vùng Nam-Tín-Ngãi...Nên họ không thể nắm vững được các yếu tố địa giới, đặc dị của miền Nam dù học tập, hội ý là công việc thường xuyên liên tục của các phái đoàn cộng sản. Họ xong, trở về Trại Davis hội thảo, phê bình, rút ưu khuyết điểm, bổ sung ý kiến để tiếp tục lại ở phiên họp tới. Về phần phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa, bước đầu hội nghị quả đã là một khởi sự rối rắm, các Sĩ Quan Trưởng Ban, ba vị Tướng Trưởng Phái Đoàn như Tướng Dzu Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa trong Ban Liên Hợp 4 Bên, (Tháng đầu tiên, 2.73) Tướng Hiệp, Phó Trưởng Đoàn...Phần lớn là những Tư Lệnh, Chỉ Huy Trưởng các đơn vị tác chiến hoặc các ngành chuyên môn không liên quan hoặc kinh nghiệm về thương thảo với đối phương tại bàn hội nghị, các vị này cũng không hề có được một chuẩn bị tối thiểu để đảm nhận công tác (Điển hình là trường hợp Tướng Đống, Tư Lệnh Sư Đoàn Dù, một ông Tướng chuyên việc đánh giặc). Thế nên, trong những ngày của tháng hai, tháng ba 1973 các phiên họp đã diễn theo một chiều hướng kỳ lạ, các sĩ quan nghị hội chỉ nói những điều mình nắm vững, đã được chuẩn bị, không cần phải trả lời những câu hỏi, những vấn đề đặt ra bởi đối phương. Điển hình như vòng đối thoại sau đây của phiên họp ngày 12.2.73, Tiểu Ban Tù Binh:

Đại Tá Đất (Việt Nam Cộng Hòa):

- Chúng tôi thông báo đến quý vị số lượng tù binh mà phía Việt Nam Cộng Hòa dự trù trao trả ngày mai, 13.2.73...Ngày mai, chúng tôi sẽ đưa hai trăm tù từ Biên Hòa đến trao trả ở địa điểm Bắc Sông Thạch Hãn, hai trăm tù này sẽ được không vận từ Biên Hòa đến Phú Bài, xong từ Phú Bài sẽ đi ra Quảng Trị bằng xe GMC...Ngày mai, chúng tôi cũng sẽ trả tại Lộc Ninh cho quý vị sáu trăm nhân viên quân sự. Sáu trăm người này sẽ được không tải từ Biên Hòa đến Lộc Ninh...

Đại Tá Russell (Hoa Kỳ):

- Chúng tôi phản đối phái đoàn chính phủ lâm thời đã không trả tù binh Hoa Kỳ ở Lộc Ninh đúng 8 giờ 30 ngày hôm nay như đã hứa. Phái đoàn Hoa Kỳ sẽ gửi kháng thư tố cáo đến trưởng đoàn chính phủ lâm thời và Trưởng Đoàn của Ủy Ban Quốc Tế...Yêu cầu phái đoàn mặt trận giải phóng cho biết ý kiến về vấn đề này.

Đại Tá Lê Trực (mặt trận giải phóng):

- Về vấn đề danh sách tù binh quân sự, chúng tôi chỉ giao cho Việt Nam Cộng Hòa trước khi trao trả và tại địa điểm trao trả...Chúng tôi cũng nói trước là chỉ trả tù binh cho Việt Nam Cộng Hòa tại hai địa điểm Pleiku và Lộc Ninh. Về danh sách tù dân sự Việt Nam Cộng Hòa, phái đoàn chúng tôi chỉ có một danh sách 140 chữ không có danh sách hàng ngàn người như phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa yêu cầu. Nghĩ rằng vấn đề thiện chí tức là trao danh sách, có bao nhiêu trao bấy nhiêu chứ không phải đợi đến con số tương xứng mới trao đổi. (Đại ý Trực muốn yêu cầu phía

Việt Nam Cộng Hòa trao danh sách 5081 Nhân Viên Dân Sự cộng sản cho họ vì đã có sẵn, chứ không phải đợi lúc họ bổ sung danh sách 140 này lên đến một con số khả thể chấp thuận nào đó thì Việt Nam Cộng Hòa mới trao danh sách 5081...)

Trung Tá Trần Tấn (Bắc Việt):

- Việc 100 nhân viên dân sự của chính phủ lâm thời ở Biên Hòa không chịu lên máy bay đi Phú Bài sáng hôm nay (12.2.1973) có một khía cạnh chính trị: Những tù binh thuần túy là của chính phủ lâm thời chứ không phải của chúng tôi, vì Hiệp Định Ba Lê đã có thỏa thuận về vấn đề quân đội các bên ở miền Nam (Đại diện Bắc Việt muốn nói đến Điều 2 của Nghị Định Thư về tù binh: Tại miền Nam Việt Nam chỉ có tù binh của hai bên miền Nam mà thôi). Chúng tôi cũng tiếc rằng sáng hôm nay không có đại diện Việt Nam Cộng Hòa đi Hà Nội để chứng kiến cuộc trao trả đầu tiên tù binh Hoa Kỳ tại Gia Lâm...

Bốn lần phát biểu của bốn phái đoàn đã đặt lên bốn vấn đề, bốn sự kiện hoàn toàn khác hẳn nhau nhưng các sĩ quan đại diện vẫn nghiêm trọng nhắc lại khi đến lượt mình phát biểu. Mỗi phái đoàn vốn dĩ lại có một tính chất rất khác biệt. Phái đoàn Mỹ, do bản chất cụ thể, do tư thế giản dị của một công tác thuần túy quân sự, hơn nữa nhiệm vụ của người Mỹ do hiệp định đặt ra cũng vô cùng đơn giản: Nhận tù, gỡ mìn bẫy ở miền Bắc và rút quân. Đại diện phía Hoa Kỳ là những người quân nhân đánh giá công việc với một nhãn quan rất dung dị và đúng luận lý nên vấn đề đặt ra dứt khoát rành rẽ. Phái đoàn mặt trận giải phóng như trên đã nói, phần lớn là cán bộ Bắc hoặc Trung, thiếu hẳn thông hiểu sâu xa về tình hình miền Nam. lại không có quyền để trả lời bất cứ vấn đề gì dù chỉ là một đề nghị về kỹ thuật và thủ tục, họ chỉ được phát biểu những ý kiến đã được ban tham mưu hoạch định trước qua một số từ ngữ được phân tích chọn lựa không sơ hở để đối phương có thể lợi dụng, khai thác. Thế nên, khi vào đến hoàn cảnh không thể tránh né được các vấn đề do Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ nêu ra thì họ đón nhận ý kiến, đề nghị của đối phương bằng cách "ghi nhận để nghiên cứu" và câu trả lời sẽ không bao giờ có. Trong chiều hướng khắc khe chặt chẽ này, đại diện Bắc Việt cũng không có quyền rộng rãi hơn để phát biểu hoàn toàn ý kiến của mình về bất cứ vấn đề gì, vì vị thế của Bắc Việt trong bàn hội nghị cũng như Hoa Kỳ chỉ bao gồm vài nhiệm vụ đơn giản và cụ thể nên thường thường những đại diện Bắc Việt chỉ việc lặp lại ý kiến của đại diện mặt trận giải phóng với thay đổi chút về từ ngữ, thứ tự vấn đề để nâng đỡ, che chở đàn em.

Phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa trái lại, ở vào một thế lưỡng đầu thọ địch, kèm bên cạnh người bạn vô tình quá thực tế đôi khi đến tàn nhẫn. Chúng ta lại có nhiều công việc phải làm, nhiều vấn đề phải giải quyết, cũng như nhiều yêu cầu cần phải được thanh thỏa nhưng vấp phải thái độ cứng rắn của đối phương, cách thúc đẩy gần như ép buộc của đồng minh, và sự hạn chế bởi thời lượng do hiệp định đề ra, kèm thêm nỗi rối rắm vì công việc đa đoan, thiếu chuẩn bị nên hội nghị đôi lúc đã đi vào những thảo luận đối nghịch quái dị như trên, thảo luận cũng tràn theo những chiều hướng vô lý mà nguyên do cũng không ra ngoài các điểm vừa nêu rõ. Trở lại câu chuyện mặt trận giải phóng qua lời phát biểu, chỉ trả cho Việt Nam Cộng Hòa những Quân Nhân tại địa điểm Lộc Ninh và Pleiku, đã chứng tỏ họ không nắm vững cách phối trí và chế độ giam giữ của các trại giam cộng sản...Ở chiến trường Tam Biên tù binh Việt Nam Cộng Hòa được phân phối theo ba nơi, một số được để lại tại chỗ sau này trao trả tại Võ Định (Kontum), Đức Nghiệp (Pleiku), số khác chuyển ra Bắc sau này trao trả tại Bắc Sông Thạch Hãn, hoặc chuyển xuống vùng Quân Khu V cũ tức mặt trận B5, gồm Nam Ngãi-Bình Phú của Tướng Chu huy Mân để sau này trao trả tại Quảng Ngãi, Bình Định...Nhưng sở dĩ Lê Trực (Đại diện mặt trận giải phóng) chỉ nói đến hai địa điểm đó vì Đức Nghiệp (Đức Cơ-Pleiku) là một vị trí mẫu

mà cộng sản Bắc Việt dự định xây dựng một thủ đô, hay một trung tâm kỹ nghệ cho chính phủ, Lộc Ninh thì đương nhiên coi như phía Nam. Sau này phía cộng sản phân tán tù binh ra khắp mười một địa điểm từ Quảng Trị đến Cà Mau trong âm mưu nhờ các cuộc trao trả chứng nhận luôn với Ủy Ban Quốc Tế là họ có đất miền Nam. Điều này cũng có thể giải thích rằng: Khoảng thời gian tháng 2.1973 Lê Trực chưa biết được âm mưu này hay vì Trực mới từ Pháp về không nắm vững tình hình nên phát biểu ý kiến như trên. Vì thiếu thông hiểu tình thế đôi khi đại diện mặt trận giải phóng còn đưa ra những đề nghị như: Nhận nhân viên quân sự của họ tại sân bay Hớn Quản tức là sân bay An Lộc. (Trong phần kiểm soát của Việt Nam Cộng Hòa!!) Cũng có thể giải thích cho ý kiến này là mặt trận giải phóng muốn lợi dụng lúc đi nhận tù binh trong vùng Việt Nam Cộng Hòa để ấn định một tiền lệ về hành lang di chuyển, tuyến giáp hai vùng của hai bên, một vấn đề rất gay go mà Tiểu Ban Quân Sự suốt hơn một năm thảo luận đã không có một tiến bộ. Cũng trong tình thế nghị hội quái gở này, đôi khi những đề nghị vô lý như “Sử dụng sân bay Ái Tử để trao trả”. (Lúc địa điểm Bắc Sông Thạch Hãn chưa được đề cập) đã được bốn bên đưa ra thảo luận nghiêm trọng để rút được quyết định chung: Thăm sát phi trường Ái Tử để xem C130 đáp được không ?!! Tất cả đại diện của bốn phái đoàn đã không biết (Hoặc làm như không biết) căn cứ Ái Tử đã bị hư hại rất nặng trong tháng 4.1972, lúc Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ Binh rút về Thị Xã Quảng Trị, phi đạo của phi trường này bị bóc hần lớp PSP (sắt lót phi đạo) bởi đạn trọng pháo và bom cỡ lớn. Thế nhưng cuộc thám sát cũng đã thành hình nghiêm chỉnh và tích cực vào ngày 11.2.1973.

Nhưng dù loạt choạc, xộc xệch, các phiên họp liên miên của thời gian hai tháng đầu tiên cũng hoàn tất và đạt được một tiến triển. Tù quân sự của mỗi bên (Theo danh sách phổ biến tại Ba Lê) được trao trả hết. Các phiên họp này tuy có những sơ hở trầm trọng trên thủ tục và cách điều hành nhưng quả tình đã hiện thực được một phần hiệp định.

Sau ngày 27 tháng 3 năm 1973, Ban Liên Hợp 4 Bên rút lại còn 2 Bên, Tướng Phạm Quốc Thuần về thay Tướng Dư Quốc Đống. Tướng Thuần nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Sư Đoàn cứng nhất của Vùng III Chiến Thuật, cũng là Sư Đoàn chịu mặt trận nặng nề liên tục nhất của chiến tranh Đông Dương, chiến khu C, D, mặt khu Hồ Bò, Bời Lời, khu Tam Giác Sắt, bộ chỉ huy ba Cục hay R, bản doanh bộ chỉ huy tối cao mặt trận đều đóng trên vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 5. Tướng Thuần trong khoảng thời gian dài lãnh nhiệm vụ ở vùng đất khản trương trọng yếu này, nơi đã có những trận chiến “quy ước” đầu tiên của thập niên 60 lúc du kích quân cộng sản chuyển qua thế tấn công. Tuy là Tướng lãnh của chiến trường, nhưng ông Thuần được mọi người nhìn nhận như là một người thích hợp với bàn hội nghị, với khả năng sắc bén, ý thức chính trị cao Tướng Thuần nhập trận vào lúc tình hình nghị hội chuyển hướng, mọi người chờ đợi những thay đổi quan trọng. Nhưng nghị hội không tiến triển theo chiều hướng hòa bình mà hiệp định vạch ra, Tướng Trần văn Trà nhân cơ hội đi Hà Nội cùng phái đoàn Bắc Việt đã ở lại luôn tại đây, sau đó không hiểu về mặt khu miền Nam hay đi Pháp để phối hợp cùng đám cán bộ mặt trận tại Ba Lê. Lý do Tướng Trà rời khỏi chức vụ không được soi rõ, những giả thuyết được đặt ra để giải thích như, vì Tướng Trà có thái độ mềm mỏng, cởi mở không đúng với chủ trương nhất quyết sử dụng lực lượng quân sự để tiếp tục xâm lăng miền Nam của Hà Nội... Nhưng tất cả cũng chỉ là giả thuyết, phải đến lúc hội nghị đi vào giai đoạn thảo luận gay gắt đối nghịch nhau đến cùng cực, sự ra đi bất thường của Tướng Trà mới có thể giải thích đứng đắn được. Tướng Trà sinh năm 1918 tại Quảng Nam, tham gia vào phong trào Việt Minh từ những ngày đầu tiên, Quảng Nam cũng như Nghệ, Tĩnh và gần gũi như Quảng Ngãi là đất của đấu tranh liên tục và quyết liệt, địa bàn xung đột của những đảng phái đối nghịch và cao

độ hận thù. Những người cộng sản thuần thành tích cực nhất đã phát xuất từ những nơi chốn này, nhưng đây cũng là những nơi rèn luyện, un đúc lên những cán bộ Quốc Gia nhiệt thành mạnh mẽ nhất. Tướng Trà là một trong những người cộng sản đầu tiên của xứ Quảng, nơi đã phát động phong trào chống sưu thuế, chống mộ phu của chính quyền thuộc địa, ông cũng là người cầm đầu lực lượng võ trang thực hiện những vụ tàn sát thảm khốc ở Thăng Bình, Đại Lộc trong thời gian trước và sau 1945. Từ 1945, trước khi tập kết ra Bắc theo Hiệp Định Genève, Tướng Trà được chuyển vào Nam xây dựng “sự nghiệp” cách mạng trên đầu mũi súng, chức vụ lớn nhất trong giai đoạn này là tư lệnh trung đoàn quyết thắng Đồng Nai. Ra Bắc, Trà được phong quân hàm Thiếu Tướng, nhận chức tư lệnh sư đoàn 330, một trong hai sư đoàn chủ lực của miền Nam tập kết, sư đoàn kia là sư đoàn 338 do Đồng Văn Cống người Bến Tre làm tư lệnh. Năm 1960 Trà hồi kết với bí danh Trần nam Trung trở về chiến khu Đ, giữ chức vụ tư lệnh quân khu miền Đông Nam bộ, kiêm quân ủy miền (ủy viên chính trị quân đội cộng sản miền Nam). Tháng 6.1969, chính phủ mặt trận được thành lập để đáp ứng với tình hình chính trị, Tướng Trà được đề cử làm bộ trưởng quốc phòng. Với một quá trình hoạt động tích cực liên tục, cùng với những chức vụ quân sự chính trị quan trọng như thế, ông không thể để sử dụng trong giai đoạn hội nghị thụ động vì với khả năng và quyền hạn sẵn có Tướng Trà chắc sẽ có những quyết định vượt xa chủ trương gây bế tắc của phe cộng sản. (Lẽ tất nhiên, cán bộ cộng sản, dù cán bộ cao cấp cũng không bao giờ được phát biểu những ý kiến của riêng mình, ý kiến khi nói ra là của tập thể với những từ ngữ được chọn lọc kỹ càng). Nhưng, vì với quân hàm cũng như tư thế chính trị quân sự quan trọng, Tướng Trà đã có những ý kiến rộng rãi (phát xuất từ một quyền hành thực tế) như khi trả lời về vấn đề các tù binh Việt Nam Cộng Hòa còn bị giam giữ tại Bắc Việt, Tướng Trà đã có ý kiến:

- Sẽ làm hết sức mình để giúp đỡ Việt Nam Cộng Hòa, được tới đâu thông báo tới đó.

Đây là ý kiến rộng rãi nhất, tích cực, khích lệ nhất mà phái đoàn mặt trận đã phát biểu chính thức. Thời gian sau khi nhắc lại vấn đề này, Hoàng anh Tuấn (người thay Tướng Trà) hoặc Võ đông Giang (phó trưởng đoàn mặt trận giải phóng) chỉ trả lời lẩn tránh:

- Những người bị bắt ở ngoài lãnh thổ miền Nam như Lào hoặc Kampuchia thuộc về quyền quản lý của lực lượng Pathet Lào và Khmer Đỏ yêu nước, còn theo lời quý vị: Nếu có sự kiện Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt) có quản lý những người của Việt Nam Cộng Hòa thì chúng tôi cũng không biết đến vì chẳng bao giờ được thông báo sự kiện này!!

Giữa hai câu trả lời, lời của Tướng Trà quả tình phản ánh được thái độ cởi mở, hợp lý nhất. Thái độ này hoàn toàn biến mất sau ngày 27.3.1973. Vậy Tướng Trà và quyền hạn của ông không thể đóng vai trò một búp bê gỗ được, nhiệm vụ này được trao tiếp cho Thiếu Tướng Hoàng anh Tuấn. Để có thể hiểu rõ sự biến thể và tính chất của nghị hội, cần nói rõ hơn về con người của Tuấn và Giang (phó đoàn mặt trận giải phóng từ đầu lúc còn Tướng Trà và sau khi Tuấn thay thế Trà). Tuấn tên thật là Hồ xuân Anh, người Huế khoảng thời gian trước, sau 1945 Tuấn làm tiểu đoàn trưởng ở phân khu Trị-Thiên, bị Pháp bắt xong sau này được đem trả lại cho Việt Minh, tập kết ra Bắc xong hồi kết khoảng năm 1960 được phong quân hàm Đại Tá và tham dự hội nghị với bí danh Hoàng anh Tuấn với quân hàm “ngụy” Thiếu Tướng. Giọng nói của Tuấn là một thứ giọng Huế chân truyền, cổ điển, đầy âm thanh của những người vùng quê Thừa Thiên mạn Hương Điền, Vĩnh Lộc. Tướng Tuấn có những cách gần giọng thoát đầu tướng mạnh mẽ, uy lực nhưng nghe quen, nghe rõ thì phát hiện được những tức giận thô thiển, của một tâm tình chất phác

không thủ đoạn, không hiểm độc. Những từ ngữ như “chân thật, độc lập, nhân dân” khi Tướng Tuấn gằn giọng biến thành “chưng thực, đực lập, nhưng dung...” đã mất hẳn ý nghĩa nguyên thủy cao quý, bộc lộ ra cách thụ động còm cõi của những chữ nghĩa “chết” được ghép vào nhau để một người học thuộc bài lập lại. Tướng Tuấn rất ít sáng kiến để nói lên những ý kiến với từ ngữ, cách thức xếp đặt thứ tự của riêng mình. Chỉ với một nội dung không đầy trang giấy của phiên họp ngày 10.5.73 lúc phản đối việc “Việt Nam Cộng Hòa hạn chế các quyền ưu đãi miễn trừ cho phái đoàn mặt trận giải phóng yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa phục hồi các quyền ưu đãi miễn trừ này để Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên có thể hoạt động bình thường hữu hiệu được. Vì phái đoàn mặt trận giải phóng khi không có các quyền trên thì hoàn toàn bị tê liệt, không thể cùng Việt Nam Cộng Hòa tiến hành, thực hiện công việc của Ban Liên Hiệp Quân Sự...”. Chỉ một nội dung ngắn ngủi như trên cùng với những từ ngữ quen thuộc, Tướng Tuấn cũng không nói theo cách riêng của mình, mà phải đọc từ một tờ giấy soạn sẵn. Không phải vì khả năng ăn nói kém nhưng Tướng Tuấn hình như không thích, không dám nói theo ý kiến riêng của mình. Tuấn hiện thực đứng đắn vai trò một trưởng phái đoàn, thụ động trong giai đoạn hội nghị tắt nghẽn. Bên cạnh Tuấn, Võ đồng Giang thì có thái độ trái lại, Giang mang quân hàm Đại Tá nhưng là phát ngôn viên của phái đoàn kiêm chức vụ phó trưởng đoàn ngay từ ngày đầu tiên, tức là ủy viên chính trị của đoàn, Giang người gốc Quảng Ngãi, từ trước vốn nằm trong bộ tham mưu của Trà, đặc trách về sinh viên, học sinh, báo chí... Với phương vị hoạt động rộng rãi như thế Giang có đủ phong độ để vào bàn nghị hội với những thủ đoạn thần sầu nhất. Trái hẳn với Tuấn, Giang thường nói ra ngoài chủ đề của vấn đề, bằng những lý luận móc nối, bổ túc cùng nhau với một giọng nói hòa hoãn, nhặt khoan rất sành sỏi. Ưu điểm nổi bật nhất của Giang là không gây kích động cho người nghe nhưng lôi kéo người nghe vào câu chuyện, tạo điều kiện, tạo hoàn cảnh để đối phương phải theo lời phát biểu của mình, dù là lời đả kích, tấn công. Ví dụ khi Việt Nam Cộng Hòa tấn công sự im lặng của mặt trận giải phóng ở giai đoạn Trung Cộng tấn công Quần Đảo Hoàng Sa, thì Tuấn trả lời theo một lập luận quen thuộc với giọng nói gay gắt:

- Quân đội cách mạng từ nhân dân đứng lên, vì nhân dân, vì tổ quốc mà chiến đấu, không thể đặt vấn đề quân đội cách mạng a tòng cùng quân xâm lược, quân cướp nước như Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đã theo chân quân đội thực dân Pháp trước kia và quân Hoa Kỳ sau này...

Trái lại Giang dùng một thể tránh đòn đặc biệt với một thái độ mềm mỏng, tính toán kỹ lưỡng. Giang mỉm cười trả lời:

- Về cái vụ Hoàng Sa, thì tôi xin kể ra đây một câu chuyện mà hôm qua nhân cuộc họp báo, một ký giả ngoại quốc đã hỏi rằng: “Ông nghĩ thế nào khi Việt Nam Cộng Hòa cố tình thổi phồng vụ Hoàng Sa thành một chuyện lớn...” Cái từ ngữ “cố thổi phồng” này là của ký giả ngoại quốc đó chứ không phải của tôi, nên nhân buổi họp hôm nay tôi xin kể lại nguyên văn để quý vị nghe và nghiên cứu...Giang nói thẳng thắn, nhẹ nhàng né tránh đợt tấn công theo kiểu của Tuấn như ở trên, cách thức sẽ đem lại thất bại.

Tướng Trà đi, để lại hội nghị cho hai nhân vật trên (Có một Đại Tá khác, Đại Tá Sĩ là phó đoàn mặt trận giải phóng, nhưng nhân vật này phụ thuộc nên tôi không kể vào). Nhưng dù bản chất và khả năng của họ có trái ngược cùng nhau, chủ đề kéo dài hội nghị, ép thảo luận theo những phạm vi nhất định vẫn được thực thi tối đa nghiêm chỉnh.

Từ những phiên họp đầu tiên của hai bên (27.3.73) cho đến khi rời khỏi chức vụ, Tướng Thuận chỉ đến họp những phiên quan trọng như phiên họp sau thông cáo chung 13.6.73 của Kissinger và Thọ, phiên họp để giải tỏa bế tắc về trao trả 23.7.73

v.v...Phần lớn ông đã để Tướng Hiệp và Đại Tá Đóa bao sân. Sở dĩ Tướng Thuận không dự các phiên họp vì cấp bậc ông quá cách xa quân hàm của các ủy viên mặt trận, cũng như vì biết rõ ý đồ làm trì trệ hội nghị qua vai trò những người đại diện thiếu quyền quyết định và giải quyết các vấn đề. Sự bế tắc vì quan điểm đối nghịch làm tắt cả các buổi thảo luận trong giai đoạn này không đạt được một kết quả nhỏ nhoi nào, dù là một đồng ý về nguyên tắc và thủ tục.

Những vấn đề căn bản như ngưng bắn, khai triển các Ban Liên Hợp cấp khu vực, tổ ở các địa phương, (Bảy khu vực chính là Quảng Trị, Đà Nẵng, Pleiku, Nha Trang, Phan Thiết, Biên Hòa, Cần Thơ từ các cơ sở khu vực này chia thêm nhiều tổ nhỏ, ví dụ như khu vực Biên Hòa có những tổ ở An Lộc, Vũng Tàu v.v...Tổng cộng khắp miền Nam tất cả là ba mươi tổ). Vấn đề cửa khẩu, thay thế vũ khí, ưu đãi miễn trừ qua hàng chục phiên họp cấp trưởng đoàn cũng như cấp tiểu ban đều không đạt đến một thỏa thuận nhỏ bé nào. Diễn hình như vấn đề ngưng bắn, phía Việt Nam Cộng Hòa đưa ra một đề nghị gồm bảy điểm như sau:

- Bốn phe ký kết hiệp định ra cấp tốc lời kêu gọi chung về ngưng bắn.
- Trong vòng 48 giờ sau khi lời kêu gọi chung được phổ biến các phe đều phải ngưng bắn, ở nguyên vị trí tạm thời.
- Vạch một lần ranh kiểm soát của mỗi bên từ cấp trung đội trở lên, ở giữa các vùng đối diện có một vùng trắng hai bên không được vào để tránh xung đột.
- Lui về vị trí cũ trước ngày 28 tháng 1 năm 1973.
- Khai triển gấp các cấp trung ương, khu vực, tổ (để kiểm soát ngưng bắn) trên toàn lãnh thổ dựa theo các điều đã được Nghị Định Thư quy định.
- Áp dụng thủ tục điều tra vi phạm cho hai bên đang thảo luận có sự phối hợp giữa Ủy Ban Quốc Tế kiểm soát và giám sát.
- Sau khi thực hiện các điều khoản trên, thảo luận về cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau.

Phía mặt trận giải phóng đưa ra đề nghị gồm bốn điểm chính:

- Hai bên miền Nam Việt Nam cùng đưa ra lời kêu gọi chung, cùng chung một nội dung về ngưng bắn, sử dụng tất cả phương tiện sẵn có và hữu hiệu nhất để thông báo đến các lực lượng võ trang, bán võ trang, chính qui, địa phương của mỗi bên...
- Ngay sau khi lời kêu gọi chung được phổ biến, hai bên chấm dứt hẳn tiếng súng, chấm dứt mọi sử dụng hỏa lực phi pháo vòng cầu, ở nguyên tại vị trí.
- Tháo gỡ tất cả mọi chướng ngại vật, mìn bẫy, trên đường, trên sông để dân chúng hai miền tự do đi lại, tự do cư trú, tự do kinh doanh v.v...Cấp cơ sở hai bên ở chiến trường gặp nhau trong tinh thần hòa giải và hòa hợp để đi đến chỗ chấm dứt hẳn tiếng súng, ấn định vùng kiểm soát của mỗi bên.
- Khai triển các cấp trung ương, khu vực tổ tùy theo tình hình mỗi địa phương, theo phương thức hai trong, năm ngoài v.v...(Hai trong vùng Việt Nam Cộng Hòa, năm ở vùng giáp ranh).

Mới thoát nhìn thì đề nghị bảy điểm bên này hay bốn điểm bên kia cùng có chung một nội dung như kêu gọi ngưng bắn, đình chỉ xung đột, cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau, khai triển các khu vực, tổ để giám sát và kiểm soát ngưng bắn. Thật ra, đề nghị trên tuy có chung một vài từ ngữ chính yếu, cũng nhằm đạt tới "mục đích ngưng bắn" nhưng quả tình là những đề nghị của hai quan điểm hoàn toàn đối nghịch. Nhìn ngay đề nghị đầu tiên về lời kêu gọi chung, Phía Việt Nam Cộng Hòa quan niệm phải bốn phe ký kết hiệp định cùng phổ biến lời kêu gọi mới có hiệu quả và phản ánh đúng thực tế quân Bắc Việt đã và đang tham chiến tại miền Nam. Lời kêu gọi chung cũng chỉ được phía Việt Nam Cộng Hòa quan niệm như là một bước đầu để tiến tới ngưng bắn chứ không cấu tạo nên ngưng bắn được mà phải đợi lúc

khai triển đủ các cơ quan Liên Hiệp Quân Sự và Ủy Ban Quốc Tế đến các khu vực, tổ để giám sát, kiểm soát ngưng bắn tại mỗi địa phương, lúc ấy ngưng bắn mới có cơ thành hình được. Phía mặt trận giải phóng lại có quan niệm khác hẳn. Theo họ, lời kêu gọi chung chỉ cần do hai bên miền Nam phổ biến kịp thời đến tất cả mọi lực lượng vũ trang, bán vũ trang thì hình trạng ngưng bắn ắt được thực thi toàn diện.

Chỉ mới hai đề nghị cùng chung một thứ tự, một nội dung, nhưng ý hướng của hai bên đã xây dựng trên những cơ sở khác biệt, những quan niệm nghịch chiều toàn diện. Kể đến đề nghị “cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau (của Việt Nam Cộng Hòa)” và đề nghị cấp cơ sở ở chiến trường gặp nhau (của mặt trận giải phóng)” thì sự dị biệt đã đến điểm cao không thể nào hòa giải. Đề nghị của phía Việt Nam Cộng Hòa được giải thích rõ ràng và chính xác rằng: “Cấp chỉ huy chiến trường phải là cấp sư đoàn vì chỉ có giới chức ở cấp đó mới có đủ quyền hạn, khả năng, phương tiện để “ra lệnh” cho cấp dưới triệt để tuân lệnh ngưng bắn. Vị Tư Lệnh Sư Đoàn mới có chức năng trách nhiệm về lãnh thổ, phối hợp với các Tỉnh Trưởng về phân định vùng trú quân cho mỗi bên. Phía mặt trận có quan niệm khác hẳn: “Đề nghị hai bên chiến trường gặp nhau ở cấp “cơ sở”. Nghĩa là trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, tổ trưởng, và cuối cùng là mỗi chiến sĩ!!” Đoạn đối thoại sau đây của Tướng Hiệp (Việt Nam Cộng Hòa) và Tướng Tuấn (mặt trận giải phóng) là một “sen” điển hình của hai quan niệm đối nghịch...

Tướng Hiệp:

- Chúng tôi quan niệm rằng cấp sư đoàn trưởng là cấp chỉ huy có đủ thẩm quyền để điều động tại chiến trường cũng như để phối hợp với các binh chủng khác như pháo binh, không quân, tiếp vận. Do đó, chỉ có cấp đó mới có đủ thẩm quyền gặp gỡ cấp bậc tương đương phe bên kia để thực hiện việc ngưng bắn. Theo lập luận của quý vị, thì các cuộc gặp gỡ hai bên chiến trường có thể thực hiện theo cấp sư đoàn cùng cấp cơ sở, vậy yêu cầu quý vị giải thích “cấp cơ sở” là cấp nào ?

Tướng Tuấn:

- Cơ sở đó là cấp sư trưởng (sư đoàn trưởng), trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng, trung đội trưởng...

Tướng Hiệp:

- Như vậy dưới trung đội là không còn cơ sở nữa ? Chúng tôi muốn hiểu “cơ sở” của quý vị có dừng lại ở cấp trung đội không và dưới nó là tiểu đội trưởng, tổ trưởng không còn là cơ sở nữa, nói một cách cụ thể hơn, cấp trung đội trưởng là cấp cơ sở cuối cùng có quyền ra lệnh và ở dưới phải nghiêm chỉnh thi hành không được đánh phá...Chúng tôi hiểu nghĩa “cơ sở” của quý vị như thế, quý vị có đồng ý không ?

Tướng Tuấn:

- Cái chữ “cơ sở” có thể hiểu rộng thêm tí nữa, chúng tôi mới tạm ngưng ngang trung đội mà thôi, chữ cơ sở cũng có thể đi tới tiểu đội trưởng, tổ trưởng.

Tướng Hiệp:

- Như vậy tổ trưởng đã hết cấp cơ sở chưa ?

Tướng Tuấn:

- Chưa, cái “cơ sở” mà chúng tôi muốn nói đến phải hiểu là “cấp chiến sĩ”, vì mỗi chiến sĩ đều nhận một mệnh lệnh, một nhiệm vụ!!

Tướng Hiệp:

- Như vậy đã hoàn toàn hết nghĩa cơ sở chưa ?

Tướng Tuấn:

- Như phần mà chúng tôi vừa trình bày, đó là ở phạm vi quân sự, còn về phần chính trị, các cấp cơ sở gặp nhau sẽ là tỉnh trưởng, phía quý vị gặp tỉnh đội trưởng

của chúng tôi, quận trưởng gặp huyện đội trưởng và cứ như vậy đi dần xuống đến cấp xã trưởng, ấp trưởng...

Đoạn đối thoại ngắn trên đây đã thực hiện đủ tính chất đối kháng của hai đề nghị dù cùng mang chung một từ ngữ, cùng hướng đến một mục tiêu trên bề mặt, cách xếp đặt trước sau trong thứ tự của các đề nghị này cũng phản ánh rõ thêm về tính đối nghịch của hai dự kiến. Phía Việt Nam Cộng Hòa hình dung ra một cuộc gặp gỡ giữa hai bên trên cấp sư đoàn theo một diễn tiến gọi là kế hoạch ba bước.

Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương ấn định vùng thí điểm, chọn ngày giờ để Ban Liên Hiệp Quân Sự các cấp hai bên ra lệnh cho các đơn vị (trong vùng trách nhiệm được chỉ định) ngưng hẳn tiếng súng, ở nguyên vị trí.

Ban Liên Hiệp Quân Sự Trung Ương gởi tức khắc một Tổ Liên Hiệp Quân Sự đến địa điểm được lựa chọn, các thành viên sẽ là sĩ quan cấp Đại Tá có nhiệm vụ làm trung gian cho vị tư lệnh sư đoàn gặp nhau lần đầu và chứng kiến cuộc gặp gỡ đó.

Hai vị tư lệnh sư đoàn của hai bên sẽ bàn bạc vào các buổi kế tiếp về chi tiết và các biện pháp thi hành ngưng bắn và gìn giữ lâu dài việc ngưng bắn trong vùng lãnh thổ trách nhiệm của mình...

Kế hoạch này chỉ được hình thành khi các tổ, các khu vực đã được phối trí đủ, Ủy Ban Quốc Tế cũng đã khai triển đủ bốn thành viên ở các địa điểm ấn định theo Nghị Định Thư. Cuộc gặp gỡ chỉ được thực hiện ở cấp sư đoàn vì chỉ có vị tư lệnh sư đoàn mới có đủ quyền hạn và khả năng thực thi, phối hợp cuộc ngưng bắn.

Phía mặt trận giải phóng thì lại hình dung cuộc gặp gỡ theo một diễn trình khác:

- Sau khi phổ biến lời kêu gọi chung, hai bên miền Nam đình chỉ tất cả các vụ nổ súng, ở nguyên vị trí, phá bỏ hệ thống phòng thủ mìn bẫy, cấp cơ sở hai bên gặp nhau từ cấp nhỏ đi dần lên cấp lớn để thực hiện ngưng bắn toàn diện, lâu dài.

Tuy cùng mang chung một số từ ngữ như ngưng bắn, đình chỉ xung đột, hai bên gặp nhau trong tinh thần hòa giải, hòa hợp v.v... Nhưng qua phân tách sơ khởi, ta đã nhận được toàn bộ đối nghịch của hai đề nghị, thế nên phía Việt Nam Cộng Hòa đã có những vấn nạn sau đây về đề nghị của mặt trận giải phóng:

- Cấp cơ sở tức là Binh Nhì của Việt Nam Cộng Hòa gặp một du kích địa phương của mặt trận giải phóng, hai người này gặp nhau để làm gì, họ giải quyết được gì và thực hiện ngưng bắn theo phương thức nào ?

- Một cuộc gặp gỡ hỗn loạn tràn khắp nơi, không có phương thức gặp gỡ với những người không được chỉ định trách nhiệm tiếp xúc, và quan trọng hơn hết khi không có các Tổ Liên Hợp Quân Sự, các Tổ Ủy Ban Quốc Tế chứng kiến, giám sát, thì ai sẽ là "trọng tài" cho cuộc gặp gỡ đó. Thế nên, Việt Nam Cộng Hòa mới đề nghị khai triển gặp với các Tổ, Khu vực Liên Hợp Quân Sự (Điểm thứ 7 của đề nghị).

Phía mặt trận giải phóng lại có lập luận để giải thích vấn nạn này:

- Cấp cơ sở, mỗi chiến sĩ, mỗi cán bộ đều lãnh một nhiệm vụ, một trách nhiệm, họ là người đối mặt với nhau trên chiến trường nay phải để cho gặp nhau trước, tìm hiểu, thăm hỏi, nói với nhau nghe về "đạo lý" của hiệp định để thực hiện và củng cố ngưng bắn một cách cụ thể, xong được cơ sở này thì tiến dần lên cấp trên.

- Phái đoàn mặt trận cũng quan niệm Việt Nam Cộng Hòa phải áp dụng đủ mười một điều ưu đãi miễn trừ (Quyền tự do đi lại, hội họp, họp báo, treo cờ v.v...) thì các thành viên mặt trận giải phóng mới có điều kiện để hoạt động. Mặt trận giải phóng cũng luôn thể xác định: Chỉ khai triển các tổ theo phương thức "hai trong, năm ngoài" nghĩa là khai triển hai địa điểm khu vực ở trong vùng Việt Nam Cộng Hòa, năm địa điểm ở vùng giáp ranh.

Luận lý và lý luận đối nghịch, cả hai bên thật sự khi đưa ra đề nghị đã không có một hy vọng nào được bên kia đáp ứng. Làm sao mặt trận giải phóng có thể chấp thuận một cuộc gặp gỡ ở cấp sư đoàn khi toàn bộ các sư đoàn cộng sản Bắc Việt đều trấn đóng ở vùng biên giới, ba sư đoàn chủ lực của mặt trận giải phóng (sư đoàn công trường 5, 7, 9) cũng chỉ bám được một số đất đai thuộc ba Tỉnh Tây Ninh, Phước Long, Bình Long dọc theo vùng biên giới. Gặp gỡ ở cấp sư đoàn cộng sản Bắc Việt là vô hiệu hóa đám cán bộ du kích địa phương, những “cơ sở chính trị” đã cấy vào nông thôn Việt Nam Cộng Hòa nhân cơ hội lực lượng võ trang tổng tấn công Việt Nam Cộng Hòa trong Mùa Hè 1972. Cuộc gặp gỡ nếu có các Tổ Liên Hợp Quân Sự (Khai triển trong vùng Việt Nam Cộng Hòa theo như Nghị Định Thư) đến chứng kiến và giám sát thì làm sao người cộng sản làm nổi bật được cái “ranh giới giữa hai vùng”. Chủ điểm chính của tất cả mọi dự tính của phái đoàn mặt trận.

Trái lại, Việt Nam Cộng Hòa cũng không thể chấp thuận được đề nghị toàn bộ các cấp cơ sở gặp nhau khi chưa hoàn tất được hệ thống các Tổ, Khu vực Liên Hiệp Quân Sự. Vì gặp gỡ trên cấp cơ sở nghĩa là đâu đâu cũng tràn ngập du kích địa phương, cán bộ binh sĩ cộng sản. Hơn ai hết, các sĩ quan ủy viên trong phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa phải toàn phần bác bỏ cách thức gặp gỡ tràn ngập này vì họ biết binh sĩ cộng sản đã được chuẩn bị và huấn luyện rất kỹ, thuần thục các công tác đấu tranh chính trị, xách động quần chúng, binh sĩ cộng sản có thể tiến tới những vụ cướp chính quyền một vài cơ sở xã, thôn, Quận lỵ xa xôi, nhân cơ hội lúc binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa cả tin vào tinh thần “hòa giải, hòa hợp”...Tràn ngập, xách động, cướp chính quyền, những diễn tiến tất nhiên trong vận động khuynh đảo của người cộng sản.

Phía Việt Nam Cộng Hòa lẽ tất nhiên phải duy trì những điểm đề nghị của mình, vì khai triển trước các khu vực, tổ, tức là dựng được một hàng rào kiểm soát, giám sát được các cuộc tiếp xúc, điều tra vi phạm.

Mặt trận giải phóng cũng thế, họ phải duy trì yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa phải áp dụng đủ các quyền “Ưu đãi, miễn trừ để các đoàn đại biểu mặt trận giải phóng sẽ trưng cò trên xe đi từ vùng của mặt trận giải phóng sang đến vùng của Việt Nam Cộng Hòa và làm việc tại những vùng tiếp giáp...Nếu hình thành được tình huống này tức là hiện thực trước Ủy Ban Quốc Tế, trước nhân dân, trước thế giới thực tế có hai vùng kiểm soát do hai quân đội, hai chính phủ điều khiển”. Quan điểm chiến lược mà mặt trận giải phóng nhất quyết phải thực hiện cho được, bằng tất cả mưu toan, chuẩn bị, lợi dụng mọi tình huống. Từ viên Tướng ngồi bàn hội nghị đến gã lính gác cổng ở Lộc Ninh, mà toàn lời nói, luận lý, nỗ lực chỉ cố để làm sáng tỏ thực tế này. Thực tế hai vùng kiểm soát, hai quân đội, hai chính phủ ở miền Nam Việt Nam. Những vận động đưa Fidel Castro vào thăm viếng Chủ tịch Nguyễn hữu Thọ của chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, những hình thức trình Ủy Nhiệm Thư ở cấp bậc Đại Sứ (Algérie, Đông Âu) cũng mục đích hiện thực thêm chứng cứ thực tế của “chính phủ” mặt trận giải phóng.

Lẽ tất nhiên, Việt Nam Cộng Hòa phải bác khước thực tế này, trên bàn hội nghị cấp trưởng đoàn hay các tiểu ban, các sĩ quan nghị hội Việt Nam Cộng Hòa đều sử dụng luận lý: Một chính phủ phải có những thực tế như đất đai, dân chúng, được quốc tế thừa nhận và hệ thống tiền tệ riêng. Mảnh đất đai rải rác ở những núi đồi xa xôi của cái gọi là “chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam” chỉ gồm một ít dân chúng với tỷ lệ 3% nhân dân miền Nam, sử dụng đồng bạc Việt Nam Cộng Hòa, chỉ được một vài nước ở khối không liên kết công nhận thì làm sao có thể gọi là một chính phủ của một Quốc Gia được. Hơn nữa, từ trang đầu đến trang cuối của Hiệp Định Ba Lê, văn kiện pháp lý quốc tế cũng chỉ gọi mặt trận giải phóng là một lực lượng đối nghịch cứ không hề công nhận đây là một chính phủ ngang hàng

được...Có một từ ngữ nào của hiệp định nói về chính phủ này không ? Bằng lập luận dựa trên thực tế, trên văn bản hiệp định, văn kiện pháp lý độc nhất của thế giới xác định vai trò của mặt trận giải phóng, các sĩ quan chuyên viên nghị hội Việt Nam Cộng Hòa sử dụng tất cả mọi khía cạnh ưu thế để vạch rõ "thực tế" chính phủ này...

Quan điểm căn bản đối nghịch dẫn dắt tất cả mọi tranh luận đến bế tắc. Từ ngày đầu tiên của giai đoạn hai bên 28.3.1973 qua 13.6.1973 lúc Thông Cáo Chung của Kissinger và Thọ cố kiểm một sức đẩy hai bên miền Nam thi hành hiệp định. Ngày 15.10, bộ tư lệnh tối cao các lực lượng võ trang của mặt trận giải phóng ra mệnh lệnh đánh trả với phương án chỉ đạo:

- "Đánh có miếng đừng gây tiếng..." Mệnh lệnh ngày 15.10.1973 hiện thực cụ thể Nghị Quyết 12R của trung ương cục miền Nam, nghị danh Nghị Quyết 21 của trung ương đảng miền Bắc. Cuối tháng 10.1973 Tướng Hiệp chính thức thay thế Tướng Thuần, nghị hội đi qua một giai đoạn khác: Giai đoạn...Đấu võ mồm!

Sau mệnh lệnh "đánh trả" này 15.10.1973 của trung ương cục miền Nam, tình hình chiến sự trở nên nghiêm trọng cực độ, 20.10.1973 một trung đoàn thuộc sư đoàn 320 cường tập tấn công bức rút Trại Lệ Minh, một căn cứ của Biệt Động Quân ở Tây-Nam Pleiku. Ngày 4.11.1973 mặt trận Quảng Đức bùng nổ kéo dài trong vòng nửa tháng với quân số tham chiến cấp sư đoàn. Đây là những trận đánh có kích thước lớn nhất kể từ ngày 28.1.1973 hiện thực đúng chủ trương "đánh có miếng nhưng không gây tiếng" của mệnh lệnh 15.10.1973. Trong tháng 12.1973 nghị quyết 12-R, nghị danh chỉ thị của trung ương đảng, đúc kết toàn thể sách lược chỉ đạo tất cả mọi phạm vi hoạt động trong phương án: "Cuộc tấn công toàn diện ở miền Nam Việt Nam phải được thực hiện đồng loạt và tràn ngập, liên kết ba mũi, chủ động cả ba mặt, trên khắp ba vùng. Ba mũi là mũi tấn công quân sự, tấn công chính trị, tấn công binh vận, trên ba mặt chính là diện quân sự, diện chính trị, diện ngoại giao, tràn ngập đến khắp ba vùng: Vùng của mặt trận giải phóng, vùng tranh chấp (vùng xôi đậu), vùng Việt Nam Cộng Hòa. Đề án được phổ biến rộng rãi đến tận một binh sĩ, mỗi cán bộ để cán binh cộng sản ra sức học tập, giải thích và hiện thực tối đa".

Song song với tình hình chiến trường cùng các hoạt động vi phạm bộc phát nghiêm trọng như thế tại bàn hội nghị, mặt trận giải phóng áp dụng một sách lược tấn công mới, cách thức tấn công mà Đại Tá Đóa, Phụ Tá Nghị Hội Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa gọi là chính sách "nhai giây thun, phun nước miếng"...Hoàng anh Tuấn, Võ đông Giang đồng loạt mở màn chiến dịch đả kích phê phán chính sách của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trên hai chủ đề ngưng bắn, thảo luận về trao trả. Tài liệu chính mà cấp trưởng phái đoàn mặt trận giải phóng thường sử dụng là bản tin chiến sự của đài phát thanh giải phóng với nội dung là thổi phồng, xuyên tạc các hoạt động của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ Vùng I tới Vùng IV... Bắt đầu mặt trận giải phóng tố cáo:

- Hoạt động nong lán, cày ủi của quý vị có mục đích gom dân vào các "khu tập trung" để cướp thóc lúa, tiền của nhân dân, các lực lượng thuộc Sư Đoàn 3 Bộ Binh đã đồng loạt thực hiện ở các xã Tây, Tây-Nam Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn (Vùng đất cực Tây và Tây-Nam của hai Tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín). Xong đến tố cáo Sư Đoàn 2 Bộ Binh hành quân hủy diệt, dội bom đánh phá vùng giải phóng ở Tây Sơn Tĩnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Quảng Ngãi. Đặc biệt ở vùng này Hoàng anh Tuấn cũng như Võ đông Giang đều nêu rõ từng danh hiệu các Tiểu Đoàn bộ binh, Địa Phương Quân, các Chi Đoàn thiết giáp, chiến xa hành quân, ở những xã thôn, ấp nào. Ví dụ: Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 4 Sư Đoàn 2 Bộ Binh cùng Tiểu Đoàn 102 Bảo An (Địa Phương Quân) có Chi Đoàn xe bọc thép 1/4 yểm trợ hành quân cày ủi vùng hai xã Phổ Thông, Phổ Đức thuộc Huyện Đức Phổ...Sở dĩ trưởng phái đoàn mặt trận giải phóng thường hay chú ý đến vùng đất này cùng các chi tiết rõ ràng vì

họ biết Tướng Hiệp vốn là Sư Đoàn Trưởng Sư Đoàn 2 Bộ Binh, nguyên Tư Lệnh Thiết Giáp, trấn đóng vùng Quảng Ngãi, Quảng Tín trong thời gian dài, Tướng Hiệp cũng từng là Tư Lệnh Biệt Khu Quảng Đà (Quảng Nam, Đà Nẵng) nên rất thông thuộc từng địa danh, từng đơn vị của vùng này. Trong một phiên họp, Tướng Tuấn quen thói đọc bản văn vi phạm của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có nhắc tới một xã thuộc Quận Hòa Vang (Quảng Nam) sát nách Thị Xã Đà Nẵng cho rằng Việt Nam Cộng Hòa đã sử dụng một lực lượng bộ binh quan trọng cùng phi pháo tấn công, hủy diệt xã này để lừa dân vào “khu tập trung”...Lập tức, Tướng Hiệp phản pháo:

- Toàn thể Quận Hòa Vang thuộc Tỉnh Quảng Nam nằm sát với Thành Phố Đà Nẵng, tương tự như vùng Gò Vấp, Tân Bình với Sài Gòn, từ trước tới nay không hề có một xã thôn nào bị mặt trận giải phóng kiểm soát được...Hoạt động cộng sản ở vùng này là vài anh du kích đi treo cờ, rải truyền đơn, đặt mìn, ném lựu đạn chớ không thể một đơn vị cộng sản nào có một hoạt động quân sự khả dĩ để Việt Nam Cộng Hòa phải huy động những cuộc hành quân cấp tiểu đoàn...Hơn nữa dân chúng vùng Hòa Vang đa số là Đảng Viên Đại Việt, một đảng phái quốc gia kỳ cựu đã có những xung đột quyết tử với phe cộng sản từ mấy mươi năm qua. Vậy, nếu muốn xuyên tạc và tố cáo, trưởng đoàn mặt trận giải phóng nên chọn một địa điểm khác hợp lý hơn với lời tố cáo.

Sau lần “hớ” nêu trên, phái đoàn cộng sản dời các nơi “vi phạm” thuộc ba Tỉnh Nam-Tín-Ngãi vào sâu trong vùng cận sơn cho chắc ăn!

Sau vùng Đồng Bằng Nam-Tín-Ngãi, mặt trận giải phóng chuyển vi phạm Việt Nam Cộng Hòa lên vùng Tây Nguyên, nơi nào họ có hoạt động quân sự, tập trung quân để cường tập, tấn công các căn cứ Việt Nam Cộng Hòa và phía bên này điều động lực lượng đến để giải tỏa, thì mặt trận giải phóng lại gọi đó là một hoạt động vi phạm lệnh ngưng bắn! Cấp trưởng phái đoàn mặt trận thường có một phê phán rất hồ đồ ở vùng này:

- Phía quý vị đã tập trung hàng ba, bốn liên đoàn Biệt Động Quân, hai, ba Trung Đoàn bộ binh có xe bọc thép, phi cơ, đại pháo yểm trợ để tấn công, hủy diệt các vùng giải phóng “lâu đời” của chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam! Vùng giải phóng “lâu đời” tức là các căn cứ Lệ Minh, Plei Morong vừa bị họ bức rút chiếm cứ và Việt Nam Cộng Hòa tập trung quân phản công chiếm lại. Vi phạm chuyển về phía Nam vùng Quảng Đức chung quanh Căn Cứ Đức Lập, Darksong. Đến Vùng III, áp dụng chiến thuật xuyên tạc như cũ, nhưng để tránh khỏi nhảm chán mặt trận giải phóng úp mở tuyên bố: Lực lượng võ trang cách mạng cương quyết đánh trả để giữ vững vùng cách mạng ở Đông Bắc Trảng Bàng (Hậu Nghĩa) hoặc củng cố vùng cách mạng đánh bật các chốt phía Bắc Đường 13 mà lính quý vị trấn đóng trái phép. Lập luận này để che tội lần chiếm ở những xã Đông Bắc Trảng Bàng, Bắc An Lộc nơi mà cán binh cộng sản vừa lập xong được các chốt sau khi lần chiếm. Tố cáo chuyển dần xuống Vùng IV, qua Long An, Định Tường và kết thúc ở Vùng Thất Sơn, Châu Đốc. Xen kẽ trong những tố cáo về vi phạm quân sự, trưởng đoàn mặt trận giải phóng thường chen vào những tố cáo khác như tham nhũng, hiếp dâm, cướp bóc. Áp dụng đúng nguyên tắc vu khống. Một sự vu khống muốn được nghe và tin thì kèm thêm một, hai yếu tố thực tế cụ thể nào đó xong tán rộng ra và nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Điều vu khống kia sẽ đạt đến một cường độ khả thể thẩm thấu và óc não của kẻ bị tuyên truyền. Thế nên, khi tố cáo về một đơn vị Việt Nam Cộng Hòa ở một vùng với hoạt động rõ ràng có chỉ danh chi tiết, phía mặt trận giải phóng kèm theo đó vài tội vu cáo, như Đại Đội 2 của Tiểu Đoàn trên ăn cướp năm mươi con gà của ông Lê Văn Sáu ở Ấp 1, xã Phổ Phong, Quận...Sau một thời gian, phía cộng sản thấy các tố cáo về ăn cắp, ăn cướp không được ăn khách, họ tăng tội ác lên độ ăn cướp kèm theo giết người và hiếp dâm...

Chủ trương tố cáo trên sở dĩ có, vì phía Việt Nam Cộng Hòa trong khi tố cáo lại đối phương thường kết án hành động khủng bố, ám sát, giết mìn của đám cán bộ hạ tầng mặt trận (Theo đúng đề án ba mũi, ba mặt, ba vùng...) bằng dẫn chứng là bản báo cáo các hoạt động khủng bố trong ngày, được Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia đúc kết từ các Đô, Tỉnh, Thị trong toàn quốc lúc 7 giờ sáng mỗi ngày. Bản báo cáo đầy đủ các chi tiết như tên, họ, số lượng người bị bắt cóc tại Ấp, Xã, Quận, Tỉnh liên hệ. Những khủng bố quan trọng có hệ thống thường nhằm vào một khu vực, một thành phần đối tượng nào đó sẽ được phía Việt Nam Cộng Hòa nghiên cứu và lưu ý để sử dụng làm bằng có tố cáo ý định, dự mưu của phía cộng sản... Ví dụ như ở Vùng Cai Lậy quả đạn cối 82 ly ngày 9.3.74 gây sát hại làm thương vong hàng gần trăm trẻ em, làm toàn thể nhân dân trong và ngoài nước sửng sốt vì một tội ác vượt quá ý niệm, nhưng đối với những ủy viên nghị hội, những người có nhiệm vụ theo dõi, đo lường những vi phạm, khủng bố của cộng sản thì tội ác trên chỉ là một diễn tiến "hợp lý", một tiến bộ "cụ thể" mà người cộng sản chắc chắn sẽ thực hiện. Vì quả đạn 82 ly ngày 9.3 vào Trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy là "hậu quả" của những "công tác" có hệ thống.

Sau đây là một báo cáo điển hình kể từ ngày có thông cáo chung 13.6.73 giữa hai người được giải Nobel Hòa Bình, tại khu vực Cai Lậy. Ngày 20.7.1973 kỷ niệm ngày ký kết Hiệp Định Genève, phe cộng sản bắn 20 trái 82 ly vào khu đông dân cư phía Đông-Nam Chợ Cai Lậy làm năm đồng bào bị thương vong. Ngày 24.3.73 pháo kích một quả 130 vào xóm Búng, Nam Quận Cai Lậy "giải phóng" một linh hồn một em bé cùng bốn đồng bào lớn tuổi khác. Ngày 17.3.1973 đặt mìn phá chiếc cầu tại ba cây số Bắc Quận ly làm cầu hư 70%, ngày 18.9.1973 bắn hai quả B40 vào một chiếc xe be làm hai đồng bào "lao động" lấy củi tử thương tại chỗ. Ngày 8.10.1973 pháo hai hỏa tiễn vào sát hàng rào quận tiêu diệt được một đồng bào, làm bị thương ba người khác. Ngày 18.11.1973 du kích cộng sản tác xạ ba quả 60 ly vào Xã Nhị Quý giải phóng cho sáu đồng bào. Ngày 5.2.1974 pháo năm quả 61 ly vào Xã Mỹ Thạnh, ngày 6.2.1974 bắn xe lam trên Liên Tỉnh Lộ 29 nổi Cai Lậy (Định Tường) với Kiến Tường diệt gọn ba đồng bào, ngày 9.2.1974 bắn một B40 vào nhà một thường dân ở Xã Mỹ Thạnh Trung làm ba em bé của "hàng ngũ Ngự" bị thương. Ngày 27.2.1974 ném bê-ta vào nhà một thường dân làm hai người bị thương, ngày 4.3.1974 bắn một quả M79 vào đám nông dân ở 7 cây số Đông-Nam Cai Lậy làm bị thương hai người, ngày 9.3.1974 pháo kích một quả 60 ly vào địa điểm đông dân ba cây số Bắc Cai Lậy làm năm thường dân bị thương...

Cùng ngày nầy, "thành công vượt bậc" là quả đạn 82 ly rơi vào Trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy, song song với thành quả lẫy lừng này là một quả 82 ly khác rớt vào xóm Búng với kết quả "khiêm nhường", chỉ một đồng bào bị thương.

Các vi phạm được ghi nhận, lưu ý, đúc kết dần dần kể tập nên hiện thực tội ác của người cộng sản. Phía Việt Nam Cộng Hòa đã dùng những chứng tích cụ thể này để xây nên luận cứ buộc tội. Mặt trận giải phóng lẽ tất nhiên không thể chối bỏ rằng không có các tội vi phạm đó, nên họ lại bày ra một chiến pháp tố cáo khác để đánh lạc hướng, hóa giải lời buộc tội của Việt Nam Cộng Hòa... Ví dụ khi phía Việt Nam Cộng Hòa tố cáo mặt trận giải phóng vi phạm một vụ khủng bố bắt cóc một Trưởng Ấp thì họ sẽ dựng lên một vụ giết người quy mô có dự mưu, với mục đích cướp của hiếp dâm... Thường thường "tội ác" của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa phạm bao giờ cũng lớn hơn, nặng nề, nghiêm trọng hơn các vi phạm của du kích cộng sản!! Nhưng có lẽ vì không liên lạc với các đơn vị địa phương, chẳng có báo cáo chính xác về các hành động phạm pháp của Binh Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trong các cuộc hành quân ở khắp nơi (nếu có)... Phái đoàn mặt trận giải phóng dựng đứng bằng cách ghép các tội ác (tưởng tượng) trên vào với những đơn vị quân

đội đang tham dự các cuộc hành quân mà mặt trận giải phóng ghi nhận được (Yếu tố sau này thì trường phái đoàn mặt trận giải phóng có tài liệu rất kỹ càng, không những các cuộc hành quân lớn mà ngay các cuộc điều động cấp tiểu đoàn, đại đội ở các địa phương cũng được cán bộ cộng sản ở nơi đó báo cáo về phái đoàn mặt trận). Nhưng trường đoàn cộng sản thường lại tỏ ra vụng về trong việc dựng tội ác, vì để tăng cường độ, gây khích động, họ thường “phịa” ra những tội rừng rợn, ghê tởm như Binh Sĩ Việt Nam Cộng Hòa hiếp dâm tập thể hai bà già sáu mươi tuổi xong bỏ vào bao bố đem ném vào lửa hoặc nổi nước sôi!! Tội ác tưởng chừng chỉ có trong các chuyện cổ tích, chuyện hoang đường về một địa ngục...Tướng Tuấn và Đại Tá Giang của mặt trận giải phóng lại thường hay có những cú “móc” xỏ lá (Khi Tướng Hiệp hướng dẫn đoàn nghị hội) với lập luận sau đây:

- Bản chất của chúng tôi là những người cách mạng (!), hy sinh gian khổ để chiến đấu dành độc lập, tự do cho tổ quốc và nhân dân, trái lại đi ngược lòng dân, giết dân là bản chất của quân đội quý vị. Chúng tôi không phải đến đây để phê phán cái bản chất đó nhưng vì quý vị đã nêu ra nên chúng tôi phải vạch rõ những hành động cướp bóc, hãm hiếp người xong vứt vào lửa để làm trò cười với nhau!! Cách đây ba mươi năm, những tên xâm lược Pháp đã làm gì đối với nhân dân Việt Nam, bây giờ lại được sĩ quan, binh sĩ quý vị tiếp nối...!! Người ta không lạ gì điều này vì quý vị là sản phẩm của quân đội xâm lược Pháp, là lính đánh thuê cho chính sách thực dân mới của Hoa Kỳ!...

Trường đoàn mặt trận giải phóng trong những tố cáo về “tội ác” của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa luôn luôn “ngoéo” cái “móc” xỏ lá này, vì ông Hiệp vốn có tác phong rất “Tây” với râu quai nón, mũi cao, mắt sâu, thoạt nhìn cứ tưởng đó là một “ông Tây” nói tiếng Việt! Nhưng thật sự không phải thế, người là một ông Việt Nam trăm phần trăm với võ nghiệp rất ngất ngư, phong phú mà lý do chính cũng vì dáng dấp ông Tây này đã làm anh em ông Diệm không tin dùng để kẹt ở lon Đại Úy trên mười năm cấp bậc thực thụ!!! Các anh Tướng Tá cộng sản cũng vì tưởng lầm như trên nên lâu lâu cứ đem ông thực dân Tây ra “chọc quê” Trường Đoàn Việt Nam Cộng Hòa. Tướng Hiệp không để ý đến điều xỏ xiên này, nhưng Đại Tá Đóa thì không bỏ qua cái tội “bô lô, ba la” cùng những xỏ lá trên, vì ông Đóa là một ông Bắc Kỳ thuộc loại người trời sinh để nói: Để lập ngôn. Nói nhiều, nói độc, nói dài hơn bất cứ đối thủ ăn nói nào. Ông thách đó:

- Nếu quý vị cứ phê phán thì chúng tôi sẽ đáp lễ, quý vị nói dài, chúng tôi sẽ nói dài hơn, nếu cần quý vị hãy đem ghế bố đến đây để nằm nghỉ đợi chúng tôi phát biểu!!

Đối với những tội ác như hiếp dâm bà già, ném người vào lửa, Đại Tá Đóa đã có đòn phản công như sau:

- Chúng tôi lấy làm lạ tại sao quý vị cứ đem chuyện hiếp dâm ra để nói tại bàn nghị, những câu chuyện dơ bẩn, hạ đẳng mà chúng tôi thiết tưởng những người có giáo dục bình thường, những người có một chút luân lý tối thiểu sẽ phải hổ thẹn khi đọc lên, khi nhắc đến...Nhưng ở đây quý vị lại nhắc tới một cách say sưa, mê mải, phải chăng quý vị bị ẩn ức, bị dồn nén, quý vị muốn hiện thực một tội ác lý tưởng, một hành động ám ảnh nhưng vì không thể làm, không có điều kiện làm nên đã chuyển giao qua cho người khác mà tâm lý học gọi là “transfert de culpabilité...” Và tại sao, và đến nỗi gì Binh Sĩ, Sĩ Quan chúng tôi phải làm hành động bỉ ổi dơ dáy đó, chúng tôi có gia đình ở bên cạnh, Binh Sĩ sau giai đoạn hành quân trở về hậu cứ, ở đó có Trại Gia Binh, hoàn cảnh ép buộc nào để Binh Sĩ chúng tôi phải phạm đến tội lỗi trên ?? Vậy có hiếp dâm hay không là ở phía quý vị, chính quý vị mới có hành động thô bạo dơ bẩn trên bằng những từ ngữ nguy trang như “ủng hộ chiến sĩ, tham gia cách mạng, ghi ơn bộ đội...”. Như phía quý vị đã ép buộc các thanh nữ, thiếu phụ

vùng Tam Quan, Hoài Ân (Bình Định) hiến thân, gần gũi với cán binh lúc cộng sản Bắc Việt tạm kiểm soát những vùng trên trong cuộc tổng công kích 1972, hành vi cưỡng ép này được quý vị nguy danh thành một động tác “ghi ơn bộ đội!!” Và hơn ai hết, chính các quý vị ở đây mới là những người đã có hành động đó... (Đại Tá Võ đông Giang đã từng hiếp dâm một nữ cán bộ lúc y nghỉ dưỡng bệnh sốt rét tại một bệnh xá. (Hồi ký Đường Đi Không Đến-Xuân Vũ). Và đám cán bộ cao cấp của tập đoàn cộng sản mới là những kẻ không ít thì nhiều có liên quan đến các tội phạm, những bất toàn về tinh dục. Tướng Võ nguyên Giáp cưới con của Đặng thái Mai, người vợ mà trước kia Giáp bế trên tay và gọi bằng cháu, Lê Duẩn nhờ áp lực đảng để cưới người vợ trẻ, cô Thoa, một hoa khôi nổi tiếng miền Tây trong thời kháng chiến 1945, Nguyễn khánh Toàn, đồng chí, đồng hành cùng Hồ chí Minh đã được đảng hợp tác cuộc hôn nhân thứ ba lúc Toàn bảy mươi tuổi cùng với một thiếu nữ mười bảy tuổi!!) Đây, những sự kiện trên mới phản ánh đúng chính sách, chỉ đạo của đảng cộng sản cùng với ý thức đạo đức mới mẻ, mà trong đó chủ trương “cấy giống” được nguy danh để thay thế những cuộc hiếp dâm tập thể!!

Bày ra những tội hiếp dâm tập thể xong, phanh thây người chết ra, hoặc hiếp dâm bà già, ném con nít, ông già vào nước sôi (Vùng quê Việt Nam, trong một cuộc hành quân kiểm đầu ra cái chảo lớn đủ để “luộc” được người, hơn nữa trong một cuộc đi càn (ngôn ngữ cộng sản) lấy đầu ra thì giờ nước, củi đủ nấu một chảo lớn để “luộc” người thật nhiều khê rắc rối theo như tổ cáo của phái đoàn cộng sản!!) Được ba, bốn lần không thấy kích động được đối phương, lại chỉ gây thêm trò cười vì các “tội ác” quá sách vở, quá Quốc văn giáo khoa thư...

Và chắc sau khi hội ý kiểm thảo, phái đoàn mặt trận giải phóng cũng nhận thấy rằng tội ác khó “chấp hành” được, có vẻ là bối cảnh của chuyện Phạm Công-Cúc Hoa, Mục Liên- Thanh Đề nên đồng ý dẹp bỏ. Phái cộng sản xoay theo một phương thức tấn công khác, nhưng “chủ đề hiếp dâm, giết người” vẫn triệt để khai thác. Lại hiếp dâm, phải chăng cấp trưởng phái đoàn mặt trận giải phóng nhận được chỉ thị từ Lộc Ninh, phải khai thác cái “te” này trong một thời hạn nào đó, hoặc thấy chủ đề còn hấp dẫn, đầy tính chất sáng tạo ?!! Mặt trận giải phóng bèn khai thác các phóng sự về hiếp dâm, cướp của của báo chí Sài Gòn, lẽ tất nhiên, phe viết báo Sài Gòn (Ngoại trừ cái tòa soạn báo Điện Tín, nơi mũi cộng sản bốc lên không che dấu, có đăng thơ của vẹm với những câu như “Ai về đất Quảng, Nhớ ngày Thái Phiên, Ai qua Châu Mộc, Hãy ghé Điện Biên...” Báo ngày 4.2.1974) không thể nghĩ đến lúc mặt trận giải phóng lấy bài viết của mình để đã kích lại chúng tôi với những lập luận như sau:

- Báo chí Sài Gòn, dù bị chính quyền quý vị dọa nạt bùng bít cũng không thể im lặng trước những tội ác mà binh sĩ quý vị “được lệnh” thực hiện trên đầu trên cổ người dân!!

Tội ác được lệnh thi hành theo lời mặt trận giải phóng là tội hiếp dâm hai thôn nữ ở Long Khánh mà một anh Nghĩa Quân đã phạm sau khi bị thần rượu ám. Những phóng sự của các thông tin viên địa phương thường lại hay thổi phồng hoặc tạo thêm gay cấn sự kiện, (Nghề của chàng, lâu lâu viết một bài, chàng viết cho sướng. Tất nhiên) được các ủy viên tham mưu của phái đoàn cộng sản nghiên cứu, mổ xẻ thêm thắt để biến thành những trường hợp điển hình cho chiến dịch tội ác mà chính phủ Việt Nam Cộng Hòa chủ trương cho Binh Sĩ và Cán Bộ ở các địa phương thi hành!! Sau hiếp dâm, giết người, mặt trận giải phóng “chấp hành” tối đa các bài báo tổ cáo tham nhũng, hối mại quyền thế, họ cũng móc nối các sự kiện này lại chung quanh chiếc trục “chủ trương của Việt Nam Cộng Hòa” để chứng minh rằng những hành vi phạm pháp trên phát xuất từ một xã hội, một chính sách bất nhân, mục nát mà phía Việt Nam Cộng Hòa cố tình duy trì, khai thác tính chất này trong âm mưu

làm tay sai cho chính sách “thực dân mới” của Hoa Kỳ, nghĩa là chủ trương mở rộng vùng kiểm soát, xóa tan thực tế hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng giải phóng!! Tóm lại, là không thi hành đúng tinh thần và lời văn của Hiệp Định Ba Lê, không chủ trương “Hòa Bình, Hòa Giải Dân Tộc!!”. Với một xị rượu để say sưa, hành động của một anh Nghĩa Quân làm bậy trong đêm tối dần dà nổi kết với tham nhũng của một anh ủy viên hành chánh xã bê bối để cùng nhau phá hoại hiệp định, phá hoại thành quả hòa bình do hiệp định mang lại, hòa bình phe cộng sản đã kiên cường tranh thủ sau khi đánh bại được nửa triệu quân Mỹ và các nước đánh thuê Nam Triều Tiên, Xiêm La v.v...Người cộng sản đã kết hợp những sự kiện này tài giỏi như bà tiên trong chuyện cổ tích.

Chiến dịch “đọc báo” của mặt trận giải phóng bị Đại Tá Đóa phản công:

- Quý vị đến đây để thương thảo hay để đọc báo ? Thương thảo nghĩa là thương lượng, thảo luận các vấn đề do hiệp định quy định, để thực hiện ngưng bắn, thực hiện hòa bình...Chứ đâu phải đem một đồng báo ra rồi đọc vanh vách từng bài một ?! Báo ấy xuất bản ở Sài Gòn của chúng tôi, chúng tôi đã mua, đã đọc, đã biết, đâu cần quý vị đem tới đây đọc lại, nhưng quý vị còn đọc thiếu, đọc sai, đọc láo!! Sao quý vị không đọc các bài tường thuật vụ Trung Cộng xâm lăng Quần Đảo Hoàng Sa, sao quý vị không đọc phóng sự du kích quý vị ném lựu đạn tại Ba Xuyên, sao quý vị không đọc bản tin đài BBC nói về vụ thảm sát học sinh ở Cai Lậy ?!! Các tội ác này mới là chủ trương sai trái, là âm mưu phá vỡ hiệp định, giết hại nhân dân. Quý vị lại còn xuyên tạc một cách thô bỉ khi thêm vào trong bài báo tố cáo vụ hiếp dâm ở Long Khánh những tình tiết, những sự kiện gây cản ly kỳ làm như quý vị có mặt ở đó, bài báo chúng tôi cũng có đọc mà không thấy nói đến ác chi tiết như quý vị vừa nêu ? Vậy là sao? Là quý vị “phịa”, quý vị viết ra cho mình đọc, và đọc để chưởi rửa, la lối kéo dài, đánh lạc hướng nghị hội...

Tướng Hiệp thì phản công theo một chiều hướng khác:

- Chúng tôi lấy làm buồn cười do những dẫn chứng mà quý vị vừa trình bày, tất cả những hành vi xấu mà báo chí Việt Nam Cộng Hòa nêu ra chỉ là hành vi riêng rẽ của một vài cá nhân phạm phải, chính phủ chúng tôi xét xử trừng phạt họ theo luật pháp. Những hành vi xấu này sở dĩ được trình bày cũng vì báo chí miền Nam có đủ quyền tự do trong công việc loan tin về những thực tế xã hội, nhân sinh, chứ không phải như thể giới cộng sản chỉ đầy đặc một loại “thánh” không hề có nhược điểm trong một “thiên đàng” đỏ máu! Và báo chí cộng sản thì có được gì, viết được gì, hay tất cả những điều trình bày chỉ là lệnh và theo chỉ thị của đảng. Quý vị cũng rất thâm độc khi bắt đầu tố cáo thì sử dụng các bài báo có dẫn chứng, nêu rõ lên từng tên người phạm tội, tên các báo chí đăng tải, tiếp theo sau là tố cáo tiểu đoàn này, trung đoàn nọ giết hàng chục người trong những làng xã không nêu danh, trong những Quận lỵ không hề được xác định !! Ý đồ thâm độc lộ liễu này chúng tôi đã biết rõ, quý vị đừng hòng lấp liếm, lợi dụng. Sự tàn sát lương dân đích thực, ghê tởm nhất mà dư luận ở Huế hiện đang xôn xao là cuộc tàn sát cả một gia đình gồm chủ nhà, người cha, người mẹ, người con dâu, những đứa trẻ, giết luôn cả người giúp việc cùng con của người giúp việc, giết cả con mèo, con chó, thậm chí con cá vàng trong chậu cũng bị ném ra sân !! Cuộc tàn sát được thực hiện thật tối đa để gọi là thành quả tiêu diệt một đơn vị phản động!!

Tình hình chiến sự mỗi ngày một căng thẳng, sau Lệ Minh, Đức Lập, Chí Linh, đến Đức Huệ, Tống Lê Chân, Kontum, Hậu Nghĩa, Định Tường, bộ đội mặt trận nổ súng nhiều hơn, nóng lán (chữ của mặt trận giải phóng) nhiều hơn thì ở bàn hội nghị, trưởng đoàn cộng sản lại đọc báo nhiều hơn và cuộc thảo luận về ngưng bắn chỉ là một tố cáo dằng dặc về giết người, cướp của, hối lộ tham nhũng. Phía mặt trận giải phóng có một lập luận rất logique trong các tố cáo này:

- Những việc làm xấu xa sai trái này phản ánh tính chất bế tắc, nô lệ của chính sách Việt Nam Cộng Hòa. Sở dĩ có tình trạng bế tắc hư hại này là vì Mỹ muốn vậy, Mỹ muốn Việt Nam Cộng Hòa phải lệ thuộc vào Mỹ, Mỹ muốn Việt Nam Cộng Hòa lệ thuộc vào Mỹ để Mỹ sai khiến làm công cụ cho chính sách thực dân kiểu mới..

Bám quanh cái trụ “thực dân kiểu mới” này, phái đoàn mặt trận giải phóng quay hướng tất cả mọi tổ cáo, tất cả mọi xuyên tạc về mục tiêu cuối cùng: Việt Nam Cộng Hòa phải công nhận thực tế hai vùng kiểm soát, hai quân đội, hai chính quyền, thực tế của chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Năm 1973 chấm dứt, sắp đến Tết Giáp Dần, cũng là thời hạn một năm hiệp định được ký kết, phía Việt Nam Cộng Hòa tạo điều kiện để khai thông nghị hội qua cửa ngõ tù binh, một vấn đề mà cả hai bên từ trước tới nay đạt được một vài tiến triển. Và mong cuộc trao trả sớm hình thành để tù dân sự của hai bên đoàn tụ với gia đình trong dịp Tết. Tuy cùng đồng ý với ý niệm nhân đạo này nhưng đến khi thảo luận vào chi tiết của vấn đề thì hai bên lại có hai quan điểm đối nghịch. Phía Việt Nam Cộng Hòa muốn khai thông toàn thể vấn đề tù binh một cách tổng quát, nghĩa là giải quyết tình trạng của tù binh quân sự Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở các mặt trận ngoại biên như Kampuchia, Lào, người bị bắt trước năm 1972... (95% tù quân sự Việt Nam Cộng Hòa được thả là những Quân Nhân bị bắt trong năm 1972, năm cộng sản Bắc Việt tổng công kích tại Nam Việt Nam). Phía mặt trận giải phóng lại quan niệm khác: Vấn đề tù binh chỉ là phần sót lại của kế hoạch trao trả được hai bên thiết lập từ ngày 23.7.73, nghĩa là Việt Nam Cộng Hòa trả phần còn lại của 5081 nhân viên dân sự được công bố. Mặt trận giải phóng trả số còn lại của danh sách 637 nhân viên dân sự Việt Nam Cộng Hòa và 410 nhân viên quân sự ở Đức Nghiệp. Kế hoạch tháng 7.73 này còn có nhiều lợi điểm cho họ, khi nhận được số còn lại của tổng số 5081 (Nhân số cần thiết để bổ sung và quân bình hóa lực lượng hạ tầng bị cộng sản miền Bắc khuynh loát, tràn ngập). Nếu cuộc trao trả được tiến hành, những vùng đất ở địa điểm trao trả được gián tiếp công nhận thuộc quyền kiểm soát của họ. Những địa điểm trao trả tù quân sự trước kia như Bắc Sông Thạch Hãn, Lộc Ninh, Quảng Ngãi, nay được tăng cường thêm ở Đại Lộc (Quảng Nam), Kỳ Quế (Quảng Tín), Võ Định (Kontum), Đức Nghiệp (Pleiku), địa điểm ở vùng cận sơn Tĩnh Khánh Hòa, ở Bắc Xuyên Mộc (Phước Tuy), U Minh (Kiên Giang), Năm Căn (An Xuyên). Mặt trận giải phóng có thêm ý phân tán số tù binh nhỏ nhoi 442 người còn lại (của tổng số loan báo 637, đã trả tại Bắc Thạch Hãn 195 người vào tháng 5.1973) đến mười một địa điểm dọc khắp miền Nam để chứng tỏ sự hiện diện và quyền kiểm soát của họ trên nhiều vùng đất. Sự cố gắng này dễ nhận được khi họ thiết lập hai địa điểm ở hai Tỉnh sát cạnh nhau như Võ Định (Kontum) và Đức Nghiệp (Pleiku), địa điểm Võ Định chỉ vốn vẹn có tám người. Cuối cùng cuộc trao trả vẫn không thực hiện được, Tết Giáp Dần đi qua.

Sau Tết, vào đầu tháng 1.1974, vấn đề trao trả lại được khơi lại thêm một lần nữa, dư luận trong và ngoài nước hân hoan đón nhận diễn tiến tốt đẹp của cuộc trao trả, người ta hy vọng rằng cuộc trao trả sẽ gây nên những hệ quả đáng khích lệ khác như thành lập Hội Đồng Hòa Giải, ngưng bắn và phân ranh vùng, tổng tuyển cử. Nhiều ước tính và đồn đãi về việc hữu hiệu hóa và hiện thực việc thảo luận ở Hội Nghị Paris vào những công tác khẩn thiết đang được toàn khối nhân dân miền Nam mong ước. Nhưng tất cả cũng chỉ là những hy vọng. Cuộc trao trả đã kết thúc trong thảm hại.

Trong số 410 Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa được dự định trao trả ở Đức Nghiệp, mặt trận đã thiếu đến ba mươi một người. Phía cộng sản giải thích có mười lăm người chết vì những bệnh (!) trước kia và mười sáu người đã lợi dụng sự tử tế

của lính canh để bỏ trốn ?! Ở những địa điểm trao trả khác phía cộng sản đều có những thiếu hụt như ở Quảng Ngãi trả bảy mươi trên bảy mươi mốt, ở Khánh Hòa trả năm thay vì sáu người được loan báo, Võ Định (Kontum) thiếu hai người trong danh sách tám người...Tỷ lệ thiếu hụt tính chung 12% của mười một địa điểm. Nhưng trầm trọng hơn hết thảy, cán binh cộng sản đóng tại các chốt dọc Đường 13 từ Chợ Thành đến Lộc Ninh (đường bay được sử dụng thường xuyên để liên lạc giữa Sài Gòn và Lộc Ninh để trao trả tù qua nhiều đợt) được lệnh tác xạ vào trực thăng Việt Nam Cộng Hòa từ Lộc Ninh trở về. Cán binh cộng sản bắn lần thứ nhất (riêng đợt trao trả này, từ 8.2 đến 7.3) vào ngày 26.2.74, lần thứ hai vào ngày 7.3.74 cũng là ngày Việt Nam Cộng Hòa đơn phương phóng thích 76 tù binh quân sự cộng sản. Lần tác xạ này đã gây tử thương cho một nhân viên phi hành đoàn trực thăng Chinook CH47. Và mặc dù phía Việt Nam Cộng Hòa vẫn kiên trì duy trì kế hoạch, binh sĩ cộng sản vẫn bắn lại lần thứ hai trong ngày, vào lúc 15giờ 50. Họ vẫn bắn vì lệnh đã ban bố !! Để giải thích cho hành động phi lý bạo ngược này, Tướng Tuấn lại tố ngược rằng chính Việt Nam Cộng Hòa đã vi phạm đường bay, thủ tục bay, giải thích tuy ngang ngược nhưng phía cộng sản vẫn không dám thú nhận đã bắn lên máy bay đi trao trả mà chứng cứ hiển nhiên là vết đạn còn ghi trên thân máy bay và xác thân còn nóng của viên Trung Sĩ phi hành. Dưới đây là lời chạy tội của Tuấn:

- Trở lại câu chuyện mà quý vị đã dựng đứng lên trong kháng thư gửi ngày 8.7.74, quý vị đã bịa đặt lên một chuyện máy bay Chinook bị bắn trên đường trao trả về...Vi tưởng rằng những điều dựng đứng chung quanh sự việc này khỏa lấp được những vi phạm sai trái từ trước đến nay, chúng tôi đã nhiều lần lên án việc quý vị lợi dụng đường bay, lợi dụng việc trao trả, lợi dụng ký hiệu của Ban Liên Hợp Quân Sự để sử dụng máy bay trong các công tác trinh sát, ném bom, bắn phá vùng kiểm soát của chính phủ cách mạng. Như trong cuộc trao trả vừa qua, bất chấp nhiều lần nhắc nhở của chúng tôi, quý vị đã cho một số máy bay theo sát hành lang của máy bay Ủy Ban Quốc Tế để ném bom vào phía Tây Đường 13 trong ngày 14.2.74. Ngày 19.2.74 trong một chuyến bay đi Lộc Ninh, quý vị đã có những hành động do thám, khiêu khích trên các chốt của chúng tôi đóng trên đường, sĩ quan liên lạc của chúng tôi trên chuyến bay đã chứng kiến sự kiện và nêu lời cảnh cáo. Ngày 22.2.74 trong cuộc trao trả tại Võ Định, quý vị cũng lợi dụng để cho máy bay trinh sát đánh phá phía Tây Đường 14, ngày 28.2.74 trong lúc máy bay của Ủy Ban Quốc Tế đi giám sát cuộc trao trả ở Lộc Ninh, quý vị sử dụng những máy bay chiến đấu bay kèm theo để khiêu khích lực lượng dưới đất của chúng tôi, sự kiện được Đại Sứ Iran chứng kiến.

Cuối cùng, Tuấn kết luận:

- Giả dụ nếu có việc máy bay bị bắn hạ, thậm chí không phải để bắn cảnh cáo mà bắn hạ thật thì cũng là một hành động chính đáng vì phía quý vị đã triển khai các hoạt động vũ trang đen tối, quý vị cũng không được phép than thở vì mình đã sai trái.

Nửa nhận, nửa không, Tuấn sử dụng một ngôn đồn điển hình của cộng sản: Không bao giờ xác định một tội ác mà phải ngụy danh dưới những danh từ rất hòa bình, rất hòa giải. Suốt một năm 1973 hàng ngàn phi vụ trực thăng đã được thực hiện dọc Đường 13, hình ảnh những binh sĩ cộng sản đứng dưới đất đưa tay vẫy chào khi máy bay bay qua các chốt của họ là hình ảnh thực tế và quen thuộc đối với các phi hành đoàn trực thăng, các nhân viên trong Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên và Ủy Ban Quốc Tế. Rõ ràng hơn hết, đợt trao trả kể từ ngày 8.2.1974, các phi cơ trực thăng vẫn sử dụng đường bay với cao độ trên dưới năm mươi thước dọc trên Đường 13. Vậy lệnh tác xạ cho binh sĩ mặt trận trong những ngày 26.2 và 7.3 là những lệnh mới, những lệnh độc lập, đơn phương gây bạo động.

Tướng Tuấn lại càng vô lý hơn khi tố cáo L-19 vi phạm “vùng trời Đức Nghiệp Pleiku...” Trong cuộc trao trả tại Đức Nghiệp ngày 5.3.1974, tên Thiếu Tá mặt trận lập lại lời tố cáo này với cá nhân tôi... Chẳng e dè tôi đáp lễ:

- Thế nào là không phận, thế nào là vùng trời ? Quý vị trả lời cho chúng tôi biết khoảng cách từ mặt đất trở lên bao nhiêu thì được kể là không phận của một nước ? Cửa một quốc gia ?... Quý vị có tính luôn thượng tầng khí quyển không ? Quý vị là quốc gia hay sao mà có một không phận riêng ? Và vùng trời Đức Nghiệp phải chăng là một đường thẳng góc từ khí quyển thẳng góc với mặt đất tại địa điểm trao trả này, một điểm vô hình đúng với tọa độ ZA4 Và ai xác nhận vùng Đức Nghiệp này là của quý vị ? Nghị Định Thư về ngưng bắn có ấn định cấm Việt Nam Cộng Hòa thực hiện những phi vụ huấn luyện, kỹ thuật hay không ?... Quý vị nói cho sướng miệng, được bảo sao là nói vậy... Hỏi khắp các cơ quan hàng không thế giới có ai xác định được không phận của một xã hay không ?!

Ở địa điểm trao trả tôi chười theo kiểu ào ạt như thế, trong buổi sáng 10.3, Đại Tá Đóa lại có một bản văn với nội dung là từng hàng chữ phần nộ sắt đá. Bằng một giọng nói uyển chuyển, khảng khít đan từng chữ, chém từng câu, đánh bạt đối phương vào một nỗi ngẩn ngơ choáng váng:

- Trước khi vào chương trình nghị sự, chúng tôi dành ít phút để đề cập đến một sự việc quan trọng vừa xảy ra: Hôm kia (7.3.1974) lúc 12 giờ 20, trong chuyến trao trả thứ nhất, chiếc trực thăng Chinook không vũ trang của chúng tôi sau khi đã đưa đến Lộc Ninh 40 nhân viên quân sự của quý vị để trả cho quý vị, trên đường về đã bị lực lượng dưới đất của quý vị bắn lên gây tử thương cho một nhân viên của phi hành đoàn, máy bay bị bắn thủng với dấu vết, tang chứng tồn tại.

- Trước sự quá lộ liễu trắng trợn của hành động thô bạo trên, chúng tôi sẽ làm một công việc vô ích nếu nhấn mạnh lại tính chất nhân đạo mà phi hành đoàn đang thực hiện: Trao trả về cho đối phương những tù binh quân sự bị bắt trên chiến trường. Chúng tôi cũng sẽ tốn công vô ích khi phân tích cho quý vị biết tính chất chuyên môn riêng biệt của phi xuất Chinook để bác bỏ vắn nạn nguy tạo mà quý vị sẽ dựng đứng lên: Phi hành đoàn đã bay khiêu khích, trinh sát trên các chốt.

- Cũng sẽ vô cùng vô ích, sẽ vô cùng uổng phí để trình bày cùng quý vị những điều hợp lý vì trí não của quý vị không đủ sức chứa những giải thích, vì trí não của quý vị đặc cứng một khối đá cẩm thù dầy men máu. Chúng tôi chỉ có thể xác định được như thế! Vì những kẻ cầm súng ở dưới đất, chắc chắn không phải vô cớ, không phải vì ngẫu hứng, cũng không phải vì bị khiêu khích nên đã có hành động tàn bạo trên. Kẻ đó phải được chỉ thị từ trước, phải được phối trí để chỉ bắn máy bay từ Lộc Ninh trở về, không bắn máy bay từ Biên Hòa bay đi. Tất cả vụ vi phạm từ trước đến nay chỉ được thực hiện với các máy bay trên đường từ Lộc Ninh về.

- Chúng tôi nhấn mạnh lại điểm này. Hơn thế nữa, quý vị còn biết rõ hơn ai hết, quý vị đã thành công trong công việc làm biến dạng một lớp binh sĩ trẻ tuổi, từ những khối não trong trắng chất phát trở thành những khối óc trống rỗng thiếu trí phán xét, năng lực suy tư để chỉ có thể hành xử theo động tác có điều kiện như một con vật trong thí nghiệm của Pavlov. Binh sĩ của quý vị cũng mất hẳn năng lực phần nộ khi chưa được bấm nút! Vậy, phải hiểu rằng động tác của một kẻ nào đó ở dưới đất khi nâng khẩu súng hướng vào trực thăng như vừa kể là một động tác không thuộc về hấn, nhưng đã được hướng dẫn từ một chính sách, từ một đường lối. Chính sách và đường lối máu, đổ như lá cờ hấn dựng lên trong những “chiến thắng” đẫm mùi thầy người, những “chiến thắng” Mậu Thân Huế, Darksong, “chiến thắng” trên chín cây số thịt, da đồng loại của Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị!! Chúng tôi quan niệm như thế và chắc rằng đã nghĩ, đã suy diễn đúng từ những tội ác quá hiện thực của quý vị. Quý vị đừng từ chối chính sách đổ máu đó, vì đó là chính sách cơ

bản, là “diện” chiến lược bao phủ lên tất cả mọi đường lối, hành động của quý vị. Chính sách đỏ rực màu máu đỏ cũng chính là màu cờ mà quý vị ngược cao mặt để chào kính mỗi ngày với sự nhủ thầm: Hãy cố gắng để tô thắm thêm ánh đỏ di kỳ, man rợ...Chính sách đỏ cũng đầy ắp trong khúc hát mà quý vị đã lập đi lập lại hàng chục ngàn lần trong đời, khúc hát tràn ứ những hình tượng quái đản, kinh khiếp: “Thề phan thây uống máu quân thù...Đường vinh quang xây xác quân thù...”. Quân thù nào trong những ngày tháng này, trên miền Nam này, trong lòng chiếc máy bay đi thực hiện công tác trao trả ? Phải chăng quý vị thiếu đối tượng kích động, thiếu thứ thức ăn để dựng tiệc vinh quang nên quý vị đã bắn lên các phương tiện của hòa bình, bắn vào những người đi thực hiện những dạng thức cụ thể cho hòa bình.

- Phải chăng quý vị muốn kiếm một chút thây người kiếm một chút máu đỏ để tô lá cờ thêm thắm, để câu hát được hiện thực đầy đủ như từ ngữ réo gọi ?!!

- Chính sách của quý vị, màu cờ của quý vị, khúc hát của quý vị đang cố tâm đẩy mạnh thực hiện, biến quý vị trở thành những hình tượng siêu đẳng: Hình tượng của những kẻ sát nhân thấp kém, sa đọa nhất của lương tri con người.

- Chúng tôi chấm dứt nơi đây để quý vị trở về suy nghĩ lại, suy nghĩ trên hai chiều hướng, thứ nhất để giải thích tính chất vô lý phi nhân của sự việc, chiều hướng thứ hai để thú nhận sự man rợ quái đản của một chính sách xây dựng trên thây người và máu nóng. Trong đầu tuần tới, chúng tôi yêu cầu quý vị hãy sử dụng phương tiện chuyên chở của chúng tôi để liên lạc với Lộc Ninh và cho chúng tôi biết đơn vị nào, cá nhân nào đã nhúng tay vào việc sát nhân đó và hình phạt nào đã giành cho họ.

Cuộc trao trả đã kết thúc bằng máu đỏ và thây người làm hụt hẫng mất hết cả hy vọng tiến đến những giải tỏa đáng khích lệ để làm nền móng cho hòa bình. Hòa Bình, giấc mộng thê thảm của cả khối dân tộc chìm đắm miệt mài hủy hoại trong hung tai. Cuộc trao trả với kết thúc đau đớn chưa làm tan dư âm của nguồn dư luận vì thấy con đường đến hòa bình bị nghẽn lối, thì đến ngày 9 tháng 3 năm 1974, cán binh cộng sản trong chiến dịch khủng bố và gây áp lực lên Quận Cai Lậy làm đầu cầu cho các cuộc xâm nhập vào Tỉnh Định Tường cũng như những trận đánh vào tháng 5 năm 1974 sau này đã bắn một quả đạn 82 ly vào Trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy gây thương vong cho bốn mươi ba em bé và làm bị thương bảy mươi ba em khác. Tội ác vang động như tia sét nổ bùng trong một ngày quang đăng, như đợt sóng thần vọt lên từ đáy đại dương trong nháy mắt cuốn trôi đi cả thành phố...43 xác chết trẻ thơ cùng 70 thân thể nhỏ bé co quắp lẫn lộn vương vãi trên biển máu đã khiến cho cả thế giới nhân loại ngơ ngẩn: Tội ác vượt quá ý niệm. Tội ác xảy ra ngày 9 tháng 3, mãi đến phiên họp trường đoàn ngày 15 tháng 3 phía mặt trận giải phóng mới phát biểu một hai ý kiến liên quan đến. Phải nói chân thật rằng, phái đoàn cộng sản cũng không thể nghĩ đến một thành quả kinh khiếp như thế đã được cán binh họ thực hiện. Lễ tất nhiên từ ngày 15.10.1973 khi mệnh lệnh đánh trả được ban bố và vùng Cai Lậy, Định Tường được xem như thí điểm để mở rộng vùng giải phóng ở Quân Khu IV Việt Nam Cộng Hòa (Một quân khu vẫn từ lâu tỷ lệ an ninh rất cao), thì vùng này đã bị 27 lần pháo kích kể đến ngày 7.3.1974 mà mục tiêu là Chi Khu Cai Lậy, các đồn bót dọc theo Quốc Lộ 4, Liên Tỉnh 29. Nhưng vì kỹ thuật tác xạ của du kích cộng sản vốn quá kém cỏi, các dàn phóng 10 ly, 122 ly phần nhiều là tạm thời làm bằng tre, bắn xong bỏ trốn nên các quả đạn 60, 82 ly, các hỏa tiễn 107, 122 ly hầu hết rớt ra ngoài khu đông dân cư. Tỷ dụ như xóm Búng, Nam Cai Lậy bị đến hai lần pháo kích (lần thứ nhất vào ngày 24.7.73 và lần hai cùng ngày 9.3.74). Tuy nhiên, thành quả giết người của hai mươi bảy lần pháo kích, khủng bố chỉ đạt được một kết quả khiêm nhường, cao nhất là kết quả ngày 18.11.73, một quả sáu mươi ly rơi vào xã Nhị Quý làm chết sáu người dân...Thế nên, bốn mươi ba xác chết cùng

bảy mươi thân thể nhỏ bé bị thương của ngày 9.3.74 cũng làm luôn phía cộng sản choáng váng. Phái đoàn mặt trận giải phóng im lặng cho đến ngày 15.3.74 mới phát biểu một tố cáo lật lọng:

- Sau khi các chiến dịch vu khống: “cộng sản chuẩn bị tấn công mùa khô, cộng sản giết mìn xe đồ, bắn vào dân chúng” đã bị phá sản, không giết gân để khích động dư luận nên bây giờ quý vị (Việt Nam Cộng Hòa) lại “dựng đứng” lên cái gọi là “cộng sản pháo kích vào Trường Tiểu Học Cai Lậy”. Vì hiện nay mười bảy Tiểu Đoàn thuộc các Trung Đoàn 10 và 11 đang hành quân lấn chiếm khu vực Đông Bắc Lộ 4 (Bắc Cai Lậy), các căn cứ hành quân đã chiến đang tiếp tục điều động những lực lượng cơ hữu để đánh phá hủy diệt xóm làng, pháo kích bừa bãi vào nơi dân chúng. (Luận cứ này không có được một chút hợp lý vì các Trung Đoàn 10 và 11 thuộc Sư Đoàn 7 Bộ Binh đã trấn giữ vùng này hơn mười năm qua, quả đạn rơi vào Trường Tiểu Học Cai Lậy thuộc loại cối 82 ly của Trung Cộng, bộ binh Việt Nam Cộng Hòa chỉ có các loại cối 60, 81, quân đội cộng sản dùng các loại cối lớn hơn một ly đường kính 61, 82 ly Trung Cộng mục đích để có thể sử dụng luôn cả đạn 60, 81 ly. Luận cứ này sẽ vô nghĩa đối với những người có đôi chút kiến thức về phối trí các lực lượng quân sự, cách sử dụng hỏa lực của đôi bên.

Tướng Tuấn tiếp:

- Vụ pháo kích vào Trường Tiểu Học Cai Lậy chỉ là một vu cáo để khóa lấp các vi phạm do quý vị gây nên mà thôi, chúng tôi sẽ điều tra một cách kỹ lưỡng rộng rãi để tìm ra nguyên do đích thực của sự kiện. Quân đội cách mạng không phải mới sinh hôm qua, hôm nay, nhưng đã có hơn ba mươi năm qua, từ dân mà dậy lên, do dân mà chiến đấu nên phía quý vị đừng hòng “dựng đứng” lên tội ác này, tội ác nọ để tố cáo, xuyên tạc được !!

Đầu phiên họp, Tướng Tuấn đưa ra lập luận trên để chạy tội, cuối phiên họp, Tuấn có thêm một vài yếu tố khác nên đẩy lời chối tội đi xa hơn bằng cách quy trách nhiệm cho phía Việt Nam Cộng Hòa là kẻ chủ mưu của vụ Cai Lậy (!!!) Lời tố cáo ngang ngược lúc này có ý nghĩa khác lời chạy trốn trên, vì ở trên họ cho là Việt Nam Cộng Hòa dựng đứng tức là chuyện không có, chuyện ngụy tạo, không thật... Đến đây, thì Tuấn lại gián tiếp nhìn nhận có vụ thảm sát ở Cai Lậy, nhưng do chính phủ phía Việt Nam Cộng Hòa chủ trương thực hiện (!!). Tướng Tuấn cao giọng:

- Đừng tưởng rằng bằng những giọt nước mắt cá sấu qua sự việc gây thương vong cho “các cháu” (sic) ở Cai Lậy là chứng minh được chủ trương nhân đạo của phía quý vị, là thương trẻ con, vì dân, vì nước... Quý vị đừng tưởng như thế, chỉ là một tưởng tượng “qua hóa thành công”. Nếu quả thật phía quý vị đau xót sôi sục thì tại sao không triệu tập phiên họp ngay từ ngày 10, 11 mà mãi đến hôm nay, 15.3 mới đưa ra chính thức ở bàn hội nghị. Quý vị đừng tưởng dùng xương máu trẻ em để cố lật ngược đổi trắng thay đen, nhưng bản chất của hai quân đội đã làm cho ai cũng thấy ngay được ai là thủ phạm của tội ác ?! Bản chất của lực lượng cách mạng vũ trang giải phóng là chỗ nô lệ mà ra, từ chỗ áp bức đứng lên cầm súng đánh hết đế quốc này đến đế quốc khác... Chúng tôi là những người đứng lên đi đầu trong cuộc đồng khởi để chiến đấu cho độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Khi bảo chúng tôi pháo kích vào Trường Tiểu Học Cai Lậy thì tại sao khi một nhà báo ngoại quốc dù có giấy phép của Trung Tướng Tổng Cục Chiến Tranh Chính trị của quý vị vẫn không được vào quay phim chụp ảnh ở phạm trường ? Phải chăng vì quý vị sợ nhà báo này khám phá ra những dấu vết chứng tích cuộc thảm sát là do phía quý vị đề ra. Lệnh cấm này do Tướng Nghi, Tướng chúa Vùng IV đề ra!!

Khốn nạn thật, một tội ác sừng sững cao ngất uất hận như thế mà phía cộng sản đã xóa sạch không ngượng tay, không run giọng, họ đã không những chỉ xóa

sạch tội ác, còn chuyển tội ác đến người khác một cách điệu nghệ trong tình táo ngang ngược đến phi nhân!!

Hành động quái đản ngược ngạo này sở dĩ được hiện thực là do bản chất uyển chuyển, tính thích nghi vào tất cả mọi hoàn cảnh của người cộng sản, nhưng cũng góp phần bởi bản tính thụ động đến độ đáng phẫn nộ của phía chúng ta ?! Lệnh cấm vào phạm trường do Tướng Nghi hay do Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường, chúng tôi không rõ được, nhưng quả tình lệnh này đã tạo một lối thoát bằng vàng, đã bắt một chiếc cầu cho kẻ sát nhân chạy trốn. Lệnh cấm quái dị phi lý này đã như một tấm màn che kín vũng máu oan khiên của thân xác trẻ nhỏ. Người đứng ngoài, dư luận trong và ngoài nước trong giây phút xúc động đầu tiên, lòng chùng xuống ở trạng thái dễ bị kích động lôi cuốn nhất, nên bỏ qua rất dễ dàng sự trốn chạy ngang ngược lếu láo của kẻ sát nhân lại được một màn hỏa mù do phía chúng ta ném ra. Phải chăng Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường muốn “che” luôn tội ác của địch để chứng tỏ địa phương an ninh, địa phương ta kiểm soát được 100% dân cư, đất đai, trong viễn tượng bắt thêm một sao kỳ thăng thưởng 1.4.74 sắp tới, cũng như muốn lấy lại một chút điểm với “Mặt Trời” (1) sau vụ bê bối hàng lậu phát xuất từ Định Tường bị bắt ở Long An ?! Nhưng dù bởi lý do nào đi chăng nữa lệnh cấm thông tin viên ngoại quốc và trong nước vào phạm trường buổi chiều ngày 9.3 cũng như sáng ngày 10 đã tạo một đường thoát thân cho kẻ địch ở tình thế sinh tử!!

Sau này, anh Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường còn làm thêm một màn rất huê dạng nữa, tổ chức một cuộc biểu tình phản đối Ủy Ban Quốc Tế khi cơ quan này xuống điều tra vụ thảm sát !! Và vì không kiểm soát nổi các em học sinh, nên có một, hai em đã vô ý thức ném đá vào phái đoàn điều tra. Tên sĩ quan liên lạc của mặt trận giải phóng lấy cớ địa phương không bảo đảm an ninh xúi dục anh Ba Lan, Hung Gia Lợi chấm dứt cuộc điều tra. Đau khổ hơn hết thảy, thành viên Nam Dương kẻ chống cộng tích cực nhất của ủy ban cũng là một nạn nhân của vụ ném đá ?! Sự kiện làm ngã ngựa cả Ban Liên Hợp chúng tôi, yêu cầu được Ủy Ban Quốc Tế đi điều tra với đủ bốn thành viên là một “thành công” đặc biệt, thế mà khi cuộc điều tra đang tiến hành với những kết quả rất có lợi cho Việt Nam Cộng Hòa thì xảy ra vụ ném đá?! Anh Tỉnh Trưởng này muốn gì ? Tất cả mọi người đều lắc đầu ngao ngán, phải chăng Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường là một tay nằm vùng có nhiệm vụ vẽ đường cho giặc chạy ? Phải chăng anh ta thiếu những lý trí tối thiểu để làm một người trưởng thành hay anh ta mắc bệnh “đần” ?!! Tôi không nói quá lời, vì vụ ném đá đã khiến cho phái đoàn mặt trận giải phóng ở bàn hội nghị xoa tay hoan hỉ, họ mạnh dạn, hân hoan tố cáo:

- Quý vị đến bây giờ thì đã biết ai gây tội ác ở Trường Tiểu Học Cai Lậy chưa ? Nếu là chúng tôi sao ở đó lại tổ chức biểu tình ngăn cản, ném đá vào Ủy Ban Quốc Tế đến để điều tra, phải chăng họ “sợ” Ủy Ban tìm ra vết tích thủ phạm...

Căm hận quá, tôi ngồi ở phòng quan sát viên ghi lời Tuấn phát biểu, tay run rẩy không viết được thành dòng, căn phòng lạnh phút chốc như hầm kín, tưởng như ai đang siết chặt hơi thở, có ai đang đốt lên trong tôi ngọn lửa phẫn nộ đến nổ bùng!! Có lẽ đây là lý do để giải thích tại sao phe ta mạnh, lính ta can trường, chính nghĩa ta rực rỡ, nhân dân đã quá ê chề với cộng sản thế mà ta vẫn phải thua cuộc với cộng ?! Tại sao ta chưa thắng ? Phải, chỉ vì còn những người như tên Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường cùng cộng đồng của hắn ta!!

Nhưng, dù được phe ta tiếp tay, dù bản chất lưu manh trá trở, lời chối tội của trưởng đoàn mặt trận cũng không gây được một tác động nhỏ nhoi nào ở bàn hội nghị vì tội ác quá lớn, tội ác đã vượt lên trên mọi bạo ngược, lột trần tất cả bản chất hung tàn bạo động của một chủ trương xây dựng lý thuyết trên thân người và máu nóng. Thân xác của các em học sinh như một khối sáng bão bùng rọi chiếu đến mọi

hóc hẻm của địa ngục dựng nên bởi người cộng sản. Không những Tuấn, Giang mà chắc cả bộ chính trị trung ương đảng cũng phải bó tay bất động trước tội ác thảm sát kinh khủng này...Để đối lại với lời chạy tội của Tướng Tuấn, Tướng Hiệp trong gần ba mươi phút tuyên đọc một văn bản hàm xúc kiểm điểm tất cả mọi tội ác của phía cộng sản trong tuần lễ qua, từ những việc giết người ngang ngược như bắn lên máy bay đi trao trả, đến việc giết người không duyên cớ như ở Chùa Tam Sóc (Ba Xuyên), và đỉnh cao của kỹ thuật giết người là trăm thân xác của đám trẻ nhỏ Trường Cai Lậy. Tướng Hiệp phủ lên bàn hội nghị một không khí u uẩn khiến đối phương dù bản chất ngoan cường cứng cỏi cũng phải lặng người chịu đựng...

Tướng Hiệp nói:

- Trước khi đi vào đề mục ngưng bắn, vì Thiếu Tướng Tuấn đã dành một vài phút để nói lên những sự việc ngoài lề, chúng tôi nhận thấy không cần phải trả lời, nhưng vì quý vị đã nhắc đến sự kiện máy bay Chinook của chúng tôi bị bắn hạ trên đường trao trả trở về mà hậu quả đã làm cho một nhân viên phi hành đoàn tử thương...Chúng tôi suy diễn từ trình bày của quý vị theo hai chiều hướng: Chiều hướng thứ nhất là: Phải chăng quý vị đã thú nhận sự vi phạm của mình nên đặt vấn đề tại bàn hội nghị để hai bên thảo luận những biện pháp ngăn ngừa những sự kiện đáng tiếc tương tự xảy ra trong tương lai. Hoặc quý vị nêu sự kiện để tố cáo ngược lại hầu tìm cách chạy tội.

- Qua kinh nghiệm đã có của gần hai năm nghị hội, chúng tôi có thể khẳng định rằng quý vị không có, hoặc nếu có cũng không có quyền để sửa sai, thú nhận vì tầng lớp chỉ đạo của quý vị không cho phép. Thế nên, chúng tôi quan niệm rằng những lời của quý vị vừa trình bày chỉ là một luận cứ chạy tội không hơn không kém, và như thế chúng tôi không hề có ảnh hưởng, tác động bởi những chối bỏ hèn hạ này. Chúng tôi trả lại tất cả mọi luận cứ hèn hạ trên lại cho phía quý vị. Muộn mất rồi, toàn dân đã biết rõ, thế giới đã biết rõ, nhân dân đang lên án, thế giới cũng đã vô cùng xúc động và nguyên rủa quý vị trong những ngày qua. Quý vị đừng bày điều lấp liếm ở đây làm gì cho vô ích.

- Quý vị tự dành quyền phản đối, bày tỏ thái độ dùm cho cộng sản Bắc Việt, bày trò tố ngược chúng tôi trong thảm cảnh Cai Lậy. Bởi vậy, chúng tôi không lẽ bỏ qua mà không đáp lễ, dù phải đáp lễ với những kẻ hèn không dám nhận lỗi, phải đáp lễ với những đại diện của phường lang thú, uống máu trẻ thơ vô tội. Chúng tôi muốn dạy cho loài dã thú biết rằng loài người có thể uốn nắn được loài thú dữ, ít nhất là uốn nắn nó để đem đi múa rối làm hề, diễn xiếc cho thiên hạ mua vui. Trong ý hướng muốn làm theo các nhà dạy thú dữ đó, tôi sẽ từ từ đưa ra một cách từ tốn các sự việc, việc nhỏ rồi việc lớn. Thiếu Tướng đừng hung hãn: Hung hãn sẽ bị trừng phạt bằng mọi biện pháp do chính nhân dân miền Nam áp dụng. Để bắt đầu, kiểm điểm lại một vài sự kiện đặc thù của tình hình chung như sau: Đối với nhân dân miền Nam, tuần lễ vừa qua là những ngày ngập tràn máu và nước mắt. Nhưng đối với những tên cộng sản đầu sỏ điên rồ đang ngồi tại Hà Nội hay tại một khu miền Nam thì trái lại đó là những ngày khoái chí hả dạ. Ai cũng đã biết, cộng sản Bắc Việt đã dùng mọi thủ đoạn gian manh để đánh lừa thế giới tưởng rằng miền Nam Việt Nam này còn có một chính phủ của cái gọi là mặt trận giải phóng song song với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Cộng sản Bắc Việt đã thậm thụt vận động hòng dắt díu cái tổ chức gọi là mặt trận giải phóng này vào bàn hội nghị quốc tế về Luật Nhân Đạo tại Genève. Nhưng rút cuộc, dù cộng sản Bắc Việt có eo sèo dọa dẫm, các quốc gia trên thế giới đã dứt khoát gạt đại diện của quý vị ra ngoài phòng hội. Bị tổ chức nhân đạo của loài người gạt ra ngoài nên quý vị trả thù "nhân đạo" bằng việc bắn máy bay đi làm công tác nhân đạo, dù là làm việc nhân đạo cho chính mình. Rồi cũng trong ngày này, hành động ác độc trả thù lòng nhân đạo khác nữa cũng được quý vị thực

hiện thêm một lần nữa. Đó là việc quân du kích phía quý vị nhấn tâm tung lựu đạn vào Chùa Tam Sóc ở Xã Thuận Hòa (Ba Xuyên), bắn xối xả vào đám dân thiểu số người Thượng đang đi làm rẫy tại Phú Bồn, ám sát một nhân sĩ tại Mỹ Hòa (Bình Định)...Chỉ một ngày 7.3.74 đó thôi đã có năm hành động nhằm trực tiếp vào những thường dân vô tội mà lòng nhân đạo của loài người bảo vệ. Tại Chùa Tam Sóc (Ba Xuyên) cảnh tượng đã diễn ra vô cùng ghê rợn, chốn tôn nghiêm giảng truyền lòng nhân ái đã biến thành chốn sát sinh khủng khiếp với mười một tín đồ mộ đạo bị chết không toàn thân và ba mươi tín đồ khác bị thương tích trầm trọng. Họ là những tín đồ tin tưởng vào giá trị của lòng từ bi nhân ái và đã bị bọn người khát máu là cộng sản phi nhân giết hại. Chưa hết, sự tàn ác phi nhân còn được cộng sản Bắc Việt và quý vị đẩy cao đến tột đỉnh như sự điên loạn. Đó là việc sử dụng vũ khí tân tiến để sát hại đồng loạt các trẻ thơ, sự kiện đã xảy ra như tin tức truyền thông trong mấy ngày nay. Chẳng hạn một cơ quan thông tấn ngoại quốc, Đài BBC Luân Đôn đã kể lại lúc 22 giờ 15 phút ngày 9.3.1974 như sau: "Tại Nam Việt Nam hai mươi ba trẻ em từ năm tới mười một tuổi đã bị tử thương và khoảng bốn mươi em khác bị thương khi một đạn bích kích pháo của cộng sản rơi vào một ngôi trường tại Cai Lậy cách Sài Gòn sáu mươi lăm cây số về hướng Tây-Nam. Nhưng tin cuối cùng cho hay, con số tử thương có lẽ lên tới bốn mươi, có thêm một giáo chức và một người lớn khác bị thương. Đạn bích kích pháo nổ tung trong khi các em nhỏ xếp hàng vào lớp học...Các viên chức quân đội xác nhận mảnh đạn cho thấy đó là loại đạn do Trung Cộng chế tạo và do Bắc Việt nhận để sử dụng trong hiện tại cũng như ở quá khứ". Bản tin chúng tôi trích đọc là tiếng nói khách quan của các hãng thông tấn ngoại quốc và chỉ là tin tức sơ khởi, nhưng tính cách trung thực khách quan cũng giúp quý vị hiểu rằng, hành động tàn ác của quân đội cộng sản Bắc Việt xâm lược đã gây ra đang được nhân dân miền Nam và toàn thế giới đã ghi nhận để phỉ nhổ. Cộng sản Bắc Việt khác với những vụ pháo kích vi phạm ngưng bắn trước đây thường chỉ xảy ra vào đêm tối, lần này đã chọn ban ngày, đúng lúc các em học sinh Trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy đang có mặt trên sân trường để hành động. Với một sĩ số trên 4.600 học sinh, lúc 14 giờ 15 phút là thời gian đổi lớp học, các em một số đã mãn giờ bắt đầu ra về, lớp khác đang chơi đùa trên sân chờ giờ vào lớp, thì chỉ cần một quả 82 ly thôi đã có hiệu quả biến tiếng cười reo thơ dại phút chốc trở thành những tiếng rú khóc thê lương, những cái chết đột ngột. Những trẻ thơ đang hò reo, đùa giỡn bỗng nhiên từ từ quy xuống nằm sóng sượt trên vũng máu, thịt xương nát bấy không kịp nhắm mắt trước khi trút hơi thở cuối cùng, bỏ cuộc sống. Thật là một sự tính toán kỳ diệu trong nghệ thuật giết người của những kẻ đang ngồi ở Hà Nội, ở Lộc Ninh, ở Đông Hà và cũng chính là quý vị, những người đang đối diện với chúng tôi tại bàn hội nghị này. Quý vị hãy gục mặt xuống trước khung cảnh thê lương đó nếu còn có chút lương tri, một chút lương tri nhỏ trước tội ác không thể dung tha của những người mà quý vị đang đại diện. Nhưng thôi, hãy để cho những kẻ đang say máu trẻ thơ reo vui trên đau khổ của lương dân.

- Phần quý vị, những người ngồi đây một cách yên lành, nếu có được đôi mắt, đôi tai khá tự do để thấy và nghe tất cả sự thật, hãy gác ra ngoài những tính toán bỉ ổi của thủ đoạn, chủ trương, chính sách, để hãy cùng chúng tôi nhìn đến bốn mươi ba em bé đang đi vào lòng đất, nhìn đến hàng chục em bé khác đang quằn quại rên xiết đau thương trên giường bệnh trước sự chứng kiến đứt ruột của cha mẹ, anh chị chúng. Để chia sẻ những khổ đau của gia đình lâm nạn này, để thương xót cho những tâm hồn thơ dại, mới hôm nào còn tung tăng đùa giỡn trên sân trường hôm nay đã trở thành người thiên cổ, chúng ta hãy ngưng lại đây năm, ba giây trong yên lặng để tưởng niệm các oan hồn trong trắng đó... (Tướng Hiệp tạm ngừng lời phát biểu để toàn thể phòng hội tưởng niệm những oan hồn học sinh bé nhỏ đã chết do

đạn pháo kích của mặt trận giải phóng...Sự im lặng chỉ mới được hai mươi lăm giây thì trường đoàn mặt trận giải phóng phá ngang bằng câu hỏi: “Chuẩn Tướng đã dứt lời chưa...?”. Chuẩn Tướng Hiệp yêu cầu Tướng Tuấn phải tôn trọng giây phút tưởng niệm thiêng liêng, bi thảm này...)

Chuẩn Tướng Hiệp tiếp:

- Những trẻ thơ đó, hàng trăm mái đầu xanh đó là con em của chúng ta, những người Việt Nam, chúng không có tội tình gì để gánh một hình phạt bằng những mảnh đạn ghim vào mình kết liễu sự sống ngắn ngủi!...Vậy phải chăng căn nhà ẩm cúng bên cạnh ba má anh chị các em sinh sống, hay ngôi trường xinh xắn và khoáng đạt mà ngày ngày chúng lui tới học tập là những vùng “kiểm soát” của quý vị mà chúng lấn chiếm? Trí khôn thơ ngây, nụ cười tươi tắn của chúng phải chăng là “phản ảnh những âm mưu thâm hiểm” đáng cho quý vị phải tiêu diệt? Phải chăng tiếng ê a đánh vần của trẻ thơ là những tiếng nói đùng chạm đến uy danh của người cầm đầu phía mặt trận giải phóng, những bài học các em đọc lên ở trường học phải chăng quý vị cho đó là những lời nguyên rửa “trái với tinh thần hiệp định” mà quý vị là người đã phải ngồi vào ký kết, nên quý vị quay lại trả thù vì cho rằng chính các em nhỏ đang đọc bài đó đã “vi phạm tinh thần và lời văn hiệp định”. Nhân dân miền Nam đã không quan niệm như thế. Đó là quan niệm của những người điên cuồng mất trí. Bởi không quan niệm như thế, nên nhân dân miền Nam cũng như khắp nơi trên thế giới đang lần lượt bày tỏ thái độ lên án hành động giết hại trẻ thơ vô tội này. Quý vị sẽ nghĩ thế nào nếu như bất chợt có người đưa hung tin con cái do quý vị để ra chết một cách bất ngờ lúc đang đi học. Quý vị có chút xúc động nào không nếu chứng kiến cảnh hàng chục trẻ thơ nằm sóng xoài la liệt, có đứa không toàn thân, chết thảm trên vũng máu tại sân trường sau những giây phút cười đùa với bạn bè vừa dứt. Hãy hồi tâm để cho lòng mình lắng xuống, nghĩ đến tình trạng khổ đau của hàng trăm gia đình có con em chết vì đạn pháo kích của người quý vị tại Trường Tiểu Học Cai Lậy. Hãy lắng nghe tiếng nguyên rửa, phỉ nhổ và oán hận của nhân dân Cai Lậy trong ngày 9.3.74 vừa qua. Hãy từ bỏ những ngôn ngữ rỗng tuếch huênh hoang về thiện chí ngưng bắn, trong khi tiếp tục bào chữa khóa lấp tội lỗi tày trời của những tên cộng sản khát máu dân lành để cố tình đồng lõa với tội ác.

Phải nói rõ thêm một chi tiết, những lời tuyên cáo này do Cao Xuân Hiệp (Đại Úy) viết theo chỉ thị, ý kiến của Tướng Hiệp. Chúng tôi gọi hai người là Hiệp lớn và Hiệp nhỏ. Hiệp “nhỏ” nhỏ người, tướng gầy ốm, tất cả năng lực và sức mạnh của Hiệp toát lên trên đôi mắt đen thẳm và sáng loáng, Hiệp người dân Nghệ An quê hương vùng Hồ chí Minh, có thân nhân là những tay kiệt liệt. Với một “cơ sở” gia đình, quê hương như thế, ngày đi Hà Nội, Hiệp “vờn” cán bộ cộng sản tại thủ đô miền Bắc dễ dàng như trò chơi, những huyền thoại về Hồ chí Minh, những thù địch, bịa đặt chung quanh căn nhà tranh, nơi họ Hồ khai sinh được Hiệp bào lảng từng chi tiết, từng sự kiện. Hiệp kể chuyện Nghệ An, chiếc nôi cách mạng Việt Nam, Hiệp trình bày diễn tiến, lý do và hậu quả Sô-Viết Nghệ An 1930, Hiệp cũng nhắc lại cuộc “Kháng chiến chống Tây”. Hiệp đi quá đủ nên biết quá nhiều, quá thừa, giữa lòng thủ đô miền Bắc, Hiệp với thân hình bé nhỏ đã có vóc dáng vĩ đại của một hiệp sĩ mang thân vào chốn hận thù để đốt lên ngọn lửa và niềm tin về tự do. Với một cơ sở vững chắc như thế, cộng với một thiện chí làm việc khốc liệt, Hiệp đã viết bản văn trên với ba mươi trang giấy lớn trong một đêm để sáng mai Tướng Hiệp đưa ra bàn hội nghị. Bản văn chấm dứt, phiên họp chấm dứt, đồng thời cũng chấm dứt tất cả huyền thoại dân tộc, dân chủ, của người cộng sản, cũng tan vỡ luôn hy vọng hòa giải, hòa hợp với những kẻ giết người.

Vụ pháo kích vào Trường Tiểu Học Cai Lậy như giọt nước làm tràn ly, tình hình trở nên ngọt ngào, căng thẳng và bế tắc trầm trọng. Liên tiếp các phiên họp

ngày 8, 12 tháng 3 bị bỏ dỡ, phiên họp ngày 15.3, Trường Đoàn Việt Nam Cộng Hòa đọc tuyên cáo bản văn trên, không thảo luận vào đề mục của chương trình nghị sự là ngưng bắn. Gần cuối tháng Ba, vào ngày 22, phái đoàn mặt trận giải phóng tại La Celle Saint Cloud đưa ra một đề nghị sáu điểm có nội dung như sau:

1.- Chấm dứt tiếng súng, thực hiện ngưng bắn. Hai bên bộ tư lệnh tối cao ở miền Nam cùng ra lời kêu gọi chung một nội dung, kêu gọi các cấp chính quyền, các đơn vị, lực lượng vũ trang cảnh sát dưới quyền triệt để tôn trọng ngưng bắn.

2.- Trao trả hết số Nhân Viên Quân Sự và Dân Sự gồm 200.000 của phía mặt trận giải phóng và của lực lượng thứ ba, 15.000 Nhân Viên Quân Sự cộng sản bị bắt trước 28.1.73.

3.- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

4.- Nhanh chóng thành lập hội đồng quốc gia hòa hợp, hòa giải dân tộc, thừa nhận thực tế hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, ba lực lượng chính trị, chậm nhất là ba tháng sau lời kêu gọi chung.

5.- Tiến hành tổng tuyển cử trong tự do, dân chủ, chậm nhất là một năm sau khi hội đồng thành lập, thông qua tổng tuyển cử nhân dân bầu ra quốc hội, quốc hội lập ra hiến pháp, tiến tới thành lập chính phủ miền Nam Việt Nam.

6.- Giải quyết vấn đề các lực lượng vũ trang, hai bên giảm quân số thích đáng, phục viên số quân này. Tiến tới việc thành lập một quân đội thống nhất.

Sáu điểm đề nghị này cũng như các điểm đề nghị trước chỉ là một cái bẫy giăng ra với phần chủ động phía người đề nghị. Phía đề nghị đã trình bày các vấn đề theo những từ ngữ và thứ tự thực hiện theo chủ đích: Quy trách hết trách nhiệm, phần sai trái về cho đối phương. Ví dụ như đề nghị 1, phái đoàn mặt trận trình bày đề nghị với nội dung: "Kêu gọi các lực lượng vũ trang, cảnh sát dưới quyền..." Câu văn này nếu được thi hành thì chỉ nhằm vào phía Việt Nam Cộng Hòa, vì chỉ chúng ta mới có lực lượng cảnh sát, cũng như cố ý đặt ra ngoài kiểm soát của hai bên miền Nam (Nếu thực hiện theo đề nghị) hệ thống đảng ủy rất tinh vi, hữu hiệu của phía cộng sản. Các đề nghị sau cũng có nội dung chứa những ý tưởng tương tự, nhất là ở đề nghị 4 và 5 về việc thành lập hội đồng hòa giải và tổng tuyển cử. Phía mặt trận giải phóng quy trách hoàn toàn cho Việt Nam Cộng Hòa về những bế tắc của tình hình hiện tại: Chỉ vì Việt Nam Cộng Hòa không chấp nhận thực tế hai chính phủ, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị, cũng như hạn chế sự thực hiện các cơ cấu quan yếu (Thành lập hội đồng, tổng tuyển cử...) để trì hoãn việc thực hiện hiệp định theo phương thức mặt trận giải phóng đề ra. Tại Ban Liên Hợp Quân Sự, đúng tác phong của những quân nhân, bằng một "cú" phản công dứt điểm. Đại Tá Đóa phê điểm đề nghị này thẳng thừng không thương tiếc:

- Trước khi vạch rõ tính chất man trá sáu điểm đề nghị của quý vị, chúng tôi cần nói trước rằng, những đề nghị này chỉ là một món hàng giả mạo, vì là một món hàng giả nên quý vị cố sức bán rao, quảng cáo, rồi đến khi không được đối phương chấp nhận lại lấy đó là cớ để tấn công phê phán. Hành động này tương tự như hình ảnh một mụ bán hàng đi bán một món hàng giả. Mụ ta thoát tiên đi cùng khắp để rao hàng với những lời lẽ xảo trá: "Quý ông, quý bà hãy mua hàng tôi vì hàng tôi tốt, hàng tôi mới, hàng tôi đáp ứng với nhu cầu của quý ông, quý bà...". Nhưng đến khi không thấy ai chú ý đến lời rao của mình (Do đã biết tính chất gian manh trí trá củ mụ là chuyên bán hàng giả) thì mụ ta chột dạ, bỏ quăng gánh xuống xong, chống đòn gánh xuống đường lòng lộn tru tréo: "Tại sao các ông, các bà không mua hàng tôi, hàng tôi tốt như thế này đẹp như thế kia mà các ông các bà bảo là xấu, là giả!!!"...Phản ứng của quý vị khi bị chúng tôi vạch trần tính chất gian trá của đề nghị sáu điểm cũng lố bịch tương tự như mụ bán hàng giả kia...

Sáu điểm đề nghị này sau một vài ngày gây xôn xao đã bị tiếng súng của những trận đánh ở Đông-Bắc Kontum, Đức Huệ (Hậu Nghĩa), căn cứ Chí Linh (Trên Quốc Lộ 14 Đông Bắc Chơn Thành, Bình Long)...lấn át. Thoạt tiên, dư luận khắp nơi, những dư luận tốt đẹp và hy vọng, dư luận tội nghiệp mong ước hòa bình và sợ hãi chiến tranh nghĩ rằng những trận đánh trên chỉ là cơn sốt vỡ da báo hiệu cho hòa bình, dù là hòa bình què quặt, cuối mùa. Và hình như khắp cùng thế giới chẳng ai muốn có chiến tranh, không ai muốn nghe đến sự chết bởi đã cạn đáy tuyệt vọng. Cũng là thái độ bi thiết của những người khốn khổ luôn mong ước hòa bình. Hòa bình đến bằng máu, thầy người và nước mắt. Trong tình trạng thê thảm của những ngày súng đạn ngang trái này, những người Việt càng không muốn vượt mất giấc mơ hòa bình, giấc mơ đau đớn kết tinh bởi thống khổ vô bờ nên mọi người phải nhìn các trận đánh như dấu hiệu của hòa bình. Lưỡi dao tàn nhẫn cấp thiết cắt đứt phần thân thể bị ung thư. Nhưng tất cả vẫn chỉ là giấc mơ, tiếng súng Kontum, Đức Huệ, Chí Linh chưa dứt thì được “bồi dưỡng” thêm hơi khói của Tổng Lê Chân điểm nổi cao nhất của chiến tranh “hậu hòa bình”. Căn cứ bị vây từ Mùa Hè 1972 lúc An Lộc bắt đầu đổ lửa đến nay vừa đúng hai năm. Hai năm bị vây hãm, tưởng như không có trong chiến sử hiện đại, thời đại của chiến tranh chớp nhoáng, chiến tranh kỹ thuật, chiến tranh khoa học và không gian. Một căn cứ chiều dài không quá trăm thước đứng vững trong hai năm hay hơn bảy trăm ngày bị vây khốn trong một tình thế cực kỳ quái dị, tình trạng của “chiến tranh trong hòa bình”. Bỏ đi thời gian từ tháng 4.72 đến 28.1.73, ngày hiệp định ký kết, suốt năm 73, Tổng Lê Chân như một quả bóng thăm dò của Hòa Bình, như một nhiệt kế đo độ chiến tranh của tình trạng “hòa hợp hòa giải”. Tổng Lê Chân nút thoát hơi, ống thở, mạch máu chính của thành quả rất mong manh yếu ớt do hiệp định mang tới. Ngày 14.4.74 căn cứ Tổng Lê Chân bị tràn ngập...Quả bóng an toàn của hiệp định vỡ búng, giấc mơ hòa bình phai nhòa như ảo giác!!

Hội nghị không còn là nơi thảo luận các điều khoản của hiệp định, không còn là nơi hai bên nói về hòa bình, hòa giải, hòa hợp. Chỉ còn lại không khí hận thù, những đối thoại căng thẳng và công phạt thù nghịch. Những phiên họp cấp trưởng phái đoàn của thời gian tháng 4.74 không còn việc phải thảo luận theo một chương trình nghị sự nữa, mặc dù rằng trong thời gian qua hai bên cũng chỉ dùng bàn hội nghị để đả kích nhau, nhưng cũng chỉ đả kích trong khuôn khổ của đề tài thảo luận (Với hai đề tài chủ yếu là ngưng bắn và trao trả), đề từ đây đánh rộng ra chủ trương của mỗi bên. Nhưng đến giai đoạn này (4.74), sự thỏa thuận về một chương trình nghị sự cũng không thể đạt được, bàn hội nghị biến thành một đấu trường căng thẳng để hai bên tranh đấu cho lẽ tất thắng của phe phái mình. Những phiên họp kéo dài quá thời lượng ấn định để cấp trưởng đoàn “so cựa” nhau tối đa, sau đây là một “trận” điển hình:

Đại Tá Giang, phía mặt trận giải phóng nói:

- Tất cả những điều đổi trắng thay đen của quý vị không thay đổi được thực chất, âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại hòa bình, phá hoại hiệp định của phía quý vị. Trắng trợn hơn nữa, Hoa Kỳ đưa thêm máy bay F-5E vào Nam Việt Nam và quý vị cố gắng bình thường hóa hành động nghiêm trọng này bằng cách bày trò đưa ra những lời giải thích, trong khi một số nhân vật Hoa Kỳ của Tòa Bạch Ốc và “Lầu 5 Góc” tuyên bố láo lếu, dọa dẫm sẽ can thiệp ồ ạt ở Nam Việt Nam nếu chúng tôi dám có hành động tấn công. Mỗi lần Mỹ đẩy mạnh chiến tranh tăng cường đánh lều, “lầu 5 góc” tung ra những lời lẽ hăm dọa, phía quý vị lại tham gia vào bản hòa tấu, vu cáo chúng tôi đẩy mạnh tội ác. Trước đây, Hoa Kỳ và quý vị tuyên bố: Cộng sản Bắc Việt mở rộng tấn công trước hoặc sau Tết, xây dựng phi trường v.v...Sau đó là

chiến dịch ném bom dã man vào vùng chúng tôi kiểm soát kể cả vùng đông dân! Khi sự việc không xảy ra, quý vị nói rằng: Cộng sản không dám tấn công! Và quý vị lại "bịa đặt" tiếp chuyện chúng tôi tấn công vào các Tiền đồn Đông-Bắc Kontum, chuyện Cai Lậy, chuyện Ấp Cây Dừa gì đó. Tất cả đều nằm trong âm mưu có hệ thống, không làm ai ngạc nhiên, vì âm mưu phát động chiến tranh của quý vị là theo lệnh của Hoa Kỳ.

Đại Tá Đóa, Việt Nam Cộng Hòa phản pháo:

- Tôi ngỏ lời khen ngợi Đại Tá Giang đã có giọng nói tốt, có một cách diễn tả lời nói với chiếc đầu gật gù rất nhiều nghệ thuật, Đại Tá Giang đã trợn mắt khi dùng lời tấn công, thò đầu ra, thụt cổ vào, nghiêng người qua trái, nghiêng người qua phải một cách rất điệu nghệ. Tôi cũng khen cộng sản Bắc Việt đã đào tạo được một cán bộ diễn xuất rất cừ khôi trong các lời phát biểu, khi tấn công, khi dọa dẫm, khi nói xấu chính phủ đối phương... Nhưng tất cả luận điệu, điệu bộ này chỉ có công hiệu nếu Đại Tá Giang đang ở một lớp huấn luyện những người bị bắt đi học tập, đặc biệt nếu đang hướng dẫn các thiếu nhi, còn ở đây, yêu cầu Đại Tá Giang đừng khiêu khích, vì sẽ không đi đến đâu. Sau đây, chúng tôi trả lời từng điểm một mà Đại Tá Giang vừa nêu ra. Quý vị tố cáo chúng tôi tiếp nhận máy bay F-5E vậy thì quý vị phải trả lời câu hỏi: Từ khi ký hiệp định đến nay, quý vị và cộng sản Bắc Việt đã đem bao nhiêu hỏa tiễn SAM, bao nhiêu đại bác hỏa tiễn, pháo 130 ly, 85 ly, vết tích ghi nhận sau lần pháo kích Căn Cứ Lai Khê của Việt Nam Cộng Hòa vào miền Nam Việt Nam. Quý vị có can đảm xác nhận sự kiện và số lượng này không? Về luận cứ chạy tội bằng cách tố cáo Hoa Kỳ còn tiếp tục dính líu, tiếp tục cổ vũ chiến tranh... Đây là một điểm thật đặc biệt. Đặc biệt là vì từ sau Tết, hơn một tháng rưỡi qua, hôm nay quý vị mới lập lại tố cáo "Hoa Kỳ xâm lăng". Một tháng rưỡi qua, quý vị hoàn toàn im lặng, đặc biệt không nhắc đến từ ngữ "đế quốc xâm lăng" nữa. Hơn ai hết quý vị biết rõ, Đại Tá Giang chắc cũng biết rõ: Phía quý vị "há miệng mắc quai"... Quý vị phải nhớ "cái quai" còn đó, "cái quai" sẽ siết chặt vào cổ quý vị. Đó là quai Hoàng Sa! Nếu Đại Tá Giang nhớ, thì sau Tết, phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa đã đề nghị: "Cả hai bên cùng ra thông cáo chống mọi đế quốc nào có tham vọng đất đai của Việt Nam và quý vị đã chạy trốn. Chạy trốn vì sợ: Sợ cái "quai Hoàng Sa" siết chặt vào cổ. Thế nhưng hôm nay Đảo Hoàng Sa còn đó, quân xâm lăng còn đó, những bài của báo Sự Thật, báo Nga Sô ở Mạc Tư Khoa kết tội liên tiếp Trung Cộng chiếm Đảo Hoàng Sa còn đó, và quý vị hoàn toàn im tiếng!! Quý vị phải biết, người Mỹ muốn vào lãnh thổ Việt Nam phải có chiếu khán, nhưng quân Trung Cộng thì thập thò ra vô ở những vùng Bắc Quảng Trị chẳng cần chiếu khán. Phải chăng sự kiện Trung Cộng xâm lăng Hoàng Sa cũng là một cách thức nhập nội không cần chiếu khán theo lời mời của mặt trận giải phóng? Vì tình hữu nghị Trung-Việt đẹp đẽ này, chúng tôi hiểu lời Mao Trạch Đông cảm ơn Nguyễn hữu Thọ "vì cuộc chiến đấu lâu dài của mặt trận giải phóng" là lời cảm ơn đã để cho Trung Cộng có cơ hội xâm lăng miền Nam Việt Nam!! Đang ở trong thế kẹt nói cũng chết, không nói cũng chết vậy quý vị đừng nên nhắc lại từ ngữ "đế quốc" nếu có thì chỉ nên nói đến đế quốc Tàu đồ mà thôi, đế quốc hàng bao thế kỷ đã gây tang tóc cho toàn dân Việt Nam. Quý vị hãy đọc lại lịch sử để tìm xem trong mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, có thế kỷ nào dân tộc Việt Nam không bị tấn công bởi giặc Tàu? Quý vị tấn công thái độ chúng tôi khi cầu viện kinh tế Hoa Kỳ nhưng sự thật chính phía quý vị, kẻ cầm đầu của quý vị tức cộng sản Bắc Việt mới là kẻ "thèm đô-la Mỹ" nhất! Quý vị bảo chúng tôi bị bế tắc phá sản kinh tế, nhưng nền kinh tế cộng sản Bắc Việt mới thật sự bi thảm nhất, thấp kém nhất vùng Đông Nam Á... Tại sao thế? Vì cộng sản Bắc Việt cần tài lực, vật lực để nuôi dưỡng bộ máy chiến tranh tại miền Nam, để lực lượng võ trang của quý vị cũng như đám quân xâm lược cộng sản Bắc Việt có cái ăn để tiếp tục đánh phá miền

Nam...Cộng sản Bắc Việt kiệt quệ kinh tế đến nỗi phải buồn đến xác chết. Trong dịp chuyển giao 23 hài cốt lính Mỹ, cộng sản Bắc Việt đã không quên nhắc nhở, nài nỉ Hoa Kỳ: Tôi giao xác chết cho ông, ông nhớ cho chúng tôi tiền!!

Đại Tá Giang hứng chương của Đại Tá Đóa gặt gù chiếc đầu tìm ý nghĩ từng chữ, từng câu, ghi ghi chép chép vào cuốn sổ tay, đợi Đại Tá Đóa nhường lời, Giang phóng tiếp cú hóa giải:

- Đại Tá nhắc lại vụ Hoàng Sa thì chúng tôi cũng có ý kiến, cho đây là một trò đánh lạc hướng về nguy cơ đặc biệt nghiêm trọng: Đó là sự can thiệp của Hoa Kỳ vào tình hình miền Nam Việt Nam đe dọa Hiệp Định Ba Lê mà bốn bên đã ký kết. Quý vị làm ồn ào nhưng hãy liếc mắt qua báo chí Sài Gòn thì thấy sự cô lập của quý vị về việc này! Nhiều nhà báo hỏi tôi: "Các vị có biết họ làm ồn ào vụ Hoàng Sa để làm gì không?" Sau khi tôi trả lời, họ đáp: "Tưởng đâu quý vị không thấy". Bây giờ tôi giải thích tại sao Chủ tịch Mao Trạch Đông cảm ơn Chủ tịch Nguyễn hữu Thọ? Đại Tá biết quá rõ nhưng vì tìm đường xuyên tạc nên tôi cần phải vạch rõ: "Toàn thế giới cảm ơn nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của chúng tôi, vì nếu không có chúng tôi hy sinh đánh bại Mỹ thì Ông Ngô Đình Diệm đã biến Nam Việt Nam thành một căn cứ hoàn chỉnh lý tưởng của đế quốc Mỹ để tấn công miền Bắc. Ông Ngô Đình Diệm đã hô hào "Lấp Sông Bến Hải, Bắc tiến" để phá hoại Hiệp Định Genève 1954, đặt toàn bộ Việt Nam dưới ách của chủ nghĩa thực dân mới của Hoa Kỳ. Nếu điều đó đã thực hiện được, điều gì sẽ xảy ra đối với nền hòa bình Đông Nam Á? Vậy không những Trung Quốc mà cả Liên Xô cũng cảm ơn chúng tôi". Chúng tôi giải thích tiếp cho quý vị: "Tại sao có việc Hoa Kỳ thua sút Liên Xô về vũ khí chiến lược (!) khiến cho Hoa Kỳ từ thời Johnson phải cố sức đẩy lên...Vì nếu không có chúng tôi buộc Hoa Kỳ phải chi tiêu hàng chục tỷ mỹ kim thì làm gì có việc Hoa Kỳ phải đổi ngân sách từ vũ khí chiến lược sang vũ khí thông thường để tiến hành chiến tranh ở Việt Nam? Nếu Hoa Kỳ dành được ưu thế này (vũ khí chiến lược) điều gì sẽ xảy ra cho toàn thế giới? Ai lại không biết Hoa Kỳ qua bao nhiêu Tổng Thống vẫn giữ chính sách căn bản là chuẩn bị Thế Chiến Thứ 3 (!) Nếu họ đạt được ưu thế về vũ khí chiến lược, cái gì sẽ xảy ra đối với Liên Xô? Cái gì sẽ xảy ra đối với thế giới? Chúng tôi không chỉ nói tới thế giới xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đề cập luôn tới thế giới Tư Bản và thế giới thứ ba cảm ơn chúng tôi. Tại sao thế giới thứ ba cảm ơn mặt trận giải phóng? Vì ngay khi Hoa Kỳ còn tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt ở Nam Việt Nam, họ đã tuyên bố không úp mở rằng: Họ dùng Nam Việt Nam làm thí điểm cho chiến lược chiến tranh đặc biệt của họ, mà họ cho rằng loại chiến tranh "nửa vờ" này sẽ không dẫn tới Thế Chiến Thứ 3 để làm kinh nghiệm dập tắt các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Tôi không nghĩ rằng Đại Tá không biết những điều đó nhưng chỉ vì Đại Tá cố tình xuyên tạc sự thật nên tôi cần phải nói đến. Vì thì giờ không cho phép, tôi nghĩ cũng không cần phải nhắc lại lời của từng người đại diện chân chính của các nước cảm ơn chúng tôi. Khi Hoa Kỳ ồ ạt đưa quân vào Nam Việt Nam, những người này đã nghĩ rằng: Không có gì đọ nổi (Điều này bản thân tôi đã thấy có dịp đi thăm các nước trên thế giới). Nhưng sau đó người ta thấy, khi cuộc chiến tranh cục bộ ở Việt Nam đã lên tới đỉnh cao (Vì Hoa Kỳ đã huy động gần hết lực lượng tổng trừ bị) và bị đánh bại, chính quyền Nixon phải chuyển qua chiến lược Việt Nam Hóa Chiến Tranh, thì các lực lượng bạn của mặt trận giải phóng đã nói rằng: À, té ra Hoa Kỳ không phải là lực lượng không thể bị đánh bại!...Một dân tộc người không đông, đất không rộng nhưng không phải ai muốn làm gì thì làm nếu dân tộc đó có ý chí kiên trì đấu tranh! Kết luận có tính cách thời đại này không phải của tôi, mà của toàn thế giới. Nếu có thể tôi sẽ nêu từng danh người nói. Thậm chí đến Hoa Kỳ, một dân tộc quen thói rất bàng quang cũng thấy được rằng: Họ phải chịu ơn nhân dân Việt Nam, họ phải chịu ơn chúng tôi vì nhờ chúng tôi họ thấy được chính

phủ của họ, gọi là một chính phủ dân chủ đã che dấu họ rất xấu xa! Vậy, Chủ tịch Mao Trạch Đông cảm ơn Chủ tịch Nguyễn hữu Thọ có gì là khó hiểu...

Những phiên họp căng cứng như khẩu súng đã lên đạn, không khí ngột ngạt chỉ chực vỡ tung, tình hình chiến trường càng ngày càng tàn tệ, quân đội cộng sản ra mặt tấn công đều khắp Bốn Vùng Chiến Thuật. Những tiền đồn vùng cận sơn Quảng Nam, Quảng Ngãi, Chi Khu Dakpek, pháo đài cực Bắc của Tỉnh Kontum, mục tiêu của mặt trận B3 từ mười năm qua, nơi lá Cờ Vàng luôn luôn được bảo tồn để chứng minh một chính phủ, thực tế lâu dài ở miền Nam, phi trường Pleiku bị pháo kích lần thứ hai, ở Vùng III những chốt cứng dọc đường 13 bắt đầu chuyển động...Sau khi búng được Căn Cứ Chí Linh (Đông-Bắc Chơn Thành) quân cộng sản chuẩn bị hai hướng tấn công để kẹp đầu các căn cứ: Chơn Thành, Lai Khê, Bến Cát của Việt Nam Cộng Hòa. Chiến trận nổ bùng như một sự kiện tất nhiên, chứng minh bế tắc toàn diện cách thức giải quyết hòa bình do bản hiệp định đưa lại, một văn bản "tào lao" được thực hiện do áp lực, do thâm ý của các cường lực hơn là nhằm tới ý hướng chính: Thực hiện một nền hòa bình thực sự cho miền Nam Việt Nam. Việt Nam Cộng Hòa phản công trên chiến trường đúng theo thành ngữ của Tổng Thống Thiệu... "Phải đánh trước, phải du côn hơn thằng du côn, phải không cho cộng sản ở yên", đồng thời cũng đổi chiến pháp tại bàn hội nghị, không bàn cãi lang thang ở những đề tài rộng rãi nữa, mà chỉ thảo luận trên những đề tài cụ thể như: Khôi phục lại chức năng của Ủy Ban Quốc Tế. Nghĩa là hai bên cùng viết một lá thư cùng chung một nội dung mời Ủy Ban Quốc Tế đi điều tra vi phạm tại một địa điểm xác định.

Phái đoàn mặt trận giải phóng cũng xác định: Chỉ thảo luận về sự phục hồi các quyền ưu đãi miễn trừ cho họ, và chỉ khi nào Việt Nam Cộng Hòa thỏa thuận thực hiện đủ các quyền này thì họ mới thảo luận vấn đề khác. Quyền ưu đãi miễn trừ đã có 11 Điều được Ban Liên Hiệp Quân Sự 4 Bên thỏa thuận trên nguyên tắc để các phái đoàn cộng sản có điều kiện hoạt động trong thời gian từ 28.1.73 đến 28.3.73. Sau ngày 28.3.73 qua giai đoạn hai bên, phía Việt Nam Cộng Hòa nại có: Vì tình hình thay đổi, mười một điểm này phải sửa đổi lại cho phù hợp thực tế. Phái đoàn mặt trận đòi tiếp tục duy trì. Đồng thời phải thêm vào những quyền rộng rãi hơn tương đương như một phái đoàn ngoại giao. Trong suốt thời gian hai bên chưa thỏa thuận chính thức, Việt Nam Cộng Hòa tạm thời chấp thuận một số quyền ưu đãi cho phái đoàn mặt trận giải phóng như hợp báo, liên lạc Lộc Ninh v.v...Sau ngày 7.3.74, máy bay Chinook bị bắn, 9.3.74 pháo kích Trường Tiểu Học Cai Lậy và các vi phạm như tấn công căn cứ Biệt Động Quân Đức Huệ (Hậu Nghĩa), Chí Linh (Chơn Thành), 4.4.74 Đông-Bắc Kontum...Phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa hạn chế tối đa các quyền ưu đãi này.

Hai mục tiêu thảo luận hiện đối nghịch tột độ, không thể hòa giải đưa hội nghị đến chỗ tan vỡ toàn diện. Vì cả hai bên không thể đồng ý về một đề tài cần thảo luận hướng gì là thỏa thuận cùng nhau về một vài đề nghị trong một đề tài. Nghị hội không còn đúng theo danh xưng nhưng chỉ còn là nơi rình rập, tố khổ nhau qua chữ nghĩa và tiếng nói. Phiên họp ngày 30.4.74 đã diễn tiến theo dạng thức sau:

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lưu ý quý vị nên thảo luận thẳng vào vấn đề, nếu không đồng ý về vấn đề mời Ủy Ban Quốc Tế như chúng tôi đưa ra trong chương trình nghị sự thì có thể đề nghị một vấn đề nào xét thấy ưu tiên để thương thảo...

Mặt trận giải phóng:

- Ghi nhận lần thứ nhất, phía quý vị cắt lời...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Ghi nhận lần thứ nhất, quý vị đã chạy trốn để không thảo luận vấn đề ngưng bắn. Một vấn đề bức thiết hiện nay.

Mặt trận giải phóng:

- Lần thứ hai, quý vị đã cắt lời...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lần thứ hai, quý vị không chịu thảo luận về chương trình nghị sự.

Mặt trận giải phóng:

- Lần thứ ba, quý vị cắt lời...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lần thứ ba, quý vị chạy trốn không thảo luận vấn đề ngưng bắn.

Mặt trận giải phóng:

- Yêu cầu quý vị không được lợi dụng sự bình tĩnh của chúng tôi để muốn phát biểu thế nào tùy ý.

Việt Nam Cộng Hòa:

- Chưa chắc! Quý vị không bình tĩnh đâu. Tay áo Đại Tá Giang đã xăng lên đó là triệu chứng sắp tấn công chứ không phải bình tĩnh...

Mặt trận giải phóng:

- Lần thứ mấy quý vị cắt lời rồi ?

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lần thứ tư, nếu cần lần thứ mười, thứ một trăm, một ngàn...Chúng tôi kiên trì kêu gọi quý vị trở vào chương trình nghị sự để thảo luận vấn đề cụ thể là ngưng bắn.

Mặt trận giải phóng:

- Ghi nhận quý vị cướp lời lần thứ sáu...Cần nói rõ, quý vị không được lợi dụng sự tôn trọng nghị hội của chúng tôi để muốn phát biểu thế nào cũng được. Khi đến lượt chúng tôi phát biểu quý vị lại cướp lời. Chúng tôi không cho phép làm như vậy.

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lưu ý quý vị, đây là cảnh cáo chứ không phải cướp lời...

Mặt trận giải phóng:

- Một lần nữa yêu cầu quý vị chấm dứt phá hoại bằng cướp lời và cắt lời đối phương...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Yêu cầu đưa vấn đề cụ thể nhất để thảo luận, không nên phê phán khi máu chiến sĩ hai bên đang đổ trên chiến trường vì mức độ vi phạm đang gia tăng trầm trọng. Chúng tôi quan niệm không thảo luận thực chất của vấn đề là chạy trốn.

Mặt trận giải phóng:

- Quý vị đã cắt lời lần thứ mười...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Quý vị nhầm mới lần thứ tám!

Mặt trận giải phóng:

- Cũng được, nghĩa là bớt đi hai lần...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Cũng có nghĩa là cảnh cáo lần thứ tám!

Mặt trận giải phóng:

- Có nghĩa là quý vị làm việc cảnh cáo xong rồi ?

Việt Nam Cộng Hòa:

- Tự hiểu, khỏi cần hỏi.

Mặt trận giải phóng:

- Hỏi cho chắc...!

Việt Nam Cộng Hòa:

- Cứ quan sát thì biết, cần gì hỏi!

Mặt trận giải phóng:

- Lần thứ mười ba quý vị cắt lời, chúng tôi buộc lòng phải tuyên bố phiên họp hôm nay không thể tiếp tục được...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Đó là quyền của quý vị...

Những phiên họp tan vỡ nửa chừng, cuối cùng phái đoàn mặt trận giải phóng công khai tuyên bố: Hoãn tất cả các phiên họp cấp trưởng đoàn cũng như tiểu ban kể từ 10.5.1974. Hai ngày sau, phái đoàn mặt trận giải phóng ở La Celle Saint Cloud tiến xa hơn một bước lớn nữa, tuyên bố: Hủy bỏ vô hạn định hội nghị cấp cao này và sẵn sàng trở về Việt Nam...

Ngày 20.5.1974 mặt trận Bến Cát-Bình Dương nổ lớn, từ vùng Hồ Bò, Bờ Lờ, quân cộng sản ào vào An Điền vượt Sông Thị Tính chiếm Bến Cát, cô lập Lai Khê xuôi theo Đường 13 đánh xuống Bình Dương...Về phía Đông, mặt trận Phú Giáo (ranh Bình Dương, Bình Long) cũng phát nổ, hai mũi dùi Tây-Bắc, Đông-Bắc đều nhắm xuống Bình Dương, Biên Hòa, để từ đây tiến vào Gia Định, tức Thủ Đô Sài Gòn...Suốt mười năm chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, chiến xa cộng sản đã đến gần Sài Gòn nhất, cách ba mươi cây số đường chim bay. Ba mươi cây số, bước chót của hành trình giải phóng miền Nam, mũi súng phe cộng sản đã sẵn sàng bắn những quả đạn cuối mùa, viên đạn xé ngang trời hòa bình bi thiết của dân tộc...Hòa Bình, xem như là một giấc mơ. Tưởng như là một giấc mơ. Cuối cùng, có một trường học trẻ con ở Vĩnh Long, gọi là Song Phú bị cộng sản pháo kích chết mười bảy và bảy mươi trẻ nhỏ bị thương vào ngày 4.5.74. Không ai có can đảm để đọc rõ tin tức về vụ thảm sát. Tôi chấm dứt bút ký này, không còn đủ sức để viết thêm một chữ.

Tháng 5.1974

NHẬT KÝ TRONG CHIẾN TRANH CỦA HÒA BÌNH....

Ngày 27 tháng 1 năm 1973 trên thế giới, ngày ký kết Hiệp Định tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Những người dân văn minh, những người mang áo quần đẹp trong những căn nhà sang trọng, nơi đường phố ở những thủ đô thị tân tiến cùng nhau hân hoan nâng rượu, tung giấy ngũ sắc, hoa giấy lên bầu trời trong xanh vàng rực ánh nắng hay trắng mênh mông mưa tuyết để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, nơi xa họ nửa vòng thế giới, cách biệt bởi Thái Bình Dương, hai giải đại lục Âu-Á ngút ngàn. Nơi bây giờ là đêm tối dằng dặc với những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và dưới trần thế, trên đất đen, có những bước chân thì thăm độc địa, những mũi súng lạnh và âm vang của tiếng nổ trái phá vừa dứt. Nơi xa xôi, trong đáy cốc rực rỡ của Paris, Rome, Washington, NewYork người ta hân hoan trao cho nhau những nồng nhiệt của hòa bình, siết chặt tay nhau với nụ cười rạng rỡ của văn minh, thế giới tiến bộ nhân loại. Hòa Bình, báo hiệu sự thắng lớn của ánh sáng xua tan bóng tối, hòa giải chiến tranh, của ý hướng xây dựng trên phá vỡ tiêu hủy. Ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28.1.1972 có những tiếng động tức tưởi hơi thở bị đứt khúc, tiếng thét kinh hoàng của kẻ sắp chết bị một lưỡi dao sáng loáng ngập xuống thân thể nồng ấm sức sống!!

Bình minh ngày 28.1.93, cũng như mọi sáng sớm khác của đất nước cùng khổ điêu linh này, người Việt Nam bóp chặt hai bàn tay vào nhau xôn xao xúc động tự hỏi: Phải chăng là buổi sáng hòa bình ? Ở Sài Gòn, các Toán Nhân Dân Tự Vệ đi đập cửa từng nhà hối thúc treo cờ, radio đầy ứ âm thanh loại nhạc giữa hai tuyên ngôn như những ngày biến động 1965, 1966...Không một ai của miền Nam xác định

được có một hiện trạng hòa bình trong buổi sáng cảm giác có một họng súng đang nhắm vào.

Mặt trận Cửa Việt, Đông Hà bùng nổ, phe cộng sản đóng chốt trên Quốc Lộ 1 Bắc Quận Trảng Bàng, Bắc Xuân Lộc (Long Khánh), Đường 15 nối dài Sài Gòn-Phước Tuy- Vũng Tàu bị đứt bởi hai chốt nhỏ ở Bắc, Nam Long Thành. Trên đoạn đường dài dọc theo duyên hải từ Đèo Bình Đê đến Đèo Nhông, Đèo Cả, nổ bùng những trận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn giữa đám quân cộng sản từ mặt khu ào lên Quốc Lộ với đám lính Cộng Hòa giữ an ninh đoạn đường. Trong vùng cận sơn Quảng Trị, Thừa Thiên Vùng Động Ông Đơ, Núi Tang Táo, Núi Trường Phước, đám binh sĩ Bắc quân từ từ nhô mình lên khỏi chốt ngoắt tay đám lính Nhảy Dù, Sư Đoàn 1 Bộ Binh... Họ đã đối đầu cùng nhau qua ba trăm ngày chiến trận kể từ ngày 29.4.1972. Hai giờ chiều, một bóng dáng mặc quần áo kaki Nam Định, đội nón ông sao, chân đi giày vải rời khỏi hầm bước qua sáu mươi thước đất núi đến bắt tay Thiếu Úy Thắng thuộc Đại Đội 94 Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù. Ly nước trà nóng, thuốc Ruby quân tiếp vụ đổi lại cùng Điện Biên.

- Ủ, Chúng mình hòa giải, hòa hợp dân tộc theo tinh thần và lời văn của hiệp định... Ha..ha.. "ông" đi qua một mình không sợ à ? Tụi tui không đánh "ông" đâu, mình bồ mà!!...

Nửa giờ sau có mười hai người lính mặc áo rằn ri đi qua chốt "bạn" thăm giao hữu. Một giờ qua, họ không trở về. Không có tiếng súng, chỉ có âm động của lưỡi lê đi qua da thịt. Giờ thứ tám của Hòa Bình Việt Nam. Không có một ai trong chúng ta xác định được hòa bình đã có. Vâng, hòa bình chỉ tới với một văn kiện, trên bàn giấy yên lành ở Thủ Đô Ba Lê. Hòa Bình chỉ có trong đáy cốc.

Tội nghiệp như cô bé lọ lem đột nhiên gặp được bà tiên hạnh phúc, toàn khối dân miền Nam ngửa bàn tay bắt hạnh để nhìn hạt ngọc hòa bình, kết tinh nỗi mơ ước thiên thu của một dân tộc khốn khó. Không ai tin được vào phép lạ hoang đường này, không ai tin được giấc mơ có thật với ánh sáng của ngày, giữa lòng đau đớn trùng điệp. Người dân miền Nam nhìn ánh ngọc lấp lánh, bậm môi đến nức máu để tự thức tỉnh, để tự nhủ: Đây chỉ là ảo giác, ảo ảnh, đây chỉ là giấc mơ... Nhưng nếu không có những giấc mơ hạnh phúc, không tin vào giấc mơ thì còn gì. Chúng ta chỉ có những giấc mơ mang tính chất hy vọng.

Tôi đi giữa những con đường bình yên Sài Gòn trong buổi sáng dịu dàng của ngày hòa bình, lòng vang dội những chấn động xao xuyến bốn chồn...

Những phiên họp đầu tiên của Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên được thành hình trong những căn phòng rì rầm tiếng máy lạnh, các bên trao đổi với nhau những đối thoại mềm dẻo, hòa hoãn và...ít nội dung nhất. Tham dự vào cuộc đấu tranh cùng đối phương với tất cả say mê và thành thật trong lòng, nhưng dù với tâm tình trong sáng của số tuổi trẻ vị tha đôn hậu, cuối cùng tôi cũng phải nhận ra: Ngoài những nụ cười thật rộng, những bắt tay sẵn sàng, những câu nói hòa hợp và hòa giải... Người cộng sản không có được điều gì hơn nữa. Họ không thể có điều gì hơn nữa để cho Hòa Bình. Dù người đó là Trung Tá Tuấn Anh (Bắc Việt), nữ Thiếu Tá Ngọc Dung (mặt trận giải phóng), những người có nụ cười thẳng thắn và hiền hòa, những người bộc lộ sự chân thành trong mọi động tác, mọi lời nói (Dù là lời nói theo chỉ thị, bởi những chỉ thị...) Và họ chỉ có thế. Chỉ là những con người đôn hậu thụ động của một chủ trương cứng rắn! Nên dù rất thành thật, ân cần, khi qua Sông Thạch Hãn, đến phi trường Lộc Ninh để cùng người cộng sản làm việc, giải quyết sự kiện đau đớn nhất của chiến tranh, sự kiện người tù. Tôi cũng phải luôn luôn tự nhủ: Phải coi chừng, phải đề phòng, phải sửa soạn tấn công, phải quan tâm phòng ngự!! Trong không khí văng vắt nhẹ nhàng của rừng cao su Lộc Ninh, tay nâng ly trà nóng lòng phải trang bị một vũ khí để sẵn sàng nhả đạn. Người cộng sản đã tập cho tôi quen

với nghi kỵ và lừa dối. Hòa Bình đã dạy cho tôi biết rằng đây chỉ là bộ mặt khác của chiến tranh. Mặt sau của Hòa Bình.

Tập rất mau công việc phải làm và quen rất nhanh với môi trường chung sống để một phía rất thành thật, kính nể cùng đối phương vì đó là những người lớn tuổi, khắc khổ và đã chịu nhiều khổ nạn. Một mặt khác tôi sẵn sàng tấn công không thương tiếc, hạ đòn độc địa không nương tay vì đây cũng là những đối phương cực kỳ hiểm độc. Ví dụ như trên chiếc máy bay đến Pleiku, tôi châm lửa thật ân cần, nhắc nhở chu đáo với Thiếu Tá Sĩ rằng:

- Trời Pleiku rất lạnh, ông ta nên mặc áo len vào vì tuổi già, sức yếu.

Tôi nói rất thành thật vì nhìn thấy những sợi tóc bạc trắng rơi lòa xòa xuống một vầng trán nhăn nheo. Nhưng khi đến địa điểm trao trả Đức Nghiệp thì không còn những cử chỉ và lời nói “hòa hợp” tốt đẹp đó nữa, để hét vang giữa núi rừng, tay chỉ vào lá cờ ông sao, gần từng tiếng:

- Ở địa điểm Thạch Hãn không có lá cờ này, ở Lộc Ninh, Minh Thạnh, Quảng Ngãi, cũng không có nó trong phòng làm việc của những nhân viên thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương...Vậy tại sao ở đây có, phải chăng quý vị nằm ngoài cái hệ thống “chính phủ” của quý vị, phải chăng quý vị ở đây là quân đội ngoại nhập, là quân xâm lăng...Nếu quý vị duy trì lá cờ này thì ngay tại phòng làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương ở Sài Gòn chúng tôi sẽ dựng lá cờ Việt Nam Cộng Hòa...Quý vị bảo chúng tôi xâm phạm “không phận Đức Nghiệp” phải chăng quý vị nói giỡn, ai chứng nhận Đức Nghiệp này là của quý vị?!! Quý vị đã nói những điều vô lý mà người có một chút kiến thức quân sự và pháp lý tối thiểu không thể nào nghe vào được. Quý vị bảo chúng tôi vi phạm không phận địa điểm trao trả này, địa điểm trao trả được xác định bởi một tọa độ sáu số, tức là một điểm vô hình trên thực tế, từ điểm này có một đường thẳng tưởng tượng chạy thẳng góc với mặt đất lên khí quyển vào ngoại tầng không gian. Đó là không phận của địa điểm trao trả này chăng? Phải chăng quý vị kiểm soát không phận quá ải dẫn và vô lý đó? Và khi nói chúng tôi cho phi cơ đi qua “điểm không phận” của quý vị, thì quý vị lấy gì làm bằng cớ, hay quý vị nghe tiếng phi cơ bay qua địa điểm trao trả (Theo như lời của trưởng đoàn quý vị nói tại bàn hội nghị Sài Gòn)...Lạ thật, Hiệp Định Ba Lê có qui định cả “vi phạm” phát sinh bởi tiếng động nữa sao?!!

Tôi “vờn” đám sĩ quan tóc bạc của cộng sản, toàn là dân trên dưới năm mươi tuổi, mặt xanh màu lá và tóc trắng vì ngã nước không xót thương. Hai thái độ có thể xen kẽ, lồng vào nhau nhịp nhàng kháng khí. Trong lòng hòa bình cùng người cộng sản, tôi chỉ học được những thủ đoạn độc địa không ngần ngại đó.

Những phiên họp bốn bên, những phiên họp hai bên, hàng chục lần trao trả, mười một địa điểm từ Thạch Hãn đến Cà Mau, từ anh “chiến sĩ” mặt nặng như chì gác cổng ở Lộc Ninh đến anh Trung Tá Chỉ Huy Trưởng vùng Gio Linh, Trung Tá mang kính lão và tóc bạc trắng nói dối ngon lành: “Tôi người quê ở Gio Linh “sơ tán” vào núi để chống Mỹ cứu nước nay trở về tiếp quản Quảng Trị”. Trung Tá nói tiếng Nam Định, Thái Bình không trật một âm. Tiên sư, vậy mà cũng là cán bộ cấp Tá của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa!! Cái trò dối trá thô thiển đã được hệ thống hóa bởi cục chính trị, cấp đảng ủy phổ biến, học tập và kiểm soát từ tên lính mười sáu tuổi mặt búng ra nước cháo đến gã Trung Tá sắp sửa đóng cửa quan tài đều ào ào một lời: Quảng Trị sơ tán!! Trò dối trá hạ đẳng này chắc đã được những bộ óc cỡ “thiên tài” Võ nguyên Giáp, Lê Duẩn, Đồng nghiệp cứu và chỉ đạo...Thế mà sao cộng sản thắng thế hờ trời?!! Tôi “hòa hợp, hòa giải” với những người như thế, nghe Hoàng anh Tuấn ngậm ngùi nhắc lại:

- Các cháu học sinh ở Cai Lậy bị thảm sát, chúng tôi sẽ điều tra rộng rãi để tìm ra ai là thủ phạm. Để tháng sau chứng kiến vụ Song Phú, vụ Biên Hòa...!! Và ông

Giáo Sư Đại Học Nguyễn văn Trung đặt vấn đề nghiêm túc: “Vấn đề có thể nhìn một cách đích thực như sau: Người Việt theo cộng sản và người Việt không theo cộng sản...Nghĩa là về căn bản chỉ khác nhau về ý thức quốc gia...”. Ông nhà văn Sơn Nam khẳng định trong một cuộc phỏng vấn: “Tôi nghĩ rằng hai miền Nam, Bắc có thể hòa hợp với nhau bởi con đường văn hóa...” Ông chính khách Hồ ngọc Nhuận: “Hòa giải là con đường cuối cùng của dân tộc...”. Đồng ý, tôi hoàn toàn đồng ý với các ông khoa bảng, tên tuổi trên với quá trình tranh đấu, chính trị, văn hóa này. Nhưng nhìn quanh trong suốt một năm, khi nghe Hoàng anh Tuấn, Võ đông Giang ở bàn hội nghị, nghe Trung Tá Phụng ở Gio Linh, Thiếu Tá Giang ở Bắc Thạch Hãn, Trung Tá Năm Tích ở Lộc Ninh, Thiếu Tá Dũng ở Rạch Giá. Tôi cam kết một điểm:

- Không thể hòa giải với mấy cán bộ này, tôi cũng không thể hòa giải với hai gã lính gác ở thuyền Bắc Thạch Hãn vì khi tôi hỏi: “Anh học ở Hà Nội hay ở đâu ?”. Thì nó đã sững cồ nói vung bọt mép: “Tôi không phải là người Hà Nội, anh đừng xuyên tạc hiệp định, phá hoại tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc, tôi là người Quảng Trị sơ tán”...Lại sơ tán, tôi chửi ra tiếng: “Tiên sư mày 17, 18 tuổi Bắc Kỳ trăm phần trăm thì Quảng Trị cái quái gì được!!!”. Vậy hòa giải hòa hợp với ai ? Hòa giải, hòa hợp là hòa với một người nào đó, một lớp người nào đó. Đặt vấn đề cụ thể như ông Cha ở Nhà Thờ Tân Định hôm mở đầu cho buổi thuyết trình về Canh Tân và Hòa Giải: “Ta phải cúi xuống cùng kẻ thù để chuyển yêu thương đến cùng kẻ thù...Hãy có can đảm yêu kẻ thù như yêu chúng ta vậy!!!”. Amen, Chúa có phán như thế vì Chúa hy vọng Tình Thương Chúa sẽ được hóa giải được kẻ thù, chứ nếu Chúa biết chắc kẻ thù đó đang thủ sẵn lưỡi dao để đợi lúc Chúa cúi xuống thì chắc phải có tinh thần và thái độ khác. Tôi không chống cộng quá độ, tôi cũng không chống cộng để được trả lương và hưu bổng, vị thế người lính chỉ là một phương tiện giúp biết rõ người cộng sản, tôi cũng sắp già từ vị thế này để trở thành một cá nhân hoàn toàn tự do không bị ép buộc bất cứ từ một hướng nào, nên câu hỏi luôn đặt ra là: Hòa giải là cần thiết, nhưng hòa giải với ai và như thế nào ? Nếu đối tượng để ta hòa cùng là lực lượng đối nghịch, luôn luôn sẵn sàng tiêu hủy ta thì làm sao hòa được ? Ông Thầy Chùa hôm buổi thảo luận tại Nhà Thờ Tân Định có ví von: “Hòa là hòa nước với nước, chứ không hòa với dầu ?”. Ông Thầy Tu này nói chưa đủ, phải nói lại rằng: “Làm sao hòa máu cùng a-xít được!!”

Phiên họp hôm 15 tháng 3.74 cấp trưởng đoàn sau khi Tướng Hiệp đọc tuyên bố tố cáo lực lượng vũ trang cộng sản pháo kích vào Trường Tiểu Học Cai Lậy, Tướng Tuấn (mặt trận giải phóng) phản đối lời buộc tội với một luận điệu yếu ớt, tôi ngồi nghe, tán thêm cùng những người ngồi chung quanh: “Thằng cha này phản pháo yếu vì chưa biết được các yếu tố chạy tội, hơn nữa tai nạn quá lớn cũng làm nó phát hoảng...Thằng du kích nào dưới Cai Lậy chắc chuyến này bị “khiên” nặng...”. Quả tình chúng tôi đã “chạy tội” cho người cộng sản rất nhiều qua ý kiến trên. Chúng tôi nghĩ, cuộc thảm sát chỉ là do rủi ro vì quả đạn cốt nhắm vào Chi Khu Cai Lậy, nơi đặt Bộ Chỉ Huy Hành Quân tại khu vực này, cũng có thể kỹ thuật tác xạ quá kém, nên du kích vùng đó đã “lỡ” bắn vào Trường Cai Lậy. Nghĩ như thế cũng là để giải thích cho tội ác quá phi lý, quá man dại của người cộng sản. Làm sao có thể bắn vào trẻ em, sự nghiệp giải phóng nào xây dựng trên thân xác trẻ thơ, những con người chưa có ý niệm về chữ nghĩa, về hận thù ?!! Chúng tôi không tin tội ác phi lý quá độ này do từ một chủ trương hoạch định và hoàn tất bởi những sinh vật gọi là người. Nhưng quả tình chúng tôi đã làm, làm rất lớn vì người cộng sản lại dựng thêm “chiến tích” ở Song Phú vào ngày 10.4.74 và Biên Hòa ngày 3.6.74...Đến đây thì không còn gì để che dấu được nữa. Người cộng sản quả thật có một chủ trương giết người. Tôi khẳng định chắc quyết như vậy. Họ giết trẻ con, giết thường dân vì đây là trẻ con “ngụy”, họ giết người vì muốn dựng vinh quang trên nỗi sợ hãi, dựng

thành quả trên xác người và máu nóng. Cách mạng phải có kích thích tố thù hận. Cách mạng vô sản Việt Nam đã có những men gây máu kia. Thực dân Pháp, Phát-xít Nhật, địa chủ, cường hào, ác bá, thực dân phong kiến, Mỹ-Diệm, Thiệu-Kỳ, Mỹ và chính sách thực dân mới. Nay, năm 1974, quả tình tất cả chất men trên đã không còn, đã hết, người cộng sản phải có kích thích tố mới, phải có hận thù mới, xác người mới. Vậy phải tạo nên những đối tượng chém giết khác như “Ngụy quân, ngụy quyền, bè lũ ngoan cố, phản động không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định”. Đó chính là chúng ta, là đứa trẻ ở Cai Lậy, là người dân Tam Hiệp, Biên Hòa... Vậy thừa các ông cấp tiến, ông khuynh tả, các ông đối lập, các ông vô tình đang cổ vũ cho lũ giết người, cho trò giết người, các ông đã khuyến khích tội ác qua những danh từ được cố tình sơn phết thành linh động, đẹp đẽ và hòa bình. Hòa Bình, đây lại là một danh từ lạm phát, người cộng sản đã có vũ điệu Hòa Bình, đoàn quân giết người là đoàn quân Hòa Bình. Hiệp Định chia đôi đất nước là Hiệp Định Hòa Bình và bây giờ là những ngày tháng 73, 74 họ lại sử dụng danh từ phá sản đó trong một cường độ to lớn và tích cực hơn để thực hiện “Hòa hợp, hòa giải theo tinh thần và lời văn của Hiệp Định Ba Lê...”. Quái dị thật, những chữ nghĩa thô thiển như kia vẫn còn hiệu lực để che đậy những tội ác ngập đầu ?! Tối 21 tháng 5.1935 trước khi xua 300.000 quân vào Rhéanie, Hitler đọc một diễn văn để làm yên lòng Anh, Pháp, trấn an Hội Quốc Liên với câu kết luận là: “Nước Đức cần Hòa Bình và mong mỗi Hòa Bình...”. Đẩy quân đi như một tia chớp, chiếm được xong mục tiêu Hitler trở lại với “Hòa Bình”, mỗi lần đọc diễn văn xong có chuông giáo đường khua âm ỉ, cùng câu kết: “Hòa Bình đầy tình thương của Chúa...Amen” hoặc: “Xin Chúa hãy ban tự do để khiến tạo Hòa Bình cho nước Đức, cho Âu Châu...”

Hai chữ hòa bình được sử dụng như băng hiệu của một cuộc tấn công, thành quả của một lần tàn sát. Kỳ lạ thật, giữa những chữ nghĩa và hành động đã có những tan vỡ, chống đối và hủy diệt nhau trăn trăn như thế, nhưng sao vẫn có rất nhiều người, rất đông người ở trên những vùng đất văn minh, trong lòng những xã hội văn minh tin vào chữ nghĩa quái dị kinh khiếp này. Cả Âu Châu đều tin cậy vào câu nói: “Tôi dâng hiến hòa bình, tôi không phát động chiến tranh chống Pháp và Anh Quốc” của Hitler sau khi tràn qua Ba Lan bắt tay với Nga (Lại một lực lượng hòa bình, nữa!!...) tại Brest Litovsk. Cũng tương tự như đối với Hitler, rập một khuôn mẫu của Staline, cả thế giới hôm nay lại a tòng kẻ giết người nên đã hân hoan hãnh diện trao giải Nobel Hòa Bình cho Lê đức Thọ. Và đau đớn hơn hết thảy, mỉa mai hơn hết thảy là cùng ngày 3.6.74, ngày của hai trăm trái hỏa tiễn rơi vào Biên Hòa “giải phóng” cho trẻ em và những người vô tội bằng phương thức dã man ghê rợn tàn tệ nhất mà con người với giác quan, tâm lý của một sinh vật có lương tri không thể nào nhìn đến, không thể nào chịu đựng được. Cùng ngày thê thảm khốn nạn này, chính phủ Nga Sô nhân danh “Hòa Bình” trao cho Nguyễn thị Bình huân chương Lenine hòa bình!!! Lại Hòa Bình, phải chăng tiếng nói của con người hôm nay đã biến đổi, đã tan vỡ tính chất, phải chăng đây là thời đại của lừa đảo, ngược ngạo, để con người thường nhân danh những tình từ, danh từ cao quý để thực hiện những tội ác đê hèn khốn nạn. Hòa Bình, người cộng sản đã sử dụng như một dấu hiệu của sự chết.

Hai năm, tưởng chừng như qua một đoạn đường địa ngục dài, tôi tự hỏi: Tại sao chúng ta vẫn không có một ngày bình yên để sống, một ngày không có tiếng súng, một ngày không mưu toan, một ngày không nằm trong hệ thống thời gian của một chủ trương, một sách lược, bạo lực. Một ngày bình yên cho quê hương nhiệm mầu, xứng đáng cho dân tộc vĩ đại, một giọng giống da vàng căng cứng trên khổ nạn. Tôi cũng tự hỏi: Tại sao sau một cuộc chiến triển miên với giá máu hằng trăm ngàn người lính ngã gục, những người lính đã chiến đấu cho một mục đích cao quý:

Chiến đấu cho Tự Do. Nhưng chưa bao giờ được xiển dương thành hệ thống để cảm phục như anh hùng, kẻ tử đạo, kẻ vì quốc vong thân. Mà trái lại người lính và khối gia đình của họ trong những ngày của hòa bình lại là những kẻ bị đánh vỡ trước tiên, bị bóc trần từng sợi thịt, bị cạn dần từng giọt máu. Trung Tá K, Chiến Đoàn Trường Dù ngày nào mười năm trước, nay hàng ngày lột lon, cắt nón, đạp chiếc xe trong đưng vất vả đến nơi làm việc. Trung Tá H, sếp cũ của tôi nay chỉ còn lại một hình ảnh tồi tàn của một ông già thêm từng điều thuốc lá đen. Và còn gì nữa...

Còn quá nhiều, nhiều như đồng xương vô định của những người lính đã chết, như lớp máu đỏ của hàng trăm ngàn người đã chảy xuống mạch đất miền Nam. Cảnh quả phụ cùng bốn con tự vẫn tại mồ chồng, người lính vừa chết cho hòa bình tại Nghĩa Trang Quân Đội. Còn người mẹ thuốc chết hai con trước khi tự sát vì lương lính từ trần không đủ tiền đóng gạo. Quá nhiều, đám vợ con lính ở trại tỵ nạn dẫn nhau đi trên đám đất cháy nắng vùng Quảng Ngãi để tìm củ xương rồng. Những người lính này chết cho ai ? Phải chăng họ chết để nuôi dưỡng một thiểu số khốn nạn như Tỉnh Trưởng Định Tường, Tỉnh Trưởng Long An, những kẻ chuyển trăm triệu hàng lậu, những kẻ dẫu trăm triệu phân bón, kẻ ký quota gỗ vài trăm triệu... Tại sao ? Câu hỏi muốn bật máu trong tim, muốn nổ tung con người, muốn vỡ tan từng tế bào... Tại sao ? Tại sao ? Thượng Đế không giải thích, Phật Tổ không giải quyết và Chúa cũng buông xuôi.

Cuối cùng, chiến tranh vẫn còn nguyên như đời sống làm than, chiến tranh như cơn mộng dài không hết của đêm đen muôn đời, chiến tranh là cảnh sống thường trực, là thực thể miên man, là thực tại không rời. Đất nước ta với chiến tranh là một trạng thái bão hòa liên kết không tách rời được. Tôi lại đi đưa những người quen đến nghĩa địa... Nhìn chiếc quan tài phủ Quốc Kỳ của Đại Tá Nguyễn Thế Nhã, Tiểu Đoàn Trường cũ của tôi, người từng có hai mươi năm chiến trường khốc liệt nhất, cuối cùng chết vì một trái đạn pháo kích trên Căn Cứ La Sơn, Huế. Anh lính người chết tức tưởi không thể giải thích được nỗi đa đoan của hậu quả do một thứ hòa bình dấy non mang lại, người chết chắc không thể an lòng khi biết mình chết trong hòa bình, do hòa bình, sau quãng đời dài đã kinh qua DMZ, Mậu Thân ở Huế, Tây Ninh, Hạ Lào... Người chết với mối hận khó nguôi ngoai. Tôi tin chắc như thế. Cuối cùng, hòa bình cái bóng đáng mơ ước lừa bịp dễ tiện và tiếng gọi của lũ giết người dùng như một dấu hiệu truyền thông trước một cuộc tàn sát nhân danh nó.

Chiến trận lại xảy ra ở An Điền, bên kia Sông Thị Tính, lại cảnh người chạy loạn gồng gánh mang vác tất tả trên Quốc Lộ 13, lại cảnh đứa bé bốn, năm tuổi co quắp vì cơn đau mảnh đạn ghim đầy, lại cảnh bà già đưa đôi mắt lạc thần nhìn lượng nắng cuối cùng đang lịm dần ngoài cửa đời sống... Tôi không thể đọc hết mẫu tin chiến sự, tôi không có can đảm nhìn đoạn phim thời sự về đám người chạy loạn, tôi kinh sợ đến độ phiến muộn. Tôi ê chề đến cuối đáy điều linh. An Điền, Sông Thị Tính của mười năm trước, tháng 12.64 tôi là gã Thiếu Úy trẻ tuổi cổ quần khăn đỏ, mình mặc áo saut ngực trang hào hùng dẫn quân đi đầu Tiểu Đoàn kẻ tử khi vượt qua chiếc cầu xi măng cũ kỹ để tiến sâu vào đám rừng chồi xanh ngắt. Mười năm, đêm ở khu đồn điền ông Thịnh, quả lựu đạn lóe sáng, bóng tên việt cộng loáng thoáng trong ánh lửa, chiếc trực thăng tải thương lập lòe ngọn đèn đỏ và hàng lửa đạn súng cối pháo kích đứt đoạn. Mười năm, cái bối cảnh khốn nạn đó vẫn còn, vẫn tồn tại, còn và phát triển đến cực độ, phát triển đến tối đa khủng khiếp. Ngày xưa, chỉ cần Tiểu Đoàn Dù của tôi cùng Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến đủ sức "xấn" từ Cầu Thị Tính vào An Điền lên đồn điền Alimot, Bussy, vòng qua trái đến đồn điền ông Thịnh để từ đây ra Quốc Lộ 13. Vũ khí lúc ấy là carbine M2, cối 81, nay quân phải cấp Sư Đoàn, mỗi hướng tấn công là một Trung Đoàn có một Thiết Đoàn yểm trợ và giàn đại pháo dập nát không gian. Lúc xưa đám du kích ở vùng đồn điền pháo

bằng súng cối, đột kích bằng lựu đạn, nay bóng dáng nhỏ bé “khiêm nhường” đó đã không còn, để chỉ thấy nướm nướp đậm hơn rừng xanh từng trung đoàn chính quy Bắc Việt được “tùng thiết” với hàng T54 bề thế. Mười năm, một cái xã nhỏ bé tội nghiệp ở Quận Bến Cát cũng như hàng trăm ngàn thôn xóm khác của quê hương chỉ được mỗi vinh hạnh. Làm chiến trường tận lực cho hai bên. Nỗi vinh hạnh hiển thâm sâu như oan nghiệp không giải.

Chiến tranh, chiến nạn, chiến binh, nạn nhân chiến cuộc, chiến trường, chiến địa, chiến tích, chiến cụ...Sao ngôn ngữ nước ta quá nhiều từ ngữ để gọi lên binh đao mà chỉ có vồn vẹn một chữ Hòa Bình, một chữ đơn độc mỏng manh thụ động giữa rừng gươm giáo ngút ngàn. Khốn khổ hơn nữa, Hòa Bình cũng đã bị nguy danh bị đánh vỡ, bị khuynh đảo và biến dạng toàn thể yếu tính. Hòa Bình, phải chăng không còn nữa cho con người. Không còn nữa cho chúng ta. Sắp đến ngày ký Thông Cáo Chung 13.6.1973, ngày Quốc Hận 20.7.54.

TRÊN CHIẾN ĐỊA-TRONG SÀI GÒN

Những buổi chiều từ Lộc Ninh trở về, tôi bay qua Đồi Gió, qua Đồi 69, những ngọn Đồi ở Đông-Nam An Lộc. Cũng những buổi chiều tháng 5 và tháng 6 như thế này của hai năm trước, 1972, nơi đây những người bạn Tiểu Đoàn 6, Tiểu Đoàn 3 Pháo Binh, Lữ Đoàn I Nhảy Dù đào vội chiếc hố, khoét sâu rãnh giao thông hào dưới cơn mưa đại pháo của Bắc quân. Cũng những buổi chiều muộn khi ngày sắp hết, ánh mặt trời hồng đỏ đã bị mờ dần bởi hơi sương lam bốc lên từ dãy rừng cao su ngút ngàn xanh ngắt. Nơi đây, trên dãy cao độ chập chùng trống trải này những Phạm Tường Tuấn, Phạm Kim Bằng, Lộc “lì”, Vinh “con” của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù bậm môi đến bật máu, nhô chiếc nón sắt lên khỏi giao thông hào chờ đợi bóng đen của những T54 đang ló nhỏ, rì rầm dưới chân đồi sắp sửa tấn công. Hôm nay, trên chiến địa điêu tàn đó chỉ còn vương vãi vài chiếc nón sắt, túi đeo lưng và những mảnh xương trắng xám rơi rớt trên lớp đất đỏ màu máu. Dãy đồi nằm lặng dưới bóng chiều trông oan khiên như nắm mồ vĩ đại. Tôi bay qua chiến trường của hai năm trước, bay qua bầu Đồng Cỏ thấy xác chiếc Chinook bị rớt ngày 4.6.72, bay qua Chợ Thành thấy lại chiếc trực thăng chở Chuẩn Tướng Đức bị cháy nát chỉ còn tro chong chóng nằm sát bờ lộ. Những Phi Công trực thăng nghĩ gì khi từ trên không nhìn xuống những thân tàu cháy xám, đồng tro tàn của bộ máy, họ có tưởng đến những chiến hữu đã vỡ tan cùng cát bụi, những Phi Công lâm nạn của mùa chiến trận 72 trên đường bay dọc con lộ tử thần này. Đi qua chiến địa quá khứ không phải chỉ buồn ngùi vì chứng kiến dấu tích của binh lửa tang thương, nhưng để biết rằng chiến tranh chưa hề chấm dứt, hòa bình chưa bao giờ có thực, chỉ có chiến trận đổi vùng, chiến trường nguy trang dấu mặt. Bay qua Đồi Gió, Suối Tàu Ô, Tân Khai, Chợ Thành, qua các chốt của bộ đội, qua các căn cứ hỏa lực của ta, qua thôn xóm vây bủa bởi giao thông hào còn mùi đất mới để biết rõ một cách đau đớn và chua xót rằng, chiến trận không bao giờ ngừng nghỉ trên quê hương tàn khốc này. Không có một giây phút bình yên nào trên xứ sở tên gọi Việt Nam.

Tháng 5, tháng 6.74 đi qua, phái đoàn mặt trận bỏ hợp vô hạn định, chiến trận bùng nổ không che dấu, phi trường Nha Trang, Đà Nẵng, lần đầu tiên sau ngày Hiệp Định bị pháo kích. Phe cộng sản vứt bỏ chiếc mặt nạ “hòa bình” không ngần ngại. Đã đến lúc họ không còn cần dấu mặt sau cái vỏ hòa bình, họ cần phải chạy đua với thời gian, chạy đua với sự sắp vô ngày càng khít khao giữa Nga, Hoa quanh cái trục “Đế Quốc Mỹ”. Cộng sản Bắc Việt phải tự cứu trước khi bị hai cái gọng kìm này nghiền nát. Tháng 6 đi qua để bước vào tháng 7 với ngày 20.7, ngày cộng sản xem như thắng lợi vinh quang, ngày rực rỡ sau chiến công Điện Biên, ngày đuổi hẳn thực dân Pháp thanh toán 100 năm nô lệ. Nhưng ngày 20 tháng 7 cũng là ngày di cư,

ngày uất hận ngàn đời không nguôi ngoai, ngày chia ly tan tác của khối dân miền Bắc đi về Nam để được sống tự do (20.7.1954) đến nay đã hai mươi năm, khoảng thời gian ngút ngàn tưởng chừng như giấc mơ, cuộc ra đi ngày nào nghĩ rằng sẽ trở lại trong thời hạn tối thiểu, ai ngờ trở thành một đứt khoát quyết liệt, một chọn lựa nghiêm trọng đánh đoạn giữa tự do và kìm kẹp, giữa đời sống thênh thang và lạnh lùng trong một hệ thống kiểm soát ngặt nghèo. Hai mươi năm qua như ngọn lửa lớn đã lọc tinh tuyền sự chọn lựa ban đầu đó, chẳng ai trong khối người ra đi phải hối hận vì tất cả đã chọn đúng. Tôi biết chắc như vậy. Nhưng tháng 7.74 trên báo chí đối lập khuynh tả, trong những cuộc hội thảo của lực lượng đối lập tiến bộ yêu nước, của đám trí thức Sài Gòn nhan nhản xuất hiện một loại luận cứ: “Chỉ vì Hiệp Định Genève 1954 không được thi hành nên mới xảy ra chiến tranh trong hai mươi năm qua và vì “mâu thuẫn” vẫn còn nên Hiệp Định Ba Lê 28.1.73 không được thực hiện, Hòa Bình cho Việt Nam vì thế chưa có. Cuối cùng, chỉ còn con đường hòa giải và hòa hợp dân tộc, con đường độc nhất để hoàn thành hòa bình...”. Loại luận cứ này được coi như đỉnh chót của ý thức tiến bộ của đám trí thức đối lập ở miền Nam. Song, tôi muốn hỏi những người này những câu hỏi cụ thể: Tại sao không dùng lại xác định: Vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành (Như đã dùng với Hiệp Định Genève) mà chỉ lấy cớ miền Nam còn “mâu thuẫn” ? Mâu thuẫn gì ? Ai mâu thuẫn với ai ? Tại sao các anh không dám nói thẳng: Cũng chính bởi vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành nên hòa bình chưa có và chính phe cộng sản là phe phá hoại nhiều nhất thâm độc nhất, có hệ thống nhất. Hai mươi năm chiến tranh, hai năm “hòa bình” khổ nạn chưa làm cho đám người này thấy đủ, biết được một sự thật. Sự thật rất đơn giản. Làm thế nào hòa giải được người cộng sản. Người cộng sản mang quốc tịch Việt Nam!!!

Trận cầu quốc tế giữa hai đội Đông-Tây Đức, phe cộng sản, phe không cộng sản, gặp nhau, bắt tay nhau, tranh tài trong tinh thần hòa hợp, thân ái của môi trường thể thao. Nhưng làm sao có được cái cảnh này cùng cộng sản Việt Nam ? Vì anh ta sẽ gọi cầu thủ của ta là “cầu thủ Ngụy”, của phe tư bản rầy chết, tay sai của chính sách thực dân mới Hoa Kỳ. Phe cộng sản sẽ không bao giờ thỏa thuận để cho hòa giải, gặp gỡ những cầu thủ “giải phóng dân tộc, của cách mạng vô sản, của giai cấp công nông” với đám cầu thủ của “Ngụy quyền”, cầu thủ áp bức nhân dân, cầu thủ ác ôn Mỹ Ngụy. Tôi không nói quá nhưng chỉ xác định lại sự thật qua những kinh nghiệm quá náo nê cùng người cộng sản Việt Nam.

Đến đây, những dòng cuối cùng của tập bút ký, tự nhiên trong lòng bỗng rực sáng một niềm tin thanh thản. Quả tình tôi đã có một thái độ quyết liệt thật đúng đắn với người cộng sản. Tôi xác định thái độ này chính thức, công khai mà không hề e sợ những dè bĩu, chực mủ: Muốn được thưởng công bởi chính quyền. Còn lâu, chính quyền, chính phủ chỉ là những lực lượng nhất thời, tôi không chống cộng để cho một cơ cấu chính trị, một cơ quan quyền lực. Tôi chống cộng vì ghê sợ cái hướng đi hà khắc kìm kẹp vô nhân tính của chế độ đó. Giản dị và chính xác như thế. Ngày 20.7, đọc lại một bài viết ngắn của anh Doãn Quốc Sỹ nói về ngày uất hận thiên thu này, anh Sỹ nhắc lại trong “Một vài ký ức hình nổi của giai đoạn 20.7.54-20.7.72 (Báo Đời số 140): Hình ảnh đồng bào khắp nơi vượt mọi gian lao để tới Hải Phòng được phổ biến sâu rộng tại bất cứ nơi đâu còn gọi là đất Quốc Gia, những hình ảnh đặt biệt sỉ nhục một cách thậm tệ cho ông Hồ đăng tải trên các tạp chí lớn ở Âu Châu: Đó là hình ảnh hàng ngàn người xuất hiện trên bãi bể Bưởi, hình ảnh họ kéo lê chiếc bè lao nhào vào lớp sóng bạc đầu, hình ảnh họ chen chúc trên chiếc bè mỏng manh, đàn bà đứng bế con, ông chân ngâm dưới nước quên mọi, phần trên rét run, đàn ông khom lưng cổ chèo ra khơi cho kịp những chuyến tàu đương

thân ái đợi họ để rồi xả hết tốc lực ra khơi xa hơn nữa để chuyển họ sang những tàu vận tải lớn hơn...”.

Và hình ảnh bi thiết, rức rở nhất của cuộc di cư thần thánh đã tụ lại trên điểm cao hoạt cảnh dưới đây:

- Xe lửa từ Hà Nội xuống đến Hải Dương ngừng lại ở Ga Phú Thái, nơi đó cán bộ cộng sản khám dân chúng, tha hồ dân chúng vắng tục, chửi rủa, đấm cán bộ vẫn cười tươi ngọt ngào như không. Có bà gần như khỏa thân từ trong phòng khám bước ra, có bà còn ra ngồi xuống tiểu tiện rồi mới đứng dậy, bận quần áo đầy đủ, có bà xoay đủ một vòng, nghêu ngهن hai bầu vú nuôi con rồi mới bận áo...Ồi! Những người đàn bà Việt Nam cực kỳ thông minh và biết trọng nhân phẩm đó! Tất nhiên đấm cán bộ cộng sản nam nữ vẫn luôn luôn giữ nụ cười nhả nhận bình tĩnh. Trên cái nền khỏa thân của các bà, nụ cười đó quả đã bị bóc trần đến chất lõi máy móc vô nhân của nó. Hàng bao tấn giấy tờ của người trí thức Quốc Gia viết để chống đối cộng sản không nặng bằng một đồng cân so với cái cử chỉ vừa khôi hài vừa thâm trầm chua chát của hình ảnh cố ý kéo dài cuộc khỏa thân của các bà...

Anh Sỹ đã cất cho tôi được gánh nặng ngàn cân vì gần hai năm nay đi đâu tôi cũng thấy người cộng sản...cười. Những nụ cười tươi, rộng, rất vồn vã, rất nồng nhiệt, tràn ứ đầy khắp trên các báo quân đội nhân dân, quân đội giải phóng, trên tạp chí “Đường Đến Vinh Quang của Nam Việt Nam...”. Đâu đâu cũng thấy người cộng sản cười, Võ nguyên Giáp cười, Lê Duẩn cười, Phạm văn Đồng cười, Song Hào cười, Văn tiến Dũng cười, Phạm văn Bạch cười, Nguyễn hữu Thọ cười, chiến sĩ “tên lửa” cười, đội làm cầu cười, người nữ chiến sĩ miền Nam cười, những “Người Con Tây Nguyên” cười...Tất cả đều mở rộng miệng đến tối đa kích thước, hàm răng tràn ra khỏi những ghề môi nhăn nhúm, choáng chạt cả khuôn mặt bị căng cứng, bị gấp nếp vì nụ cười quá khổ...Rồi tôi lại phải “tiếp thu” thêm những nụ cười trên thực tế của Thiếu Tá Trần Tín ở Hà Nội, của Thượng Tá Năm Tích ở Lộc Ninh, của Nguyễn an Giang ở Bắc Sông Thạch Hãn...Những nụ cười như trong báo chí đó được lập lại đúng cỡ, đúng điệu, tràn ngập khắp nơi khi người cộng sản tiếp xúc cùng người lạ. Một lần, hai lần...Lần thứ một trăm, lần thứ một ngàn, nụ cười tràn ứ đó gây nên một cảm giác kỳ lạ trong tôi. Cảm giác nửa nhòm tởm, nửa bị đe dọa. Nụ cười vỡ như lửa lóe ra khi trái lựu đạn nổ, nụ cười ghê ghê, vô nhân, vô nghĩa như con vượn, con dã nhân khi được kích thích, vì được luyện tập. Tôi không nói quá lời, tôi không “hạ” đối phương nhưng quả tình nụ cười đó suốt hai năm gây cho tôi câu hỏi: Có phải chẳng người cộng sản có một “chủ trương cười” ? Người cộng sản đã cười theo chỉ thị, theo công tác, theo tiêu chuẩn ? Nếu không thì tại sao, đâu đâu, ai ai cũng có một cách cười, một vẻ cười chung giống nhau như thế ? Song Hào, Võ nguyên Giáp, Văn tiến Dũng, những cá tính khác biệt, những con người khác nhau về khả năng, tính chất, môi trường trong một bức hình ở khóa hội thảo đều cùng có chung một nụ cười hả hê, thống khoái rạng rỡ. Cho đây những nụ cười thật vì các ông ấy là Tướng, là cán bộ cao cấp được điểm bác và đảng...Nhưng rồi, sao đấm nhân công nhà máy dệt, đội làm cầu, cán bộ mật dịch...Những người gầy còm, mắt trắng, những kẻ tóc bạc mệt nhọc đầy như cỏ rối, trên nét nhăn, những người này có gì để phải cười giống như Giáp, như Đồng ?!!! Vậy chỉ có thể hiểu, và chắc chắn như thế: Người cộng sản đã được huấn luyện, kiểm soát và thi đua cười theo một tiêu chuẩn nào đó về nụ cười. Họ phải tập cười theo một mô thức được hoạch định bởi đảng và nhà nước. Vậy, trước nụ cười đó còn gì xứng đáng và sít sao hơn là những thân thể tinh khôi, cao quý phẩm hạnh của con người trần trướng toàn diện. Phải, chỉ có cái thân thể nồng nhiệt tự do, thân thể ám áp sức sống nhân bản của con người cao quý mới gọi là ngọn triều lớn cuốn bay đi lớp nụ cười vô nhân khô héo của người cộng sản...Hiểu như thế. Và phải hiểu như thế.

Tôi nhớ buổi chiều ngày 18.2.1973 tại bờ Bắc Sông Thạch Hãn, giữa bóng tối mờ mịt, khi tự xé chiếc áo phơi lồng ngực trần để chỉ cho đám sĩ quan quốc tế cùng đám cán bộ cộng sản biết so sánh thế nào là “sự thật” về người tù cộng sản bị “tra tấn” tại trại giam ở Phú Quốc. Với sự thật của chính thân thể tôi. Nhưng tôi đã làm chưa đủ, thật ra tôi phải làm như những người đàn bà cao quý nọ.

Trong những tháng 8, 9, 10 năm 1974 tại Sài Gòn có phong trào chống tham nhũng tổ đích danh Tổng Thống Thiệu bằng cáo trạng sáu điểm, phong trào đòi tự do, dân chủ, đòi hỏi hủy bỏ sắc luật 16.69 và 007, những sắc luật kìm kẹp báo chí một cách chặt chẽ hà khắc. Cuộc tranh đấu lên đến cao điểm: Đòi hỏi chính phủ Thiệu phải thực thi Hiệp Định Ba Lê, thành lập hội đồng hòa giải gồm có ba thành phần và chấm dứt ngay tiếng súng để cùng người cộng sản hòa hợp và hòa giải trong tinh thần dân tộc....Phong trào tập trung được toàn thể những Linh Mục Công Giáo cấp tiến cánh tả như Nguyễn ngọc Lan, Phan khắc Từ, Trương bá Cẩn, Chân Tín...Những người của nhóm Đối Diện trước đây. Phía Phật Giáo cũng nhập cuộc trên một địa bàn khác với sự đồng ý của Giáo Hội Ấn Quang tích cực yểm trợ cho lực lượng hòa giải, chủ tịch là Vũ văn Mẫu.

Bổ dĩ sự có mặt của những người như các dân biểu đối lập nguy danh, những chính khách cấp tiến tiền chế, những lãnh tụ tôn giáo tả khuynh có điều kiện, những đào kép cũ của những tuồng tích héo úa, trong đó do thúc đẩy quyền lợi, với khí thế ma đầu, những hào hùng cải lương...Những dòng viết sau đây tôi chỉ muốn nói đến cuộc nhập trận tích cực của các vị Linh Mục. Trong tập thể Linh Mục nhập cuộc cùng những phe khối của họ có thể chia ra làm hai thành phần rõ rệt. Thứ nhất, là nhóm Linh Mục cấp tiến khuynh tả như Nguyễn ngọc Lan, Chân Tín, Trương bá Cẩn cùng những người viết Đối Diện, Trình Bày như Nguyễn văn Trung, Thế Nguyên, Lý chánh Trung...Và thành phần thứ hai gồm những Linh Mục trước đây đã có một quá trình chống cộng như Nguyễn Viết Khai, ông Cha rửa lễ cho Tổng Thống Diệm, người lập trường “Ngô Đình Khôi” tại Phan Thiết, thủ lãnh chống cộng của Khu Tư sau 1945, Đặc Sứ lưu động của Tổng Thống Diệm liên lạc các trại định cư của những người Nghệ Tĩnh Bình, cũng là tiền đồn chống cộng của giai đoạn 54...Và Cha Thanh cũng là lý thuyết gia của Phong Trào Nhân Vị ở Vĩnh Long trước đây, một Linh Mục thuộc Dòng Chúa Cứu Thế nổi tiếng về hùng biện và tinh thần chống cộng sản của người dân gốc Quảng Trị. Mục đích của phong trào thoát tiên rất chính đáng, vì đó cũng là cơ hội cuối cùng để miền Nam kiện toàn lực lượng đối lập trong thế tranh đấu đối với cộng sản lẫn phe Quốc Gia, hình thành một lực lượng hòa giải trong giai đoạn sắp tới khi Hiệp Định Ba Lê được thi hành theo từng chi tiết nhỏ. Thái độ và tinh thần chung của Cha Trần Hữu Thanh, chủ tịch phong trào là thái độ tích cực đấu tranh với tinh thần cấp tiến, thiết tha đến tương lai của miền Nam, một tương lai rất gần phải chung sống cùng người cộng sản. Phải nhìn nhận rằng Cha Thanh đã dựng lên một phong trào rất đứng đắn và cấp thiết, miền Nam sở dĩ tụt tệ quá mức như hiện nay với nạn lạm phát đứng nhì của thế giới (sau Chí Lợi) chính là do tác dụng phá hoại tích cực của tham nhũng. Tham nhũng không chỉ có trong một vài động tác đầu cơ, hối lộ của giới chức chỉ huy hành chánh cao cấp, nhưng tham nhũng là một đặc thù của sinh hoạt miền Nam, tham nhũng bao trùm lên tất cả mọi dịch vụ giữa nhà cầm quyền và dân chúng, giữa những cán bộ hành chánh, quân sự với đám thừa hành, giữa giới chức lãnh đạo và toàn thể mọi đối tượng tiếp xúc. Thật là bỉ ổi và ghê tởm khi bên cạnh cảnh đe dọa của cuộc chiến (chưa hề dứt) với đám dân chúng lầm than tan tác, có những sự kiện tham nhũng bỉ ổi tàn nhẫn như vụ buôn lậu có xe còi hộ dẫn đầu bị bắt ở Long An, những dịch vụ buôn gạo, xăng cho cộng sản được điều động bởi những Tỉnh Trưởng, Sư Đoàn Trưởng với giao kèo, chia chác đến lạnh người. Khi

một chức Trưởng Ty Cảnh Sát Quận 5 ở Chợ Lớn được “mua” với giá trên một trăm triệu thì “tính tham nhũng” của chế độ đó đã đi đến mức siêu đẳng tột tể. Cha Thanh đã dựng lên một phong trào sinh tử vì không thể nào sống với người cộng sản (sẽ nói rõ lại tính chất của những người này sau) khi còn tập đoàn lãnh đạo ung thối khiếp đảm như thế, cộng thêm cơ cấu dân cử gồm đa số dân biểu tay ngang, khí phách và khả năng tại nghị trường chỉ là thái độ quy lụy khiếp sợ người cầm quyền hành pháp. Phong trào đã lên thật mạnh và đáp ứng được nỗi mơ ước đau đớn của toàn khối dân chúng đang lặn xuống cuối dốc đối khổ. Nhưng phong trào đã không phải chỉ ngừng ở phạm vi chống tham nhũng thuần túy như danh xưng, cũng trái ngược luôn với lời của Linh Mục Thanh nói ở Xóm Mới hôm 6 tháng 10... “Chúng tôi không đòi lật đổ Tổng Thống Thiệu, ông Thiệu muốn ngồi thêm năm, mười năm nữa cũng được, nhưng cần nhất là ông Thiệu phải quyết liệt bỏ tham nhũng vì ba, bốn tháng nữa là việt cộng vào đây ở với chúng ta, mà với tình trạng tham nhũng thối nát thế này thì chúng ta “lúa rồi”...Lời nói của Cha Thanh, hướng đi của phong trào, mục tiêu của phong trào lần lần có những xa cách, nếu không nói là trái ngược nhau. Mà sau hơn một tháng bùng nổ, phong trào đã đi đến điểm cao “vận động trưng cầu dân ý về việc bắt tin nhiệm Tổng Thống Thiệu hay không...”. Mục tiêu chót đã không dấu điểm. Để chuẩn bị thế hòa giải sống chung với người cộng sản. Tôi dừng lại ở đây để trở lại vấn đề ban đầu: Có thể hòa giải hay không cùng người cộng sản Việt Nam.

Phải, không thể nghi ngờ thiện chí và lòng tha thiết muốn hướng dẫn dân chúng vào một phong trào sinh tử để chuẩn bị thế nhân dân tranh đấu với đối phương, một kẻ quỷ quyệt tinh vi, vô cùng thâm độc trong việc khuynh đảo, gây hỗn loạn, cướp chính quyền. Nhưng hướng tấn công chính của phong trào (Tổng Thống Thiệu) cùng mục tiêu tối hậu (Hòa giải cùng người cộng sản) đã gây trong tôi những công phá mạnh mẽ bởi mỗi phát hiện nghi ngờ: Phong trào hay nhóm Linh Mục lãnh đạo hay cụ thể hơn là Cha Thanh chỉ là những lực lượng dọn đường để sống chung cùng người cộng sản. Tiến trình được điều động bởi một áp lực tinh vi ghê gớm. Sức công phá gây đến nỗi náo nức khi theo dõi các cuộc biểu tình (to lớn và quan trọng nhất), như cuộc biểu tình ngày 10.10.74 tại Sài Gòn. Nhìn thấy tận mắt một lớp đào kép cũ diễn trò vui trên đau đớn và hy vọng cuối cùng của nhân dân. Phong trào phải chăng đã sử dụng nhân dân như là một con ngựa chiến để đi đến đấu trường. Cảm giác náo nức cũng không phải vì thấy phong trào chuẩn bị cho “thế đứng chung với người cộng sản”. Người lãnh đạo quần chúng hơn ai hết có trách nhiệm hướng dẫn, báo động, chuẩn bị cho nhân dân những tình huống mới, hướng gì những tình huống khắt khe bắt buộc sẽ phải xảy đến. Nhưng là cảm giác gây nên bởi tinh thần gọi là cấp tiến “Có thể sống chung được cùng người cộng sản” của những người đã có kinh nghiệm máu với cộng sản. Tôi khai triển tiếp vấn đề này.

Trong cuộc viếng thăm Á Châu của Đức Giáo Hoàng Paul VI, lần viếng thăm Á Châu đầu tiên của một vị Giáo Hoàng Hội Thánh Công Giáo La Mã. Hội Thánh có một quá trình chống cộng tích cực, hữu hiệu nhất. Đức Thánh Cha đã không ghé thăm Đài Loan và Việt Nam nơi có tập thể giáo dân đông đảo với một hoàn cảnh bi thiết, nơi đất nước bị tàn phá khốc liệt bởi chiến tranh. Một xung đột hệ quả từ những tư tưởng chính trị đối nghịch Tây phương, trong đó Giáo Hội La Mã mặc nhiên có ảnh hưởng lớn. Ngài không vào hai nơi này để chứng tỏ tinh thần mới của Giáo Hội, khai phóng từ đời cổ Giáo Hoàng Gioan XXIII, sau Công Đồng Vaticano II, Công Đồng mở màn cho kỷ nguyên tiến bộ canh tân và hòa giải. Người cộng sản là một trong những đối tượng lớn của cuộc hòa giải vĩ đại này. Vì “chỉ sau hơn năm mươi năm, chế độ cộng sản đã chi phối và tác động lên trên 1500 triệu của toàn cầu, trong khi đó Giáo Hội Công Giáo sau gần 2000 năm truyền đạo cũng chỉ mới có 613 triệu

tín đồ” (Báo Đối Diện). Thế nên vấn đề hòa giải với người cộng sản không chỉ trong phạm vi Thần Học, Triết Học mà còn là một hướng chính trị chiến lược lớn của Giáo Hội. Dưới ảnh hưởng bởi ý hướng mới này nhóm Linh Mục trẻ cấp tiến, xuất phát từ các Đại Học Âu Tây muốn đẩy mạnh cường độ hiện thực hơn với môi trường “chiến tranh Việt Nam”, trong đó kẻ thù gồm ghê nhất không phải là cộng sản mà là Thực Dân, Đế quốc Mỹ cùng chính quyền tay sai, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, một lực lượng phản động, một nguy quyền làm cục đá chặn đường, vật ngăn cản không để những người cấp tiến khuynh tả có cơ hội “đối diện, hòa giải” cùng người anh em cộng sản trong tinh thần dân tộc!! Thái độ này không lạ, đó là ý hướng được khai triển từ lâu với J.P. Sartre, Bertrand Russell những người “lạm” nặng bởi mặc cảm trí thức bất lực, bất lực để tham dự cùng đời sống, bất lực để giải thích đời sống. Mặc cảm nhỏ bé, có tội trước cộng sản, vô dụng đối với Tư Bản. Những sản phẩm chính cống của hệ thống triết học Tây Phương. Mà họ chính là những người mang vác công kênh mệt mỏi trên vai cùng với tất cả nỗi vô ích canh cánh đè nặng tinh thần. Thế nên, tôi không nói nhiều đến nhóm Linh Mục trên trong bài viết này vì hiểu rằng đây là thái độ độc nhất của họ.

Họ không thể thỏa hiệp được với khối siêu quyền lực đã chi phối, nuôi dưỡng và xây dựng lên họ, vì kiến thức, mặc cảm và vị thế cao quý đầy đặc quyền mà họ thụ hưởng được cũng là hệ quả của một xã hội tư bản thoái hóa. Trở lại với nhóm Linh Mục hữu khuynh, những người có số tuổi trên dưới năm mươi, có những kinh nghiệm cụ thể sống chết với người cộng sản. Bỗng nhiên trong một sớm một chiều. Họ xoay một vòng lớn và: “Xét về vấn đề Tổ Quốc thì chúng ta phải thực tâm mà thú nhận rằng phía Bắc Việt họ đã chiến đấu vì Tổ Quốc mà chúng ta chiến đấu vì đô-la, vì địa vị...”. Linh Mục Khai (Đối Diện 21) nên tóm lại:

- Thứ nhất: Đừng quá sợ sệt, trốn chạy và thù ghét cộng sản như lâu nay.
- Thứ hai: Người Công Giáo phải là một chiến sĩ Hòa Bình, nhưng luôn “đề cao cảnh giác...”
- Thứ ba: Phải biết đối thoại (với người cộng sản) trên căn bản tự do, công lý, chân lý.
- Thứ tư: Phải xây dựng một Đức Tin sáng suốt để có đủ điều kiện sống chung với cộng sản (nếu cần) và thu phục được họ.
- Thứ năm: Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối Giáo Hội để có thể “không còn cần thắng cộng sản bằng B52 của Mỹ...”

Những điều của Linh Mục Khai viết trong tháng 2.71 bây giờ đang được phong trào quảng diễn lại ở Xóm Mới, Chí Hòa, Hố Môn và hiện thực hơn bằng cách yêu cầu Tổng Thống Thiệu từ chức để phong trào đẩy mạnh thể nhân dân vào cuộc chiến đấu tranh với người cộng sản trong tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Những điều của Cha Khai nói gây trong lòng tôi nhiều xao động và nảy sinh ra nhiều câu hỏi. Hỏi để trước tiên giải thích cho hành động của chính mình và sau đến tìm hiểu công việc, tinh thần của người khác. Những vấn đề cụ thể với những câu hỏi như sau đây:

- Chúng ta có thể hòa giải cùng người cộng sản Việt Nam không ? Tôi trả lời dứt khoát: Không được. Để giải thích khẳng định này, tôi lần lượt đi qua từng yếu tố. Trước tiên, chúng tôi những người trẻ, trên dưới ba mươi tuổi không hề có một mặc cảm, một nỗi trạo (chữ của Cha Khai) nặng nề đối với người cộng sản: “Nghĩa là chúng tôi không có thiên kiến sợ, chạy trốn, thù hận, đánh đuổi, tiêu diệt đến cùng người cộng sản. Cộng sản đối với chúng tôi trên lý thuyết là một hệ thống tư tưởng có tính “thực dụng” để giải thích và điều động xã hội theo ý niệm công bằng và hợp lý. Chúng tôi không “hữu thần” quá độ đến nỗi sợ hãi cộng sản khổng chế tiêu hủy Thượng Đế hay tôn giáo của mình. Chúng tôi không đến nỗi “nổi loạn, vô chính phủ”

nên sợ hãi chống đối với một cơ cấu quyền lực chính trị tổ chức chặt chẽ với những định chế khắc khe. Trên phương diện tư tưởng chúng tôi có quan niệm cộng sản trước hay sau cũng chỉ là hệ thống tư tưởng với khuynh hướng tiến bộ xã hội có thể áp dụng cho một vài nơi, một vài hoàn cảnh xã hội nào đó để hình thành một tình trạng bình đẳng tương đối, chỉ là những tương đối so với những bất công trầm trọng của chế độ chính trị trước đó...” Riêng tại quê hương Việt Nam, nơi đã có một tinh thần tổng hợp tuyệt vời Nho- Phật-Lão thấm sâu vào mạch sống dân tộc, tạo nên một sức mạnh dẻo dai, bền bỉ đối kháng với mọi công phá, từ ngoài như ngoại xâm, từ trong như tầng lớp lãnh đạo suy đồi, để luôn tồn tại vững chắc thắm lạng. Thực dân Pháp đến và cũng đi sau 100 năm, thực dân mới kiểu Mỹ đến và cũng ra đi và chắc chắn cũng sẽ bị tiêu vong ảnh hưởng. Tóm lại chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi một thần quyền hay một thể quyền nên chống lại người cộng sản. Trên bình diện tư tưởng, chúng tôi chỉ vì không chịu được tư tưởng độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của người cộng sản. Với cơ cấu làng, xã của dân tộc Việt, với tinh thần tổng hợp Tam Giáo, với cốt tủy “Nhân Chủ và Dân Chủ” của người Việt, chúng tôi không thể chấp nhận chiếc mũ cộng sản độc tôn phát sinh từ trời Tây. Cũng chỉ là một sản phẩm của Âu Tây tư bản.

Chúng tôi cũng không chống cộng vì “khủng cộng” (chữ của Cha Khai), vì sợ hãi, tề liệt trước người cộng sản. Mười năm chiến tranh (63-73) nặng nhất của hai ý hệ, chúng tôi là tầng lớp gánh chịu đau đớn nhất và cụ thể nhất. Chúng tôi cũng không như Cha Khai, Cha Quỳnh, Cha Nguyễn Lạc Hóa phải nhờ Tây giết cộng (Lễ tất niên chúng tôi xài súng của Mỹ cũng như người cộng sản dùng súng AK) mà đã chiến đấu bằng chính đời sống mình, còng lưng xuống mang một chiếc ba-lô, tay cầm súng, tay cầm thêm thùng đạn bấm đôi chân trên rừng núi bạt ngàn của miền Nam để đánh cộng sản. Trong mười năm dài và chắc sẽ còn tiếp tục nếu cộng sản nhất định đi bước chót của “di chúc Hồ Chủ tịch...”

Cũng thật là xấu hổ và vô liêm sỉ khi bảo rằng chúng tôi chiến đấu vì quyền lợi. Quyền lợi nào ở đồng lương chỉ sống đủ nửa tháng, dăm bộ quần áo lính chỉ để mặc đủ trong chuỗi ngày dài của thời gian mười năm chiến trận. Chúng tôi cũng chưa hề được đãi ngộ (tinh thần và vật chất) như ngang với đám chiến sĩ, cán bộ của đối phương, huống gì bảo rằng chúng tôi có những “quyền lợi” để có thể trở thành đối tượng của phong trào chống tham nhũng. Đành rằng trong nhà binh (và cũng là một môi trường chính) tham nhũng hoành hành và tác hại gớm ghiếc. Nhưng thiếu số thụ hưởng đó quá nhỏ bé so với tập thể bao la những người chỉ mơ ước được một giấc ngủ ngắn và bữa cơm không pha mùi thuốc súng cùng máu nóng... Và quả tình thật đốn mạt và hèn hạ khi gọi chúng tôi là: “Những kẻ hiếu chiến trong cuộc chiến tranh này. Những tên điều hâu thực thụ. Thứ nhiên liệu tinh hảo và rẻ mạt ném vào lò đúc kim cương. Những kẻ đánh thuê, và khi đã là lính đánh thuê bao giờ cũng được trả một giá cao vì ý thức rõ bản chất của điều họ muốn và điều họ làm...” Nguyễn Tử Lộc báo Đối Diện số 20. Ai thuê và với giá nào ? Phải chăng là người Mỹ với giá tiền lương một sĩ quan cấp Úy chưa đủ tiền mua gạo cho gia đình ?! Đừng nói như trên vì nói thế là vô ân, là kẻ ngụ trí thức, là kẻ bạo dân liêm sỉ. Hắn ta chỉ có thể viết như thế vì đang ở trong một thành phố của miền Nam. Miền đất bảo vệ bởi chính máu của chúng tôi.

Đã giải thích rõ các yếu tố về mình, coi như đã soi sáng một phần câu hỏi: Có thể hòa giải với người cộng sản Việt Nam được không ? Chúng tôi cần khẳng định lại, vì ngay ở xưng danh, trong khi chúng tôi gọi họ là những người cộng sản Việt Nam, những người Việt theo chủ nghĩa cộng sản, trái lại họ gọi chúng tôi là “Ngụy quân”. Họ dành riêng do mình quyền và bổn phận phải làm “Cách mạng, dân tộc, giải phóng miền Nam...”. Chỉ có họ mới là người Việt Nam yêu nước, người Hà Nội,

Thanh Hóa, ở các xã giải phóng mới là nhân dân yêu nước, tiến bộ, yêu hòa bình còn nhân dân ở An Lộc, Quảng Trị, ở Tân Mai (Biên Hòa), ở Cai Lậy, Song Phú là nhân dân “Ngụy” không được quyền sống mà cần phải giết bỏ và tiêu hủy.

Không thể hòa giải cùng người cộng sản Việt Nam cũng bởi vì họ là người cộng sản Việt Nam mà không là cộng sản Đức, Ý, Nhật, Pháp. Cho dù là cộng sản Nga. Tổng bí thư đảng như Khrouchev, Brezhnev cũng chỉ là những giới chức hành chánh cao cấp hành nghề chỉ huy tương tự như Thủ Tướng W. Brand, Tổng Thống Kennedy, cộng sản ở Nga chỉ là một chính sách, một đường lối để canh tân và hiện đại hóa một nước với lãnh thổ quá mênh mông, sắc dân đa tạp. Và có là Trung Hoa Đỏ đi nữa Mao Trạch Đông vẫn là tổng hợp của Tần Thủy Hoàng, Khổng Tử và một chút của Staline. Nhưng cộng sản Việt Nam là một tổng hợp tuyệt hảo của niềm tin cách mạng vô sản, của giải phóng dân tộc, là khối kim cương của tất thắng, là toàn hảo tận thiện, mỹ không kể nút. Năm 1930 ở Hoa Lục Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch vẫn chỉ là hai người Trung Quốc yêu nước có đường lối cải cách xã hội, chỉ huy quốc gia khác nhau, nhưng “hòa giải” trong một thể Quốc-Cộng chặt chẽ. Năm 1930 Chủ Tịch Staline trong chiến tuyến chống phát-xít vẫn luôn muốn bắt tay với người bạn Mỹ tốt đẹp. Thế nhưng năm 1930 ở Việt Nam đã có Sô Viết Nghệ-Tĩnh, Sô Viết Quảng Ngãi, cộng sản không chỉ đánh Tây cứu nước nhưng còn chặt đầu Công Giáo ở Trà Kiệu, Thăng Bình (Tam Kỳ, Quảng Tín bây giờ, Quảng Nam lúc đó), nửa đêm đốt đuốc diệt Đại Việt ở Quảng Ngãi, phục kích Phục Quốc Quân Việt Nam ở Tàu về v.v... Cộng sản Việt Nam đã tạo dựng truyền thống tin truyền cho chủ nghĩa từ thuở phôi thai, từ ngày nhập cuộc. Một Thủ Đô văn hóa dài lâu như Hà Nội đã bị đánh vỡ hằn yếu tính thanh nhã cao quý của một chốn xưa đậm thắm, hóa thân thành một thành phố lạnh lùng quái dị, bị vô tính hóa đến độ tàn nhẫn phi nhân, tràn ngập đầy đường phố, trong trụ sở, nơi nhà giam một đám cán bộ nghiêm nghị, cẩn mật với tiếng nói âm thanh vùng Nghệ Tĩnh. Tôi không thấy, không nghe được hình ảnh, tiếng lời trong sáng dịu dàng của những người Hà Nội như trong ý niệm, trong trí tưởng. Ở Hà Nội tôi chỉ gặp được một số cán bộ gốc Nghệ Tĩnh Bình nếu không cũng là Bình Trị Thiên hay Nam Tín Ngãi. Và ở địa điểm trao trả Bạc Liêu, Rạch Giá trong ruộng đồng trái tim miền Nam những người kháng chiến Nam bộ hào hùng đánh Tây thuở trước cũng hoàn toàn vắng bóng. Cụ thể hơn hết, hai năm ở bàn hội nghị, Hoàng anh Tuấn, Võ đông Giang, Bùi Thiệp, Trần văn Vầy cũng chỉ là những người cộng sản Khu V (Nam-Ngãi-Bình-Phú: Liên khu V của cộng sản từ thời 1945). Phải chăng đây là những người từ đầu của mặt trận ở những năm 59, 60 khi mới thành lập hay là đào kép chính xuất hiện diễn màn cuối khi những người như Năm quốc đảng, Hai Chủ Tịch xe ngựa, Tư Thắng những người cộng sản kháng chiến miền Nam đã lót đường dưới bom đạn của chiến tranh hoặc vào quên lãng. Vậy hòa giải sao được với những người cộng sản nay khi trí não họ chỉ có một ý niệm, khi ngôn ngữ chỉ có một lý luận, khi hành động đã là một động tác phản xạ có điều kiện. Họ có muốn ta hòa giải cùng họ không ? Chắc chắn là không. Vậy ta hòa giải với ai và như thế nào ?? Tôi xin trao lại phần trả lời cho những người hòa giải. Nói thêm một điều: Nếu người cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật đoản kỳ nào đó, chắc chắn rằng họ cũng không ngồi chung chiếu với “lãnh tụ” Dương văn Minh, Vũ văn Mẫu chứ đừng nói đám đào kép cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam.

Qua phần câu hỏi thứ hai, tôi muốn trình bày một tâm trạng náo nức khi thấy các Linh Mục hữu khuynh đổi thái độ... “Phải đánh thắng quỷ lớn trước, đánh thắng quỷ nhỏ sau”, lời Cha Thanh. Thắng quỷ lớn là tham nhũng, là chính phủ của Tổng Thống Thiệu, là người Mỹ với chính sách thực dân kiểu mới. Tùy theo mỗi cách đặt vấn đề trên mục đích của mỗi phe nhóm và thắng quỷ nhỏ là cộng sản. Một thắng

“quỉ nhỏ” sẵn sàng đối thoại, có thể đối thoại và nên đối thoại! Tại sao như vậy được ? Ông Thiệu và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa hiện tại đâu có phải một sớm một chiều bỗng dưng mà có. Chiến tranh hiện tại cũng không phải vì “không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định Ba Lê” cũng không phải vì “Người Mỹ vẫn còn dính líu vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chính sách Thực Dân Mới” mà có. Ông Thiệu, ông Khiêm, tình trạng tham nhũng bất công thối nát, chiến tranh hôm nay chỉ là hệ quả tất nhiên của các giai đoạn 45-54, 54-63, 63-73. Là hệ quả của các lực lượng Quốc Gia không chịu tập trung và hoạch định hoạt động theo đúng hướng đi chung của lịch sử, dân tộc và thế giới, cũng như sau khi các lực lượng tôn giáo nhất quyết tựa vào phe cầm quyền để củng cố và phát triển giáo quyền (che dấu mặc cảm đã cộng tác với những người khổng lồ chế dân tộc). Đó cũng là hệ quả của lần “sẩy tay” trầm trọng nhất khi miền Nam đánh mất cơ hội tốt đẹp, một hoàn cảnh thuận tiện (54-63) kiện toàn miền Nam, để có đủ khả năng và lực lượng cân bằng, hiệp thương cùng miền Bắc. Để rồi sau đó lại mất luôn khí thế cùng thời gian sau năm 1963 trong những sa đọa giành giật, cầu xé và phân hóa thô thiển vì quyền lợi cá nhân, rơi vào hố thảm bại cả một phong trào nhân dân năm 1966. Và tình hình hiện tại với ông Thiệu chỉ là ngọn cuối của một cơn cuồng phong thổi tàn khốc qua quê hương khốn khổ. Có ai ngăn chặn một luồng gió ở cuối đường để phòng một cơn bão ? Có ai chặt đi một ngọn cây để hủy diệt những hư thối từ gốc rễ ?! Cha Thanh, Cha Hoàng Quỳnh, Cha Nguyễn Viết Khai chắc không thể bảo rằng đã vắng mặt ở các giai đoạn kể trên. Các Cha đã đứng vào đâu trong đoạn thời gian đằng đẵng hiem nghèo đó ? Đã làm gì và làm được gì ? Phải chăng các Cha đã tựa vào thế của Tổng Thống Diệm, đã dựa vào thế của Chủ Tịch Hành Pháp Nguyễn cao Kỳ và gần đây, chắc cũng hơn một lần các Cha thỏa hiệp với ông Thiệu. Và các Cha đã làm gì được cho nhân dân qua những thỏa hiệp quyền lực đó ? Năm 1974, phải chăng các thế lực đó không còn là nơi nương tựa chắc chắn nên các Cha phá bỏ. Thủ đoạn chính trị cho phép làm mọi chuyện nhưng nỗi khổ cùng của nhân dân không cho phép bất kỳ ai đem hy vọng cuối cùng của họ vào một cuộc trả giá.

Giả sử rằng trong giai đoạn sau 1954, các ông Dương văn Minh, Vũ văn Mẫu dùng khả năng và ý thức trọng trách của mình (như bây giờ đang khai triển) đối với Quốc Gia và nhân dân, đặt vấn đề thắng bại cùng ông Diệm để có Tổng Thống Diệm hữu hiệu hóa guồng máy chính quyền, quân đội, kiện toàn cơ cấu lãnh đạo Quốc Gia, chấp nhận đối thoại với cộng sản. Giả sử, Cha Thanh, Cha Khai gần gũi, thường xuyên với Đức Cha Thục, Tổng Thống Diệm, dùng uy tín và thành tâm của mình để ngăn chặn những sai lầm chủ quan của ông Diệm và nhất là dùng “Đức tin vào Chúa để sẵn sàng đối thoại với người anh em không tín ngưỡng...” và “Để không những yêu mến thân nhân và hãy ghét thù địch mà phải mến yêu thù địch và khẩn cầu cho những người bất bớ anh em... (MT 5, 53, 45). Giả sử rằng các ông Nguyễn văn Trung, Nguyễn ngọc Lan, Chân Tín đừng di cư vô Nam tiếp tục ở cùng người cộng sản Hà Nội để sau khi đi Pháp học (Do sự điều động của Giáo Hội, của học bổng chính phủ Pháp thì phải chăng cũng là một “nhánh” của tư bản...), trở về Bắc đòi hỏi “Canh Tân và Hòa Giải”, và nhận định ngay từ giai đoạn đó (giai đoạn sau 54): “Từ một thế kỷ nay Giáo Hội đã thông qua chế độ tư bản...ít phù hợp với luân lý các Tiên Tri và Tin Mừng...” Báo Đối Diện

Nhưng, tất cả chỉ là giả thuyết vì mọi người đã ulla vào miền Nam để “Tìm Tự Do”, đã dựng nên một mặt trận chống cộng khốc liệt và dứt khoát, đã đẩy nhân dân vào trong hai thế đối nghịch sống chết và đẩy đưa đất nước dần vào cuộc chiến tan vỡ. Cuối cùng, đoạn cuối này chúng tôi gánh hết, không quyền ta thán, không ý kiến, không phần nộ trong mười năm dài. Mười năm ê chề của màn kịch “chống cộng” nửa vời, mười năm đau đớn của hệ luận “Tìm Tự Do” nơi miền Nam. Chiến tranh

toàn diện là “cái đuôi” của “cách mạng 63”, của vận động hòa bình 64-66, mà tất cả đã trôi đi như một thứ bèo tan tác trong đại dương cuồng nộ bi thảm. Tất cả cũng chỉ là giả thuyết và đôi khi cũng là những phản đề thô bạo đáng kinh ngạc, vì đã có những tố cáo trong quá khứ: “Đến nổi Linh Mục Trần Hữu Thanh còn dùng cả thần học lý luận” (?) để biện minh loanh quanh cho việc tra tấn (của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa) trên các báo Công Giáo như *Sacredo*, *Thăng Tiến*, *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp*. Lý chánh Trung, Đối Diện số 19... Như vậy có nghĩa lý gì ? Các người đã bày nên canh bạc máu, tham dự chán chê xong đứng dậy phủ tay. Ông Thiệu đâu có xa lạ với các vị trong cuộc chơi tàn bạo đau đớn đó. Bây giờ phải chăng các người bày trò chơi mới với một số đào kép khán giả mỗi mồn.

Cuối cùng, chỉ là chúng tôi, những người chống cộng cuối cùng và cay đắng, chống cộng vì không thể là cộng sản, vì đã ở một phía đối địch với cộng sản lập nên từ những đám tiền bối cực đoan bất lực, một đám đàn anh xoay rất lẹ và nhạy cảm đến độ phi nhân. Hai mươi năm của cuộc đấu tranh chống cộng đến đây phải tạm dừng sao ? Tôi lật đồng ảnh của ngày xưa... Trên bãi bể Trà Lý, đoàn người tan vỡ xao xác, mắt lác thần và môi tái xanh vì giá rét đứng ngâm mình trong nước đón tàu đi Nam. Trên đại dương mệnh mông của vùng biển Bắc phần, chiếc mảng nhỏ gồm những thân cây tre ghép lại, nhóm dân áo đen rách gồm cả đàn bà và con trẻ ra sức chèo trong đêm về hướng đông, hướng mặt trời đợi ngày tới gặp được đoàn tàu đi Nam. Đi về Nam. Tìm Tự Do. Tất cả là thực tế hiển hiện đầy nhiệm màu cao quý. Tôi đã đi đúng đường cùng lớp người rực rỡ cao cả của ngày xưa đó. Tôi đã đi đúng đường và viết những giòng chữ xứng đáng để ca ngợi Tự Do.

Miền Nam Việt Nam, Tháng 10.1974

NHỮNG LỜI KẾT

NHỮNG TÙ BINH TOÀN THỂ BỎ QUÊN. MỘT HÒA BÌNH THẬM TỆ DỐI GẠT

CUỐN SÁCH CẦN PHẢI VIẾT LẠI

Phan Nhật Nam tên thật Phan Ngọc Khuê, sinh ngày 9 tháng 9, năm 1943, chánh quán Thôn Nại Cửu, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị. Do một lý do (thật chưa biết rõ), cha mẹ đổi nên Phan Nhật Nam với ngày sinh mới, 28 tháng 12, 1942, làng Phú Cát, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên. Vốn lính tác chiến Nhảy Dù (Ấm số chuyên môn 240.7. Chỉ huy một đơn vị bộ binh), kể từ ngày mãn khóa Trường Võ Bị Đà Lạt, 23 tháng 11.1963, qua các Tiểu Đoàn 7, 9, 2, Lữ Đoàn II Nhảy Dù. Thế nên, mãi đến mùa Xuân 1968 cũng không hề chuẩn bị, sắp sẵn cho việc viết văn. Dấu hiệu tài năng thiên phú lại là điều không khả thể, cho dù với tỷ lệ nhỏ nhất. Trong chức vụ sĩ quan hành quân Lữ Đoàn với lệnh hành quân, máy truyền tin, điều động phối hợp, theo dõi bốn Tiểu Đoàn bộ chiến Nhảy Dù, hai Tiểu Đoàn Pháo cơ hữu, một Tiểu Đoàn pháo diện địa, hai Liên Đội Địa Phương Quân, một Giang Đoàn Xung Phong tăng cường... Công việc đúng nghĩa 24/24 giờ của một ngày. Một tháng đúng ba mươi ngày bắt đầu kể từ ngày vào vùng hành quân. Không một chút ngơi nghỉ, bởi một điều giản dị. Lực lượng cộng sản không hề có dấu hiệu chấm dứt tổng công kích kể từ đêm giao thừa Tết Mậu Thân. Sẵn giấy bút, đêm khuya không hết, và người bạn thời niên thiếu (Đã là nhà văn Nguyễn Vũ) đang luôn ngồi bên cạnh làm sĩ quan liên lạc pháo binh thúc dục... Định Mạng của một Nghiệp Vận kỳ lạ mở ra. Người Lính Cầm Bút cùng lặn với Vũ Khí. Và viết đã trở nên một nhu cầu. Viết mở ra một thế sống mới, một cứu viện sinh tử. Không có không được. Bởi cơn đau với dấu ấn binh lửa không phải chỉ cảnh nhà cháy, súng nổ, đạn bom rơi vãi... Điều kinh khiếp vô phương cứu nạn của chiến tranh lần hiện rõ. Thật lần tận diệt Con Người. Người Việt Nam hoàn toàn bị coi khinh, đầy ải ngay chính trên Quê Hương mình. Và Chiến Tranh không hề có dấu hiệu, khả năng chấm dứt. Cũng như tính tất

yếu (được Lựa Chọn) của Tự Do. Người Việt chỉ có quyền đứng về phía của Chiến Tranh.

Từ trong tình cảnh khốn cùng khắc nghiệt kia: Dấu Binh Lửa, Dọc Đường Số I, Mùa Hè Đỏ Lửa, phải viết nên cho buổi Sống Thật và Chết Oan Khiên. Không phải của một cá nhân đơn lẻ mà toàn Dân Tộc Nghiệp Hận...Kẻ Bắc-Người Nam, trong binh ngũ, với dân lạc loài...Tất cả cùng chung mang dấu lửa, càng ngày càng đậm sắc, xuyên sâu. Và dấu rằng đằng sau cái chết, vẫn sừng sững nổi oán hờn thiên thu của dòng sống oan nghiệt thật đã hình thành từ rất lâu. Tận đáy vực không phương thể trốn thoát ấy, tiểu thuyết của: Dừa Lưng Nổi Chết, Ải Trần Gian, cũng chung một cảnh sắc bi thiết. Đất nước thật nơi tan vỡ với Sự Chết Thường Hằng.

Ngày 27 tháng 1.1973, Hiệp Định Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam được ký kết. Bởi cơn đau không sút giảm, cuộc chiến chỉ thoáng đổi thay cường độ, không phải để kết thúc. Người viết đã nên quả quyết. Hòa Bình là trạng thái không Thật và bản văn Hiệp Định chỉ hoàn tất chuyện dối lừa.

Tính Thiện và Tâm Thành đưa Người Lính Viết Văn bước cao hơn, vượt quá mưu toan biến lộn của chính trị TÙ BINH VÀ HÒA BÌNH vì thế PHẢI ĐƯỢC VIẾT.

Ngày 28 tháng 1, toàn thể giới tung dây ngũ sắc, rót rượu uống mừng Hòa Bình. Ở Việt Nam, người viết với tâm cảnh bi thương trên quê hương khổ nạn đã cất lời cảnh cáo: “Kẻ lãnh giải thưởng Nobel huân công Hòa Bình kia là một lũ bọm bãi sát nhân...”. Thế giới, loài người, kể cả ở Sài Gòn...Nào mấy được ai nghe!!

Có ai nghe tiếng kêu trầm thống của người tù mặt trận Hạ Lào nơi thung lũng Việt Hồng, xã Việt Cường, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Hoàng Liên Sơn...Những Đại Tá Nguyễn Văn Thọ, Lữ Đoàn Trưởng, Trung Tá Trần Văn Châu, Thiếu Tá Đức, các Đại Úy Châu, Thương, Trụ của Lữ Đoàn III Dù, Thiếu Tá Trần Ngọc Huế của Sư Đoàn I Bộ Binh và hàng trăm người của những Toán Biệt Kích mang bí danh: Bear, Cat, Lance, Red Dragon, Remus... Những Biệt Kích Quân bị bắt từ những năm đầu của thập niên 60, Nguyễn Huy Luyện, Hà Sơn, Nguyễn Công Thành...ở “Cổng Trời” Quyết Tiến, Hà Giang, biên giới Việt-Trung, chịu đựng suốt hai, ba mươi năm (60, 70, 80...) cách đối xử tàn nhẫn đã vượt hẳn kỷ lục và kỹ thuật giết người của Đám Đùn-Lý Bá Sơ, thuở cộng sản còn trong giai đoạn “chuẩn bị cho tổng tấn công sau 1950”. Danh sách trao trả do phía cộng sản chuyển đến phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại Ba Lê không có tên những người tù kể trên. Phía cộng sản nhận đủ 26.508 người không một sai sót. Trại giam tù quân sự Phú Quốc hoàn toàn giải thể và ba Tiểu Đoàn Quân Cảnh (coi giữ tù) biến cải thành bộ binh, đưa trở về đất liền.

Lê Đức Thọ, Nguyễn thị Bình ở Ba Lê, Trần văn Trà, Lê quang Hòa, Võ đồng Giang ở Tân Sơn Nhất, Xuân Thủy, Nguyễn duy Trinh ở Hà Nội đều đồng loạt trình trọng tuyên bố “Nếu có Quân Nhân phía Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở mặt trận Đường 9 Nam Lào thì (có thể) họ bị quân đội Pathet Lào bắt giữ ?!...”. Ở Hà Nội đồng thời cho phổ biến phim Người Khách Không Mời với nhân vật chính, Thiếu Tá Huế, sĩ quan cùng khóa, cùng Đại Đội với Phan Nhật Nam ở Trường Đà Lạt. Huế bị bắt ngay tại LZ, bãi đáp mục tiêu Tchépone, Hạ Lào đầu năm 1971.

Năm 1976, Người Lính Viết Văn Bị Tù gặp đủ chiến hữu của mình ở thung lũng Hoàng Liên Sơn. Ngày 21 tháng 2.1979 vào phòng kiên giam số 2, trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa, Phan Nhật Nam nghe từ buồng số 4 có tiếng hát “Bảo vệ làng thôn Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa...” giọng khàn đục mệt mỏi, Anh Nguyễn Công Thành bị kiên giam từ 1964. Năm anh bị bắt.

Cuối cùng, ba mươi năm sau, những Biệt Kích Quân còn lại, khoảng bảy mươi người của tổng số hơn bốn trăm bị cộng sản Bắc Việt giam giữ kể từ những toán đầu tiên: Atlas, Bart, Bear, Bell, Becassine, Bull...Tellus, Swan (Lưu ý bạn đọc, danh hiệu đã quá hai mươi bốn chữ cái) của giai đoạn 1961-1962 đến những người

c cuối cùng được ghi nhận, Mai Văn Tuấn bị bắt năm 1969, chết ngày 2 tháng Tám, 1970 tại Trại Phong Quang, Yên Bái, trở về Nam... Khi thiết lập hồ sơ H.O. những người lính trở về từ cõi chết này KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN LÀ QUÂN NHÂN THUỘC QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA. Cơ quan tuyển mộ, huấn luyện điều động họ TOÁN NGHIÊN CỨU VÀ QUAN SÁT/BỘ TƯ LỆNH YẾM TRỢ QUÂN SỰ (Military Assistance Command Studies and Observation Group. Viết tắt MACSOG hoặc SOG) từ đầu năm 1960-1961, sau này thuộc Bộ Quốc Phòng, nhận quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương (Kể từ biến cố 1963 tại Việt Nam mà các bộ phận kia trước đây có dính líu chặt chẽ với tổ chức, nhân sự của Đệ Nhất Cộng Hòa) Đổi qua Kế Hoạch mang bí danh Alpha 34, mà chính Bộ Trưởng McNamara cũng không hề trình đến Tổng Thống Mỹ sự kiện không hề được ai biết. Không một ai muốn nhắc lại. Lính Biệt Kích Việt Nam Cộng Hòa không được kể đến trong tiêu chuẩn, chính sách di dân của chính phủ Mỹ qua Chương Trình ODP. Một người Mỹ, Sedgwick "Wick" Tourison, trước 1975 là Nhân Viên Tình Báo Lục Quân Hoa Kỳ, sau này phụ trách công tác Nghiên Cứu thuộc Ủy Ban Tù Binh và Người Mất Tích/Phòng Tình Báo Bộ Quốc Phòng Mỹ (1983-1988) lật khối hồ sơ bi thảm về những người bị cả bạn lẫn thù đẩy vào bóng tối lãng quên và sự chết. Chiến hữu cao thượng này không tìm được phần mộ. Anh gióng lên lời báo nguy: Secret Army Secret War được thành hình. Thế nên, Người Viết Văn không thể im lặng. Người Lính không thể bỏ cuộc chiến đấu cùng đồng đội, lời tố cáo tội ác xảo quyệt cần phải được nhắc lại. Hơn hai mươi năm sau, Tù Binh và Hòa Bình vẫn còn nguyên giá trị về một lời báo động. Tù Biệt Kích Việt Nam Cộng Hòa vẫn thăm thẳm vũng tối dọa đầy nơi vùng đất có cái gọi là Hà Nội. "Niềm Tin Yêu và Hy Vọng. Thủ Đô của Phẩm Giá Con Người". Giáo Sư Đoàn viết Hoạt hôm hay lập lại tình cảnh của Đại Úy Biệt Kích Nguyễn Hữu Luyện ba mươi năm trước, ở Trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, cũng là nơi Phan Nhật Nam đã đến từ ngày 17 tháng 4.1986. Lúc ở đây không còn một ai là tù người Nam. Vàng, phải đến ba mươi năm để cốt giết một người. Những người tù miền Nam kia không được làm người biết đau đớn, họ là bọn "ngụy quân, ngụy quyền có nợ máu với nhân dân" nên con người vẫn tiếp tục bị đồ hình ở Quyết Tiến, Hà Giang, Phố Lu, Yên Bái, ở hệ thống Trại Thanh Cẩm, Thanh Phong, Lam Sơn (Thanh Hóa). Hoặc khắp cùng Vĩnh Phú, Hà Tây, Nghệ Tĩnh... Bao nhiêu đất bấy nhiêu trại tù. Không mấy người nghe đến. Loài người khó ai nhận ra điều đau đớn đơn giản trên, kể cả các vị lãnh đạo tôn giáo, cầm đầu các Quốc Gia, người tranh đấu cho nhân quyền, hòa bình thế giới. Chỉ mới kể một nửa nước, vùng phía Bắc Việt Nam.

CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI VIẾT LẠI.

Sự kiện về người tù dù sao vốn dĩ cũng là vấn đề với bản chất khép kín, che dấu, như thân phận tội nghiệp của họ. Thế nhưng, lại có những điều tồi tệ khác xảy ra dưới ánh sáng như những biểu hiện công khai và hợp lý. Cũng được xem như hình thái của xã hội văn minh và tiến bộ: Sinh hoạt chính trị và những con người đặc thù của nó. Những người luôn luôn kêu gọi, nài đến, trưng ra những danh xưng cao thượng Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ với những đối tượng mục tiêu có giá trị tuyệt đối. Tổ Quốc, Dân Tộc. Tiến trình mang tính "Chính Danh, Chính Nghĩa" này qua Hiệp Định đối trá ngang ngược kia cũng bị lộ hẳn toàn thể xấu xa sa đọa với những người gọi là: Chủ Tịch, Tổng Thống, Trưởng Đoàn đại biểu, những ủy viên trung ương, hàng loạt đủ các thứ loại chính khách, chính trị gia... Kể cả những kẻ gọi chung danh nghĩa "đấu tranh cách mạng"... Tất cả đã bày ra trước mắt nhân dân và lịch sử nguyên hình đám múa rối vô duyên và cực kỳ xuẩn động. Những kẻ dụng bạc giả để mưu định buôn bán sinh mạng Quốc Gia, đánh lừa hy vọng của toàn khối miền Nam.

Cuối cùng, Dân Tộc Việt đồng bị xiên ngược trên giàn lửa bởi chính những người đồng chủng được ngụy danh nên thành "Người cộng sản Việt Nam". Chung bàn tiệc máu kia còn xuất hiện vô số những người rất mực hân hoan và kiêu hãnh, họ lạc quan và chủ quan một cách bất bình thường rất đổi kinh ngạc. Những kẻ được gọi là thành phần tiên bộ, ưu tú của miền Nam.

...Ngày 24 tháng 7.1973, tại địa điểm trao trả Lộc Ninh, những người tuổi trẻ như Võ như Lanh, Trịnh đình Ban, Cao quế Hương, Trần thị Lan, Trần thị Huệ...Ngồi dưới gốc cây cao su vỗ tay hát lời ca hàm xúc..."Nếu là chim tôi sẽ là một loài câu trắng. Nếu là hoa...Sẽ là một đóa hướng dương. Là người, sẽ chết trên quê hương tôi!!" Suốt hai thập niên 70, 80, những người tuổi trẻ đấu tranh cho Hòa Bình, Tự Do, Hạnh Phúc, Công Bằng, Huynh Đệ kia...Những người đã cùng vỗ tay hòa nhịp với Trịnh công Sơn hát "...Từ Bắc vô Nam tay lại nắm tay..." Nổi vòng tay lớn mừng "bộ đội cách mạng giải phóng Sài Gòn", những người tay mang băng đỏ như Cung tích Biền, Nguyễn hữu Đống (Chủ tịch sinh viên Đại Học Kiến Trúc), Kim Cương đi lòng Ngụy, bắt "văn nghệ sĩ Sài Gòn phản động" trong buổi sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975...Tất cả những người này đều được chứng kiến, hoặc tự thân dự phần vào cuộc "vượt chết" bi tráng kỳ vĩ của Dân Tộc Việt. Hai triệu người xé thân trên đường vượt biên với giá máu sáu trăm ngàn người chết. Người Việt ra đi từ mũi Cà Mau đến biên giới sáu Tỉnh phía Bắc...Hai đứa bé tuổi vừa quá lên mười vượt biển với chiếc thuyền thúng, hướng về Hồng Kông. Bà ngoại ôm cháu chết nghệt trong chiếc ghe bị công an bắn chìm nơi Cầu Rạch Chiếc ngay trên Xa Lộ Biên Hòa.

Không tiếng lời nào của tuổi trẻ, của văn nghệ sĩ ở Sài Gòn, ở Việt Nam nói về Một của tổng số Sáu Trăm Ngàn lần chết đau thương này. Trịnh công Sơn thêm một lần nổi tiếng là người tài hoa lãng mạng với bài hát "Huyền Thoại Mẹ" có lời đạo đầu..."Mẹ ngồi dưới hầm sâu nghe từng đêm đạn nổ..." Anh ta cũng có Người Mẹ hóa điên vỗ tay hoan hô Hòa Bình chiều đi qua Bãi Dâu, nơi chôn sống người ở Huế sau Tết Mậu thân, 1968, khi người cộng sản rút quân đi.

NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN SỐNG.

NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN CHẾT.

NGƯỜI CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI MẸ.

CÓ NHIỀU MẸ LÀ MẸ NUÔI-ĐÓ LÀ CON HOANG.

Năm 1990, ông Dân Biểu một thời nổi tiếng đối lập chống độc tài Nguyễn Văn Thiệu: Lý quý Chung, Bộ Trưởng Thông Tin cuối cùng của chế độ Cộng Hòa miền Nam, khi trả lời với báo chí thiên tả Pháp, đã nói lên niềm hân hoan của người trí thức dưới chế độ xã hội chủ nghĩa "...Hôm nay có điều kiện để viết hơn bao giờ hết!!" Người này nói thật. Anh ta là người viết chuyện đá banh khéo nhất, cũng là chủ tiệm ăn đông khách nhất của Sài Gòn. Có một điều người này quên kể ra, Anh ta là thành phần thứ ba. Đã một lần thuộc lực lượng tranh đấu cho Hòa Bình và Hòa Giải Dân Tộc. Danh xưng đưa đến sự nghiệp vinh quang của hiện tại. Thành Phần Thứ Ba, đứa con hoang đẻ vội mà người cộng sản đã đạp xuống dưới đế dép lốp xe hơi một cách thậm tệ khinh miệt ngay trong buổi sáng ngày 30 tháng 4.1975.

Cái gọi là mặt trận giải phóng. Cái gọi là chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam cùng với Nguyễn hữu Thọ, Trịnh đình Thảo, Lâm văn Tết, Trần văn Trà, Nguyễn Hộ, Nguyễn thị Bình, Dương quỳnh Hoa...Tất cả đã cùng chung hố rác vô dụng và tầm phào, đừng nói gì cỡ Nguyễn Long, Tôn thất dương Ky, Huỳnh văn Trọng, Phạm thị thanh Vân (Vợ Ngô bá Thành). Riêng những kẻ ăn ké đồ thừa "cách mạng chống Mỹ cứu nước" loại Ngọc Lan, Chân Tín, Lý chánh Trung...Đám ruồi nhặng vây vo quanh tờ Đối Diện, báo Tia Sáng của nhóm Ngô công Đức...Được một năm ân huệ. Sau 1976, hai tờ báo nhận lệnh đóng cửa, những kẻ gọi là "trí thức cấp tiến yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội...", thứ chuyên viên xuống đường "đòi quyền

sống và cải thiện chế độ lao tù” ở đường phố Sài Gòn suốt thời gian của 1973-1974 được nhận chức đại biểu nhân dân hữu danh vô thực. Để rồi tất cả đồng bị ném đi như một loại căn bã tồi tệ phải loại trừ khẩn cấp. Nếu cần thiết cho vào trại cải tạo không ngại ngừng. Điều đơn giản tàn nhẫn này không lạ. Hãy xem gương Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường...Nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm có thiếu mặt ai trong chín năm kháng chiến chống Pháp ?! Chống Mỹ cứu nước, chống tham nhũng Nguyễn Văn Thiệu kiểu các Linh Mục cấp tiến Dòng Chúa Cứu Thế có là bao công trận mà đòi chuyện đền bù. Dòng Chúa Cứu Thế ở bãi biển Nha Trang biến thành phòng ngủ và chỗ giải trí. Trùng Phạt của Thiên Chúa hiện thực nơi năm tháng đang phải sống. Ngay hôm nay.

Cũng năm 1990 này, Huỳnh tấn Mầm bị hạ tầng công tác vì vợ đi buôn lậu, móc nối tham nhũng, hối lộ. Chức vụ có được cũng chẳng cao sang ghê gớm gì. Ngang với một chức Trưởng Ty.

CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI ĐỌC LẠI.

“...Chính phủ cách Mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ lần lượt đóng hết vai trò đoạn kỳ của nó. Và trận đấu cuối cùng vẫn là giữa chúng ta với những sư đoàn chính quy cộng sản Bắc Việt qua tám đêm ba mầu (lá cờ mặt trận giải phóng) thứ phé phẩm sẽ nhanh chóng bị vất bỏ khi trận chiến tàn cuộc”. Hai mươi hai năm trước người viết đã có lời cụ thể chính xác như thế và cũng khẩn thiết khẳng định: Chúng ta có thể Hòa Giải cùng người cộng sản Việt Nam được không ? Tôi trả lời dứt khoát: Không được!! Chúng tôi chống cộng bởi không thể là cộng sản, không thể chịu được tư tưởng “độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của họ”. Và nếu người cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật ngắn hạn nào đó, chần chẫn họ cũng không ngồi chung chiếu với “lãnh tụ” Dương văn Minh, Vũ văn Mẫu chứ đừng nói đến đám đào kép cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam. Trang 411-417, ấn bản 1974, Hiện Đại, Sài Gòn.

Ngày viết những lời trên, Người Lính Viết Văn vừa đúng ba mươi tuổi.

Hôm nay, nơi đất Mỹ, Phan Nhật Nam bị cáo buộc “Hô hào hòa hợp hòa giải với cộng sản” bởi những người không một ngày chiến trận, không một lần tù tội và chưa hề tiếp xúc với một cán bộ cộng sản nào, cho là thứ cộng sản hạng bét sau ngày 30 Tháng 4.1975.

**Mùa Hè Uất Hận nơi Đất Mỹ
Tháng 5.1995**

KHI VIẾT LẠI TỪ BÌNH-HÒA BÌNH VÀ NGHE HÁT CHIẾN CA MÙA HÈ 72

Có tiếng nói khế thâm người nghe được

Giòng lệ sâu nín nuốt giữa đêm khuya

Âm kêu thét rền núi sông gào ngất

Hòa Bình đâu...

Không hề đến bao giờ!!

1945.

Mẹ gánh con chạy loạn dãi trắng non

Buổi tháng Tám ứa bầm màu máu cặn

Giải trảm cát phá Tam Giang mờ sóng (1)

Bé khóc chìm thêm thiếp sợ cơn đau

1955.

Bãi Trà Lý đồng chiêm loang loáng nước (2)

Thủy triều chậm dồn lên ngầu lớp lớp

Lực Thánh Thần, nâng vai nặng thân con
Chớm bình minh suốt hoàng hôn sẫm bóng
Sức cùng kiệt - Cầu vồng tim Danh Chúa
Gió tháng chạp thịt da sâu nứt cửa
Dòng mồ hôi sống lạnh động đêm đông
Trời và Người chung nguyệt cảnh trầm luân
1965.

Đưa bé lớn lên cùng thống khổ
Phận người nung sôi vũng lửa
Bao nhiêu năm sống trong đời
Bấy dịp qua kỳ sinh-tử
Tôi đứng đây,
Thật không... Ở nơi đây ??
Giữa đường phố Sài Gòn đục cay lựu đạn
Cơn lãnh nhục lãnh lầy dơ tròng mắt
Chập chùng ném đá nhẩn tâm
Chiến trận ngày qua...
Máu dính gây tanh nón sắt
Quá tuần chưa bữa ăn no
1975.

Người bắt đầu chết khi qua Sông Ba (3)
Người hấp hối lúc tới Tuy Hòa (4)
Chết chum lườn tàu nơi chợ Hàn, cầu Đá (5)
Chết dậm trường mỗi cây số vỡ miền Nam
Những người chết chưa kịp biết Hòa Bình
Hiệp Định cột dừa ngữ ngôn đàng điểm
Người Việt chết tràn trường không tắm liệm
Toàn cầu khiếp nhược ngậm thính
1985.

Mười hai năm sau lần ngưng bắn
Miền Nam lãnh nhục lưu đày
Dài thập niên hậu khổ chiến chinh
Đất Việt ảm no, hạnh phúc, công bình khẩu hiệu
Dân Tộc cùng đánh phá thân phơi bão biển
Bé mười ba, hai mươi bận, cướp xé toang hăm hiếp
Mẹ lịm ngất, cha đâm nhầy vớt xuống biển
Bể Đông đồng dậy oan khiên
Bồng bênh xô lớp sóng dẫm thây người,
Mất chống ngược ngược về trời,
Máu bầm đóng khô khốc miệng...
Tiền nhân Nghiệp Ác vọng rền!!
1995.

Năm mươi năm...
Thật không năm mươi năm ??
Hồn cháy bỏng vết hằn tù nhân biệt xứ
Ngày đang hết chiều mờ bên quê cũ
Loáng đỏ như đất lạ tiếp chân mây
Ta ở đây...
Lơ đãng những riêng tây
Nhịp thở ghen

Gợn hơi men Thống Khổ
Chuối Oan Hận xuyên sâu tầng lịch sử
Người thiếp đau từng tắc dạ Quê Hương
Hòa Bình-Việt Nam
Mất hút cuối con đường...

Phan Nhật Nam

9 tháng 9.1995.

Sinh nhật 53 tuổi. Không còn chỗ, nơi xứ người.

www.vietnamvanhien.net